

Đặc San

BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

HỘI AI HỮU BÌNH ĐỊNH BẮC CALI - 2001



HỘI AI HỮU BÌNH ĐỊNH BẮC CALI



CUNG CHÚC TÂN XUÂN

HỘI ÁI HỮU BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

Kính chúc

Quý Đồng hương & Thân hữu

Quý thi văn hữu

Quý vị mạnh thường quân

Một năm mới Tân Ty 2001

An Khang - Thịnh Vượng

Đặc San Bình Định



ĐẶC SAN BÌNH ĐỊNH TÂN TỶ 2001



CHỦ TRƯỞNG:

HỘI ÁI HỮU BÌNH ĐỊNH BẮC CALI

NHÓM THỰC HIỆN:

- Trương Toại • Nguyễn Bá Thư
- Đào Đức Chương • Đặng Vĩnh Mai • Đặng Đức Bích



VỚI SỰ CỘNG TÁC:

Trương Toại - Lê Chu - Nguyễn Thế Giác - Đào Đức Chương - Nguyễn Bá Thư - Người Họ Bùi - Phạm Từ Sơn - Luật Sư John L. Phong - Biển Thước - Việt Thao - Hoàng Thế Diệm - Trần Minh Triết - Đặng Vĩnh Mai - Bác Sĩ Nguyễn Trác Hiếu - Nguyễn Công Lượng - Đặng Đức Bích - Thư Trang - Nguyễn Mạnh Dạn - Võ Ngọc Uyển - Mai Xuân Lực - Phạm Xuân Huy - Nguyễn Hùng - Mang Đức Long - Phù Ly - Tâm Triều - Đoàn Dũng - Tú Đức - Xuân Diễm - Lê Minh Đạo - Ngô Đình Phùng - Lê Thị Bạch Liên - Trương Thị Hồng Ân - Lê Phương Nguyên - Nguyễn Kim Ba - Huỳnh Thị Kim Oanh - Nguyễn Bường - Betty Gaw - Trương Gia Trinh, M.D. - Trương Gia Ban, Ph.D - Bichly - Arina - Amanda Trương Uyehara

HỘI ÁI HỮU BÌNH ĐỊNH BẮC CALI

CỐ VẤN

Hòa Thượng Thích Giác Lương

Ông Nguyễn Bích

Giáo Sư Đinh Thành Bài

Ông Nguyễn Tường Chi

Ông Phạm Hữu Độ

Ông Trương Toại

Ông Dương Quang Vinh

Ông Nguyễn Bá Thư

Ông Huỳnh Văn Ngọc

Ông Phan Quang Nghiệp

Ông Trần Trọng Khiêm

BAN CHẤP HÀNH

Chủ Tịch:

B.S. Cai Văn Dung

Phó Chủ Tịch Nội Vụ:

Đặng Đức Bích

Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ:

Tony Đinh

Phó Chủ tịch Đ.T.V.H.X.H.:

Đặng Vĩnh Mai

Phó Chủ Tịch Đ.T. Kế Hoạch:

Võ Bá Trác

Tổng Thư Ký kiêm Thủ Quỹ:

Trần Văn Ngô

Trưởng Ban Văn Nghệ:

Lê Từ Như Lâm

Trưởng Ban Báo Chí:

Bùi Tú

Trưởng Ban Xã Hội:

Lê Thị Bạch Liên

Trưởng Ban Thanh Thiếu Niên:

Phạm Trước

Thư ngỏ

Một phần tư thế kỷ trước đã đi qua. Năm mới sắp đến. Một phần tư thế kỷ nữa lại bắt đầu. Người Việt tha phương khắp nơi trên thế giới nói chung và những người Việt tha phương miền Bắc Cali Bình Định nói riêng không khỏi xót xa ngậm ngùi khi nhớ về cố quốc.

Những hình ảnh núi sông, đồng quê, phố phường, đền đài, thành quách, miếu xưa tháp cổ cùng những trang sử oai hùng của các bậc tiền nhân đã có công giữ nước, dựng nước Việt Nam nói chung và quê hương Bình Định nói riêng lại hiện về trong ký ức của mỗi chúng ta.

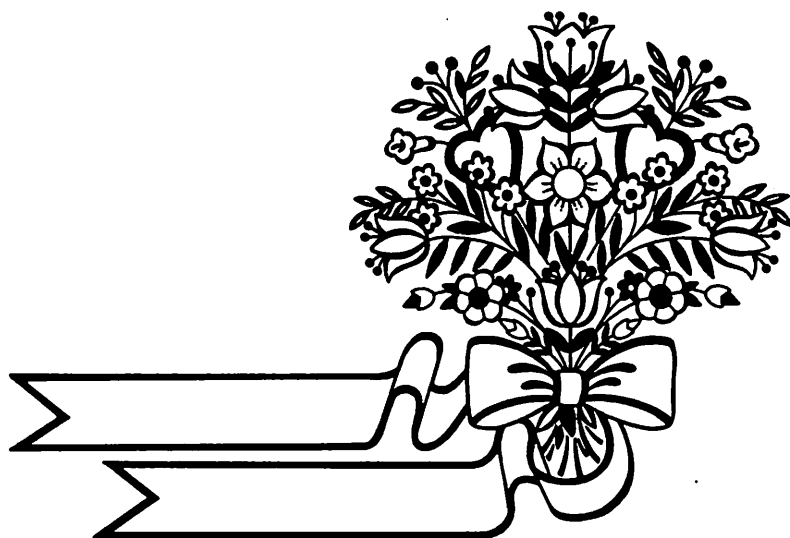
Để tưởng nhớ những công ơn đó. Nhóm thực hiện chúng tôi lần đầu mạnh dạn ra mắt tập Đặc San Bình Định Bắc Cali không ngoài mục đích cất lên tiếng chim gọi đàn, làm sống lại nét đặc thù của miền đất "Địa linh nhân kiệt" này. Nối kết thêm nhiều bạn bè, thân hữu với đồng hương Bình Định để tương thân tương trợ lẫn nhau nơi xứ lạ quê người. Đặt nền móng, tạo điều kiện cho các thế hệ trẻ quay về với cội nguồn yêu mến quê hương.

Mặc dù Nhóm thực hiện cùng Ban Chấp Hành Hội Ái Hữu Bình Định Bắc Cali đã nhiều lần họp mặt bàn bạc, đặt kế hoạch tiến hành nhưng chắc không tránh khỏi những thiếu sót khi hoàn tất Đặc San số đầu tiên. Vì thế chúng tôi ước mong sự đóng góp phê bình xây dựng của quý vị đồng hương, các giáo sư, nhà văn, nhà báo lão thành để cho những số Đặc San Bình Định kế tiếp ngày thêm phong phú và hoàn chỉnh.

Chúng tôi chân thành cảm kích quý vị đồng hương, văn hữu, bằng hữu, thi nhạc sĩ, họa sĩ khắp nơi đã hưởng ứng lời kêu gọi gửi bài về đóng góp, quý vị Mạnh Thường Quân đã yểm trợ tài chánh để hoàn thành Đặc San này.

Nhân dịp Xuân Tân Tị năm 2001 về, toàn thể nhóm thực hiện chúng tôi xin gửi đến quý vị đồng hương và thân hữu lời cầu chúc An Khang Thịnh Vượng.

Nhóm thực hiện
ĐẶC SAN BÌNH ĐỊNH BẮC CALI



PHÁP DUYÊN TỈNH XÃ
PHÁP DUYÊN BUDDHIST MONASTERY
SARAJEVO, CHERCHER, BOSNIA AND HERZEGOVINA
TEL: (381) 061 12 8820 (USA)
TEL: (381) 061 12 8820 (BOSNIA)

Pháp Duyên Tỉnh Xã



Ngày Hội Đông Phương
Tháng Năm Tân Bính 2001

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã dạy rằng
đạo đức là gốc rễ của đời sống
và hạnh phúc của nhân loại
Do đó chúng ta cần phải
đạo đức và sống đời sống
đạo đức để đạt được
hạnh phúc và an lạc
cho bản thân và gia đình
và xã hội.



Loa Bài Lĩnh đông hương
Thân gọi quê người chạnh cố hương,
Tiêu trung giữ trọn đạo can thường.
Kính già yêu trẻ tỏa tâm giới,
Vận nước cơ trời gọi tiết thường!
Người xưa gặp tại tỉnh quê Kiêng,
Xúc lạ còn đây nghĩa tổ tông.
Dân Việt trời nam chung lý tưởng,
Dựng xây đất mẹ năng tỉnh vương

Thư trang

ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI BÌNH ĐỊNH

NGUYỄN BÁ THƯ

LTS: Bài nói chuyện của Anh Nguyễn Bá Thư trong ngày Đại Hội ra mắt BCH Hội Ái Hữu Bình Định Bắc Cali nhiệm kỳ 2000-2002 tại nhà hàng Phú Lâm thành phố San Jose, California.

Kính thưa quý vị lãnh đạo tinh thần.

Kính thưa quý vị quan khách và thân hữu.

Kính thưa quý vị thân hào nhân sĩ.

Kính thưa BCH/Hội Ái Hữu Bình Định Bắc Cali quý bạn Đồng hương cùng các cháu Thanh thiếu niên - Sinh viên học sinh thân mến!

Hôm nay trong buổi dạ tiệc đầu xuân Canh Thìn năm 2000 của Hội Ái Hữu Bình Định Bắc Cali mở đầu cho thiên niên Kỷ mới, cũng là ngày lễ ra mắt BCH/Hội Ái Hữu Bình Định Bắc Cali nhiệm kỳ 2000-2002. Chúng ta tụ tập về đây tay bắt mặt mừng trong tình đồng hương Bình Định. Hai tiếng Bình Định; cái địa danh thân thương đó như nhắc ta nhớ đến quê nhà, nhớ về một khung trời kỷ niệm; Nơi mồ mả ông cha ta đã nằm đó tựa bao đời. Nơi chôn nhau cắt rún của ta, của thời thơ ấu và lớn lên. Có thời chúng ta đã sống ở đó, đã học hành, đã làm việc, đã yêu thương, đã lập gia đình, đã sinh con, đẻ cháu. Trong

mỗi chúng ta những thế hệ đi trước chúng ta có nhiều người đã đổ mồ hôi, nước mắt, thậm chí cả máu xương của ông cha ta, bè bạn ta trong bao cuộc thăng trầm, hưng phế của quê hương Bình Định. Mặc dù ngày hôm nay chúng ta đang sống trên mảnh đất tạm dung này có đầy đủ những tiện nghi của nền văn minh vật chất, đầy đủ điều kiện để phát triển, để vươn lên, nhưng chúng ta không sao quên được cái vùng đất "Địa linh nhân kiệt" này:

Mảng vui Hương Thủy Ngự bình,
Ai vô Bình Định với mình thì vô.
Chẳng lịch bằng đất Kinh đô,
Nhưng Bình Định không đồng khô cỏ cháy.
Ba dòng sông chảy, ba dãy non cao.
Biển Đông sóng vỗ dạt dào,
Tháp xưa làm bút ghi tiếng Anh hào vào mây.

Những câu ca dao trên đã phác họa lên một dải đất trù phú của miền Trung nước Việt. Bình Định cách Kinh thành Huế chừng 400 cây số về phía Đông Nam, có ba mặt núi non hiểm trở. Phía Bắc có dãy Thạch Tấn - Một nhánh núi Ngang của dãy Trường Sơn đâm ra tận biển ngăn cách hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định chỉ còn thông nhau qua đèo Bình Đê. Phía Nam có dãy Nam Sơn còn gọi là núi Bình Sơn có các Hòn Ông, Hòn Bà, An Tượng chồng chất trải dài ra Biển Đông. Phía Tây từ Đồng Phó lên quận An Túc phải qua Đèo An Khê; Nhiều đoạn ngoằn ngoèo vách núi dựng đứng hiểm trở. Muốn lên Gia Lai Kontum phải vượt sông Ba rồi qua Đèo Măng Giang địa đầu của Bình Định thời Việt Nam Cộng Hòa Phía Đông Bình Định nhìn ra Biển Nam Hải, với các hải đảo có người ở như Nhơn Lý, Nhơn Châu, Bãi Xếp, hoặc không có người như Hòn Cân, Hòn Cỏ, Hòn Xẹo. Bờ biển Bình Định lồi lõm trải dài từ Bắc vào Nam gần 100km có cái cửa Thiên Chánh, Hà Ra,

Phú Thứ, Đề Di, cách Thủ, Thị Nại. Đáng kể nhất là cửa Thị Nại còn gọi là Cửa Qui Nhơn. Nơi đây đã xảy ra trận Hải Chiến ác liệt có bộ binh yểm trợ giữa quân Nguyễn Vương và anh em nhà Tây Sơn vào đêm rằm rạng ngày 16 tháng giêng âm lịch năm 1801, cả hai bên tổn thất hơn 10 ngàn binh sĩ. Chưởng Thủy quân của Chúa Nguyễn là Võ Duy Ngụy tử thương. Cửa Qui Nhơn là một địa thế tốt hai đầu cánh cung là núi Phương Mai phía Đông Bắc và núi Gành Ráng phía Tây Nam làm thành vịnh che, hải cảng sâu. Hằng năm tàu bè quân sự, dân sự ra vào tấp nập, khiến cho thành phố Cảng Qui Nhơn là tuyến đầu của quốc lộ 19 con đường chiến lược tiếp vận cho toàn miền Cao Nguyên Trung phần.

Về sông ngòi Bình Định có hai con sông lớn ở hai đầu Nam Bắc. Phía Bắc là sông Lại Giang còn gọi là Lại Dương theo Đại Nam Thống Nhất Chí. phát nguồn từ phía Nam Phủ Hoài Nhơn. Sông Sâu nước trong, từ hai nguồn Kim Sơn và An Lão ngoan hiền chảy qua các cánh đồng xanh và những làng quê như Hà Đông, Hà Tây, Phú Thuận, Phụng Du, An Thường ... Hai nhánh sông trên đã nhập lại thành một con sông Cái tại làng Phú Văn xã An Thạch để rồi đổ ra biển sau khi băng qua thị trấn Bồng Sơn thơ mộng. Tương truyền rằng Sông Lại Giang trước kia có nhiều rái cá bơi lội kiếm ăn quanh năm. Con vật mà người xưa cho là linh thiêng vì khi bắt được mỗi cá mang lên bờ đặt trước mặt vái lạy để tỏ lòng biết ơn trời đất rồi mới chịu ăn, cho nên người xưa gọi Rái cá là Tế vật thú có sách gọi "Lại Tế Ngư" vì đặt tính đó nên sông này có tên là Lại Giang . Dòng sông Lại cũng là một trục giao thông thủy lộ quan trọng giữa các quận phía Bắc Bình Định mà thị trấn Bồng Sơn là trung tâm. Trong thời bình ngày nào

cũng có thuyền bè chuyên chở thực phẩm hàng hóa lên xuống ngược xuôi nhộn nhịp.

Ai về nhấn với nậu nguồn,

Mãng le gởi xuống, cá chuồn gởi lên.

Ngoài lai lịch và phát nguồn địa thế trọng yếu về kinh tế, Sông Lại Giang còn tô điểm cho quê hương Bình Định một vẻ đẹp hài hòa bởi những bờ xe nước nằm dọc hai bên sông. Những bờ xe bốn bánh tự động nhịp nhàng quay thường trực 24/24 bởi sức nước và trục quay đã đưa một lượng nước khá lớn lên cao đủ tưới đều cho các cánh đồng hàng trăm mẫu tây, từ đồng cao đến ruộng gò mà vật liệu thiết kế chỉ toàn bằng tre nứa, gỗ củi, lau sậy, tuyệt nhiên không dùng nhiên liệu mà cũng không có người điều khiển. Vào thập niên 30 một phái đoàn Nhân Chứng Học và Học Giả Châu Âu sang thăm nước ta, khi đến quan sát Bờ Xe nước trên sông Lại đã khen ngợi và thán phục công trình sáng tạo của tiên nhân ta thuở trước. Phía Nam có Sông Côn Thượng nguồn phát nguyên từ Kontum băng qua một vùng rừng núi huyện Hoài Ân, Vĩnh Thạnh rồi chảy qua địa đầu Phú Phong huyện Bình Khê tiếp nhận hai nhánh từ Tây Nam chảy xuống Đông Bắc (Sông Đá Hàn) gọi là Tả Trạch nhánh kia từ Tây Bắc chảy xuống Đông Nam gọi là Hữu Trạch. Từ Phú Phong xuống An Thái sông Sâu rộng uốn khúc. Về mùa lũ nước chảy xiết xoi mòn đẽo hăng hà sa sỏi tảng đá dưới chân dãy Trường Sơn tạo thành những phong cảnh đẹp danh tiếng như thắng cảnh Hàm Hồ. Hàm Hồ cách Linh Đồng chừng bốn cây số với một thác nước cao vòi vọi vách đá dựng đứng bốn bên, cá bay từng đàn ... Lưu lượng Sông Côn cũng đủ tưới đều cho các cánh đồng Nam Hoài Ân, Vĩnh Thạnh, Bình Khê, An Nhơn, Tuy Phước. Gần đây dọc thượng nguồn Sông Côn nhất là hai huyện Vĩnh Thạnh và Bình Khê (Tây Sơn) người dân làng

và dân các vùng lân cận hàng hàng, lớp lớp đã đến đào đất, đãi cát lấy vàng, một nghề mới tự phát đã nuôi sống cho cả ngàn cư dân trong vùng. Ngoài hai con sông chính của tỉnh các sông nhỏ đáng kể có Sông Ba, Sông Đập Đá, Sông La Tinh, Phù Ly, Sông Tam Quan. Lượng nước tuy nhỏ nhưng cũng đủ tưới đều cho các cánh đồng bát ngát khắp tỉnh. Bình Định là một vựa lúa trù mật không những đã nuôi sống cho người dân trong tỉnh mà còn xuất khẩu sang các tỉnh khác và ra nước ngoài. Các sông ở Bình Định dù lớn hay nhỏ ngoài việc chủ yếu là đem nước tưới cho đồng ruộng, đem phù sa cho đồng lúa thêm màu mỡ. Sông Bình Định còn là nguồn cung cấp cho dân địa phương một lượng cá nước ngọt đáng kể dùng làm thực phẩm đậm đà quen thuộc hằng ngày cho người dân quê.

Muốn tìm hiểu về quê hương Bình Định thiết tưởng chúng ta cũng nên trở về xuất xứ cái miền đất "Địa linh nhân kiệt" này. Năm Canh Thìn (1470) Hồng Đức Nguyên Niên. Vua Chiêm là Trà Toàn đem quân đánh phá đất Hóa Châu, sai người sang Tàu cầu viện nhà Minh. Vua Lê Thánh Tông tự cầm binh đem 20 vạn quân đánh Chiêm Thành phá được, Kinh đô Chiêm quốc là thành Đồ Bàn (tức là Vijaya) và biên giới Đại Việt mở rộng đến Thạch Bi Sơn - Núi Đá Bia. Từ đó miền này được sát nhập vào đạo Quảng Nam đặt tên là Phủ Hoài Nhơn gồm 3 huyện Bồng Sơn, Phù Ly và Tuy Viễn. Người Việt lúc đó vào đây lập nghiệp hầy còn thưa thớt. Phải trải qua nhiều đợt di dân qua nhiều triều đại đến khai phá nhất là các đời Chúa Nguyễn đang trong ... Mãi đến năm Kỷ Mùi (1799) thế lực Tây Sơn suy yếu dần khiến Nguyễn Vương có cơ hội đánh chiếm Qui Nhơn đổi tên đất là Bình Định. Hai tiếng Bình Định có từ đó và tồn tại đến ngày nay.

Du khách từ phương xa vào Việt Nam, khi đến miền Trung qua khỏi đèo Bình Đê, dọc theo quốc lộ 1 tiến dần vào Nam, khởi đầu là quận Hoài Nhơn bên tay phải là quận Hoài Ân nhiều núi đồi trùng điệp, đến Phù Mỹ, Phù Cát rồi An Nhơn, Tuy Phước có những cánh đồng lúa bát ngát, chen lẫn sông nòi, núi đồi gò trũng. Rải rác đó đây những ngọn tháp Chăm còn sót lại vươn lên như ngọn bút bao quanh thành BD. Phù Cát có tháp Phú Lộc. An Nhơn có tháp Nhạn và tháp Cánh Tiên. Tuy Phước có chùm tháp Bánh Ít nằm trên đồi núi đất đỏ cạnh cầu Bà Gi, 4 mặt quang đấng, có xóm làng; Đồng lúa bao quanh. Phong cảnh vừa hùng vĩ vừa thơ mộng. Nơi đây có Tu viện Nguyên - Thiệu với Phật đài Lộ thiên uy nghi trên đỉnh đồi. Cảnh vật kỳ thú và yên tĩnh. Đây là tháp đẹp nhất của tỉnh Bình Định. Thời chiến tranh ác liệt trước năm 1975 nơi đây là Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 22 BB. Bình Khê có tháp Thù Thiệu, Dương Long. Quy Nhơn có tháp đôi cánh trung tâm TP/QN chừng 2 km. Cứ theo Quốc lộ 1 đến ngã 3 Cầu Bà Gi bắt gặp Quốc lộ 19 chạy từ TP/QN lên huyện Bình Khê. Muốn lên quận An Túc du khách phải qua đèo An Khê, nếu tiếp tục lên Pleiku là các tỉnh cao nguyên phải vượt đèo Mang Giang.

* Với địa hình phức tạp núi sông - biển cả - đường bộ uy nghi nên các nhà phong thổ học đã nhìn cuộc đất Bình Định như 1 ngai vàng khổng lồ bao bọc 1 diện tích 9.422 km² với dân số 844.684 người (gồm cả Kinh và Thượng) quần cư trong 8 huyện và một thành phố Quy Nhơn. Các huyện tổng cộng được 169 xã 1090 ấp thống kê năm 1970 (thời VNCH) các cơ quan hành chánh, ty, sở chuyên môn đều nằm trong TP/QN đến nay đã hơn 30 năm con số thống kê chắc có nhiều thay đổi.

* Nói đến tài nguyên Bình Định các nhà khảo cứu Sử Địa thường gọi nơi đây là một giải đất trù phú của miền Trung, vì cách đây nửa thế kỷ trong giới dân gian Bình Định vẫn thường nghe bài hát ca dao:

Nón ngựa gò găng
Tơ lụa Phú Phong
Bún Song Thần An Thái
Đậu ngự Nhơn ngãi
Dừa trái Tam quan
Xoài tượng Hưng Long
Mặc ai mơ ước hồng
Tình quê em giữ vững một lòng trước sau.

Bài tình ca ấy đã biểu lộ một tấm lòng thủy chung của người con gái Bình Định có một quê hương đầy đủ, đậm đà, đậm ấm tình người. Người con gái mộc mạc chân tình đó không mơ ước cao xa viễn vông.

Trong thời Pháp thuộc ở Phú Phong Bình Định có xưởng dệt Delignon. Với hàng trăm máy dệt chạy rầm rì suốt ngày đêm sản xuất tơ lụa mỗi tiếng, cung cấp cho giới trung lưu tỉnh nhà, xuất khẩu vào Nam và ra đến tận Huế, giải quyết công ăn việc làm cho ngót ngàn công nhân từ 1945 trở về trước. Ở thị trấn Gò Găng Bình Định với bàn tay mỹ nghệ khéo léo, cần cù; Người dân ở đây hàng năm đã sản xuất hàng ngàn chiếc nón ngựa, cung cấp từ Nam ra Bắc một loại nón sang, đắt giá có màu sắc, chạm trổ hoa văn khéo léo và tinh vi chỉ dùng cho giới thượng lưu trong xã hội trước năm 1975. Còn làng An Thái là nơi sản xuất bún Song Thần nổi tiếng cả nước, đó là một loại bún gia truyền đặc biệt nấu ăn rất ngon, nước trong v.v... Ở thị xã Tam Quan với những bãi dừa ngút ngàn:

Công dài công uống công thừa,

Hơi đầu gánh nước tưới dứa Tam Quan

Dứa trái thường dùng ăn tươi, uống nước, nấu dầm, làm kẹo, xơ đánh dây, lá lợp nhà, cây làm cột. Kỹ thuật nấu dầm dứa ở Tam Quan đã đem lại cho dân địa phương một nguồn thu nhập đáng kể. Nhiều nương rẫy trong các huyện Hoài Ân, Hoài Nhơn, Phù Cát, Bình Khê An Túc là nơi sản xuất nhiều hoa màu phụ. Mì, lan, bắp, sắn, mía v.v... Cũng làm đỡ lòng người dân trong tỉnh khi bị thiên tai, hạn hán, lụt lội ... Bình Định là vựa lúa của miền Trung, hậu cần của Liên Khu 5 thời kháng chiến chống Pháp. Hơn 100 km bờ biển chạy dài từ Tam Quan đến Cửa Nại đã cung cấp cho Bình Định một nguồn hải sản vô cùng to lớn. Cá đủ loại: Cá ăn tươi. Cá phơi khô, cá làm nước mắm. Tôm, cua, mực, bào ngư, hải sâm, ngư phủ Bình Định đánh bắt rất nhiều. Giữa Qui Nhơn và Nhơn Lý còn có hòn Yến hàng năm đã cung cấp cho người khai thác ở đây một số lượng yến sào khá dẽ để dùng, để xuất khẩu đi các tỉnh miền Nam, đem lại cho người dân một nguồn lợi đáng kể. Núi non Bình Định cũng là nguồn tài nguyên cung cấp nhiều gỗ quý, mật ong, ngà voi, hổ cốt, trầm hương, kỳ quế và nhiều dược phẩm quý giá.

** Về Địa lý nhân văn: Thế đất Bình Định như một ngai vàng nên anh hùng hào kiệt nhiều lắm thời nào cũng có, nhưng đỉnh vinh quang chói lọi nhất trong lịch chống ngoại xâm của nước ta phải kể đến Đại Đế Quang Trung. Một kỳ tướng Nguyễn Huệ sinh quán và dấy binh ở BÐ Người anh hùng áo vải đã bách chiến, bách thắng, danh bất hư truyền, đã làm cho cả thế giới lúc bấy giờ vô cùng ngưỡng mộ, thán phục với cuộc hành quân thần tốc của Ngài đã phá tan 20 vạn quân Thanh. Tông tích và gia thế nhà Tây Sơn nhiều sử gia trong nước và thế giới đã viết quá nhiều, ở đây chúng tôi chỉ đề cập đến cuộc hành quân*

thần tốc vô tiền khoáng hậu được tóm lược trong một đoạn văn miêu tả: "Năm đạo quân Khoan Khoái ra đi, pháo lệnh xuất binh nổ vang giữa đêm trừ tịch cây cỏ bên đường lặng tiếng cuộc du xuân oanh liệt ... Trên núi đổ xuống, dưới biển thốc lên, tất cả đồng bằng tràn tới. Phú Xuân, Hà Hồi, Ngọc Hồi. Rồi đây Hà Nội những tấm ván bắt lên thành, và muôn nghìn lưỡi dao chém phập xuống. Giặc tan hoang đổ xô ra chạy. Cầu sông cái gãy, Máu xâm lãng đổ úa mặt nước Sông Hồng. Gò Đống Đa cao chất thây địch ..."

Gắn liền với sự nghiệp mất còn của nhà Tây Sơn. Người dân Bình Định không khỏi xót xa nghẹn ngào, dâng lên bao niềm cảm kích mến thương khi nhắc đến tên vợ chồng danh tướng Bùi Thị Xuân và Trần Quang Diệu cùng sinh quán và xuất thân nơi quê hương Bình Định. Trong giới hạn của bài nói chuyện chúng tôi không thể đề cập đến thân thế và sự nghiệp của hai người. Chúng tôi chỉ muốn nêu lên tấm gương trung can, khí tiết của nhị vị danh tướng qua cuộc đối thoại với Nguyễn Ánh. Trước khi điệu ra pháp trường để thọ hình, vua Gia Long tỏ ý muốn dụ hàng, nhưng tướng Trần Quang Diệu khẳng khái trả lời: "Nhà vua thắng là ở trời, chứ không phải ở tài mình. tôi nay thất thế Ngài muốn làm gì thì làm. Một người tôi trung không bao giờ thờ hai chúa" ... Nguyễn Ánh quay sang hỏi Bùi Thị Xuân: "Ta với Nguyễn Huệ ai hơn? Bùi Thị Xuân ung dung đáp: "Nói về tài ba thì Tiên đế ta Bách chiến bách thắng quân Đại Thanh cũng phải khiếp sợ, hai bàn tay trắng dựng nên cơ đồ, còn nhà ngươi bị đánh phải trốn chui, trốn nhủi, phải cầu viện ngoại bang, chỗ hơn kém nhau đã rõ ràng như ao trời với vũng nước. Còn nói về nhân nghĩa. Tiên đế ta lấy nhân nghĩa mà đối xử với kẻ trung thành, thất thế như đã đối xử với tôi của ngươi là

Nguyễn Huỳnh Đức, còn nhà người dùng tâm địa của kẻ tiểu nhân mà đối xử với việc trung nghĩa. Ái tích tôi trung của người, tức là khuyến khích tôi trung của mình vậy. Chỗ hơn kém nhau đã rõ như ban ngày với đêm tối. Nếu tiên Đế ta không thừa vong sớm thì nhà Người để gì trở lại đất nước này." Nguyễn Ánh hỏi gần: "Nhà Người có tài sao không giữ ngai vàng cho Cảnh Thịnh?". "Nếu có một nữ nhi nữa như ta thì cửa Nhật Lệ ắt không để lạnh, mà nhà người cũng khó lòng đặt chân lên đất Bắc hà." Ngày mồng 6/11 năm Nhâm Tuất 1802 vợ chồng Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân bị diệu ra pháp trường để thọ hình cùng cô con gái là Xuân Bích.

Trường Giang cuồng cuộn chảy xuôi,
Mang theo bọt nước cuốn trôi anh hùng.
Chuyện đời thành bại hóa không,
Nghìn năm núi biển trời hồng tịch liêu...

Cổ nhân xưa cũng thường nhắn nhủ: "Đừng đem thành bại mà luận anh hùng".

Hơn 80 mươi năm sau, cũng nơi này Phong trào Cần Vương nổi dậy. Để hòa đồng với cả nước Người Chiến sĩ cách mạng cử nhân Mai Xuân Thưởng, sinh quán thôn Phú Lạc xã Bình Thành đất Tây Sơn BÐ đã khởi xướng và lãnh đạo phong trào cùng với hai vị cử nhân Nguyễn Trọng Trì và Võ Phong Mậu đều người Bình Định đã lập được các chiến khu Lộc Đổng, Linh Đổng, Hương Sơn - Lực lượng KC khá hùng hậu đã gây tổn thất nặng nề cho quân Pháp. Dù cuộc khởi nghĩa chỉ tồn tại được hai năm (1885-1887) nhưng lòng thương cảm của người dân nơi đây như còn sống mãi:

Ngó vô Linh Đổng mây mờ,
Nhớ Mai Nguyên soái dựng cờ đánh Tây.
Sông Côn khi cạn, khi đầy,

Khí thiêng đất nước nơi này còn ghi.

Người Anh hùng Mai Xuân Thuởng, vị tân khoa năm Ất Dậu 1885 đã không chọn con đường hoạn lộ mà chọn con đường cứu nước cứu dân ... Người đã để lại bài thơ đầy hùng khí:

*Không tính làm chi cuộc mất còn,
Nợ trai trả đặng ấy là khôn.
Gió đưa hồn nghĩa gươm ba thước,
Đá tạc lòng trung núi mấy hòn.
Tái ngắt mặt gian xương tợ giá,
Đỏ loài bia sách máu là son.
Rồi đây ngọc luật đưa xuân lại,
Một gốc Mai già nảy rậm non.*

Phía Bắc Bình Định có Tăng Bạt Hổ lãnh đạo phong trào lập căn cứ ở Kim Sơn - Núi Dinh hoạt động ở 2 huyện Hòa Ân, Hoài Nhơn đến năm 1887 nghĩa quân tan rã ông phải trốn sang Xiêm sang Lào rồi sang Nhật ... Người sau cảm cảnh tiếc thương đã để lại mấy vần thơ:

*Mây chiều quất quít núi Hòn Dinh,
Nhớ Tăng Tổng Trấn hết tình cứu dân.
Non sông chưa sạch bụi trần,
Nắng mưa bao quản tấm thân quê Người ...*

Đến phong trào Duy Tân kháng thuế ở miền Trung năm 1908 - Bình Định có tiến sĩ Hồ Sĩ Tạo Người thôn Hòa Cư phủ An Nhơn đã lãnh đạo phong trào, bị bắt bị xử tử hình sau giảm xuống còn khổ sai chung thân cùng với giải nguyên Lê Chuân.

Ngoài những vị anh hùng xuất thế tên tuổi có tài điều binh khiển tướng như ba anh em nhà Tây Sơn, vợ chồng Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân, Võ Tánh, Ngô Tùng Châu. Mai Công, Tăng Bạt Hổ v.v... ta cũng không quên nhắc đến những tay hào kiệt một thời đã gây sóng gió trên

đất Bình Định, đã để lại trong lòng người dân một niềm cảm mến qua những câu ca da truyền khẩu:

Chiều chiều ai liệng trướng mây,

Cảm thương Chúa Lía bị vây trong thành.

Chú Lía có tên thật là Võ Văn Đoàn quê nội ở Phù Mỹ, cha mất sớm Lía theo mẹ về quê ngoại ở xã Bình Thành huyện Tây Sơn. Nhà nghèo nhưng rất có hiếu với mẹ. Thuở nhỏ chần trâu trên các sườn đồi gò trãng, nhờ học lóm các bài quyền của các võ sư thường đem môn sinh đến mé núi để dạy võ. Nhờ có sức mạnh và năng khiếu chẳng bao lâu Lía đã trở thành thủ lĩnh của 1 sơn trại. Lía thường ra lệnh cho các thủ hạ cướp của nhà giàu bọn tham quan ô lại đem chia cho dân nghèo. Tôn chỉ của Lía giống như dạng Anh hùng "Lương sơn Bạc"

Lía ta nổi tiếng anh hào

Sơn hà một góc thiếu nào người hay

Kẻ nào tàn ác lâu nay

Lía sai cướp của đoạt này chẳng dung ...

Còn Dư Đành cũng là một hảo hán ở làng Kiên Ngãi xã Bình Thành Tây Sơn (xuất hiện khoảng năm 1920) cũng là một dư đảng cướp nổi tiếng đã một thời làm nao núng các nhà chức trách trong tỉnh:

Dư Thành sức mạnh quá trâu

Vùng lên đánh ngã cả râu triều đình.

Mỗi làng, mỗi xã, mỗi địa danh Bình Định là một lò luyện võ khác nhau.

Roi thuận truyền, quyền An Thái.

hoặc *Trai An Thái gái An Vinh.*

Chuyện làng Võ Bình Định còn dài kể sao cho xiết. Ở đây chúng tôi chỉ muốn đề cập đến một sự kiện lịch sử của nền võ học Bình Định đáng lưu ý nhất.

Vào khoảng năm 1934, một võ đài thi đấu được dựng lên tại Hà Nội. Người thủ đài là một võ sĩ Pháp nặng tới 220 cân vừa chiến thắng ở Miên, Lào, nếu kỳ này thắng ở VN nữa thì anh ta sẽ lãnh giải "vô địch Đông Dương". Trong cuộc thi đấu có sự chứng kiến của Toàn Quyền Đông Dương Decoux và viên thống sứ Bắc Kỳ. Bên Nam triều có Tổng đốc, Bố Chánh, Án Sát và các quan thuộc hạ tham chứng. Giới võ lâm Bắc hà xôn xao khi nhìn lên chiếc quan tài sơn màu đỏ, bóng loáng được đặt cạnh khán đài, cùng một gói kim ngân hiện hữu, tượng trưng cho sự cam kết quyết liệt giữa kẻ thắng người bại. Ba hồi trống lệnh xé tan bầu không khí căng thẳng báo hiệu cho cuộc thi đấu bắt đầu. Trên võ đài viên trọng tài tuyên bố thể lệ thi đấu và giới thiệu lý lịch, thành tích người thủ đài hôm nay. Dưới khán đài mọi người đều đổ dồn về phía một nông dân VN trạc tuổi 45, vóc người tầm thước, chắc chắn, cùng cô con gái chừng 20. Ông ta nhất quyết đòi lên phá đài. Các võ sĩ Bắc Hà đều lộ vẻ ngăn cản: nhưng với vẻ mặt cương quyết Anh ta đã vọt đánh đông bao quanh, len mình phóng gọn lên võ đài trình diện ký tên thi đấu trước sự ái ngại lo âu của hàng ngàn cặp mắt ...

Trống trận vừa dứt, hai đấu thủ đã vờn nhau thăm dò từng chiếu thức, rồi xáp lá cà tung những đòn quyết tử. Một cảm giác lo sợ xoáy vào tim mọi người, khi đã qua ba hiệp quần thảo cân bằng và ngoạn mục hai bên vẫn bất phân thắng bại ... Hiệp tư lại bắt đầu tiếp tục ... Người con gái liễu yếu da dẻ hồng hào kia (là con của võ sĩ VN) đang đứng dưới khán đài mắt vẫn chăm chăm theo sát cuộc chiến để mách nước cho cha nàng. Bỗng mắt nàng sáng quắc một cách lạ thường phóng về phía địch thủ của cha nàng hét to: "Cha dùng song phi thân cước Tây sơn !" Nhanh như cắt, một cú đá song phi như trời giáng tạt

ngang vào lương đình, lương mục về phía võ sĩ Pháp "Vô địch Đông Dương" Anh ta bật ngửa như một cây thối đổ xuống sàn đài bất động. Tiếng vỗ tay vang dội một hồi trời im bất! Nhờ trí thông minh đúng lúc, đã phát hiện chỗ sơ hở của võ sĩ Pháp, người con gái Bình Định nhỏ bé kia đã giúp cha nàng kết thúc trận đấu một cách vẻ vang:

Ai về Bình Định mà coi,

Con gái Bình Định cầm roi đi quyền.

Lòng tự ái của một dân tộc đang bị trị như được thỏa mãn qua đêm võ đài tại Hà Nội năm 1934, vang động 36 phố phường, đến tận Pháp quốc ... Những đứa con đất Tây Sơn Bình Định, một lần nữa đã làm rạng danh nòi giống ...

* Tỉnh Bình Định của chúng ta không phải chỉ là đất đơn thuần về võ nghệ mà nhiều văn gia, thi sĩ tên tuổi đã xuất thân từ Bình Định qua nhiều thế hệ xưa và nay đã đóng góp vào nền văn hóa nước nhà những công trình văn học thật phong phú và đa dạng, qua nhiều thể loại như Hát bộ, Hát bài chòi, Hồ già gạo, Hát Ru em. Văn xuôi, truyện, thi, phú v.v...

Vào thời Hán học và chữ nôm cận đại, đáng kể nhất có danh nhân Đào Tấn (1845-1907) Ô xuất thân từ trường thi Bình Định. Đậu cử nhân Khoa Đinh Mão (1967) lúc mới 23 tuổi. Người làng Vĩnh Thạnh xã Phước Lộc huyện Tuy Phước tỉnh Bình Định. Ông đã từng giữ chức Hiệp tá Đại học sĩ, Thượng thư Bộ Binh, Bộ hình, Bộ công; nhưng ông đã lưu danh với hậu thế, không phải ở con đường hoạn lộ mà sự nghiệp ông để lại là công trình văn học đa dạng và phong phú. Ông vừa là một nhà thơ, một nghệ sĩ viết tuồng, một nhà lý luận sân khấu. Chiếu theo gia phả của ông Đào Nhữ Tuyên là thứ nam của Cụ Đào thì hát tuồng của cụ sáng tác và nhuận sắc có trên 40 tác phẩm hàng ngàn bài thơ, câu đối đủ thể loại phần nhiều là Hán tự được ghi

trong quyển "Hí trường tùy bút" nổi tiếng nhất là các vở tuồng: Tân Dã Đôn, Tú Quốc Lai Vương, Vạn Bữu Tình Trường v.v...

Nhiều nhà phê bình văn học cổ kim đã nhận xét cụ Đào rất giỏi về Hán tự lại có tài văn chương quốc âm nên ông không những là một soạn giả lỗi lạc mà còn là một thiên tài đạo diễn với tiền đề nghệ thuật hát bội.

Còn một số khá đông quý vị khoa bảng đã xuất thân từ trường thi Bình Định như cụ Tú Nhơn Ân (tức là Tú Diêu, thầy của cụ Đào) cử nhân Đào Phan Duân, Đào Trọng Tráp, Đặng Cao Đệ, Lê Doãn Sần, Văn Vỹ, Trần Trọng Giải v.v... dưới nhiều hình thức đã góp phần canh tân xứ sở.

* Đến cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20. Trước ảnh hưởng khoa học Tây phương bành trướng kéo theo sự du nhập văn hóa Tây phương sang Á Đông. Nền Hán học cáo chung. Năm 1918 là khoa thi hương cuối cùng ở trường thi Bình Định đã chấm dứt một thời mực tàu giấy bản. Nền giáo dục chữ Hán được thay bằng chữ quốc ngữ và chữ Pháp thì đất Bình Định lại nảy sinh những thiên tài mới qua lĩnh vực thi ca như: Xuân Diêu, Chế Lan Viên, Hồng Trung, Yến Lan, Quách Tấn, Hàn Mạc Tử v.v... Những thi nhân này phần lớn đều xuất thân từ trường College Võ Tánh Qui Nhơn, là tiền nhân của trường Cường Để Qui Nhơn thời VNCH. Những năm cực thịnh nhất của thi nhân Bình Định là vào thập niên (30-40) ta hãy nghe Xuân Diêu tả cái buồn man mác của mùa thu qua tập "Thơ thơ"

Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang,
Tóc buồn buông xuống lệ ngang hàng,
Đây mùa thu tới, đây mùa thu tới,
Với ai mơ phai dệt lá vàng.

Rồi Chế Lan Viên trong tập "Điêu Tàn". Chế Lan Viên tên thật là Phan Ngọc Hoan, tuy người Bình Định chính tông, nhưng phải chăng ông đã mượn nỗi lòng mất nước của người Chiêm Quốc để gởi gắm tâm sự mình?

Tạo hóa hỡi, hãy trả tôi về Chiêm Quốc!

Hãy đem tôi xa lánh cõi trần gian!

Muôn cảnh đời chỉ làm tôi chướng mắt,

Muôn vui tươi nhắc mãi về điêu tàn ! ...

Còn Yến Lan trong thi phẩm Bến My Lăng:

Bến My Lăng năm không thuyền đợi khách

Rượu hết rồi ông lái chẳng buồn câu.

Trăng thì đầy rơi vàng trên mặt sách

Ông lái buồn để gió lén mơn râu ...

Bến My Lăng chính là Bến đò Trường thi Bình Định, khi nền Hán học còn huy hoàng thì nơi đây đã là một thời dập dùi sĩ tử, xa giá, vông lọng nghênh ngang mà giờ đây sao lại vắng vẻ buồn hiu "Trăng thì đầy rơi vàng trên mặt sách" khi đọc Yến Lan chúng ta không khỏi liên tưởng đến bài ông Đồ xưa, một tuyệt tác của thi sĩ Vũ Đình Liên:

Mỗi năm hoa đào nở

Lại thấy ông Đồ già

Bầy mực tàu giấy đỏ

Bên phố đông người qua ...

Thời nho học còn huy hoàng thì:

Bao nhiêu người thuê viết

Tám tắc ngợi khen tài

Hoa tay thảo những nét

Như phượng múa rồng bay

Đến lúc nho học suy tàn thì

Nhưng mỗi năm mỗi vắng ...

Giấy đỏ buồn không thắm

Mực đọng trong nghiên sâu ! ...

Yến Lan Vũ Đình Liên hai hồn thơ cùng một tâm trạng đã nói lên nỗi buồn man mác tiếc thương cho buổi nhọ học suy tàn ...

Rồi thi sĩ Quách Tấn với "Mùa cổ điển" trong quyển thi nhân VN của Hoài Thanh đã xếp ông là một trong hiếm hoi nhà thơ Đường luật xuất sắc nhất trên văn đàn thời tiền chiến lời thơ bóng bẩy đã hòa hợp cảnh với tình thật khéo léo:

*Bồn chôn thương kẻ nương song bạc
Lạnh lẽo sâu ai rụng giếng vàng ...*

(Đem thu nghe tiếng quạ kêu)

Ông còn có người bạn thơ đồng hương thâm thiết nhất là Hàn Mạc Tử; một thiên tài của nền thi ca VN lúc bấy giờ. Phải chăng chứng bệnh nan y là tác nhân đã hun đúc Hàn Mạc Tử trở nên thiên tài đó? Thi sĩ đã sống, đã chết, đã nổi danh từ đất Bình Định cho đến ngày cuối cuộc đời. Ông đã để lại một nấm mồ cô quạnh với tháng năm nhìn ánh trăng lạnh lẽo trên núi đồi Gành Ráng Qui Nhơn cùng những vần thơ bất tử:

*Trăng nằm sõng soài trên cành liễu,
Đợi gió Đông về để lả lơi.
Hoa lá ngây tình không muốn động.
Lòng em hồi hộp chi Hằng ơi!*

*Hoặc: Ô kìa bóng Nguyệt trằng truồng tắm
Để lộ cái khuôn vàng dưới đây khe !*

Chỉ một sợi gió vô tình lọt qua khe cửa vờn trên má người thiếu phụ vắng chồng lúc đêm khuya cũng đã khiến nàng "bẽn lẽn" sợ đức "lang quân" nghi ngờ ... đến "tiết trinh" ... mình.

*Đêm khuya gió lọt buông dào,
Chồng em đi vắng gió vào chi đây.
Vô tình để gió hôn trên má,*

*Bẽn lẽn làm sao lúc nửa đêm.
Em sợ lang quân em biết được,
Nghĩ ngờ đến cái tiết trinh em ...*

Suốt một dọc dài văn học từ hậu bán thế kỷ 20 đến nay trong nền thi ca VN, riêng cá nhân tôi, tôi chưa thấy có một thi sĩ nào đã vượt qua nổi thi tài Hàn Mạc Tử.

Đất Bình Định còn có nhà văn Võ Phiến một cây bút đa dạng, đa tài. Ông đã viết nhiều thể loại: Truyện ngắn, tùy bút, tiểu thuyết, phê bình, dịch thuật. Đặc biệt trong lĩnh vực truyện ngắn và tùy bút ông đã có một địa vị khá kính trên văn đàn VN thời hậu bán thế kỷ 20 đến hiện tại. Kế thừa bậc đàn anh Võ Phiến còn có nhà văn Nguyễn Mộng Giác, Anh đã được giải thưởng văn bút của Tổng thống VNCH trước năm 1975. Ra hải ngoại anh vẫn tiếp tục sáng tác: Hai bộ trường thiên tiểu thuyết Mùa Biển Động và Sông Côn mùa lũ đã đưa tên tuổi anh nổi tiếng trên văn đàn hải ngoại. Hiện nay anh đang làm chủ biên một tạp chí văn học ở nam Cali. Anh đã nổi nghiệp Người Thầy khá kính Đình thành Chương; Vị Hiệu trưởng quá cố đầu tiên của trường Cường Để Qui Nhơn vào thập niên 50-60. Chúng ta cũng không quên tấm gương can trường của nhà giáo Nguyễn Hữu Lộc, người chiến sĩ tiên phong đã đứng lên đấu tranh cho nhân quyền, tự do dân chủ, chống lại độc tài đảng trị để rồi nhận bản án tử hình cùng với các chiến hữu Đoàn Đức Thoan - Võ Minh Vinh, Châu Ngọc Bích vào thập niên 50. Sau 21 năm lịch sử lập lại một lần nữa hai nhà giáo Võ Ái Ngự, Trần Đại Nghĩa đã vĩnh viễn ra đi theo vận nước. Các anh đã nằm xuống trong lòng đất của quê hương Bình Định (trại tù Kim Sơn K 18) năm 75-76 đã để lại trong lòng bằng hữu các anh, đám đệ tử các anh một niềm xót xa thương nhớ!

Kính thưa liệt quý vị

Đã ngót 25 năm qua kể từ biến cố 30/4/75 chế độ VNCH bị bức tử bởi âm mưu của các thế lực chính trị. CS Bắc Việt đã cưỡng chiếm miền Nam rồi thống nhất đất nước trong nỗi khổ đau bất hạnh của một dân tộc đã kéo dài ngót 1/4 thế kỷ. Hàng vạn hàng triệu người dân Việt đã lần lượt bỏ nước ra đi tìm tự do khắp các quốc gia trên thế giới, nhiều nhất là Hoa Kỳ qua các diện di tản, vượt biên, con lai, HO, đoàn tụ v.v... Trong số đó người Bình Định chúng ta ở thế hệ thứ nhất đặt chân đến Hoa Kỳ nhiều thời gian khác nhau, tuổi tác cũng khác nhau, phần đông còn mang theo tâm trạng hãi hùng của bóng ma cuộc chiến. Nỗi ảnh hưởng ghê rợn trong các trại tù CS hoặc những thảm thương, chết chóc, ly tán sau những lần vượt biên, vượt biển. Một số lớn bây giờ đã già nua bệnh tật chỉ sống qua những chuỗi ngày cô đơn với nỗi buồn vong quốc.

Ta từ làm gã lưu dân,

Quê người tứ cố vô thân cũng buồn.

Một mai quên hết cội nguồn,

Xác thân này cũng hoang đường thối da ...!

Một số anh em may mắn ra nước ngoài sớm hơn, còn trẻ hơn, có ý chí, có nghị lực đã gát lại quá khứ, cố phấn đấu, để vươn lên, để thành đạt, đã trở thành người Pháp gốc Việt. Người Mỹ gốc Việt, gốc Bình Định sáng giá nhất mà chúng tôi chỉ được biết một số ít có các anh tiến sĩ Trần Đình Sơn GS đại học ở trung tâm nguyên tử Saclay TS Bùi Tiên Khôi GS đại học Houston - Texas. TS Lê Công Phùng GS đại học Long Beach ở Mỹ. TS Học giả sử gia Tạ Chí Đại Trường v.v...

Đặc biệt có tiến sĩ Cai Văn Khiêm (bào đệ của BS Cai Văn Dung hiện đang là Hội Trưởng Hội Ái Hữu Bình Định Bắc Cali) là người trẻ tuổi nhất đã được cấp nhiều văn bằng sáng chế được bổ nhiệm vào chức vụ Kỹ Sư trưởng

của công ty kỹ nghệ Hàng Không Hughes mà ở hội nghị quốc tế của Hiệp hội điện toán công nghệ khoa học VN tổ chức vào tháng 7/96 tại Đại học George Mason, Fair Fax Virginia mà GS Nguyễn Xuân Vinh thuộc Đại học Michigan đã đề cập đến cùng với KS Đoàn Trung, GS lỗi lạc BS Nghiêm Đạo - BS Trịnh Đức Phương v.v... Chắc quý vị còn nhớ GS Nguyễn Xuân Vinh đã từng giữ chức tư lệnh không quân trước thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ đã viết cuốn Bay Đêm với bút hiệu Bằng Phong trước năm 75. Đến thế hệ thứ hai, thứ ba con cháu của chúng ta, của nhiều vị có mặt trong buổi dạ tiệc hôm nay gốc Bình Định đã góp phần thành đạt với một khối lượng lớn BS, Kỹ Sư, Luật Sư, Tiến Sĩ đang làm việc khắp mọi ngành trong xã hội Mỹ ...

Kính thưa liệt quý vị

Vì thời gian có hạn, còn đất đai tài nguyên và nhân vật Bình Định là cả một kho tàng vô giá. Được sự ủy nhiệm của Ban Chấp Hành Hội AHBD/Bắc Cali. Hôm nay trong buổi dạ tiệc này, chúng tôi mạo muội góp nhặt trình lên quý vị một vài nét đặt thù về quê hương Bình Định. Với ước mong góp một phần nhỏ vào công việc bảo tồn và phát huy cái truyền thống tốt đẹp của nền văn hóa tinh nhà, để sưởi ấm lòng chúng ta trong những tháng năm sống tha hương, giá lạnh nơi xứ người. Để cho con cháu chúng ta những thế hệ kế thừa đã sinh ra và lớn lên trên đất Mỹ lòng tự tin, niềm hãnh diện về những di sản của ông cha chúng ta đã xuất thân từ đất Bình Định, đã góp phần tô điểm cho non nước Việt những trang sử thật vẻ vang.

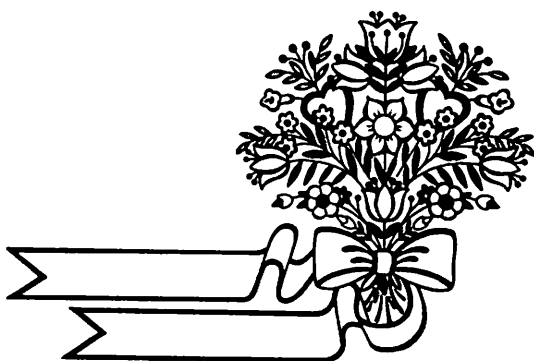
Trong bài nói chuyện hôm nay nếu có những thiếu sót, có một vài quan điểm dị biệt nào theo chủ quan của người viết, chúng tôi kính mong quý vị thức giả niệm tình bỏ qua.

Nhân dịp xuân Tân Tỵ về chúng tôi xin chân thành kính chúc quý vị và gia quyến một mùa xuân mới tràn đầy hạnh phúc và một năm mới an khang thịnh vượng.

*Trân trọng kính chào liệt quý vị
San Jose, ngày 14/2/2000
NGUYỄN BÁ THƯ*

Cước chú: Xin cảm ơn và mạn phép các tác giả quý vị sở hữu các tài liệu được liệt kê dưới đây cho tôi được tham khảo:

- *Việt Nam Văn Học Sử Lược của Trần Trọng Kim.*
- *Việt Sử Toàn Thư của Phạm Văn Sơn.*
- *Trường Thi Bình Định của Đào Đức Chương.*
- *Tông Tích và Gia Thế Nhà Tây Sơn của Hương Giang Thái Văn Kiểm.*
- *Hào Kiệt Quê Tôi của Nguyễn Công Lượng.*
- *Những Bờ Xe Nước Trên Giòng Sông Lại của Trần Quang Sang.*



NGÀY XUÂN VÀ LỄ HỘI CẦU NGƯ

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

Làng Hưng Lương và Xương Lý ⁽¹⁾ chỉ cách nhau một đôi cát, đều ngó ra biển và nằm về phía đông bán đảo Triều Sơn, nhưng Hưng Lương xoay mình hứng gió bắc nên thường gọi là Vũng Bắc, Xương Lý lại nghiêng về đông nam hưởng trọn gió nồm nên gọi là Vũng Nồm. Ở vào địa thế ba mặt cát trắng vây phủ, dân chúng của hai làng này sống về nghề đánh cá biển; cuộc đời gắn bó với sóng nước, may ít rủi nhiều, vì thế họ tin rằng có đấng thần linh cứu giúp họ.

Ngày xuân đối với ngư dân là những ngày bận rộn nhất trong năm vì đang mùa cá. Ăn tết Nguyên Đán xong, dân chài làm lễ cáo Thủy thần trước khi ồ ạt ra quân cho vụ mùa năm mới. Tuy hai làng nằm sát cạnh nhau nhưng Xương Lý tổ chức lễ vào đầu mùa tức ngày mồng 10

⁽¹⁾ Làng Hưng Lương, Xương Lý trước năm 1945 thuộc tổng chánh Lộc huyện Phù Cát tỉnh Bình Định, sau năm 1945 lập thành xã Cát Xương huyện Phù Cát, năm 1949 sát nhập vào xã Phước Hòa huyện Tuy Phước, năm 1961 tách ra lập xã Phước Lý, sau năm 1975 đổi tên là Nhơn Lý và chia thành 4 thôn Lý Hưng, Lý Lương, Lý Chánh, Lý Hòa thuộc xã ngoại thành của Qui Nhơn.

tháng giêng âm lịch, thể hiện đúng nghĩa Lễ hội Cầu Ngư. Còn làng Hưng Lương, định lệ hằng năm vào ngày mồng 6 tháng 3 âm lịch, cũng gọi là lễ Cầu Ngư nhưng mang ý nghĩa lễ mừng Tạ Ôn, vì họ đợi đến giữa mùa cá mới cúng tế. Dù tổ chức sớm hay muộn, đây vẫn là lễ hội lớn nhất trong năm mới của hai làng này.

Buổi chiều trước ngày hành lễ, ngư dân tề tựu đông đủ, chỉ trừ phụ nữ đang có kinh nguyệt không được bén mảng đến, còn bao nhiêu đều phải có mặt tại lăng thờ ông Nam Hải (cá voi) và đợi quá nửa đêm, bước sang đầu giờ Sửu (1 giờ sáng) mới cử hành lễ.

Ban tế lễ gồm vị chánh tế mặc áo rộng xanh, đội mũ lễ, mang giày hia đứng giữa chiếu tế trực diện với chánh điện. Vị bồi tế cũng mặc lễ phục như chánh tế và đứng sau, cách một bước sải chân (khoảng 1 mét). Ngoài ra còn có 4 học trò gia lễ mang trống chiến (mặt trống gần bằng trống châu nhưng thân trống ngắn bằng một phần ba), từng cặp đối xứng đứng hầu hai bên án trong và hai bên tiền đường. Ban nhã nhạc ngoài nhóm kéo đàn cò và thổi kèn còn có một người đánh trống châu đứng bên tả và một người đánh chiêng đứng bên hữu sân tế. Lễ vật gồm có bò, heo, bánh mứt, hoa quả. Các con vật chịu lễ, bị trói chặt, tắm rửa sạch sẽ, đặt nằm trên sạp trước sân tế.

Đứng đầu ban tổ chức là vị Hương lễ tuyên bố khai mạc, tức thì ba hồi chín tiếng trống châu gióng lên rồi đến ba hồi chín tiếng chiêng vang dậy. Trên bàn thờ hương trầm nghi ngút, tăng thêm vẻ uy nghiêm. Bốn học trò gia lễ vừa đi vừa đánh nhịp trống, từ từ tiến vào vị trí đã định sẵn. Rồi đến lượt chánh tế và bồi tế, hai tay chấp lại cung kính tiến vào chiếu tế trước chánh điện, theo nhịp trống của bốn học trò gia lễ.

Các đồ tế mặc áo gọn gàng, buộc thắt lưng đỏ, cầm dao phay bén nhọn, đứng bên sạp đợi lệnh. Một lần nữa; ước và cổ con vật chịu lễ được chùi sạch bằng khăn ướt và lau lại bằng khăn khô, rồi cắt tiết, máu tươi được hứng vào thau sạch, đem dâng tế Thủy thần.

Bốn học trò gia lễ đồng loạt xướng hưng, bá. Khi xướng "hưng" thì hai vị chánh tế bồi tế đứng thẳng người, chấp tay trước ngực. Khi xướng "bá" thì cả hai vị quì xuống, đầu cúi sát, trán chạm đất. Lạy đúng ba lần, học trò lễ xướng "hưng, bình thân".

Xong tiết mục lễ bá, vị Hương lễ đọc văn tế với đại ý cầu xin Thủy thần Đông Hải phò hộ cho trời yên bể lặng, năm mới được mùa cá. Sau đó, màn hát bá trạo (hát có cầm mái chèo) tượng trưng cho con thuyền ra khơi đánh cá. Đây là loại dân ca nghi lễ ở vùng ven biển miền Nam Trung Việt, trình bày hoạt cảnh bơi thuyền qua nghệ thuật diễn tuồng. Diễn viên toàn là đàn ông, vừa hát vừa múa nhịp nhàng theo động tác chèo, lái.

Đội hình hát bá trạo sắp xếp theo mặt bằng của chiếc thuyền, đầu đuôi nhọn, phần giữa phình ra; gồm 1 Tổng tiền (tức Tổng mũi) đứng trước, tiếp theo có 8 hay 12 hoặc 16 con trạo còn gọi là bạn chèo (luôn luôn số chẵn) xếp hai hàng dọc, 1 Tổng thương (tức Tổng khoang) đứng giữa hai hàng bạn chèo và sau cùng là Tổng hậu (tức Tổng lái).

Về trang phục và trang cụ, Tổng mũi và Tổng lái mặc lễ phục cổ truyền: khăn đóng, áo dài cặp trong trắng ngoài đen, quần trắng. Tổng mũi còn phải hóa trang rực rỡ, nai nịt oai vệ như một vị tướng, tay cầm cặp sênh quay về phía bạn chèo gõ nhịp điều khiển. Tổng lái hai tay cầm mái chèo dài khoảng 2 mét, múa động tác lái thuyền. Tổng khoang và các bạn chèo ăn mặc gọn gàng, đầu chít khăn, thắt lưng đỏ, nhưng Tổng khoang mặc áo ba màu

trang trí thành từng vằn hoặc xen kẽ nhau theo hình lát chả, quần xắn quá gối, tay cầm gàu, cúi xuống ngẩng lên theo nhịp điệu, diễn cảnh tát nước trong thuyền ra. Các bạn chèo đồng phục trắng, chân đi đất, ống quyển quần xà cạp, tay cầm mái chèo ngắn độ 1, 2 mét có sơn đầu trắng đầu đen, theo nhịp sinh đồng loạt cúi về phía trước rồi ngẩng mình ra sau, biểu diễn động tác chèo thuyền.

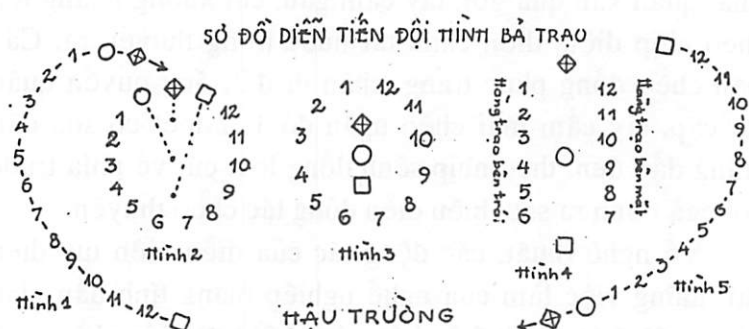
Về nghệ thuật, các động tác của diễn viên tuy diễn lại những việc làm của nghề nghiệp mang tính dân gian nhưng đã được cách điệu hóa nên phối hợp nhịp nhàng với tiếng nhạc lời ca. Hát bả trạo còn chịu ảnh hưởng của hát tuồng, sử dụng các làn điệu như xướng, nói lối, ngâm, hát nam, hát tấu, hát ban ... Mỗi lời nói là một câu thơ nên mang đậm nhạc tính. Vì vậy, phần đệm âm của hát bả trạo ngoài tiếng sinh ngắt nhịp, còn có đàn cò, trống cơm và kèn để đưa hơi.

Về diễn xuất, khi giàn nhạc trở lên, đội hình bả trạo theo hàng một tiến ra sân diễn, đi đầu là Tổng mũi, rồi đến Tổng khoang, tiếp theo là các bạn chèo, sau cùng là Tổng lái (hình 1).

Mái chèo được cầm dựng đứng bên tay phải, bàn tay bồng lấy chuôi chèo, mũi hướng thẳng lên trời. Đến chỗ qui định, các diễn viên đi quanh theo chiều kim đồng hồ xếp thành vòng tròn (hình 2)

Ba ông Tổng bước lui vào trong vòng tròn và xếp hàng dọc, đứng trước là Tổng mũi, giữa có Tổng khoang (đứng đúng vị trí tâm điểm của vòng tròn), sau cùng là Tổng lái (hình 3).

Nghe hiệu lệnh hai tiếng sinh, các con trạo ở cung tròn bên tả và cung tròn bên hữu tách vòng, xếp thành hai hàng dọc. Tổng khoang đứng yên vị trí, tức ở giữa hai hàng bạn chèo. Tổng mũi tiến tới đứng trước và cách đều



◆ Tổng mũi , □ Tổng lái , ○ Tổng Khoang , 1 - 12 : con trạo



hai hàng dọc bạn chèo. Tổng lái lùi lại, đứng sau bạn chèo và thẳng hàng với hai tổng kia (hình 4).

Tổng mũi gõ hai tiếng sênh, các bạn chèo ở hai bên hàng dọc, từng cặp đối xứng, đầu mũi chèo bắt chéo vào nhau ở trên cao khỏi đầu. Gõ hai tiếng sênh kế tiếp, mái chèo lộn nửa vòng đối xứng từng cặp để mũi chèo chéo nhau dưới đất. Hai tiếng sênh nữa, các con trạo vung mái chèo khua một vòng, rồi hai tay đỡ mái chèo nằm ngang trước bụng trong tư thế đứng nghiêm. Tiếp hai tiếng sênh, Tổng lái tiến lên đứng phía bên trái Tổng mũi, còn Tổng

khoang thì đứng phía bên phải, thành hàng ngang trước điện thờ ông Nam Hải.

Lễ bái bắt đầu. Trong lúc vị chủ lễ long trọng đọc văn tế, Tổng mũi ra hiệu lệnh cho đám bạn chèo nâng mái chèo lễ 4 lay. Khi dứt bài văn tế, hai tiếng sênh báo hiệu, Tổng lái và Tổng khoang lui về vị trí cũ, đội hình y như hình 4. Rồi hai tiếng sênh tiếp theo, các con trạo bật mái chèo, hai tay cầm cán và hướng mũi chèo ra phía ngoài, đối xứng nhau từng cặp, sẵn sàng trong tư thế chèo thuyền.

Xong phần biểu diễn đội hình, đến lượt múa bá trạo cũng do Tổng mũi điều khiển. Hai tiếng sênh ra hiệu cho Tổng lái cất giọng trước.

Tổng hậu (Tổng lái) xướng ⁽²⁾:

Án nội lễ nghi chỉnh túc

Đăng chúc huy hoàng

Truyền cho bá trạo lưỡng ban

Xếp chèo vào bái yết.

Con trạo (đồng thanh):

Dạ!

Tổng hậu:

Xuân thu lộ tiết

Thốn niệm thanh hương

Tửu cúc trà lan

Hạ các đẳng cung khiên

Ở bá trạo!

⁽²⁾ Các câu hát bá trạo trong bài này được trích trong Ca dao Nam Trung bộ xuất bản tại Việt Nam năm 1994, do các cụ Nguyễn Tam Chiến và Nguyễn Thanh Cao ở làng Xuân Thạnh xã Mỹ An huyện Phù Mỹ tỉnh Bình Định đọc thuộc lòng, Thanh Phương và Ngô Quang Hiến ghi lại.

Cái⁽³⁾ khai thuyền hầu trạo.

Trạo (đồng thanh):

Dạ!

Hạ thiên quan thủy sắc

Hốt nhật chiếu huy hoàng

Khai thuyền hầu linh vị

Đẳng bá trạo quý vương!

Đẳng bá trạo vương!

(Theo tiếng phách của Tổng tiền, các con trạo diễn động tác chèo thuyền. Khi Tổng mũi quay về phía con trạo gõ sênh, đám bạn chèo cúi mình và hai tay nắm chuôi chèo với ra đằng trước giả làm động tác chèo thuyền. Khi Tổng tiền quay về phía mũi thuyền để gõ sênh, đám bạn chèo ngẩng mình ra sau và hai tay co lại như động tác làm đẩy con thuyền lướt trên mặt nước. Các động tác phải đồng bộ và nhịp nhàng).

Tổng hậu (tay lúc nào cũng làm động tác giữ chèo lái)

(Xướng)

Chói rạng hai vầng nhật nguyệt

Thắm sâu một dải giang hà

Ngàn năm vang tiếng âu ca

Muôn thuở đền ơn báo bổ

Dâng tế lễ Cầu Ngư lạc lợi

Đội ơn nhuần lệ nhỏ chứa chan.

(Điệu nam ai)

Chứa chan cất mái chèo

Cơ lại đòi cơ

⁽³⁾ Cái: thổ ngữ xưa, nay không còn dùng, có nghĩa là tất cả, thủy đều

Anh em bả trạo ơi!
Phong phất phất, thủy phau phau
Buồm dong biển ái, lèo sang mặt sâu.
Trải qua mấy dặm biển dâu
Ngàn năm tế độ sông sâu khôn lường.

Tổng tiền:

Truyền cho bả trạo lưỡng ban
Đồng thanh ca nhất loạt.

Con trạo (đứng tại chỗ) đồng thanh:

Dạ!
Lan tương lưu phiếm phiếm
Quế chấp trạo khinh khinh
Độc tạ quyền linh ứng
Âu ca khứng khải hành
Âu ca khứng khải hành!
(Động tác chèo).

Tổng hậu (điệu nam ai):

Khải hành ngàn trùng vời vợi
Nghĩ như Ông⁽⁴⁾ ta là
Giữa sóng dồi vũng vầy lượn xoay
Đến khi phụ mẫu rằng nghe
Thấy tin lên dọi⁽⁵⁾ quay lui trở về.

Tổng khoang (vào, nói lối, xưng tên):

Trước kính thờ tôn vị
Sau vâng lệnh toàn ban
Ngô biểu hiện trung khoang
Như tôi là đạo tôi con giữ tròn một niềm

⁽⁴⁾ Ngư dân tin rằng khi thuyền gặp nạn, họ được cá voi cứu sống và đưa vào bờ. Để tỏ lòng tôn kính và biết ơn, họ gọi cá ông là ông Nam Hải, hoặc gọi tắt là Ông.

⁽⁵⁾ Dọi là tiếng lóng của dân chài, chỉ hiện tượng dậy sóng ở biển khơi mà họ tin rằng nơi đó có Ông (tức cá voi) xuất hiện.

Ngó xuống thuyền nước đã đầy khoang
Gàu gáo nọ tay sang
Khi gàu gáo nọ nước kia ta tát.

(Điệu nam ai)

Tát nước kia cho ráo
Anh em ơi bả trạo ơi!
Hễ làm người phải biết công ơn

(Nói lối)

Anh em bả trạo ơi!
Rán mà chèo

(Điệu nam ai)

Chèo cho bỏ mái qua lui
Nhờ ơn buồm thuận gió xuôi hội này.

(Nói lối)

Ở bả trạo ơi! Anh em rán mà đưa thuyền
Cho tới nơi Giang đáo xứ túc hộ trì

(Điệu nam ai)

Dầu cho bả trạo nghe tổng tiền
Hò cho tử tế chứ chẳng phải chơi nghe.
Con trạo (đồng thanh):

Tổng tiền (bắt ban hát đồng thanh):

Trời cao đất dày rộng với với
Ngàn thu ân đức muôn đời oai linh!

Con trạo (họa lại):

Ngàn thu ân đức muôn đời oai linh!

.....

Trong khi diễn hát, Tổng mũi có thể tùy sáng kiến mở rộng vai tuồng với khả năng nhập vai tài tình, khi thì như một ngư ông trên biển cả, khi thì như một tiên ông uống rượu ngâm thơ luận sự tích cổ kim, khi thì như một vị thuyền trưởng tài ba lèo lái con thuyền trong cơn bão táp

... Tất cả thủ thuật đều được phô diễn, gây nên không khí sinh động, nhưng điều tối kỵ là Tổng mũi không được làm hề, trong cương vị của người chỉ huy, phải giữ nghiêm trang cho buổi lễ. Như vậy, vai Tổng mũi phải là một nghệ sĩ thành thạo, biết đủ các làn điệu dân gian từ ca, ngâm, lý, hò, hát bài chòi, phú ... đến các làn điệu hát tuồng như nói lối, tán, oán, thán, xướng, hát nam ...

Tổng lái cũng là một nghệ sĩ chuyên nghiệp mới có thể đối đáp, phụ họa và phối hợp nhịp nhàng với Tổng mũi.

Vai Tổng khoang có thể vận dụng tối đa khả năng giễu cợt bằng dáng điệu, bằng nét mặt, cả giọng nói, tỏ vẻ lãng xãng rộn ràng, chọc cười khán giả càng nhiều càng tốt, như đoạn sau đây:

Tổng hậu (báo):

Dông! Bớ chú Tổng, đông! đông!

Tổng khoang (đang ngủ, giật mình, vẻ dớn dác):

Dông hồi nào?

Tổng hậu:

Dông hồi này chớ hồi nào!

Tổng khoang:

Thôi cấp dã, chơn cấp dã!

Nguy tai, thậm nguy tai!

Xem đầu hôm sao tỏ, trăng thanh,

Sao khuya lại mây giăng mù mịt?

Ấu là ta lánh chốn bao đào hưng vãng.

Tổng hậu:

Ớ trung khoang!

Phó cho trung khoang gìn giữ nội thuyền

Đặng canh lấy nước non mà tát.

Tổng khoang:

Dạ! Dạ! Ngô thọ giáo, ngô thọ giáo

Nguyện đương nguy, nguyện đương nguy.
Âu là ta giở vạt ngô hầu
Nhảy xuống khoang tát nước.

.....

Màn diễn tả trạo kéo dài với 329 câu hát qua 46 lượt đối đáp giữa ba ông Tổng và các con trạo. Khi sắp văn tuồng, Tổng hậu gọi các bạn chèo:

Ớ bả trạo!
Án tiên hành lễ kỷ

Đồng thanh hát:

Phụ tạ anh linh chi tí
Ngưỡng mong đằm nội siêu thăng
Trạo tử đồng thành tâm
Tạ ân an vị!

Tổng mũi gõ hai tiếng sênh ra hiệu kết thúc buổi diễn. Bạn chèo dừng tay dựng mái chèo thẳng đứng bên tay phải, còn Tổng khoang vác gàu lên vai tiến lên đứng sau Tổng mũi. Hai tiếng sênh kế tiếp, Tổng mũi và Tổng khoang rẽ về phía bên phải, rồi hướng về phía hậu trường, tiếp đến là bạn chèo, theo số thứ tự từ nhỏ đến lớn, con trạo hàng dọc bên trái đi trước rồi tới hàng dọc bên phải, sau cùng là Tổng lái, lần lượt đi khuất vào trong (hình 5).

Xong màn hát bá trạo, buổi lễ vẫn chưa dứt vì còn một tiết mục quan trọng là hát án, tức là hát bội cho thần thánh xem. Dân làng dựng sấn nhà tạm ngay trong khuôn viên lăng thờ, trần thiết hương án với đầy đủ nghi trượng và đối diện với sân khấu. Để tỏ hết lòng cung kính, ban tổ chức thuê những gánh hát danh tiếng trong tỉnh như ban Bầu Thơm, Bầu Phàn, Chánh ca Mi ở phủ Tuy Phước, hay ban Chánh ca May ở phủ An Nhơn, hoặc là lên huyện Bình Khê thỉnh gánh Bát Ân. Tuồng hát cũng được chọn lọc, hợp với sự cung nghiêm như Hoa Dung lộ (Quan công

tha Tào Tháo), Cổ Thành (Quan công quá quan) ... và phải diễn cho hết tuồng, có khi đến sáng mới xong. Đào kép được mời hát án phải giữ mình sạch sẽ, tinh khiết, lời ca điệu múa phải nghiêm túc. Khán giả dù sang hèn, chức cao quyền trọng cũng phải tự coi mình là kẻ xem ké của thần linh, mọi người đều tỏ ra cung kính, khép nép giữ yên lặng và trật tự.

Tiếp sau đêm tế lễ ở lăng ông Nam Hải, dân làng còn tổ chức hát bội ba đêm liền nhưng dời sân khấu ra bãi cát rộng, bên ngoài lăng cho mọi người xem, tránh sự xâm nhập tà tạp, mang ô ố đến nơi thờ phượng.

Không khí Tết ở đồng quê kéo dài suốt cả tháng giêng âm lịch, mùa gặt chưa đến, dân chúng rảnh rang dạo chơi xuân nên đã kéo về đây xem lễ hội đông như kiến. Nhất là đêm trình diễn bá trạo, ai ai cũng muốn xem nghệ thuật ca múa độc đáo của dân chài. Một bộ môn dân ca nghi lễ vừa đậm màu sắc dân gian vừa thể hiện trình độ cao của nghệ thuật hát tuồng.

Ngày nay lễ hội Cầu Ngư vẫn còn nhưng thu gọn lại nhiều, màn diễn bá trạo đã vắng bóng, còn hát bội thì năm có năm không, lễ cắt tiết các con vật trước sân tế đã bỏ hẳn từ lâu vì không ai muốn đem vào cuộc vui cảnh lưu huyết thương tâm.

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG



Nhơn Lý Quê Tôi

*Thân tặng Đồng hương Nhơn Lý
đặc biệt các cháu Thanh-Hiếu, Danh-Hà, Phương-Tú.*

*Ai về Bình Định quê tôi,
Nhớ thăm Nhơn Lý một trời yêu thương.*

*Nhơn Lý quê ta tình tựa đá vàng
Biển xanh sóng gợn cát vàng mênh mông.
Đồi Sơn sừng sững Suối Cả xuôi dòng,
Quanh năm con nước chảy vòng Biển Đông.*

*Suối Tiên nước ngọt mát lòng
Hòn Đen lấm động chập chùng thấp cao.
Bạt ngàn Chim Yến lao xao,
Luồn qua cửa động như vào thiên thai.*

*Đồi thông dốc cát dậm dài, thang mây
Đêm về ... gió gọi ngàn cây thì thầm.
Chênh vênh Núi Cấm đá xây chất chồng.
Thuyền ai thấp thoáng xa trông mặt mù.*

*Thương chàng ngư phủ lấm ru,
Dầm mình biển mặn đêm thu hỡi hùng!
Những trưa trời nắng như nung,
Thân trần phơi ngực thi cùng ánh dương,
Quanh năm ... gọi gió dầm sương dãi dầu.*

Êm trời ngàn bóng thuyền câu,

Cõi con sóng bạc rục bầu hoa đặng.
Nồm nam càng lúc càng tăng,
Buồm căng gió lộng lưới giăng tư bề.
Thuyền về cá, mực phủ phê,
Đầy khoang trĩu nặng hủ hê dân làng.

Những đêm tỏa bóng trăng vàng,
Sóng êm, bãi ám nhạt khoan tiếng hò.
Vui reo từng nhóm chuyện trò,
Tình đôi trai gái nhỏ to tự tình.

Từ ngày xa cách quê mình,
Tắm thân lưu lạc dạ man mác sâu!
Kiếp người ... đã mấy biển dâu,
Quê hương ngàn dặm biết đây bây giờ.
Vũng nồm còn mãi trong mơ,
Nơi sinh tôi đó bài thơ nhiệm mầu.
Nhớ về Vũng Bắc đêm thâu,
Sóng dồn Eo Gió thuyền câu chập chờn.

Hòn Cân hai cụm núi đơn,
Ngàn năm vẫn đứng keo sơn bạn cùng.
Chở che Hòn Cỏ ung dung,
Nước trong như móc, trăng rung mạn thuyền.

Lâu rồi cách trở bao niên,
Hai lăm năm trước một thiên tình nồng,
Quê người tôi vẫn chờ mong,
Trở về Nhơn Lý ngược dòng ấu thơ ...

San Jose, - California - Hạ Thu 2000

THỨ TRANG

ANH HÙNG MAI XUÂN THƯỜNG

MAI XUÂN LỰC

Mai Xuân Thường sinh năm Canh Thân (1860) trong một gia đình quyền quý. Cha là Mai Xuân Tín từng làm Bố Chánh tỉnh Cao Bằng, Mẹ cũng là người của một gia đình nho phong trong vùng.

Ông sinh tại làng Phú Lạc, xã Bình Thành, huyện Bình Khê, tỉnh Bình Định. Cha mất sớm, nhờ mẹ hiền nuôi dưỡng và dạy dỗ, lớn lên nhờ Thầy Tú Lê Dung tận tâm chỉ dạy cả văn lẫn võ nên ông sớm được thành tài.

Khoa Ất Dậu (1885) ông đỗ Cử Nhân tại trường Bình Định lúc 25 tuổi. Ngày xướng danh, ông chưa kịp vui vì tên yết bảng vàng đã phải lo buồn vì Kinh Thành Huế thất thủ dưới sự tấn công của quân Pháp. Vua Hàm Nghi phải xuất bôn ra Quảng Trị để hiệu triệu toàn dân đứng lên đánh Pháp cứu nước. Lãnh mũ áo xong, ông liền về quê kết nạp đồng chí, xuất của nhà luyện tướng nuôi quân chuẩn bị dựng cờ ứng nghĩa.

Lúc bấy giờ ở Bình Định có quan nguyên Tổng Đốc Đào Doãn Dịch cầm đầu nghĩa binh chống Pháp. Mai Xuân Thường theo về và được phong làm Tán Tương Quân Vụ. Không bao lâu Đào Doãn Dịch lâm trọng bệnh qua đời. Mai Xuân Thường được tôn làm Nguyên Soái.

Tháng 9 năm Ất Dậu (1885) dưới sự chỉ huy của Mai Nguyên Soái, nghĩa binh Cần Vương Bình Định làm lễ tế cờ tại Lộc Đổng thanh thế hết sức lẫy lừng. Lực lượng nghĩa binh có nhiều tướng văn võ như Tăng Bạt Hổ, Bùi Điền, Nguyễn Hòa, Trần Trung, Trần Nha, Nguyễn Cang, Nguyễn Trọng Trì, Đặng Thành Tích, Võ Phong Mậu.

Ngoài ra Mai Xuân Thưởng đã tạo được một thế liên hoàn lực lượng Cần Vương gồm các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa và Bình Thuận nên đã gây cho Pháp nhiều tổn thất nặng nề.

Các trận đánh giữa nghĩa binh và Pháp tại Cẩm Văn, Thủ Thiện, Phú Phong đã làm cho quân địch phải hao binh tổn tướng rất nhiều.

Cuối cùng Pháp phải cử Trần Bá Lộc đem quân từ Nam Kỳ kéo ra và Nguyễn Thân từ Huế kéo vào hợp nhau vây đánh căn cứ của Nghĩa Bình. Qua trận như hùng tại Bàu Sáu An Nhơn, nghĩa binh hoàn toàn tan rã. Mai Nguyên Soái phải rút binh vào Linh Đồng tính kế trường kỳ kháng chiến.

Trần Bá Lộc và Nguyễn Thân liền bắt giam Mai Mậu cùng đám Lý Hương và thân nhân của các nghĩa quân theo phò ông tra khảo và đánh đập. Ông liền tự mình ra gặp Lộc và Thân tại đình Phú Phong. Lộc và Thân dụ ông đầu hàng ông khẳng khái bảo "chỉ có đoạn đầu tướng quân, chứ không có hàng đầu tướng quân". Chúng cho giải ông về thành Bình Định.

Đúng ngày rằm tháng Tư năm Đinh Hợi, nhằm ngày 6 tháng 6 năm 1887 Mai Xuân Thưởng cùng với Bùi Điền, Nguyễn Đức Nhuận và tám đồng chí khác cùng thọ hình tại Gò Chàm nay là chỗ trường tiểu học Nhơn Hưng. Bấy giờ Mai Anh hùng vừa tròn 28 tuổi, cầm đầu nghĩa binh được hai năm.

Tương truyền trước khi chết, Mai Anh hùng đã bình tĩn ứng khẩu bài thơ sau đây:

*Chết nào có sợ, chết như chơi,
Chết bởi vì Dân, chết bởi thời.
Chết Hiếu chi nài xương thịt nát,
Chết Trung bao quản cổ đầu rơi.*

*Chết Nhân tiếng để bia ngàn thuở,
Chết Nghĩa danh thơm rạng mấy đời.
Thà chịu chết trong hơn sống đục
Chết nào có sợ, chết như chơi.*

Trong thời kỳ Quốc Gia, nhân dân Bình Khê đã xây lại lăng mộ cho anh hùng Mai Xuân Thuở ở phía Nam ngạn Sông Côn, gần quốc lộ 19 thuộc thôn Trinh Tường.

Lăng nằm trên một ngọn đồi xinh xắn gọi là Núi Ngang. Trước lăng có bốn trụ ba biểu to lớn đứng sừng sững làm ngõ vào lăng. Tiếp đến là 26 bậc cấp vừa cao vừa rộng lên khỏi là Đài Kỷ Niệm ở giữa khoảng sân rộng, mặt trước đắp bốn chữ "TỔ QUỐC GHI ƠN". Khỏi đài thì đến chánh tẩm, là một ngôi nhà cất theo kiểu xưa, Mộ nằm giữa hình chữ nhật, phía trước có mộ chí:

"Đây nơi an nghỉ

Bên lòng người Việt Nam yêu nước

Nhà anh hùng

MAI XUÂN THUỞ

Ứng hùng năm Canh Thân (1860)

Tuần quốc năm Đinh Hợi (1887)

Nơi hậu đầu một tấm bia cao khắc bài ký:

Công,

Người thôn Phú Lạc, quận Bình Khê, tỉnh Bình Định.

Tư cách khác phàm,

Văn võ gồm đủ.

Năm Ất Dậu 1885, kinh thành thất thủ, vua Hàm Nghi xuất sơn, phụng chiếu Cần Vương, Công dấy nghĩa binh chống Pháp.

Lập mật khu nơi Linh Đống,

Đắp chiến lũy nơi Hương Sơn,

Thanh thế lẫy lừng. Các sĩ phu tỉnh nhà đều ra phò tá.
Các tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận đều chịu quyền
chỉ huy.

Trên dưới một lòng.

Trong ngoài chung sức.

Lấy hỏa mai giáo sào dương cùng súng trường đại
bác, Gian khổ nhưng kiên trì. Lực yếu nhưng khí mạnh.
Chiến đấu ba năm trời, khi thua khi được. Chí tiêm cừu
lòng địch khái, được càng hăng thua vẫn hăng. Những trận
Động Viên, Đồng Vụ, Lục Phú, Cẩm Văn ... lòng dũng cảm
đức hy sinh khiến quân địch phải khiếp phục.

Rồi quân địch thêm viện binh, bao vây công kích.
Nghĩa quân tuy đá vàng gan dạ, cũng phải lui dần trước
nanh vuốt đối phương. Và trải bao pháo đụt đạn xông, cuối
cùng bị đại bại trận Bàu Sấu.

Bình tan tướng lạc, Công đơn thân độc mã vào Linh
Đổng quyết gây lại lực lượng diệu thù. Quân giặc truy tầm,
nhưng không dò ra tung tích. Tên ngoại nô Trần Bá Lộc và
Nguyễn Thân liền hạ độc thủ: Sanh cầm Mai thái mẫu,
thảm sát lương dân, và ngày ngày bắt lý hương hai thôn
Phú Lạc, Phú Phong ra tra tấn.

Tình thế khó liệu cơ cứu vãn, Công không muốn kéo
dài cuộc kháng chiến sợ Nhân Dân thêm nặng thương
vong. Bèn đích thân đến cửa giặc nộp mình, ung dung,
khẳng khái.

Khi ra pháp trường, hướng về Bắc lạy năm lạy từ già
vua, hướng về Tây lạy bốn lạy từ già mẹ, rồi thản nhiên
bước lên đoạn đầu đài.

Hùng dũng thay!

Nghĩa liệt thay!

Truyền thống nghìn xưa, Công đã làm sáng tỏ trung
can nghĩa khí của nòi giống.

Ôi!

Tuy bại mà vinh vậy!

Tuy chết mà không mất vậy!

*Nhưng trên bảy mươi năm trời, bìm lau che khuất
gương trung dũng. Nay ba biểu trắng soi, chim hạc đã bay
về đậu. Nên báu cũ nêu cao cùng sông Côn núi Tượng, để
hưng khởi người hữu tâm.*

Việt Nam Cộng Hòa, Mùa Xuân năm Tân Sửu (1961)

Nhân Dân Bình Khê

Cẩn ký

Và mỗi năm đến ngày rằm tháng 4 âm lịch nhân dân
Bình Khê - Bình Định đều làm lễ kỷ niệm tại lăng với
niềm thương cảm sâu xa.

Ngó vô Linh Đống mây mờ

Nhớ Mai Nguyên Soái dựng cờ chống Tây

Hàm hô củ nước còn đây

Còn gương phấn dũng, còn ngày vinh quang



MAI XUÂN LỰC

(Sưu tầm)

Lời hay ý đẹp

Trong thiên hạ có 3 cái ngay:

- Tài kém mà ở địa vị cao,

- Đức ít mà môn được người ta tôn sùng

- Thân không lập được công to mà muốn hưởng nhiều bổng lộc.

Lời giới thiệu:

MỘT SỐ NÉT ĐẶC TRÚNG CỦA BÌNH ĐỊNH

Ông Lê Chu là Trưởng nam của Cụ tú Lê Thám Mai, người làng Thanh Mai, Bình Định; là Trung tá Truyền Tin QLVNCH, phục vụ chung với Tướng Nguyễn Khoa Nam trước 1975. Ông là một cây bút kỳ cựu đã nói lên những nét sinh hoạt đặc sắc của tỉnh nhà từ đồng bằng đến miền rừng núi, từ nắng hạn đến mùa mưa lụt; những hội hè đình đám, hát bội, bài chòi, đấu võ, mang tính chất truyền thống dân tộc của tỉnh Bình Định. Đây là công trình văn hóa được tạo dựng, gìn giữ, bổ sung từ thời cụ Đào Duy Từ, các cụ Thượng Quan thời Tây Sơn, Cụ Đào Tấn v.v... và được lưu truyền từ đời này sang đời khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác.

QUÊ HƯƠNG TRONG TRÍ NHỚ

LÊ CHU

Arlington, Texas

*M*ột nhà văn Pháp có viết: "Dường như Thượng Đế đã cột chặt mỗi người vào một mảnh đất, gọi là quê hương". Tôi là người Bình Định - Sinh tại Bình Định - Đã qua tuổi thiếu thời ở ngay Bình Định. Năm lên 10, tôi rời

quê ra Huế học - Dấu xa quê từ thuở bé, nhưng hình ảnh và kỷ niệm về một vùng đất thân yêu vẫn in đậm trong tâm trí tôi.

Làng tôi - một ngôi làng nhỏ nằm trên trục lộ giao thông giữa hai chợ Cảnh Hàng và Tân Dân. Có những hôm biển động, ngồi tại nhà, tôi đã có thể nghe tiếng sóng gầm từ xa vọng về - Có những buổi chiều êm ả, đám trẻ chúng tôi tụ họp nô đùa trên đám đất trống, bên cạnh đó đàn trâu đang lặng lẽ gặm cỏ - Chung quanh đám đất trống, sân banh của chúng tôi, là những gò mả nhấp nhô - Xa xa là thôn xóm, nhà cửa ẩn hiện sau dãy tre xanh - Cha tôi cho biết, các gò mả đó là nơi an nghỉ của ông bà ngày trước - Các vị ấy là những lưu dân từ miền Bắc vào vùng đất mới đã mấy thế kỷ nay - Các Cụ định cư và lập nghiệp ở đây. Khi sống các Cụ đổ mồ hôi tưới cho đất và khi chết được táng ở đấy. Lâu đời, những ngôi mộ nào không còn được con cháu chăm sóc, dân làng tập trung lại một nơi để hàng năm hương khói nhằm tỏ lòng tôn kính và biết ơn những người đã mở đường khai phá một quê hương mới.

Nhà cha tôi quay mặt về hướng Nam - Ra khỏi cổng, nhìn về phía Nam. Ngọn Kỳ Sơn, tuy thấp nhưng vẫn in trên nền trời xanh. Đó là Tuy Phước và xa hơn nữa là Qui Nhơn. Bên phải của làng tôi, nhìn về hướng Tây thì thấy Núi Đất, Núi Mò O, và xa xa là Trường Sơn. Phía Bắc, núi như nhớ biển, ăn ra tận biển. Dọc miền Trung, có nhiều nơi núi lấn ra biển. Núi đèo cao như Đèo Ngang, Hải Vân, Bình Đê, Cù Mông, Đèo Cả, như ngăn lối chặn đường, ấy thế mà đám người lưu dân vẫn tiến về phía Nam. Điều đó cho thấy ý chí và nỗ lực của tiền nhân. Núi đèo cao, nhưng không ngăn được bước chân của đoàn

quân Nguyễn Huệ vào Nam ra Bắc phá quân Xiêm, diệt quân Thanh.

Trước mặt nhà cha tôi là một cánh đồng nhỏ trải dài đến tận ven sông. Thực ra, nó chỉ là một con rạch dẫn nước- Nó nhỏ đến độ không tìm thấy trên bản đồ. Ấy thế đối với làng tôi có một vai trò quan trọng trong sinh hoạt. Con sông đó là nguồn cung cấp nước duy nhất cho cư dân trong làng - Nhà nông cần nước để tưới ruộng vườn - Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống - Nước bao giờ cũng là yếu tố hàng đầu của nhà nông. Và dân làng tôi, chủ yếu sống bằng nghề nông. Sau này, lớn lên, tôi mới hiểu được tính chất quan trọng của vấn đề thủy lợi tại quê nhà. Bình Định có bốn đồng bằng Tam Quan, Văn Phú, Phù Mỹ và đồng bằng An Nhơn - Tuy Phước thì rộng hơn cả (1500 km²) nhưng thiếu nước để canh tác. Lại Giang, Sông Kim Sơn sông Mang không tưới được toàn vùng. Con sông nhỏ ấy đối với tôi có nhiều kỷ niệm thuở thiếu thời. Nơi đó chúng tôi nô đùa, bơi lội, câu cá. Vào mùa nắng, hai bên bờ, nông dân thay nhau đêm ngày tác nước vào ruộng đồng. Hai bên bờ sông, lau sậy, dưa dại và có cả xương rồng mọc đầy. Thỉnh thoảng từ đám cây cỏ đó nhô lên vài cây bàng, cây đa - Dưới các cây cổ thụ sinh hoạt. Đau yếu, hoạn nạn, bất an, bất trắc, thậm chí cả thi cử, kiếm việc làm, thầy thầy người dân đều đến miếu, đến am, đền nhang lễ bái và khẩn cầu.

Vào mùa mưa lũ, toàn bộ cánh đồng chìm trong bể nước. Bốn bề là nước, nước mênh mông. Đi lại bằng thuyền tre, gọi là những chiếc sồng. Dân làng lợi dụng thời điểm này để đi tải gạch, đá, ván, gỗ để dành xây nhà. Lý do, vào mùa nước lớn, dân không có việc làm. Thứ

đến chuyên chở vật liệu nặng bằng đường thủy thì đỡ sức người và ít tốn kém. Thế nhưng, sang mùa nắng, cánh đồng khô hạn, dân làng tràn ra ruộng nhặt gốc rạ để làm chất đốt. Khi nắng hạn, nước sông cạn, thiếu nước, có người nẩy ra ý kiến kỳ cục. Ban đêm, rủ nhau ra sông đóng cọc giữa sông, dùng phên và chiếu để ngăn dòng. Ruộng trên giữ nước, ruộng dưới khan. Thế là xảy ra tranh chấp, cãi cọ rất hăng và thế nào cũng đến màn đấu võ. Khi hai bên thương tích đầy mình thì kéo lên quan, nhờ quan phân xử. Bình Định hay lo, Thừa Thiên nich hết. Tôi không suy nghĩ ... vì sao nên nổi? Câu nói đó tôi nghe từ hồi còn nhỏ - ngay tại quê nhà. Nhưng đáng buồn hơn, không phải "Bình Định hay lo" như Thời Pháp thuộc - mà ngày nay thì "Cả nước hay lo", và "Cộng Sản nich hết". Thực trạng ở đất nước VN chúng ta ở đầu thế kỷ 21 là như vậy. Nói đâu xa, vừa đặt chân xuống phi trường Tân Sơn Nhất, chúng ta đã gặp nhau thủ tục "đầu tiên" (tiền đầu?) vào đầu thập kỷ 40, dân làng vẫn còn thích hội hè đình đám - Hát bội và đấu võ là hai môn rất được ưa chuộng. Những người bạn của tôi, vốn đã giữ những chức vụ thời VNCH ở Bình Định, đều đồng ý rằng, ở Bình Định, muốn một buổi sinh hoạt có đông dân chúng tham gia, phải có mục hát bội hay đấu võ. Hát bội và đấu võ là những nét đặc trưng, mang tính truyền thống dân tộc của đất Bình Định. Người dân Bình Định không những ưa thích hai môn sinh hoạt văn hóa đó mà còn xem đó là niềm tự hào. Tất nhiên công trình văn hóa đó lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác được gìn giữ và bổ sung, nhưng người ta không quên những người đã gieo nên hạt giống, những Đào Duy từ, những vua quan thời Tây Sơn, những Đào Tấn ở Vĩnh Thạnh.

Vào thời kỳ thập kỷ 30, đầu thập kỷ 40, trong những dịp vui mừng, những nhà khá giả đều tổ chức Hát Bội. Gia chủ mời đoàn hát về trình diễn cho bà con xem, có khi đến hai, ba ngày. Rạp, sân khấu, chỗ ngồi đều làm bằng những vật liệu có sẵn tại địa phương như tranh, tre, ván gỗ v.v... Dân chúng các làng chung quanh rủ nhau đến xem rất đông. Sinh hoạt này không chỉ thuần túy trình diễn hát bội mà còn có mục ăn uống. Khách tham dự, như một tục lệ, đem theo lễ vật hoặc tiền bạc để mừng đám hát. Bao giờ cũng vậy, đồng tiền có hai mặt tiêu cực và tích cực.

Đời sống ở nông thôn trầm lắng và khép kín. Trai gái ít có dịp gặp gỡ - Cơ hội duy nhất là các phiên chợ. Do các mai mối xếp đặt trước, phiên chợ là dịp thuận tiện để các chàng trai đi "coi mắt vợ". Chẳng thế, trong dân gian đã có câu "Trai khôn tìm vợ chợ đông". Ngày ấy, các cô gái, trong đó có các bà chị tôi, rất dè dặt, kín đáo và hay mắc cỡ. Hàng hóa, thực phẩm mua xong được bỏ vào rổ, trên đây kỹ bằng chiếc mẹt, tiếng địa phương gọi là cái trẹt. Vào những ngày rảnh rỗi, người ta tổ chức đổ bánh xèo, một buổi liên hoan nhẹ, mang tính chất gia đình và thân hữu. Bài chòi và hát về là một loại văn nghệ tự biên tự diễn, hát về thường được tổ chức vào ban đêm. Vào những đêm trăng sáng, trời quang, mọi người lắng nghe người nghệ sĩ dân gian hát về. Ngày ấy, về mà mọi người ưa thích là về "Cô Thông Tầm". Bà là vợ của một viên chức người Việt làm việc tại hãng Dệt Tơ Tầm Delignon. Từ quê lên thăm chồng - đi xe kéo - Người phu xe thấy bà mang nhiều nữ trang nên động lòng tham và phạm tội ác, cướp của giết người. Nội vụ bị phát giác, thủ phạm bị hình phạt nặng nề. Cứ mỗi lần người nghệ sĩ, tài tử này hát lên những câu về diễn tả thân phận bi đát của nạn nhân, những lời van xin được sống rất bi thương của một phụ nữ

khi phải đối diện với cái chết trên đoàn đường vắng vào giữa đêm khuya, nhưng nó thực sự có tác dụng xoáy vào lòng người. Người nghe, những dân quê, mộc mạc chất phác, nhưng đa cảm, họ rất dễ dàng xúc động trước nỗi đau thương của người khác, coi cái đau khổ của người khác như đau khổ của mình và oán hận cái ác. Đề tài thường đi sát vào đời sống hằng ngày của người dân. Nó không cường điệu như những bài về xuất hiện sau này.

Các nhà văn tiền chiến như Ngô Tất Tố, Tô Hoài, Nam Cao, Trần Tiêu, khi viết về làng quê đều cho rằng phần đông dân ta ở làng quê mắc phải những thói hư, tật xấu: ham ngôi thứ, ham ăn uống những khi có việc làng, cho vay nặng lãi, giân lận từng tấc đất, tấc vườn, từng gàu nước v.v...

Suy cho cùng, nên hiểu cho bà con ta ở quê nhà - Tôi nghĩ rằng, những thói hư tật xấu đó, nếu có, cũng do hoàn cảnh lịch sử đưa đến. Người dân bị điều kiện hóa trong một guồng máy xã hội đương thời. Giai cấp thống trị cố tình duy trì cái tổ chức xã hội như vậy để ru ngủ con người, làm lệch đi nếp suy tư về cuộc sống. Trong một xã hội ham trọng ngôi thứ, "thích một miếng giữa làng bằng một sàng trong bếp" nên bằng mọi cách để nhô lên, chạy chọt phẩm hàm. Nếu không mãi mãi đi làm sưu dịch, phục vụ cho kẻ khác. Kèn cựa, chỉ vì nghèo. Nguyễn Hiếu Lê, trong Hồi Ký "Làng Phương Lâm" khi nói về hủ tục ở quê, ông cũng đã viết: "Dân tộc nào, thời nào, hễ nghèo đói thì cũng như vậy hết".

Ngay bây giờ, chủ nghĩa Cộng Sản đã đi vào thoái trào, đã bị đào thải ngay chính ở quê hương Cách Mạng tháng 10 - Ở Việt Nam, ai cũng biết rằng Chủ Nghĩa Cộng Sản là không tưởng, là phi nhân - Đám cán bộ CSVN cũng tự biết, chủ nghĩa CS không còn là lý tưởng. Thế nhưng,

ngịch lý thay, có khối người lao vào guồng máy đàn áp, bóc lột đó. Để làm gì? Tất nhiên, phấn đấu để được vào Đảng không phải để làm "đầy tớ nhân dân" như bọn CS đã rêu rao. Thực chất, ở VN ngày nay, đời sống của đa số người dân quá bi đát, vật chất cũng như tinh thần - Để thoát cảnh cơ cực, phấn đấu vào Đảng mới có địa vị, có chức, có quyền, có chỗ ngon, chỗ tốt, mới kiếm ra lợi, hái ra tiền. Có vào Đảng mới không bị bóc lột không bị hà hiếp.

Chuyện quê hương còn dài. Nhìn lại, chỉ thấy xót xa cho quê hương - Bao nhiêu năm gian khổ - Núi xương sông máu đã đổ ra, người dân vẫn lầm than không khác gì ngày đất nước còn chìm trong màn đêm của chủ nghĩa thực dân Pháp. Có khi còn tệ hại hơn. Nghĩ đến quê hương, tôi chỉ cảm thấy bùi ngùi.

Nhân ngày Xuân, xin trân trọng gửi lời chúc Tết đến đồng hương.

LÊ CHU

Arlington, Texas



Tâm tư vào đời

*Sương khuya rượi ngọt ngào
Gà gáy vắng nao nao
Thân đứng trên trần thế
Thấp lòng sáng với sao*

VIỆT THAO

ĐÊM GIAO THỪA THA PHƯƠNG

XUÂN GỞI MẸ

NGUYỄN HÙNG

*Bên thêm tuyết đổ như hoa
Tình xuân lãng đãng quê nhà mù sương
Hai mươi năm mãi còn vương
Tương tự ngày cũ gửi buồn trời xa
Xuân theo năm tháng nhạt nhòa
Mênh mông kỷ niệm hồn ta phiêu bồng.*

Ba trăm sáu mươi ngày trôi nhanh như chớp mắt, xuân lại quay về trên đất nước mến yêu, mãi bên kia bờ trái đất xa títt mịt mù. Bên này thân làm viễn khách lại một lần chạnh lòng thương nhớ vợ, với nỗi buồn ôm ấp, băng khuâng mênh mang xa vắng đợi chờ. Vắng vắng đâu đây trong ký ức mơ hồ vẫn hiện ra những ngày đầu xuân rực rỡ:

*"Rộn ràng muôn tiếng pháo
Mai, Đào, khoe sắc đón chào xuân
Trời mai tia nắng đẹp
Lú lo chim hót khúc thanh bình
Xuân lướt nhẹ trên muôn ngàn sắc áo
Xuân đượm màu trên đôi má hồng tươi ..."*

Ôi, cái khung trời xuân nồng nàn quyến rũ ấy, bên này chỉ còn là những kỷ niệm lơ mờ sương khói, theo năm tháng nhạt nhòa.

Mẹ ơi, con đang đón giao thừa ở Denver, một thành phố đầy sương, quê hương của rặng Rocky cao ngất trời mây, bốn mùa tuyết phủ, nằm trên miền cao nguyên nước Mỹ xa xôi vạn dặm. Một mình ngồi bên bàn viết khi mọi người còn trong giấc nồng say, và vạn vật bên ngoài như đang bị chìm sâu trong vùng biển hơi trắng xóa mông mênh. Xa xa, trên lưng đồi, thấp thoáng những ánh đèn khuya lập lờ ẩn hiện trong sương, như những vì sao lạc loài cô đơn mờ ảo. Tuyết vẫn còn rơi. Những hoa tuyết trắng như bông, từng đóa rơi rơi, nhẹ nhàng, êm ả cô liêu. Vì tuyết rơi không gây tiếng động rì rào như mưa.

Đêm càng sâu, màn tuyết phủ càng dày. Những đồi tuyết sáng óng ánh mông lung hoang dại, ửng lên trong không gian một màu trắng nhạt hoang vu im lìm vây bủa. Qua khung cửa kính mờ đục hơi sương, cơn gió đêm bỗng tạt qua làm rơi rớt những chùm bông tuyết còn đọng lại trên mái nhà, chạm phải những cành cây khô bên dưới, vỡ tung ra thành những hạt nhỏ, lấp lánh kiêu sa như những cánh hoa rơi, như pha lê vỡ vụn, trông đẹp đến nỗi nùng. Một vẻ đẹp trĩu buồn xa vắng, đặng đặng nhớ thương, đưa sa mạc vào lòng người lữ thứ cô đơn.

Mẹ ơi, bên này bờ đại dương con thường đếm tháng ngày và xuân này đã hơn hai mươi năm dài xa vắng. Bức tranh quê mình vẫn luôn nồng nàn tha thiết trong tim con, như những ký ức tuyệt vời không bao giờ quên được.

Mùa đông đã qua, mùa gặt cũng đã xong. Bầu trời tươi sáng dưới tia nắng xuân nồng ấm chan hòa ôm cả không gian. Từng đàn chim nhỏ tung tăng bay lượn trên cánh đồng còn thơm mùi rạ mới. Bên bờ ao, những chùm

bông súng, những đón lục bình nở trong tím ngắt, và đàn vịt con đang lao xao rượt lũ cào cào trên ruộng nước lạnh chanh. Dưới bầu trời xanh, bất chợt một đàn cò trắng bay về. Trên cánh đồng xa, những nẻo đường quê bé nhỏ hiền hòa. Văng vẳng tiếng nói cười mộc mạc của những bác nông phu. Tiếng hát đu đưa của mấy nàng thôn nữ vang vang trong chiều vắng. Dòng sông nhỏ sau nhà vẫn êm đềm trôi dọc theo con đường cát dài. Con đường xưa áo trắng học trò lá vẫn xanh như tình yêu đôi lứa.

Hôm nay đúng là ngày mồng một Tết của quê mình bên ấy. Nhưng bên này bây giờ vẫn còn là mùa đông băng giá. Con nhớ năm xưa khi đặt chân xuống thuyền ra khơi theo những giờ khắc của định mệnh, vì nghịch cảnh của quê hương, bỏ lại sau lưng cả một trời yêu dấu.

Từ một Sài Gòn hoa lệ được mệnh danh Hòn Ngọc Viễn Đông mang đầy kỷ niệm, suốt những ngày tháng dài đèn sách. Và, thành phố biển Qui Nhơn xinh xắn diễm kiều, với những bờ cát trải dài dưới khung trời biển xanh lồng lộng khi nắng xuân về.

Những đôi thông, bờ đá chập chùng, Gành Ráng nên thơ. Những Suối Mơ, Suối Tiên, đầy huyền thoại. Bãi Trứng gập ghềnh cheo leo, Qui Nhơn lộng gió dưới ngàn thông reo vi vu dọc triền cát trắng. Những chiều thu lá rụng êm đềm trên đôi dốc Mộng Cầm thơ mộng, nơi an nghỉ ngàn thu của người thơ Hàn Mặc Tử.

Con phố dài Nguyễn Huệ thật dễ thương chạy dọc theo bờ đại dương trong chiều nắng hạ. Đường Gia Long rộn rịp phố xá xôn xao những buổi sáng thanh bình. Đại lộ Nguyễn Thái Học, hai hàng khuynh diệp viền tròn khu phố. Hàng phượng thắm cuối đường ôm ấp sân bay những lần chờ đợi. Đường Võ Tánh, rợp bóng cây xanh thả dài bóng mát xuống tận công viên, những bước hẹn hò.

Những khung trời kỷ niệm Cường Để, Tây Sơn, Tân Bình, Bồ Đề, Nữ Trưng Vương, một thời áo trắng thơ ngây, bên bờ biển xanh biên biếc nghe sóng nước vỗ về.

Những buổi mai đầu xuân sáng rực mây hồng, ngược đường 19, thênh thang giữa hai cánh đồng xanh bát ngát, thẳng tắp Bình Khê, kỷ niệm Đống Đa, chiến tích lũy lừng của Quang Trung Đại Đế. Vị anh hùng vĩ đại nhất của dân tộc lừng danh bốn bể.

Rồi những thung lũng, những khu rừng, làng mạc, của Phù Mỹ, Bồng Sơn, Hoài Đức, Tam Quan, Hoài Ân, An Lão ... Những cánh đồng khô cằn sỏi đá của miền Trung thân ái, tuy nghèo nhưng tình quê thấm thiết đậm đà, mà con đã từng đặt chân qua trong thời chinh chiến, như một cuốn phim dĩ vãng đang quay về.

Nếu chỉ riêng nhắc đến quê mình thì càng thương lắm mẹ ơi! Quê ta chỉ vốn vẹn là một thôn nghèo đạm bạc. Với những khóm nhà tranh thật đơn sơ mộc mạc núp dưới đám dừa xanh, bên dòng Lại Giang êm đềm trôi theo ngày tháng. Nhưng đối với con, là cả một trời đầy ấp những hoài niệm tuyệt vời trân quý nhất, gắn liền với đời sống như một phần thân thể của mình. Nơi đó chính là nơi Mẹ được sinh ra đời. Cũng như hôm nay và mãi mãi mẹ đang nằm yên nghỉ ngàn đời bên cạnh cha con. Con đã lớn lên nhờ những hạt gạo thanh sạch của quê mình. Con đã thành người nhờ những giọt mồ hôi của cha mẹ lặng lẽ rớt trên cánh đồng khô. Và nguồn nước ngọt ngào của dòng Lại Giang hiền hòa đã tắm mát đời con suốt một thời trẻ dại.

Mẹ ơi, có làm kẻ tha hương mới thấy không nơi nào đẹp bằng quê mình. Đẹp trong tâm thức, đẹp vì những hình ảnh, những kỷ niệm đã trở nên lung linh ngọc ngà qua quãng đường dài hun hút thời gian. Dù ở bến bờ nào

cũng vẫn da diết quay quắt nhớ về làng cũ quê xưa, nhất là trong dịp Xuân về.

Khi con viết lên những dòng này, thì mẹ đã không còn trên cõi đời này nữa. Mẹ ơi! Con thật sự khổ sở biết bao. Xin mẹ hãy nhận những lời sám hối của con. Mùa Xuân năm trước con không về kịp để tiễn mẹ ra đi về cõi ngàn trùng. Lòng con quật thắt với niềm xót xa đờn đau hối tiếc tột cùng. Mẹ ơi!

*"Biển sâu lòng Mẹ sâu hơn
Con vui sóng vỗ nổi buồn triều lên
Cuống nhau liền với cuống tim
Cách chi con mẹ báo đền công ơn ..."*

(H.H.C.)

Nhớ ngày nào con đã ngoài 20 tuổi đầu, phải đi học xa. Mỗi lần về quê thăm nhà, con thường thích ra ngoài sân sau ngủ mát, nhờ có gió sông thổi lên. Mẹ sợ con bị sương đêm thấm lạnh, đã len lén dựng một túp lều che sương cho con, bằng mấy chiếc nong phơi lúa. Khi thức giấc, con chạy ào vào nhà, ôm mẹ khóc òa, vì thương mẹ quá chừng. Mẹ ơi, Mẹ hãy tha tội cho con, vì con vẫn luôn là con của mẹ dù có trải qua muôn ngàn kiếp luân hồi. Xin cảm ơn đức Bồ Tát từ bi đã cho con phước huệ được làm con của mẹ. Mẹ ơi! Con bàng hoàng chới với khi đã mơ thấy mẹ trở về trên con đò vào một buổi chiều hoàng hôn tím nhạt. Mẹ rưng rưng mỉm cười tha thứ khi thấy con ra đón mẹ ở cuối dòng sông.

Con lại nhớ đến bài thơ của một thằng bạn cũ đã làm con rung động và nhớ da diết đến hình ảnh mẹ năm xưa

*"Ôi có những đêm mưa
Bóng mẹ hiền kéo chặn canh giấc ngủ
Lời ru xa kẻ kịt võng đong đưa"*

*Đã bao năm rồi
Ta thiếu bóng quê hương
Mùi áo mới, mùi thuốc pháo vương vương
Mùi thơm ngát cánh đồng quê lúa chín."*

(L.A.D)

Mấy năm gần đây bạn bè của con qua Mỹ thật đông, nhất là bạn thời còn trung học. Họ đều tập trung về miền nắng ấm Cali. Nơi này mỗi lần Tết đến, người ta cố tạo nên một mùa Xuân thật rực rỡ. Cũng hoa đào, hoa mai muôn màu khoe sắc, cũng rượu mứt pháo hồng. Nhưng mẹ ơi!

"Sao lại bảo là xuân?

Khi những cánh hoa không phải từ quê mẹ

Sao lại bảo là mùa xuân?

Khi không có con đường nào mang đến thuở thời son trẻ

(L.A.D)

Mẹ ơi, có xa cách quê hương, mới thấm thía được nỗi nhớ thương. Nhất là nơi xa ấy còn có những người thân nhất của mình. Dù gì con vẫn thích Cali mẹ ạ. Nơi quê người không gì sung sướng bằng được gặp lại bạn bè cùng quê, như có những sợi dây thiêng liêng ràng buộc chúng con. Mỗi lần gặp nhau trong những bữa tiệc thật đơn sơ, toàn xoay quanh những chuyện xưa ở quê mình. Với muôn ngàn kỷ niệm khó quên của tuổi hoa niên trẻ dại tìm về. Nơi đó với những bến sông xanh, mấy trắng cát vàng. Với những chiếc đò ngang thường đưa con qua sông, đến ngôi trường tiểu học Hoài Đức, một ngôi trường xinh xắn dễ yêu núp dưới bóng cây bàng mát rượi. Những buổi trưa hè nằm ngủ mát trong căn chòi xe, bên bờ đất Bình Chương, nghe tiếng nhạc vi vu kéo kẹt, từ những bánh xe nước quay đều tưới lên khắp cánh đồng xanh. Những đêm

trôi thuyền giăng câu trên dòng Lại Giang, với Cha với Nội, dưới vầng trăng bạc lả lơi trên đồi núi Trường Sơn. Ngày hè nghỉ học, cùng mấy thằng bạn nhỏ tha hồ chạy nhảy leo trèo no nê trên đồi Phước Sơn trong mùa ổi, xoài, thơm chín.

Ngày vui nhất khi biết mặc bộ đồ đồng phục học trò đến trường Trung học thị trấn, trên con đường cát phù sa, dưới hàng cây xanh lá, một dạo ngày hai buổi bốn lượt đi về. Rồi những buổi học vui buồn, những trại hè vui tươi thơ mộng ở Suối Tiên, Suối Vàng Hoài Châu, bãi biển Thiện Chánh, vườn dừa Sông Lô ... Ngày cuối tuần cùng bạn bè đạp xe đi tắm biển Tam Quan. Uống nước dừa xiêm Cửu Lợi. Bánh tráng nước dừa béo giòn Chợ Ân. Khi về, cả lũ xỏ dốc Hoài Tân qua đồng Phú Trắng trong chiều lộng gió. Đĩa bánh dây ngã ba Ông Lữ. Bát nước đường nóng hổi lò mía An Tây. Và Em, cô bé xứ dừa, có giọng Sông Sơn lơ lơ thật dễ thương, đã thấm vào hồn con trong những buổi đùa nghịch ấu thời.

"Đời càng dễ thương" khi mới biết tập tò làm dáng, biết vuốt tóc mình trong gương, biết mộng mơ băng khuâng những buổi tan trường. Những chiều buồn vu vơ, thường lơ thơ trên bến nước Trung Lương, dưới bóng nắng hanh vàng nhìn lên cầu Sông Lại. Những tà áo trắng bay, những đôi vai thon gầy, thả tóc buông dài chơi với trong gió. Bên kia là hàng tre thưa, bên này là bãi cát vàng ôm ấp đám dừa xanh, đong đưa trong nắng dưới mây chiều bảng lảng ngập ngừng trôi.

Lê Trọng Nguyễn, người nhạc sĩ tài hoa, đến từ xứ Quảng, đã nhiều lần dừng chân trên bến Cát, tức cảnh sinh tình, thả hồn vào kỷ niệm phổ lên được một ca khúc để đời. Đó là bài Nắng Chiều. Một nhạc phẩm mang đầy ý thơ lãng mạn trong sáng. Như những hoa nắng rơi bên

thêm, lung linh dưới tre la ngà, lao xao trên dòng nước biếc, đẹp như môi mắt người tình.

Tác phẩm vượt thời gian này đã đi vào nhạc sử Việt Nam, trải qua gần nửa thế kỷ vẫn còn vang vọng tuyệt vời. Với âm đoạn ngọt ngào lả lướt, như những áng mây màu sắc lướt thướt trôi trên bầu trời. Khi nắng chiều còn vương nhẹ trên mái đôi, trên muôn hoa lá, mộng mơ như sóng mắt long lanh, như suối tóc tơ ngà của người em gái nhỏ năm xưa.

Ôi quê hương ta đó, tất cả là đời sống, là hơi thở của con. Bồng Sơn, Bình Định đã cho con một thời niên thiếu thật đẹp và buồn. Nhà mình, bà con mình, bọn nhỏ chúng con đã trải qua được bao nhiêu ngày tháng thanh bình? Vừa mới lớn cuộc chiến đã đi vào khốc liệt. Bao niềm vui và ước mơ tuổi trẻ đã trôi theo những chuỗi ngày dài thăm thẳm loạn lạc nổi trôi. Thật tội nghiệp cho bà con cô bác ở quê mình. Những người dân thật thà chất phác, chỉ biết âm thầm khổ đau chịu đựng mọi mòn. Và, than ôi, tàn cơn binh biến mà người vẫn chia lìa.

Rồi bao nhiêu năm lưu lạc xứ người bị ném vào dòng đời cuộn cuộn nhọc nhằn của cuộc sống chỉ biết bon chen về vật chất, thiếu vắng tình quê. Đêm nay, một lần nữa đón giao thừa trên đất khách, bao kỷ niệm ngày xưa lại tràn về ngập lòng thương nhớ. Những khung trời quê hương yêu dấu vẫn chờn vờn bồng bềnh trước mắt, như cái nhìn mộng lung mờ ảo trong cơn say, thấm tận vào hồn nổi cô đơn hiu quạnh xa vời.

"Kiếp tha hương rượu không uống mà say.

Trong ảo giác

Ta thấy mình

Đang bước trên con đường quê ngày cũ."

Năm xưa khi còn ở quê nhà, ông Ngoại thường đón giao thừa bằng những bài thơ Đường, khai bút đầu năm, ghi lại những hoài vọng của người trong năm mới. Riêng con, nơi xa này, tuổi đời chồng chất, tóc đã bạc màu, vẫn là thằng con khù khờ ngốc tử của mẹ, muốn trái lòng mình lên trang giấy trắng, tưởng nhớ về mẹ hiền kính yêu muôn đời.

Và những tâm tình gửi đến quê hương xa xăm ngàn dặm: Những bãi cỏ, ruộng đồng, những vạt nắng bên sông, con đường làng bé nhỏ, những con phố nghèo nàn. Những rặng dừa, hàng cau, chòm mận trái me, bãi cát bờ tre, vách đá núi rừng. Và, những người bạn xưa, một thời xa biên biệt vẫn không bao giờ mờ nhạt trong trí nhớ của con.

Cũng trong giờ phút thiêng liêng này có bao nhiêu người con tha phương đang vọng tưởng về bên kia quê Mẹ mến yêu. Với lời nguyện cầu cho một quê hương thanh bình tự do và hạnh phúc, để mong tìm lại những mùa xuân đoàn tụ xum vầy.



NGUYỄN HÙNG

Sắc đẹp không phải là thể ưu tiên cho các cô gái trên con đường hạnh phúc. Hạnh phúc thực sự chỉ đến với những tâm hồn cao đẹp.

K Pau Tốp XKi

Người ta nóng nảy, nông nổi, hẹp hòi thì xử việc, việc hay hỏng tiếp người người hay giận mà chính mình cũng thiệt thòi.

Lữ Khôn

BÌNH ĐỊNH QUA BAO NĂM THÁNG

NGUYỄN CÔNG LƯỢNG

Bình Định là mộ tỉnh rộng lớn và trù phú nhất Miền Trung Việt Nam. Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ngãi, phía Nam giáp tỉnh Phú Yên, phía Đông giáp biển Thái Bình và phía Tây dựa dãy Trường Sơn giáp tỉnh Kontum. Chiều dài từ Bắc (Bình Đê) đến Nam (Cù Mông) độ một trăm cây số ngàn. Diện tích phỏng chừng 8.000 cây số vuông.

Đến Bình Định, hình ảnh đầu tiên đập vào mắt du khách là núi non trùng điệp, gò đống ngổ ngang, là những ngọn tháp Chăm rêu phong đứng buồn bã trơ trọi bên đồi qua nhiều năm tháng mà người ta không thấy xuất hiện ở vùng Bắc bộ. Điều này nói lên rằng vùng đất này khi xưa thuộc về nền văn minh khác với cái Nôi của dân tộc Việt (Kinh) ở vùng lưu vực sông Hồng.

"Bình Định Qua Bao Năm Tháng" xin giới lại những dòng sử cũ gọi là "cảo thơm lần giở" nhằm tìm hiểu lịch sử của một vùng đất từng nổi tiếng địa linh nhân kiệt ấy đã thay đổi như thế nào qua những lớp sóng phế hưng trải nhiều thời đại.

LIÊN BANG CHAMPA với **TIỂU VƯƠNG QUỐC VIJAYA.**

Thật vậy. Bình Định ngày nay vốn là một phần đất cũ của người Champa mà Sử Việt quen gọi là Chăm hay Chiêm Thành. Theo một số sử liệu hiện có đã minh xác rằng từ thế kỷ thứ 2 Tây lịch đến thế kỷ 19 dải đất từ Hoành Sơn (Quảng Bình) vào giáp sông Đồng Nai đã có sự hiện diện của một Liên Bang Vương Quốc mang tên Champa. Dân tộc Champa là một dân tộc đa chủng gồm các sắc dân Chăm, Radé, Jarai, Sedang, Bahnar, Hroi, Stieng, Ma, Curu, Ralgai ... Họ thuộc hai hệ ngôn ngữ Malayo-Polynésien và Austroasiatique, chịu ảnh hưởng của hai nền văn minh Ấn Độ Giáo và nền văn minh Phạn Ngữ. Nhưng họ có một nền văn minh riêng với những nét đặc trưng của nền văn hóa vật chất và tinh thần, điều này chứng minh qua những công trình xây dựng những tháp Chăm mà qua dòng thời gian vẫn đứng sừng sững cùng sương gió. Cung đàn nhịp phách mà chúng ta nghe được gọi là nhạc cung đình Huế không thể phủ nhận là nó không bị ảnh hưởng bởi nền âm nhạc Champa. Hai đội quân Sơn Phòng và Sơn Dũng của các dân tộc ở Tây Nguyên dưới thời Quang Trung đã góp công trong các trận đánh quân Thanh mùa xuân năm Kỷ Dậu năm 1789 tại Đống Đa chứng tỏ họ không hổ danh là con cháu của Chế Bồng Nga, một thiên tài quân sự của người Chăm.

Liên Bang Champa ở trong thế gọng kìm khá đặc biệt. Mặt Bắc thường chịu áp lực của Trung Quốc và Đại Việt (Việt Nam) và mặt Nam của Kampuchia mà qua lịch sử ghi nhận sau đây lý giải phần nào về sự hình thành và mất đi của nó trên bản đồ Thế giới.

Cùng chung số phận với các nước nhược tiểu quanh Trung Quốc. Năm Nhâm Dần (102 sau Công Nguyên) phần đất này đã bị nhà Đông Hán đời vua Hòa Đế thôn

tính đặt thành huyện Tượng Lâm. (Trước đó chưa có tài liệu minh xác sự thành lập quốc gia như thế nào).

Năm 192 K ouei (Khu Liên) đứng lên lãnh đạo một số bộ tộc vùng Je-nan (Huế bây giờ), thuộc hệ ngôn ngữ Malayo-Polynésien, chống lại sự đô hộ của nhà Đông Hán thành công và lập thành một nước tự chủ lấy tên là Lin-Yi (Lâm Ấp). Sau đó Lin-Yi bành trướng mạnh mẽ biên giới chính trị về phương Bắc cho tới Hoàn Sơn (Quảng Bình), và tìm cách đô hộ dần dần những Vương Quốc ảnh hưởng Ấn Độ Giáo ở phía Nam.

Đến đời Chu Cát Địa, tên nước được Tàu gọi là Hoàn Vương Quốc. Có lẽ vào thời này Chư Cát Đại đã thành lập được một quốc gia liên hoàn gồm các xứ từ Hoàn Sơn vào đến Đồng Nai nên Tàu mới gọi là Hoàn Vương Quốc tức là Liên Bang Champa gồm các Tiểu Vương Quốc. Hai thế kỷ sau vào năm Mậu Tý (808) nhà Đường sai Trương Chu đem quân đánh Hoàn Vương Quốc khiến họ phải dời đô xuống phía Nam (đến Quảng Nam, Quảng Ngãi bây giờ) kinh đô đóng ở Đồng Dương. Do sự thất bại, quốc hiệu Lin-Yi đổi ra Tchang-ich eng (809). Tchang-ich eng hay (Chiêm Thành là danh từ phiên âm từ Phạn Ngữ Campapura "thành phố Champa". Champa thực ra là một Liên Bang Vương Quốc có từ thời Chư Cát Địa, chia thành 5 khu vực hành chính hay 5 tiểu vương quốc là:

- Tiểu vương quốc Indrapura (từ Hoàn Sơn đến Hải Vân).
- Tiểu vương quốc Amaravati (từ Hải Vân đến sông Trà Khúc).
- Tiểu vương quốc Vijaya (từ Trà Khúc đến Đèo Cù Mông).

- Tiểu vương quốc Kauthara (từ Đèo Cù Mông đến Ba Ngòi).
- Tiểu vương quốc Panduranga (từ Ba Ngòi đến Đồng Nai).

Bình Định ngày nay là một phần của Tiểu vương quốc Vijaya. Theo các nhà khảo cứu thì Vijaya bao gồm cả phần đất cao nguyên ở phía Tây.

Năm Kỷ Sửu (989) vua Lê Đại Hành đánh Amaravati giết tướng Champa là Dương Tấn Lộc sang bằng kinh đô Đồng Dương (Quảng Nam). Vua Champa là Indra Varman 2 chạy vào Ban Ngui thuộc Vijaya rồi định đô tại đây, cho xây thành Foche tức Đồ Bàn năm (1000).

Năm Mậu Thân (1068) vua Lý Thánh Tông phong Lý Thường Kiệt làm Đại tướng đánh chiếm thành Phật Thệ (Đồ Bàn) giết được Tướng Champa là Bồ Bì Đà La và bắt được vua Rudra Varman 3 (Chế Củ). Để được tha mạng Chế Củ xin dâng 3 là lần đầu tiên có sự bành trướng đất đai của Đại Việt.

Việc gả Huyền Trân công chúa cho Chế Mân tới khi người đẹp trở về đất Việt (xin đọc lại bài Lại Giang Hà Xứ trong Đặc San Lại Giang số năm 1998) đã được các thi nhân mặc khách đương thời cũng như đời sau viết thành nhiều giai thoại.

Hoàng Thái Xuyên thừa ấy viết về cuộc bang giao này của hai nước Việt Chiêm như sau:

*Đổi chác xưa nay khéo nực cười,
Vốn đà chẳng mất lại thêm lời.
Hai châu Ô, Lý vương nghìn dặm,
Một gái Huyền Trân của mấy mươi.
Lòng đở khen ai lo việc nước,*

*Môi son phải giống mãi trên đời.
Châu đi rồi lại châu về đó.
Ngờ ngẩn trông nhau mấy đứa Hời.*

và một bài ca Nam Bình ra đời đến nay còn du dương giữa cung đàn nhịp phách bên bờ sông Hương, nói lên nỗi lòng bi đát của một nạn nhân trong tấn tuồng chính trị, được ghi lại:

*Nước non nghìn dặm ra đi, mối tình chi.
Mượn màu sơn phấn, đền nợ Ô Ly
Đắng cay vì đương độ xuân thì
Số lao đao hay là nợ duyên gì?
Má hồng da tuyết, quyết liêu như hòa tàn trăng khuyết.
Vàng lộn với chì
Khúc ly tao có sao mà mừng tượng nghệ thường!
Thấy chim hồng nhạn bay đi, tình tha thiết,
Bóng dương hoa quỳ
Nhấn một lời Mân quân, nay chuyện mà như nguyện.
Đặng vài phân vì lợi cho dân,
Tình đem lại mà cân
Đắng cay trăm phần ...*

Các học giả đã phê bình đây là tấn bi hài kịch chính trị, là việc bất tín của Nhà Trần với nước Chiêm. Đã mất của lại mất người và vì những lời thơ tiếng nhạc có vẻ khinh khi, người Chiêm không khỏi có sự buồn giận, nên không thể trách người Chiêm có những phản ứng mãnh liệt sau này.

Đời Trần Duệ Tông, năm Đinh Ty (1377) quân Việt tiến vào cửa Thị Nại (Quy Nhơn) phá được đồn Thạch Kiều, động Kỳ Mang rồi tiến đánh thành Đồ Bàn. Vua

Chiêm là Chế Bồng Nga dùng kế "không thành" giết được vua Trần Duê Tông, khiến hai tướng Lê Quý Ly và Đỗ Tử Bình phải bỏ chạy. Ngay tháng sau khi Trần Phế Đế vừa lên ngôi, Chế Bồng Nga thừa thắng đánh chiếm Thăng Long, vua quan Nhà Trần phải bỏ chạy về Đông Ngạn Bắc Ninh, cướp phá rồi rút lui. Tháng 5 năm 1378 Chế Bồng Nga lại đánh chiếm kinh thành Thăng Long lần thứ hai rồi cũng rút lui. Năm Canh Thân (1380) Chế Bồng Nga đánh chiếm Thanh Hóa và Nghệ An nhưng bị Lê Quý Ly đẩy lui vào tháng giêng năm 1382. Tháng 6 năm này Chế Bồng Nga lại cử binh Bắc tiến chiếm Thăng Long lần thứ ba vua quan nhà Trần phải bỏ kinh thành mà chạy. Sau nhờ tướng Nguyễn Đa Phương mới chiếm lại được kinh thành. Đời Trần Thuận Tông 1388 quân Chiêm lại tấn công từ Thanh Hóa trở ra khí thế rất hung hãn uy hiếp cả mạn Hoàng Giang. Tướng Trần Khắc Chân được cử đi chống giặc. Vua tôi cùng khóc lúc tiễn quân lên đường trông thật thảm hại. Đến Hoàng Giang Trần Khắc Chân không tìm được căn cứ thuận lợi liền xuống đóng quân ở Hải Triều (thuộc địa phận Thái Bình). Tháng giêng năm Canh Ngọ (1390) Chế Bồng Nga dẫn 100 chiến thuyền tiến lại gần địa điểm Hải Triều để dò xét trận thế, bị một tên quân phản phúc chỉ điểm nên bị quân Nhà Trần bắn chết trong khi đứng thị sát.

Những năm trị vì của Chế Bồng Nga là thời vàng son nhất của Champa, Champa đã thâm hồi lại được những vùng đất đã mất từ Hoàn Sơn đến Hải Vân. Nhưng về sau, trong suốt thời gian cai trị vương quốc này của La Khải, một tướng thân cận của Chế Bồng Nga, lấy hiệu là Jaya Simhavarman Sri Harijatti thì những vùng đất trên phải trao trả lại cho Đại Việt.

Theo các nhà nghiên cứu lịch sử của Champa: "Thời kỳ vàng son của Chế Bồng Nga chỉ là khung cảnh vàng son của một thời kỳ lịch sử, nó là tiếng chuông báo hiệu cho sự suy tàn dần dần của nền văn minh Bà La Môn Giáo ở Champa vào cuối thế kỷ 14. Vì từ thế kỷ 14 nền văn minh Champa không còn giữ trạng thái nguyên thủy của nó. Sự biến dạng này xuất phát từ sự phai tàn của nền văn hóa Phạm Ngữ, của triết lý Bà La Môn Giáo hay Phật giáo Đại Thừa mà Champa đã dựa vào từ mấy chục thế kỷ qua, để xây dựng nền tảng cơ bản từ một nguyên nhân khác không kém quan trọng, đó là sự bành trướng của Hồi giáo ở Ấn Độ đã cắt đứt sự liên hệ của Ấn Độ với các nước Đông Dương, đã làm trì hoãn sự phát triển của văn hóa Ấn Độ ra bên ngoài, văn hóa mà Champa đã du nhập để dùng làm cơ sở cho nền văn minh của mình. Sự suy tàn của nền văn minh Champa còn có một yếu tố khác, đó là sự bại vong trong nhiều chiến trận quân sự vào thế kỷ thứ 13 đã làm phai nhạt đi niềm tin của quần chúng vào cơ cấu huyền bí của Ấn Độ Giáo mà Champa vẫn tin rằng cơ cấu này phát xuất từ các Đấng thiêng liêng. Vì bằng chứng rõ rệt là những cơ cấu huyền bí này đã không còn sức mạnh chống lại với sự xâm lược của Kampuchea, Trung Quốc hay Đại Việt. Chính vì thế, dân tộc Champa bắt đầu xa lánh dần dần các thành thánh thiêng du nhập từ Ấn Độ. Sự khủng hoảng tinh thần của nhân dân đối với triết lý Ấn Độ Giáo trong vương quốc Champa, cũng là nguyên nhân chính đưa Champa, trong suốt thế kỷ 13, đến con đường suy yếu trong mọi lãnh vực."

Ngoài ra, còn có những biến cố sau đây đã góp phần làm cho Champa suy yếu:

1/. Đó là việc tranh chấp chính trị nội bộ nhằm nắm độc quyền cai trị trên Vương quốc Champa giữa hai dòng

tộc của các vua Champa trước thế kỷ 15. Đã đưa phía Bắc và dòng họ Cây Dừa nắm quyền cai trị hai Tiểu Vương quốc phía Nam.

2/. Sau 10 năm chiến tranh với Kampuchea (1193-1203) Champa trở thành thuộc địa của Kampuchea trong suốt 17 năm trời (1203-1220).

3/. Chiến tranh với Mông Cổ và sau đó bị Mông Cổ chiếm đóng trong hai năm (1282-1285).

CUỘC NAM TIẾN và CHÍNH SÁCH VIỆT NAM HÓA

Năm Nhâm Ngọ (1402) thời Hồ Hán Thương, Hồ Quý Ly (là Thái Thượng Hoàng khi làm quan dưới Triều Trần tên là Lê Quý Ly) cử Đỗ Mãn đem quân đánh Chiêm. Chiêm vương Ba Địch Lại dâng đất Chiêm Động (phủ Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam) để cầu bãi binh. Hồ Quý Ly đòi thêm đất Cổ Lũy (Quảng Ngãi) đặt ra lộ Thăng Hoa rồi thi hành chính sách di dân. Hồ Quý Ly chính là tác giả của chính sách "Nam Tiến".

Năm Canh Thìn (1470) Lê Thánh Tông đánh chiếm Đồ Bàn, bắt được vua Chiêm là Trà Toàn thì biên giới Đại Việt mở rộng tới núi Thạch Bi (Đá Bia) nằm giữa Phú Yên và Khánh Hòa ngày nay. Khi làm chủ được Vijaya Lê Thánh Tông quyết định phong vương cho Bồ Trì Trì quyền cai trị trên lãnh thổ Champa còn lại, đó là tiểu vương quốc Kauthara (Nha Trang) và Panduranga (Phan Rang và Phan Rí). Champa vẫn còn là một vương quốc độc lập, nhưng độc lập trong hệ thống chư hầu của Đại Việt.

Sau khi vua Lê Thánh Tông từ trần năm 1497, Đại Việt lại rơi vào nội chiến giữa hai họ Trịnh Nguyễn. Chúa Nguyễn tự xưng vương và đặt thủ đô cai trị gần khu vực

Huế bây giờ. Các Chúa Nguyễn phát huy chính sách "Nam Tiến" chủ yếu là dời biên giới của mình về phương nam. Tuy có gặp sức kháng cự của vương quốc Champa trong chính sách "Bắc Tiến" nhưng đây chỉ là dịp cho Đại Việt có cơ bành trướng lãnh thổ về phương Nam mà thôi. Po Nit (1603-1613) đã xuất trận tiến đánh Quảng Nam, thì Đại Việt thừa cơ chinh phạt chiếm trọn khu vực Phú Yên, dời biên giới đến Mũi Varella, phía Bắc Nha Trang, đặt thành Dinh Trấn Biên. Po Nraop năm 1653 tiến chiếm Dinh Trấn Biên thì Đại Việt gởi một đoàn quân hùng hậu tiến đến sông Phan Rang, tiểu vương quốc Kauthara biến đổi thành dinh Thái Khang và Diên Khánh. Năm 1658, lợi dụng sự khủng hoảng chính trị trong nội bộ Kampuchea Chúa Nguyễn Phúc Tần dùng vũ lực xâm chiếm khu vực Sài Gòn Biên Hòa thì Panduranga trở thành khu vực "trái độn" mất đi toàn diện tư thế quân sự trọng yếu của mình. Để trả đũa cuộc tấn công của vua Po Saot nhằm thu hồi lại thánh địa Kauthara năm 1692 thì Chúa Nguyễn Phúc Chu tiến binh thanh toán nốt vương quốc này, đổi danh xưng Chiêm Thành (Campapura) thành Trấn Thuận Thành, rồi đổi thành Phủ Bình Thuận một năm sau đó. Có nhiều cuộc vùng dậy của người Champa rất quật cường tiếp theo nhưng không thành công, cho năm 1832 sau cuộc trừng phạt thẳng tay của vua Minh Mạng, cho lệnh xóa bỏ Panduranga-Champa chia đất đi thành hai huyện An Phước và Hòa Đa trực thuộc tỉnh Bình Thuận thì vương quốc Panduranga-Champa xem như hoàn toàn bị diệt vong.

Song song với cuộc "Nam Tiến" là chính sách "Việt Nam Hóa". Người Việt được đưa vào khai khẩn những vùng đất vừa mới chiếm được. Họ nỗ lực khai phá đất hoang, sống hòa đồng với những người Champa còn ở lại

cùng xây dựng cuộc sống mới, lập thành làng xã, các địa danh tiếng Việt lần lần xuất hiện.

Năm Tân Tị (1471) Vua Lê Thánh Tông cắt đất từ Bến Đá ra sông Trà Khúc nhập vào hai châu Tư và Nghĩa lập ra phủ Tư Nghĩa (Quảng Ngãi). Từ Bến Đá vào Thạch Bi Sơn chia làm ba huyện là Bồng Sơn, Phù Ly và Tuy Viễn đặt thuộc phủ Hoài Nhơn. Ba phủ Hoài Nhơn, Tư Nghĩa và Thăng Hoa (Quảng Nam) đều thuộc Quảng Nam Thừa Tuyên. Đèo Bình Đê được đặt tên làm ranh giới cho Bồng Sơn và Tư Nghĩa. Phần đất từ Cù Mông đến Thạch Bi vẫn thuộc phủ Hoài Nhơn nhưng người Champa vẫn còn sinh sống, người Việt chưa vào lập nghiệp. Đến năm Mậu Dần (1578) Chúa Nguyễn Hoàng đặt chức Trấn Biên Quan thì dân Việt mới chính thức di dân vào khai khẩn.

Năm Nhâm Dần (1602) phủ Hoài Nhơn đổi tên thành Phủ Quy Nhơn trực thuộc Quảng Nam Dinh, đứng đầu có chức Tuần Phủ Khám Lý giữ việc cai trị.

Năm Tân Hợi (1611) Phủ Phú Yên được thành lập cắt đất từ Cù Mông trở vào nhập với đất Bà Đài, Đà Lãng. Đèo Cù Mông được đặt tên làm ranh giới giữa hai phủ Phú Yên và Quy Nhơn.

Năm Tân Mão (1651) Chúa Nguyễn Phúc Tần đổi phủ Quy Nhơn ra phủ Quy Ninh. Nhưng đến năm Nhâm Tuất (1742) Chúa Nguyễn Phúc Khoát lấy lại tên cũ là Quy Nhơn.

Năm Bính Thân (1776) Chúa Tây Sơn là Nguyễn Nhạc đổi Đồ Bàn làm Hoàng Đế Thành.

Năm Kỷ Mùi (1799) Chúa Nguyễn Phúc Ánh chiếm được Quy Nhơn đổi tên thành Bình Định, ý muốn nói rằng đã dẹp yên (bình định) được kẻ địch là Tây Sơn. Nhưng khi tướng Tây Sơn là Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng

chiếm lại đất Quy Nhơn năm 1800 thì gọi là Bình Định Dinh.

Khi Nguyễn Phúc Ánh thống nhất đất nước, lên ngôi Vua lấy hiệu là Gia Long thì tên Bình Định Dinh vẫn được giữ. Trong năm này Vua cho triệt hạ ấp Tây Sơn là nơi khởi nghiệp của nhà Nguyễn Tây Sơn và đổi tên ra ấp An Tây cũng hàm ý đã dẹp yên được nhà Tây Sơn.

Năm 1808 Bình Định Dinh đổi ra Bình Định Trấn có quan Trấn thủ đứng đầu. Thành Đồ Bàn tức Thành Quy Nhơn hay Hoàng Đế Thành bị triệt hạ. Trấn lỵ được dời về hai thôn An Ngãi và Liêm Trực bây giờ với thành mới xây gọi là thành Bình Định.

Năm Minh Mạng thứ 12 (1831) Bình Định trấn được đổi thành Bình Định Tỉnh, đặt chức Bình Phú Tổng Đốc cai quản cả tỉnh Phú Yên. Huyện Tuy Viễn chia làm hai huyện là Tuy Phước và Tuy Viễn và đặt phủ An Nhơn. Phù Ly chia làm hai huyện là Phù Mỹ và Phù Cát, Phù Ly được dùng để gọi tên cái chợ nằm ở hữu - ngạn sông La Tinh.

Năm Tự Đức thứ 30 (1877) đặt Nha An Khê để cai quản 28 thôn vừa lập dọc theo bờ sông Ba. Đến năm Đồng Khánh thứ 3 (1888) thì Nha An Khê sát nhập với phần đất phía tây huyện Tuy Viễn lập ra huyện Bình Khê.

Năm Thành Thái thứ 2 (1890) châu Hoài Ân được thành lập ở miền núi, trực thuộc Nghĩa Định Sơn Phòng có quan Sơn Phòng sứ đứng đầu đóng ở Ba Tư lo việc phòng thủ. Đến năm Thành Thái thứ 11 (1899) thì châu Hoài Ân được đổi thành huyện Hoài Ân, thuộc phủ Hoài Nhơn.

Năm Thành Thái thứ 18 (1906) huyện Tuy Phước được nâng lên hàng phủ. Bây giờ Bình Định có 3 phủ 6 huyện:

- Phủ Hoài Nhơn có 4 huyện: Bồng Sơn, Hoài Ân, Phù Mỹ, Phù Cát.

- Phủ An Nhơn có 2 huyện: Tuy Viễn, Bình Khê.

- Phủ Tuy Phước.

Năm 1933 tòa Tỉnh dời về thành phố Quy Nhơn nằm bên đầm Thị Nại. Tại thành phố này từ năm 1883 Chính phủ Bảo hộ Pháp đã đặt quan Trú xứ trông coi việc thương mại. Về sau quan Trú xứ được gọi là Công Sứ thay Chính phủ Bảo Hộ nắm trọn quyền cai trị, quan lại của cơ quan hành chính Nam Triều chỉ đóng vai thừa hành.

Năm Ất Dậu (1945) cuộc Cách Mạng dành độc lập bùng nổ. Chính quyền đương thời lấy tên các danh nhân địa phương thay thế cho các địa danh như: Bình Định đổi thành tỉnh Tăng Bạt Hổ, An Nhơn thành phủ Nguyễn Trọng Trì, Tuy Phước thành phủ Nguyễn Đình Thụ ... nhưng sự cải danh này rất ngắn ngủi (vài tháng) sau đó các địa danh cũ lại được phục hồi.

Năm 1955 dưới chính quyền Quốc gia, Bình Định chia làm 11 quận là: Hoài Nhơn, Hoài Ân, Phù Mỹ, Phù Cát, An Nhơn, Tuy Phước, Bình Khê, Vĩnh Thạnh, Vân Canh, An Lão, và An Túc. Năm 1965 vì lý do an ninh các quận nhỏ miền núi như An Lão, Vĩnh Thạnh, Vân Canh trở thành cấp Nha. Năm 1968 cắt phía bắc quận Hoài Nhơn thành lập Nha Tam Quan nhưng đến năm 1970 thì nâng lên hàng quận.

Năm 1970, thành phố Quy Nhơn được nâng lên làng Thị xã.

Sau tháng 4 năm 1975 Cộng quân chiếm trọn Miền Nam, tỉnh Bình Định lại sát nhập với Quảng Ngãi thành tỉnh Nghĩa Bình, các quận đổi thành huyện, có một vài huyện được thay đổi tên như quận Tuy Phước thành huyện Phước Vân, quận Bình Khê thành huyện Tây Sơn. Quận

Tam Quan trở lại tên của một xã. Nhưng đến năm 1985 Nghĩa Bình lại bị xóa bỏ để phục hồi lại hải tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi. Hai huyện Phước Vân và Tây Sơn cũng đổi lại là huyện Tuy Phước và Bình Khê như cũ.

ĐƯỜNG ĐẾN TƯƠNG LAI

Dân tộc nào cũng vậy, trải qua những đổi thay của biển dâu, luôn có những thăng trầm theo vận nước. Nước hưng thịnh phú cường thì nhân dân lấy làm vinh dự và sung sướng. Nước bị nạn ngoại xâm thì nhân dân phải lầm than và đau buồn tủi nhục. Chiến tranh hay chính biến là những sự kiện thường làm thay đổi những định chế của quốc gia, mọi vấn đề trong xã hội, và ngay cả đến nếp sống của mọi gia đình, những địa danh cũng thường bị thay đổi hay biến mất trên bản đồ. Tất cả những đổi thay mất còn đó đều có những nguyên nhân, đều theo quy luật tiến hóa của xã hội phù hợp với từng thời đại của nó.

Mảnh đất Bình Định ngày nay qua năm tháng đã thay đổi từ tên gọi của nó đến những dân tộc sống trên đó, từ một tiểu vương quốc mang tên Vijaya trong Liên bang Champa của người Chăm trở thành một phủ, một trấn, một dinh của người Việt do những nguyên nhân như đã trình bày ở trên và những trang sử đấu tranh của dân tộc Chăm tuy đã khép kín theo qui luật đấu tranh "mạnh được yếu thua" nhưng chưa phải là sự khép kín sau cùng. Bởi vì thật tình mà nói người dân tộc Chiêm Thành (Chăm) nào lại không yêu thích mảnh giang sơn từ Hoàn Sơn đến giáp sông Đồng Nai, cũng như người dân Bình Định nào đang lưu lạc lại không nhớ về mảnh đất thân yêu mà mình đã sinh ra và lớn lên trên đó, và những dân tộc nào sống ở Miền Nam Việt Nam trước tháng Tư năm 1975 lại không

nhớ về Việt Nam Cộng Hòa? Nhưng giang sơn hãy còn đó, Tổ quốc hãy còn đây - trong lòng mọi người, nên cái mất lớn lao chung của chúng ta chỉ là đã đánh mất chính quyền. Bởi vậy, cái quan trọng không phải ở cái mất mát mà ở chỗ đấu tranh để tạo dựng cho cái còn đó được tốt đẹp hơn hợp với quy luật tiến hóa và phát triển.

Nhìn lại mảnh đất Miền Trung Việt Nam ngày nay thừa xa xưa được người Tàu đặt tên là Tượng Lâm rồi sau gọi là Lâm Ấp nghĩa là nơi xứ rừng có nhiều voi. Thời kỳ người Chăm ngự trị trên mảnh đất đó đã cho xuất hiện những kinh thành những thánh địa những chiếc tháp Chàm độc đáo với lối kiến trúc thật tuyệt vời của một nền văn minh riêng. Qua thời kỳ người Việt cai trị rừng rú bị đẩy dần để biến thành những đồng lúa xanh tươi những mảnh vườn xinh đẹp với nhiều đô thị phồn hoa ... Biết bao thế hệ của mọi dân tộc đã đổ mồ hôi nước mắt và máu xương cũng chỉ để đấu tranh và xây dựng cho sự thịnh vượng chung của đất nước. Nhìn những cảnh tượng đẹp đẽ đó không ai dám phủ nhận công lao khai sáng và tài bồi của tiền nhân dù là dân tộc nào Chăm hay Việt.

Kể từ năm 1832, được xem như Vương Quốc Champa hoàn toàn bị xóa tên trên bản đồ và chấm dứt sự hiện hữu với tư cách là một quốc gia có chủ quyền, phải thẳng thắn mà nói người Champa phải sống cảnh lầm than và bị đàn áp dưới các triều vua phong kiến nhà Nguyễn nhất là thời Minh Mạng, với Sắc chỉ bắt buộc người Chăm phải lấy tên họ Việt và từ bỏ y phục Chăm để mặc y phục Việt là một minh chứng.

Nhưng khi mà trào lưu dân chủ đã trỗi dậy trên khắp thế giới và Việt Nam đã đổi sang chính thể Dân chủ dưới hai triều Đệ Nhất và Đệ Nhị Việt Nam Cộng Hòa thì các sắc dân thiểu số đã sống hội nhập vào Cộng đồng Quốc

gia Việt Nam trong tình đoàn kết dân tộc, trong tình yêu thương đùm bọc và giúp đỡ lẫn nhau không phân biệt chủng tộc. Niềm tin tôn giáo, phong tục tập quán, ngôn ngữ, chữ viết, văn minh văn hóa truyền thống của mọi dân tộc đều được trân quý, gìn giữ và tồn tại trong tính văn hóa đa dạng Việt Nam. Hiến pháp Việt Nam Cộng Hòa 01/04/1967 đã minh định "Quốc gia công nhận sự hiện hữu của người thiểu số trong cộng đồng quốc gia Việt Nam" và "quốc gia chủ trương bình đẳng dân tộc". Từ đó Sắc luật số 033/67 ra đời ban hành qui chế riêng biệt cho các dân tộc thiểu số nhằm thực hiện chủ trương: nâng cao dân trí, cải thiện dân sinh cho đồng bào thiểu số trong tinh thần cộng đồng và đồng tiến xã hội. Một Bộ gọi Phát Triển Sắc Tộc được thành lập dưới sự chỉ huy và điều hành của một Bộ Trưởng và những thuộc cấp gồm những người thuộc các sắc tộc. Những khóa đào tạo những cán bộ hành chánh cao cấp của Trường Quốc Gia Hành Chánh con số ưu tiên cho những anh em các sắc tộc thiểu số cũng lên đến 10% mỗi khóa ... Nhiều chức vụ dân cử như Thượng Nghị Sĩ, Dân Biểu Quốc Hội, Nghị Viên ... đều có mặt những nhân vật uy tín người sắc tộc thiểu số để đại diện cho các cộng đồng của họ.

Nhưng thật không may cho dân tộc, tháng Tư năm 1975 Cộng sản thôn tính nốt Miền Nam Việt Nam, áp đặt chế độ độc tài, độc đảng để cai trị thì nhân dân Việt Nam mất tất cả mọi quyền tự do căn bản, từ tự do cư trú đến tự do đi lại, từ tự do lập hội đến tự do tín ngưỡng, từ tự do báo chí đến tự do phát biểu, từ tự do bầu cử đến tự do ứng cử ... Nếu là những người ngây thơ chưa biết Cộng sản là gì thì chỉ nhìn vào các văn bản hay nghe những lời tuyên truyền đều cho rằng tại nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam có đầy đủ mọi thứ tự do, có công bằng

xã hội, có nhân quyền, có tự do tín ngưỡng. Nhưng mỉa mai thay chỉ nhìn vào mấy lời mở đầu của bản Hiến pháp của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam rằng thì là chính quyền được đặt trên căn bản "Của dân, Do dân, và Vì dân" và xây dựng trên nền tảng "Nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý, và Đảng lãnh đạo" nếu tinh ý phân tích và tự đặt câu hỏi: Nếu tôi có một tài sản mà tài sản đó do một người khác quản lý và một người khác nữa lãnh đạo thì thử hỏi tôi còn làm chủ được cái tài sản đó của tôi hay không? Thì đủ biết cái dân chủ giả hiệu đó nó như thế nào. Chính vì thế mà đã một thời gian dài người dân muốn mua một ký gạo tại những cửa hàng do nhà nước quản lý phải trả đến 20 đồng trong khi đó giá bán cho đảng viên cũng là viên chức nhà nước chỉ có mấy chục xu. Còn thế hệ học sinh là những mầm non của đất nước, một học sinh muốn được học lên cấp trung và đại học thì hẳn có lý lịch tốt đồng nghĩa phải là con cháu của đảng viên ... Chính vì những bất công đó mà các tệ nạn như tham nhũng, buôn lậu thuốc phiện bạch phiến, đĩ điếm, xì ke ma túy hút xách v.v... đã trở thành những căn bệnh xã hội chủ nghĩa vô phương cứu chữa. Đến ngày nay Việt Nam thật sự đã bị băng hoại về mặt đạo đức, phá sản về mặt tinh thần, tụt hậu về mặt phát triển đất nước ... Tất cả đều do một nguyên nhân chính là: Đảng độc tôn đưa đến độc tài, kẻ có chức quyền muốn làm gì thì làm, nên bóp chết tự do, vi phạm nhân quyền, sinh ra quốc nạn.

Vậy muốn cho mảnh đất Vijaya ngày xưa hay Bình Định ngày nay nói riêng và Việt Nam nói chung trong tương lai có được một bộ mặt mới, nghĩa là một đất nước mà luật pháp được bảo vệ, có tự do công bằng thực sự, và nhân quyền được tôn trọng chúng ta phải làm gì? Câu trả lời là chúng ta dù ở quốc nội hay hải ngoại đều phải tranh

đấu để tạo dựng cho được một chính quyền do dân bầu ra, mọi người được quyền tham gia xây dựng, chứ không phải do một Đảng phái nào độc quyền lãnh đạo hay một dòng họ nào độc tôn cai trị. Lúc đó bất cứ ai dù là người Việt hay người Chăm, dù là người Minh hương hay người Nùng ... miễn là công dân Việt Nam có tài có đức đều có thể trở thành Tổng Thống lãnh đạo quốc gia qua một cuộc bầu cử tự do dân chủ. Không ai có quyền nhân danh một thế lực hay dựa vào bất kỳ công trạng nào để đi ngược lại trào lưu dân chủ và bóp chết quyền Tự quyết của Dân tộc. Đây chính là con đường dẫn đến tương lai cho Việt Nam chúng ta. Một tương lai xán lạn huy hoàng cho các thế hệ mai sau trên mảnh đất hình chữ S thân yêu, phải được đắp bồi ngay từ hôm nay bởi toàn thể con dân Việt Nam bao gồm mọi bản sắc dân tộc.

NGUYỄN CÔNG LƯỢNG

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim, Cơ Sở Xuất Bản Đại Nam.
- Việt Sử Toàn Thư của Phạm Văn Sơn, Cơ Sở Xuất Bản Đại Nam.
- Tập San Champaka, Number 1-1999, IOC-Campa ấn hành.
- Đặc San Vijaya, Số 1-1999.
- Non Nước Bình Định của Quách Tấn, Nam Cường Xuất Bản, 1967.
- Nhân Vật Bình Định của Đặng Quý Dịch, Soạn giả Xuất bản, 1971.

TẠI ĐIỀN TRANG LỘC XUÂN

Lời giới thiệu: Lê Nguyên Phương là bút hiệu của Lê Công Minh một cựu học sinh ưu tú trường Cường Để- Một Kỹ Sư địa chánh đã từng giữ chức vụ Trưởng Ty Điền địa tỉnh Bình Định (thời chính phủ VNCH). Sau 30/4/75. Anh cùng đồng hương cử nhân luật khoa Niên trưởng Phạm Quang Cảnh (HVCS/QG) thời chính phủ VNCH đã lãnh đạo một tổ chức đối kháng với chính phủ Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Cả hai anh đều bị CSVN xử tử hình năm 1985. Phạm Quang Cảnh đã xả thân đền nợ nước. Lê Công Minh sau giảm xuống khổ sai chung thân. Cuối năm 1998 mãn tù Anh vẫn sống nơi quê nhà đem tâm tình gởi gắm nơi Điền Trang Lộc của "Một Lương Nông, bởi chưa thành Hào Sĩ ..."

*Mở cửa ra thấy Núi,
Núi Bù yên và tin cậy biết bao!
Suốt bốn mùa trời thăm đến nao nao
Đất chan chứa màu xanh cây đang lớn;
Xa thị thành,
văn minh còn khiêm tốn
Mà gió trắng lồng lộng đắm say người ...
Rồi cuối cùng
Ta đã có một nơi
Sống - Làm việc - Rong chơi cùng suy nghĩ.
Ta sẽ là Lương Nông
bởi chưa thành Hào Sĩ,
Cảm khái ngâm câu "Đốc cạn một Hồ Trường"
cái cuốc, cái cày, rẫy bãi, ruộng nương
còn Đất, còn Trời*

Người sẽ tìm ra Cửa.

*Tiếng chim hót sớm mai
dịu dàng như lời Em một thuở
Phút bình yên
Ta lặng nhớ cuộc đời ...
Ngoài vườn kia có quả chín sắp rơi,
chim ăn nhé, cho lòng ta vui mấy.
Hoa thắm đỏ, cho dẫu là hoa giấy
Gió tự trời xanh biếc xuống mơn mang;
Hạt hĩnh sắc màu,
những cánh bướm khoe khoang,
Chợt xao xác
Dường như ghen với gió.
Còn đâu đó
bon chen ngàn lá cỏ,
cứ thân nhiên phụng phí ánh mặt trời ...
con cu cườm trên cành mận đánh rơi
mấy tiếng gáy
u hoài mong nhớ bạn ...*

*Đám mây trắng cần cù như phu trạm,
Cứ từng ngày mang đến những tờ thư
Của Mẹ, của Cha,
Của bao người rất thân đã khuất,
Có cả thư tình
Gom tự gió muôn phương ...
Trên đầu ta
óng ả mảng Thiên đường,
ngun ngút trời xanh trong mắt,
Tìm Tự Do,
ngẩng mặt gọi Em về ...*

Mộng Bình - yên qua giấc ngủ đơn sơ,
dưới tán lá, lung linh chùm hoa nắng.
Dã đóa hồng
Giữa chiều xa vắng
lòng băng khuâng chợt nhớ nụ hôn đầu.
Cuộc hành trình
đã mấy Biển mấy Dâu
ngồi thử đếm
cái Không cùng cái Có.
Cánh diều mỏng
lao đao chiều lạ gió
thoảng thơm hồn Thơ ấu
khuất trong ta ...
Tiếng sáo nào
đau buốt tiền Kinh Kha,
thương biết mấy
dấu trang Đời chưa kín ...

Vườn ươm dầm hoàn hôn
rực vàng như quả chín
Dã cánh cò nấn - ná đợi qua đêm
Ngày tiệc nuôi dài thêm,
nắng lả mình thoi thóp
Đêm cúi xuống, một góc trời choáng ngợp
Kìa chị Hằng!
Lộng lẫy dáng Giai nhân
hàng bạch - đàn mắt lá chợt long lanh
Phút tương ngộ
Niềm vui dầm nước mắt ...
Ta ngồi đây
Gởi lòng muôn bến bờ xa lắc
Chén rượu tri âm

thêm quá đến đau lòng ...

*Có cái gì thoang thoảng giữa hư không,
Mùi nhān chín
xôn xao đàn dơi đến,
Mặt ao rộng, chập chùng muôn ánh nến,
Gió ngọt ngào
như gió của dòng sông
Chuyện cuộc Đời, chuyện trời đất mênh mông
Ta đối mặt
cùng Thiên nhiên hào phóng ...
Một con cá vẫy đuôi
cả bầu trời dậy sóng,
Ngàn sao kia run rẩy giữa vô cùng.*

*Áng mây trời muôn thuở vẫn ung dung,
Cho ta gửi niềm vui
cùng trăng sáng ...*

*Xuân Lộc 07/1999.
LÊ PHƯƠNG NGUYỄN*

Người ta ở đời đối với loài người mà gặp phải kẻ xử với mình một cách ngang ngược thì nên coi như mình đi vào bụi rậm vướng phải gai chỉ nên thông thả đứng lại gỡ dần ra mà thôi gai gốc kia có biết gì mà đáng giận. Xử được như thế thì tâm mình không phiền não mà bao nhiêu nỗi oán hận cũng tiêu tan.

Khuyết Danh

BA ANH HÙNG THỜI ĐẠI

- NAPOLÉON BONAPARTE
- GEORGE WASHINGTON
- QUANG TRUNG NGUYỄN HUỆ

ĐẶNG ĐỨC BÍCH

Thời đại nào cũng có anh hùng, đất nước nào cũng có người hùng anh. Từ Đông sang Tây, từ cổ chí kim đều có những siêu nhân, những người tài ba lỗi lạc xuất hiện nhưng ở những thời điểm khác nhau như Hạng Võ, Lưu Bang, Hàn Tín, nổi danh trong thời Xuân Thu Chiến Quốc; Thành Cát Tư Hãn đã gặm thét Hoa Lục và một thời kéo hùng binh sang tận Europe. Muskafa Kemal, Nã Phá Luân Đại đế, Hitler đã làm rung chuyển cả Âu Châu.

Vào thế kỷ thứ 18, tại Âu Châu, Hoa Kỳ và Phương Đông, có ba vị anh hùng xuất hiện cùng một thời điểm mà những chiến công và sự nghiệp hiển hách đã làm chói lòa trang thế giới sử: Đó là Đại Đế Napoléon Bonaparte Pháp Quốc, Tổng Thống Hoa Kỳ George Washington và Đại Đế Quang Trung Nguyễn Huệ Việt Nam.

1 - NAPOLÉON BONAPARTE: (1769-1821)

Đại Đế Pháp Quốc, ông đã thiết lập và bổ sung nhiều cải cách sâu rộng cho cuộc Cách Mạng Pháp. Một thiên tài vĩ đại về quân sự, ông đã chinh phục một phần lớn lãnh thổ Âu Châu và đã canh tân hóa những vùng đất đai chiếm đóng.

Napoléon sinh ngày 15/8/1769 tại đảo Corse, một hòn đảo nhỏ thuộc Pháp Quốc, là người thứ 2 trong gia đình 8 người con; tốt nghiệp trường Quân Sự ở Paris năm 16 tuổi. Sau cuộc Cách Mạng Pháp, ông được thăng lần đến cấp bậc Đại úy và trên đà danh vọng, lập được nhiều công trạng, ông được vinh thăng cấp tướng năm ông 24 tuổi.

Năm 1795 ông đã cứu chính quyền Cách Mạng Pháp bằng cách đánh tan cuộc nổi dậy của nhóm phiến loạn ở Paris. Năm 1796 ông kết hôn với góa phụ Joséphine de Beauharnais và cũng năm ấy, ông được đề cử làm Tư lệnh quân đội Pháp ở nước Ý. Nước Áo, Nga và Anh liên kết lại để chống Pháp Quốc và Napoléon quyết định trở về cứu nước Pháp.

Ngày 9/11/1799, tại Paris ông đã thiết lập một chính thể mới, Quốc Hội với một Hội Đồng Tư Vấn Bonaparte đầu tiên, sau này vào năm 1802 và 1804 được cải tổ lại để thành lập triều đại Napoléon Bonaparte.

Napoléon là một thiên tài về quân sự. Để tạo uy tín và củng cố quyền lực, năm 1800 chính ông đã thống lĩnh đoàn hùng binh vượt qua núi Alpes, đánh bại quân Áo tại Marengo; ngày 2/12/1805 chiến thắng vẻ vang quân đội liên kết Nga - Áo tại chiến trường Austerlitz. Năm 1806 Napoléon tiêu diệt quân đội Prussian tại Jena và Auerstadt, tiêu diệt quân đội Nga tại Friedland. Năm 1807 Napoléon chiếm Bồ Đào Nha, năm 1808 chiếm Tây Ban Nha, năm 1809 một lần nữa đánh bại đoàn quân Áo quốc tại Wagram và cũng năm này Napoléon ly dị Joséphine.

Triều đình nước Áo muốn làm giảm bớt sự căng thẳng, gây tình hòa hiếu, đã tiến cử Công Chúa Marie Louise và năm 1810, Napoléon Đại Đế kết hôn với Công Chúa con gái Hoàng Đế Áo Quốc. Marie Louise đã hạ sanh một Hoàng Tử năm 1811.

Năm 1812, Napoléon kéo quân sang đánh nước Nga và bị quân Nga dụ sâu vào Moscow, quân Pháp không chịu nổi cái lạnh thấu xương như cắt da thịt vào mùa đông, cuối cùng bị tan rã. Sau đó các nước Âu Châu liên kết chống lại ông ta. Tháng 4/1814, triều đình Pháp từ chối tiếp tục chiến tranh, các chính trị gia không ủng hộ ông nữa và Napoléon đã thất bại trong trận Waterloo ngày 18/6/1815 tại nước Bỉ. Ông bị đưa đi an trí tại đảo Saint Hélène, một đảo ở phía Nam Đại Tây Dương. Ông mất vì ung thư bao tử ngày 5/5/1821.

Dân tộc Pháp luôn tôn kính Napoléon Bonaparte. Khải Hoàn Môn được xây dựng ở Paris để tưởng nhớ đến ông, một vị anh hùng vĩ đại, với những chiến thắng vẻ vang liên tiếp đã làm rạng danh trang sử Pháp.

2 - GEORGE WASHINGTON: (1732-1799)

Chỉ huy trưởng Quân đội ở Lục địa trong thời gian cuộc Cách Mạng Hoa Kỳ. Một thiên tài về quân sự, một chính trị gia lỗi lạc, George Washington đã đưa đất nước Hoa Kỳ đến chỗ vinh quang. Ông là Tổng Thống đầu tiên của Hiệp Chúng Quốc.

George Washington sinh ngày 22/2/1732 tại Virginia Mỹ Quốc, là con trưởng của ông bà Augustine Washington, một điền chủ ở Virginia. Ông tỏ ra thông minh lỗi lạc, năm 16 tuổi đã được mời vào Ủy ban Nghiên cứu và Phát triển những vùng đất mới.

Năm 1755 với quân hàm Đại tá, ông được bổ nhiệm thống lãnh quân đội bảo vệ Virginia và những vùng biên giới thuộc địa phía tây Hoa Kỳ. Sau trận đánh giữa Massachusetts và quân đội Anh, ông được đề cử làm Tư lệnh quân đội lục địa, ông đã đánh bại quân đội Anh ở Boston vào giữa tháng 7/1776 và sau đó đưa đoàn quân

chiến thắng về New York. Áp dụng chiến thuật tốc chiến tốc thắng, ông đã đưa quân băng qua vùng đông tuyết Delaware giữa ban đêm 25/12/1776, bắt được Trenton trong một trận đánh thần tốc vào buổi sáng. Ngày 3/1/1777 ông đánh thắng quân đội Anh tại Princeton và tháng 6/1778, sau khi quân Pháp đứng về phe Mỹ trong cuộc chiến, Washington tấn công tân chỉ huy trưởng đoàn quân Anh, Henry Clinton tại Monmouth, New Jersey - Năm 1780, Washington được tăng cường một chiến đoàn 7000 người Pháp do Tướng Rochambeau chỉ huy, nhưng chính quyền Mỹ lúc đó yếu kém về tài chánh. Sau đó Washington về Rochambeau liên lạc với quân công Lafayette, chỉ huy trưởng quân đội Mỹ ở Virginia, di chuyển đoàn quân về Virginia - Tháng 10/1781 quân đội Mỹ - Pháp tấn công quân Anh mặc dù hòa bình đã ló dạng, Anh Quốc đã thừa nhận nền tự trị của Hoa Kỳ.

Ngoài quân sự, George Washington có tài về chính trị ông góp công nhiều trong việc soạn thảo Hiến Pháp và thành lập Quốc Hội, là nền tảng vững chắc đã đưa Hoa Kỳ trở thành một nước tự do, dân chủ và công bằng. Ông đã được bầu làm Tổng Thống đầu tiên của Hoa Kỳ vào năm 1778 và tái đắc cử Tổng Thống năm 1792. Ông mất tại Mount Vernon ngày 14/12/1799.

Dân tộc Hoa Kỳ tôn kính George Washington, xem ông như là một biểu tượng tinh thần của Quốc Gia. Ông được xem như một nhân vật tiêu biểu cụ thể trong cuộc sống, là một chiến binh, một nông gia, một người yêu nước muốn đem tâm huyết thực hiện, góp công trong việc phát biểu văn hóa và chính trị của một nước cộng hòa dân chủ.

Mason Locke Weems đã viết về George Washington cho tuổi trẻ mai hậu, được nhấn mạnh là siêu nhân ở chỗ

tự trọng, lòng hiếu thảo, làm việc siêng năng, lòng yêu nước và sự thông minh cần trọng.

George Washington cũng được gắn liền với dân tộc Hoa Kỳ, tiếp theo đó là quốc kỳ, hiến pháp và ngày 4/7 ngày Độc Lập của Hoa Kỳ.

3 - QUANG TRUNG NGUYỄN HUỆ: (1753-1792)

Quang Trung Nguyễn Huệ là một thiên tài đặc biệt về quân sự. Hành quân tốc chiến, tốc thắng, biến hóa như thần. Hiệu lệnh nghiêm minh, kỷ luật sắt thép. Đức tính làm tướng của ông đáng kể nhất ở chỗ biết chia bìu xẻ đấng với tướng sĩ, lấy ân uy và đảm lược để chinh phục lòng người.

Ra trận ông đi trước ba quân, lúc nguy nan, ông tỏ ra bình tĩnh, gặp những vấn đề khó khăn, những việc mà người khác phải khiếp vía kinh hồn thì ông thường nảy ra nhiều mưu kế lợi hại, tỏ ra có một khối óc thông minh, lỗi lạc phi thường.

Từ khi làm tướng, giữa lúc nước nhà ly loạn khắp nơi, đến khi ông mất, xông pha trăm trận bách chiến bách thắng, ông chưa hề biết chiến bại.

Nguyễn Huệ sinh năm 1753 tại Tây Sơn, Bình Khê, Bình Định (Việt Nam Sử Lược), con giữa của gia đình 3 người con trai, anh là Nguyễn Nhạc, em là Nguyễn Lữ.

Quang Trung Nguyễn Huệ tiếng to như chuông, mắt sáng như điện, sức khỏe tuyệt trần. Mỗi khi lâm trận, hai tay cầm hai dùi đồng, phi ngựa xông vào giữa trận, hàng trăm người cũng không địch nổi, lại có mưu trí quyền biến, mẹo mực như thần.

Nguyễn Huệ phía Nam diệt quân Xiêm La, phía Bắc phá tan quân Thanh, thống nhất đất nước. Nhà thơ Lê

Bính đã làm bài thơ đường luật, ca ngợi công đức của Vua Quang Trung:

*Trịnh Nguyễn hai bên dẹp đã đành
Thêm còn giữ nước cự nhà Thanh
Ngai vàng Chiêu Thống gìn cương kỷ
Duyên thắm Ngọc Hân nặng nghĩa tình
Sĩ Nghị mang sâu tâu Bắc khuyết
Càn Long vỡ mộng dẫm Nam thành
Xiêm La tướng sĩ ôm đầu chạy
Nước Việt nhờ đây hưởng thái bình.*

Năm 1784, quân Xiêm La được nhà Nguyễn, rước về nước. Xiêm La cử hai tướng Xiêm là Chiêu Tăng và Chiêu Sương kéo sang Nam Việt Nam hai vạn quân và 300 chuyến thuyền, đi đến đâu quấy nhiễu dân chúng đến đó, thật là tai hại.

Được tin, Nguyễn Huệ vội vào ngay Gia Định, áp dụng chiến thuật lùi để nhử địch vào các địa điểm chiến lược. Tại Xoài mút, Nguyễn Huệ đặc phục binh bên Rạch Gầm nay thuộc tỉnh Định Tường. Quân Xiêm La đến thì quân của Nguyễn Huệ đổ ra bất thành linh, đánh cả hai mặt thủy bộ, quân Xiêm xoay sở không kịp, chết và bị thương rất nhiều, mười phần chỉ còn một, hai, mang đầu chạy về nước.

Ngày 24/11 năm Mậu Thân 1788, Ngô Văn Sở từ núi Tâm Diệp cho tin cấp báo về Phú Xuân, việc Tôn Sĩ Nghị huy động binh mã, 4 tỉnh Vân Nam, Quý Châu, Quảng Đông và Quảng Tây, đem 200,000 quân, chia làm 3 đạo, kéo thẳng vào Thăng Long, khí thế rất mạnh.

Nguyễn Huệ tỏ ra rất bình tĩnh.

Các tướng sĩ yêu cầu ngài hãy chính hiệu để buộc lấy nhân tâm, dương thanh thế rồi sẽ tiến quân ra Bắc.

Nguyễn Huệ cho là phải, liền cho đắp đê giao ở núi Bàn Sơn, phía nam núi Ngự Bình, tế cáo trời đất và làm lễ dâng quang. Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế kỷ nguyên là Quang Trung ngày 25/11/1788. Vua Quang Trung khởi hết cả quân Thuận, Quảng, Thanh, Nghệ, đem ra Bắc Hà. Ngày 20 tháng chạp, đoàn quân tới núi Tam Điệp, khao thưởng quân sĩ, truyền cho ba quân tạm ăn Tết Nguyên Đán, hẹn đến mồng 7 tháng Giêng, thu phục thành Thăng Long, rồi sẽ mở tiệc khai hạ.

Mồng 3 tháng Giêng năm Kỷ Dậu 1789 kéo quân đến vây đồn Hà Hồi, nay thuộc tỉnh Hà Đông, truyền loa gọi dạ âm âm, đến vài vạn người, quân Tàu trong đồn run sợ, tan rã mà chạy, bắt được giết sạch, không còn tên quân Tàu nào chạy lọt về báo Thăng Long được nữa.

Vua Quang Trung thừa thắng đánh tràn đến đồn Ngọc Hồi, Vân Điển, Yên Quyết, giết được tướng Tàu là Đề Đốc Hứa Thế Hanh, Trương Triều Long, Tả Dực Thượng Duy Thăng. Tiên phong tri phủ Điền Châu là Sâm Nghi Đống không địch nổi, treo cổ tự vận trên cành cây đa. Tôn Sĩ Nghị được tin cấp báo, mất tinh thần, không kịp đóng yên ngựa cùng vài thân binh, vượt qua cầu phao trên Sông Nhị Hà chạy qua phía Bắc. Quân sĩ tranh cầu, xô nhau mà chạy, cầu đổ, chết hàng mấy vạn người, đến nổi nước Sông Nhị hà không chảy đi được. Hôm ấy là ngày mồng 5 Tết, vua Quang Trung mặc áo chiến bào xông pha trận mạc, thẳng vào Thăng Long, chiếc áo bào đỏ của vị anh hùng dân tộc, qua nhiều trận huyết chiến đã đổi ra màu đen cháy vì hơi khói của thuốc súng.

Nhà thơ Trần Văn Tâm đã làm bài thơ ca tụng chiến công oanh liệt của Quang Trung Đại Đế Nguyễn Huệ thắng quân Thanh trong những trận đánh thần tốc oai hùng:

ĐẠI PHÁ QUÂN THANH, XUÂN KỶ DẬU 1789

Vua Quang Trung khăn vàng buộc cổ
Đốt sạch quân lương
Quân sĩ đồng lòng
Hò reo như sấm nổ

Lớp lớp hùng binh
Hàng hàng chiến tượng
Ngài cỡi đầu voi chiến
Chỉ ngọn cờ đào, hùng dũng tiến quân
Trong nắng sớm mùa xuân
Áo bào đỏ oai nghi rực rỡ
Sĩ tốt ghép mộc gỗ
Chống lại súng thần công
Sức công thành mạnh như thác đổ
Đạp lũy hào, liễu chết xông lên
Quân reo ngựa hí vang rền
Hỏa hồ cháy đỏ liên liền thành tan

Quân Đô Đốc Long, Đô Đốc Bảo
Thế gọng kềm đánh thốc ngang hông
Phơi thây máu chảy đầy đồng
Xác giặc chết chất chồng gò đống
Đề đốc Hứa thế Hanh chết
Tiên phong Trương Triều Long vong mạng
Tả dực Thượng Dực Thăng rơi đầu
Sầm Nghi Đống đóng đồn Khương Thượng
Sức cùng thất cổ treo thây
Tôn Sĩ Nghị chạy thoát lấy thân
Cầu phao đứt xác đầy Sông Nhị

*Áo bào đen khói súng
Ngài vào thành Thăng Long
Trong tiếng khải hoàn ca
Đúng như lời đã hứa
Oanh liệt thay Vua Quang Trung
Bảy ngày đại thắng chiến công muôn đời
Bình Nam phạt Bắc chói ngời
Chí toan lấp biển, vá trời, ai hơn?*

*Mỗi độ xuân về
Lòng vui rộn rã
Nhắc chiến công xưa
Trang sử Việt uy nghi hồn Đại Đế
Trong khói trầm thơm tỏa
Anh linh hồn núi sông
Hỡi thế hệ Quang Trung
Hỡi tinh thần bất khuất
Hãy vùng lên phát ngọn cờ vàng
Cứu đất nước lâm than khổ ải.*

Vua Quang Trung mất ngày 29 tháng 7 năm nhâm Tý 1792, Miếu Hiên là Thái Tổ Vũ Hoàng Đế.

Ba vị anh hùng trên đây xuất thân từ những miền đất nhỏ, khiêm nhường của đất nước, như Napoléon Đại Đế sinh trưởng tại Đảo Corse, một hòn đảo nhỏ của Pháp; Tổng Thống Hoa Kỳ George Washington, con của một nhà trồng tía ở Virginia Hoa Kỳ; Đại Đế Quang Trung Nguyễn Huệ xuất thân từ đất Tây Sơn, một vùng đồi núi hiểm trở của tỉnh Bình Định Việt Nam, tất cả đã Bình Đông, trị Tây, đánh Nam, dẹp Bắc, tạo dựng một sự nghiệp lẫy lừng, là một tấm gương sáng cho thế hệ con cháu.

Hằng năm, vui Tết mừng Xuân, chúng ta ngồi uống trà thưởng Xuân, nhớ lại những chiến công oanh liệt của tiền nhân. Chỉ trong 7 ngày chiến đấu ào ạt, Vua Quang Trung đã tiêu diệt được hai trăm ngàn quân Thanh mau như chớp nhoáng. Đây là một chiến công lớn lao của các danh tướng Đông Tây cổ kim trên thế giới và cũng là những hãnh diện bất diệt của Hôm qua, Hôm nay và Ngày mai cho toàn thể dân tộc Việt Nam.

ĐẶNG ĐỨC BÍCH

QUA ĐÈO CẢM TÁC

*Từ đó về đây cách mấy đèo, (1)
Đường đi lên xuống khúc quanh queo.
Non cao lởm chởm hòn hòn chất,
Sông rộng lô nhô đũa đũa chèo.(2)
Một dãy sơn hà ngang dọc đó,
Đôi vừng nhật nguyệt lững lơ treo.
Tang bồng lở hện nam nhi bẻ,
Một kiếp nhân sinh tựa cánh bèo.*

(1) Đèo Mang Giang và đèo An Khê

(2) Sông Côn.

THƯ TRANG

*(Những ngày lưu lạc Mùa hè 86
sau khi ra khỏi trại tù Kim Sơn BĐ)*

XÃ THÔN BÌNH ĐỊNH CÓ CÁC NHÀ KHOA BẢNG THỜI HÁN HỌC

TRƯƠNG TOẠI

I - TỔNG QUAN

Thi cử cốt để chọn người có tài giúp dân giúp nước. Nước Việt ta đặt ra khoa cử bắt đầu từ đời Lý Nhân Tông niên hiệu Thái Ninh thứ tư (1075), trải qua các triều đại Lý, Trần, Hồ, Lê, Mạc, Tây Sơn, Nguyễn và chấm dứt thời kỳ Hán Học với khoa thi hội cuối cùng năm 1919. Sử sách còn lưu lại thấy có 183 khoa thi tiến sĩ và tương đương, tuyển chọn gần ba ngàn nhân tài gồm có trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa, hoàng giáp, tiến sĩ, phó bảng. Rất tiếc sử sách cũng không để lại đầy đủ danh sách các khoa thi hương tuyển chọn sinh đồ (sau gọi là tú tài, hương cống (sau gọi là cử nhân), nên chúng ta rất khó mà tổng kết được số lượng trúng tuyển qua các khoa thi hương này.

Riêng Bình Định xưa là đất của Chiêm Thành, đến năm 1471 vua Lê Thánh Tông mới thôn tính mà trở thành phần đất của đạo Quảng Nam nước ta; bấy giờ trong nước đã mở 30 khoa thi với 275 vị đạt đại khoa rồi. Và nếu lấy năm 1600 là năm Nguyễn Hoàng giả cách đem quân đi đánh giặc rồi theo đường hải đạo về Thuận Hóa, Nam Bắc bắt đầu cách biệt thì triều đình Lê; Mạc đã mở thêm 50 khoa thi hội với 1345 vị đại khoa nữa được trúng tuyển, trong đó không có tên người Bình Định.

Đàng ngoài vua Lê Chúa Trịnh theo sẵn nề nếp tổ chức tiếp tục các khoa thi hương thi hội, tính đến năm 1787 là khoa thi cuối cùng của triều Lê, nước ta đã có 144 khoa thi hội và tuyển chọn được 2338 vị đại khoa, trong khi Đàng Trong mãi đến năm 1674 Chúa Nguyễn mới mở khoa thi gọi là Chính đồ và Hoa văn. Ai đậu trong các kỳ thi Chính

đô thì được bổ làm tri huyện, tri phủ; ai đỗ kỳ thi Hoa văn thì được vào làm việc ở Tam Ty (Xá Sai ti, Lệnh sử ti, Tướng thần lại ti). Năm 1695 lại mở khoa thi ở phủ chúa gọi là Văn chức và Tam Ti, và năm 1740 mới định lại phép thi và lấy người đậu hương cống. Như vậy khoa cử miền nam của Chúa Nguyễn lúc bấy giờ còn sơ lược lắm. Đến khi Tây Sơn thống nhất đất nước, vua Quang Trung rất coi trọng sự học rèn luyện nhân tài. Vua đã từng xuống chiếu nói rõ chủ trương mở trường, đặt thầy đến tận cấp xã (xã học). Tuy vậy vì tình hình đất nước chưa ổn định, cũng chỉ tổ chức được một kỳ thi hương, chưa kịp tổ chức thi hội. Rất tiếc chúng ta cũng không có tài liệu về cuộc thi hương này. Như vậy từ lúc thuộc về thành phần của đất nước cho đến triều Tây Sơn, bóng dáng người Bình Định không tìm thấy trong làng khoa bảng Việt Nam.

Khi Nguyễn Vương chiếm lại Nam kỳ chúng ta mới thấy xuất hiện hai nhân tài văn học người Bình Định đó là Ngô Tùng Châu và Đặng Đức Siêu. Ông Ngô Tùng Châu người huyện Phù Cát. Lúc đầu chức ở Nam Kỳ là Đông Cung phụ đạo giảng dạy cho Thái tử, sau làm Thượng thư bộ Lễ. Sử không nói ông đỗ đạt như thế nào, nhưng xem công việc ông được giao cho đủ biết ông là người có tài văn học. (Ông được lãnh chức hiệp tá cùng Võ Tánh giữ thành Bình Định. Thành bị quân Tây Sơn vây trong hai năm trời, tuyệt lương. Võ Tánh lên giàn hỏa thiêu, còn ông dùng thuốc độc tuấn tiết. Trong niên hiệu năm đầu Gia Long (1802) ông được truy tặng: “Cố vấn quốc gia, trung thần, quan đại thần, trụ cột của triều đình. Thầy dạy của hoàng tử, tể tướng với chức sắc Quận tam phẩm”. Bài vị thờ ông trước đặt ở Thái miếu được chuyển sang Thế miếu năm Minh Mạng thứ 5 (1824).

Người thứ hai, ông Đặng Đức Siêu, người làng Phụng Càng huyện Bồng Sơn, nay là ấp Vĩnh Phụng, xã Hoài Xuân, huyện Hoài Nhơn, đậu hương tiến lúc 16 tuổi. Đời Định Vương (1765-1777) ông làm quan trong Viện Hàn Lâm, sau

theo vua Gia Long ông làm đến Thượng Thư bộ Lễ và phụ đạo trong cung. Các điển lệ trong triều do chính tay ông soạn ra. Tác phẩm của ông gồm có: Tự tử Quản Nhạc, Thiên Nam Thế Hệ, Thượng Sơn Tứ Hiệu, Hồi Loan Khải Ca, Tô Vũ Tiết Trương Lương Trùy, các bài văn tế Bá Đa Lộc, Võ Tánh Ngô Tùng Chu. (Ông mất năm 1810 được tặng chức Tham chính. Năm Minh Mạng thứ 6 (1815) được tặng Thiếu sư Hiệp biện Đại học sĩ. Năm Tự Đức thứ 5 (1852) được liệt tự vào miếu Trung lương công thần. Đức hạnh tiết tháo của ông siêu đáng làm nhân vật đệ nhất của triều Nguyễn).

Người thứ ba phải kể đến là Lê Đại Cang, ông vốn ở Thanh Hóa, ông tổ xa đời là Lê Tư, Lê Nại, Lê Quang Bí, Lê Công Triều là những bậc đại khoa từng làm quan hiển hách ở triều Lê, sau đời ở phủ Qui Nhơn. Ông Cang có tiếng văn học, năm Gia Long thứ nhất (1802) ra ứng thí được bổ ngay huyện doãn; trải qua ba đời vua thăng trầm với các chức hiệp trấn, tham tri, án sát, bố chánh, tổng đốc, tham tán Đại thần. Ông có làm mấy tập Nam hành và Tỉnh ngu thi tập ba quyển. Hậu duệ của ông là cánh họ Lê Phái, Lê thanh ở thôn Luật Chánh và Phước Hiệp huyện Tuy Phước hiện nay.

II - SĨ TỬ BÌNH ĐỊNH NHẬP CUỘC THI

A - TRƯỜNG THỪA THIÊN

Năm 1807 vua Gia Long đặt các khoa thi hương những chỉ ở các trấn từ Nghệ An trở ra, (các trường thi Nghệ An, Thanh Hóa, Kinh Bắc, Sơn Tây, Sơn Nam) phải chờ đến 6 năm sau, Gia Long thứ 12 (1813) mới đặt ra trường Quảng Đức (sau đổi là Trực Lệ rồi Thừa Thiên) cho các sĩ tử Bắc Trực Kỳ (Quảng Bình, Quảng Trị), Trực Lệ (Thừa Thiên Phủ), nam Trực Kỳ (Quảng Nam, Quảng Ngãi) Tả Trực Kỳ (Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận) thi chung (Bình Thuận tuy thuộc Tả Trực Kỳ nhng thi chung với trường

thi Gia Định với Nam Kỳ: Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên) Sĩ tử Bình Định mới thực sự có cơ hội ra Thừa Thiên phủ đua tài; nhưng 9 người lấy đậu đã có ba sĩ tử từ địa phương khác đến thi nhờ đoạt mất, còn lại 6 thì Quảng Bình đoạt hai, Thừa Thiên ba, một về Khánh Hòa. Sáu năm sau (1819), trường Quảng Đức đổi tên là Trực Lệ, lấy đậu 17. Thảm thay cho quan Cai bạ trấn Bình Định Vũ Xuân Cẩn làm giám thí, mà sĩ tử trấn mình lần nữa lại về không. Phải đợi đến năm 1821, Minh Mạng thứ hai, Bình Định đậu được hai: một người thôn Phú Hội, Phù Cát tên Huỳnh Văn Minh, một người thôn Trà Lam huyện Phù Mỹ, tên Nguyễn Văn Thống. Cũng trong năm này trường thi Gia Định có một người Bình định thuộc thôn Vĩnh Phước huyện Bồng Sơn trúng tuyển tên Hồ Văn Nghĩa, ông làm quan đến chức tham tri. Như vậy Bình Định có ba vị khai khoa hương thí là Huỳnh Văn Minh, Nguyễn Văn Thống và Hồ Văn Nghĩa với danh hiệu hương cống.

Khoa Ất Dậu năm 1825 Minh Mạng thứ sáu, trường Trực Lệ đã đổi thành trường Thừa Thiên, đổi danh hiệu sinh đồ là tú tài, hương cống là cử nhân. Sĩ tử phải trải qua các kỳ khảo hạch của quan huấn đạo ở huyện, giáo thụ ở phủ một lần, lại qua kỳ khảo hạch của quan đốc học ở trấn một lần; người nào trúng mới được dự thi. Bình Định đậu được hai. Khoa Mậu Tý năm 1828 Minh Mạng thứ 9, mới bắt đầu gọi cử nhân và tú tài; vị được danh hiệu cử nhân đầu tiên của Bình Định là Lâm Duy Nghĩa (hay Duy Thiếp), ông người thôn Nhơn Nghĩa (nay thuộc xã Nhơn Phú huyện An Nhơn), làm quan trải qua các chức Tổng Đốc, Thượng Thư, Hiệp biên Đại Học Sĩ, Phụ Chánh cơ mật đại thần, từng là quan độc quyền các khoa đình thí dưới triều Thiệu Trị, Tự Đức.

Khoa Tân Mão năm 1831 Minh Mệnh thứ 12, không có gì đặc biệt, Bình Định chỉ đậu được một trong số 12

Khoa Giáp Ngọ năm 1834 Minh Mệnh thứ 15, có nhiều điểm đáng lưu ý.

- Sĩ tử Khánh Hòa vào thi chung với trường thi Gia Định

- Bắt đầu chia phách phân biệt màu khác nhau
- Định số trúng tuyển của từng tỉnh gọi là giải ngạch

Tỉnh Quảng Bình phách màu xanh, giải ngạch 6

- Tỉnh Quảng Trị phách màu đỏ, giải ngạch 4
- Tỉnh Thừa Thiên phách màu vàng, giải ngạch 6
- Tỉnh Quảng Nam phách màu đen, giải ngạch 6
- Tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định, phách màu đỏ sẫm, giải ngạch 6
- Tỉnh Phú Yên trở vào phách màu lục, giải ngạch 2,

cộng giải ngạch cho trường Thừa Thiên là 30. Bố chánh tỉnh Bình Định (đổi trấn thành tỉnh từ 1831) là Tiến sĩ Phạm Thế Lịch làm phó chủ khảo, và sĩ tử Bình Định mang về được 4 cử nhân, trong đó có Lê Văn Chân, năm sau khoa Ất Mùi (1835) đậu tiến sĩ. Ông người thôn Trà Lam huyện Phù Mỹ. Như vậy thôn Trà Lam là thôn “khai khoa” vừa thi hương vừa thi hội của Bình Định. Một người nữa tên Trần Quang Chung, người thôn Lục Lễ huyện Tuy Phước, con quan Chưởng cơ Trần Quang Giám. Ông Chung đã làm quan trải qua các chức Tham tri, Bố chánh, Hộ lý tổng đốc; năm Tự Đức thứ bảy được triệu về Kinh sung chức hoàng thân giáo đạo.

Khoa Đinh Mậu năm 1837 Minh Mệnh thứ 18, có một sĩ tử tên Mai Văn Mỹ con nhà xướng ca nên bộ duyệt truat làm tú tài. (Lạ thay, nhớ chuyện xưa vì nhà Lê mở khoa thi chọn nhân tài, câu nệ vào “thành phần giai cấp” nên chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên mới có được một người con nhà ca xướng, tài năng lỗi lạc, người đời sánh với Tử Phòng, Khổng Minh, giúp chúa Nguyễn làm xoay chuyển thế Nam, Bắc, đứng đầu hàng khai quốc công thần. Lúc chết, chúa Nguyễn phong Thái Thường Tự Lộc Khê Hầu. Đầu đời Gia Long được thờ phụng ở Thái Miếu; năm Gia Long thứ 9 được thờ ở miếu Khai quốc công thần. Việc bộ Lễ duyệt truat cử nhân Mai Văn Mỹ xuống làm tú tài vì con nhà xướng ca, không biết có động đến vong linh con nhà xướng ca Đào Duy Từ mà trước ba, năm Minh Mệnh thứ 12 (1831), hậu

duệ chúa Nguyễn đã phong tặng cho ông Đông Các Đại Học Sĩ Thái Sư Hoàng Quốc Công hay không! Luận chuyện xưa mà suy gẫm cách tuyển dụng nhân tài trong thời đại chúng ta ở Việt Nam hơn nửa thế kỷ nay!) Khoa này Bình Định đậu 6 cử nhân và lần đầu tiên giật danh vị giải nguyên là Lê Doãn Xuân, người làng An Cửu (chánh), huyện Tuy Phước, (ông nội của giải nguyên Lê Thân, cùng khoa với Anh hùng Mai Xuân Thưởng sau này). Một người khác tên Lê Thúc Đôn người thôn Phú Nhuận huyện Bồng Sơn, năm sau (1838) đậu phó bảng.

Khoa Canh Tý năm 1840, Minh Mệnh thứ 21, Bình Định lại đoạt giải nguyên, tên là Trần Văn Chánh người thôn Lân Chiểu huyện Bồng Sơn, năm Nhâm Dần 1842 ông đậu tiến sĩ. Có một việc xảy không vui cho Tiến sĩ Phan Thanh Giản, người Vĩnh Long gốc Bình Định, đang làm tả thị lang bộ Hộ, được chỉ định làm phó chủ khảo, ông bị giáng xuống một cấp vì sơ ý trong khi chấm bài thi của Mai Trước Tông đã dùng hai lần một vắn. Ông Tông người thôn Đại Lợi huyện Phù Cát cũng bị truất cử nhân đến khoa Nhâm Dần 1842 đời Thiệu Trị mới đậu, thành ra chỉ đạt 3. Khoa Tân Sửu (1841) Thiệu Trị năm đầu trường Thừa Thiên bắt đầu được định số cử nhân lấy đậu là 38 người, còn được thêm 2, thế mà Bình Định chỉ đoạt được bốn. Khoa Nhâm Dần (1842) Thiệu Trị thứ 2 cũng chỉ đạt được bốn. Khoa Quý Mão (1843), Thiệu Trị thứ ba, trường Thừa Thiên bắt đầu xây trong kinh thành, phía cửa Ninh Bắc rất khang trang làm nơi cố định cho chỗ thi hương và thi hội, Bình Định chỉ đạt được hai, phải chờ đến khoa Bính Ngọ.

Khoa Bính Ngọ (1846) Thiệu Trị thứ 6, Bình Định đạt được 7 trong số 46. Khoa này sao văn tinh chiếu về tây Bình Định hay sao mà Bình Khê đạt được bốn cử nhân và trong bốn vị này đem về cho Bình Định hai tiến sĩ một phó bảng. Đó là Võ Văn Hiệu người thôn Thuận Hạnh nay thuộc xã Bình Thuận, đậu tiến sĩ khoa Đinh Mùi 1847. Huỳnh Văn Học người thôn Phú Phong xã Bình Phú, đậu phó bảng

Khoa Đinh Mùi 1847 và Ngô Tùng Nho người thôn Thuận Nghĩa xã Bình Thành, đậu tiến sĩ khoa Kỷ Dậu 1848.

Khoa Đinh Mùi (1847) Thiệu Trị thứ 7, Bình Định đậu được 6 trong đó có Mai Văn Phẩm (đổi là Mai Xuân Tín) người thôn Phú Lạc nay thành xã Bình Thành là thân phụ của anh hùng Mai Xuân Thưởng.

Khoa Mậu Thân (1848) Tự Đức năm đầu, khoa này qui định sĩ tử dự thi hương phải qua một lần khảo hạch. Khi vào kỳ hai nếu bị điểm liệt thì không được yết tên trên bảng, không được vào thi kỳ thứ ba, Bình Định đậu năm trong số 52 cử nhân trúng tuyển của kỳ thi ân khoa này.

Khoa Canh Tuất (1850) Tự Đức thứ ba có mấy cái đổi sau đây:

Trúng nhất trường thì miễn lính một năm, trúng nhị trường thì miễn lính hai năm, trúng tam trường là tú tài, trúng tứ trường là cử nhân. Có lập sổ yết bảng về những sĩ tử trúng nhất trường nhẹ trường một bản giao về bộ Lễ lưu chiếu, một bản giao cho quan địa phương để thi hành. Bình Định đậu 9 cử nhân.

B - TRƯỜNG BÌNH ĐỊNH

Khoa Nhâm Tý (1852) Tự Đức thứ 5, sĩ tử các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa thi chung ở trường Bình Định, vừa mới thiết lập tại thôn Hòa Nghi huyện Tuy Viễn phủ An Nhơn. (nay là thôn Hòa Nghi xã Nhơn Hòa huyện An Nhơn tỉnh Bình Định), số lấy đậu là 13. Liên tiếp ba (khoa Nhâm Tý (1852), Ất Mão (1855), Mậu Ngọ (1858) Bình Định đoạt giải nguyên, Quảng Ngãi đoạt á nguyên. Hai khoa kế tiếp, (Tân Dậu (1861), Giáp Tý (1864) trường Bình Định trở lại thi chung với trường Thừa Thiên (năm 1861 Bình Định đậu 2, năm 1864 đậu 3).

Khoa Đinh Mão (1867) Tự Đức thứ 20, trường Bình Định mở thi trở lại với số đậu là 18, Bình Định đoạt 14 trong đó có cả giải nguyên và á nguyên. Hai khoa kế tiếp (Mậu

Thìn 1868, Canh Ngọ (1870), giải nguyên và á nguyên lọt về Quảng Ngãi. Khoa Quý Dậu (1873) Tự Đức thứ 26, sĩ tử Bình Thuận thi chung ở trường thi Bình Định, giải á nguyên thuộc về tỉnh này. Các khoa kế tiếp (Bính Tý (1876), Mậu Dần (1878), Kỷ Mão (1879), Nhâm Ngọ (1882) Giáp Thân (1884), Bình Định, Quảng Ngãi cũng thay nhau giật giải á nguyên và giải nguyên; ba khoa liên tiếp 1879, 1882, 1884 Quảng Ngãi đoạt giải giải nguyên về mình.

Khoa Ất Dậu (1885) Hàm Nghi nguyên niên, kinh thành có biến, sĩ tử Quảng Ngãi đã đậu kỳ thứ nhất cũng kéo nhau về nên không có ai đậu, cho nên 8 người cử nhân đều là người Bình Định trong đó có anh hùng Mai Xuân Thưởng.

Khoa Mậu Tý (1888) Đồng Khánh thứ 3, trường Bình Định lại thi chung với trường Thừa Thiên; khoa này Bình Định không có người nào đậu.

Khoa Tân Mão (1891) Thành Thái thứ 3, Bình Định đậu mười, đoạt giải nguyên, trong số cử nhân có người đậu tiến sĩ khoa Giáp Thìn 1904 là Hồ Sĩ Tạo thuộc thôn Hòa Cư huyện An Nhơn (cùng khoa với Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng).

Khoa Giáp Ngọ (1894) Thành Thái thứ 6, giải nguyên về Quảng Ngãi, Bình Định đậu 10 cử nhân trong đó có á nguyên và một vị thi đậu phó bảng khoa Ất Mùi (1895) người làng Biểu Chánh huyện Tuy Phước là Đào Phan Duân, (thường gọi là cụ Tuần Biểu Chánh vì làm quan tới chức Tuần phủ Khánh Hòa Bình Thuận, về hưu). Hai khoa kế tiếp Đinh Dậu (1897), Canh Tý (1900) á nguyên và giải nguyên thuộc về Quảng Ngãi.

Khoa Quý Mão (1903) Thành Thái thứ 15, Bình Định giật giải nguyên trường Bình Định trong số 8 cử nhân và đem về từ trường Thừa Thiên 2 cử nhân nữa. Trong số 10 cử nhân này, thôn Vinh Thạnh, huyện Tuy Phước chiếm hết ba, là ba anh em của gia đình Đào Tấn.

Khoa Bính Ngọ (1906) Thành Thái thứ 18, Bình Định giật giải á nguyên và giải nguyên trong số 12 cử nhân.

Khoa Kỷ Dậu (1909) Duy Tân thứ ba, việc thi cử bắt đầu do bộ Học phụ trách mà trước đây thuộc về ty Tân Hưng bộ Lễ. Cũng bắt đầu từ khoa thi này có thi luận ở kỳ thứ ba một đề chữ nho, một đề chữ Quốc ngữ. Lại có thi dịch chữ Pháp ra chữ Quốc ngữ cho những thí sinh tình nguyện nếu không tình nguyện thì không bắt buộc. Về tuổi tác thì sĩ tử dự thi phải tuổi từ 50 trở xuống mới được dự thi còn những người đã đậu tú tài, tôn ẩm và học sinh và những hạng được miễn lệ thí không kể đến. Khoa này Bình Định đậu 7 và đoạt luôn giải á nguyên và giải nguyên.

Khoa Nhâm Tý (1912) Duy Tân thứ 6, khuynh hướng về tân học. Phép thi theo trường thi Hà Nam khoa Kỷ Dậu (1909). Kỳ nhất thi văn sách 5 bài lấy đề văn chương, luân lý, Nam Bắc Sử, Hình luật, Địa dư tùy ý ra đề.

Kỳ thứ hai: hai đề luận chữ Nho.

Kỳ thứ ba: luận Quốc ngữ hai đề (khoa trước ra đề bằng chữ Nho làm bài dùng chữ Quốc ngữ, khoa này ra đề và làm bài đều dùng chữ Quốc ngữ)

Kỳ phúc hạch: thi văn sách một đề luận chữ nho và một đề luận chữ Quốc ngữ.

Về điều kiện tuổi tác thì phải từ 40 tuổi trở xuống. Khoa này Bình Định đậu 8, chỉ đoạt được á nguyên còn giải nguyên thuộc về Quảng Ngãi.

Khoa Ất Mão (1915) Duy Tân thứ 9, khác kỳ thi trước ở kỳ trước là hai đề luận Quốc ngữ dùng toàn chữ Pháp. Khoa này Bình Định đậu 10 và đoạt giải nguyên, giải á nguyên thuộc về Phú Yên.

Khoa Mậu Ngọ (1918) Khải Định thứ ba, là khoa thi hương cuối cùng, Bình Định thi chung với trường thi Thừa Thiên nhưng danh sách theo giải ngạch đã định lấy riêng. Phép thi đổi như sau:

Kỳ nhất thi văn sách hai bài: văn chương hoặc luân lý một bài, chính trị hoặc luật lệ một bài. Từ trát hai đề: chiếu dụ hoặc sơ một đề, công văn thư từ 1 đề. Kỳ thứ hai thi luận Quốc ngữ một đề về thời vụ, toán pháp 2 đề, thiết

vấn về Nam sử hoặc địa dư một đề.

Kỳ ba dịch chữ Quốc ngữ ra chữ Pháp một đề.

Kỳ thứ tư làm đầy đủ ba bài luận: Một bài chữ Hán, một bài chữ Quốc ngữ, một bài chữ Pháp; mỗi bài phải đạt được 7 điểm trên 20 trở lên. Bình Định chỉ đậu được hai cử nhân nhưng có một tân cử nhân mới 16 tuổi, trẻ nhất từ trước đó là cử nhân Văn Vĩ người thôn Hữu Pháp huyện Phù Cát.

TỔNG KẾT:

Để có một cái nhìn tổng quát về khoa cử của Bình Định trong thời kỳ Hán Học, chúng ta cần những bảng tổng kết được trình bày dưới đây:

Bảng một: Tổng kết 16 khoa thi trường Thừa Thiên từ năm 1813 đến năm 1850 và 3 khoa thi chung 1861, 1864, 1888.

Bảng hai: Tổng kết 23 khoa thi tại Bình Định từ năm 1852 đến năm 1918

Bảng ba: Tổng kết 23 khoa thi tại Thừa Thiên từ năm 1852 đến năm 1918

Bảng bốn: Tổng kết kết quả các kỳ thi của các tỉnh có sĩ tử thi chung với sĩ tử Bình Định

Bảng năm: Tổng kết kết quả các kỳ thi các quận huyện trong tỉnh Bình Định tham dự.

Chí chú:

A nguyên —
 Giải nguyên •
 Phó bảng +
 Tiến sĩ *
 Hoàng Giáp A

BẢN MỘT

Bảng tổng kết trường thi Thừa Thiên
 16 khoa từ 1913 đến năm 1850 và thi chung
 ba khoa các trường Thừa Thiên + Bình Định:
 1861, 1864, 1888

Năm	Quảng Bình	Quảng Trị	Thừa Thiên	Quảng Nam	Quảng Ngãi	Bình Định	Phủ Yên	Khánh Hòa	Thị Ninh	Không rõ	Tổng số
1813	2	4•	3	1	0	1	1	1	1	1	9
1819	8	2•	5•	3	0	2	1	1	1	1	17
1821	9	3	5•	5•	2	2	1	1	1	1	25
1825	5•	1	1	1	2	2	1	1	1	1	10
1828	5•	2 *	3•	1	1	1	1	1	1	1	13
1831	5•	1-	1	2	1+	1	1	1	1	1	12
1834	6•	5+	6•	6	2	4 *	1	1	1	1	31
1837	6•+	5 *	5•	7++	1	6•+	1	1	1	2	32
1840	5 **	6• *	8 **	5	2+	3• *	1	1	1	1	29
1841	7 + *	6 A	13• +***	6•	3•	4	1	1	1	1	40
1842	8-	5	10++	7•+	4	4	1	1	1	1	38
1843	8 *	8 *	10 *	8•+	2	2	1	1	1	1	39
1846	9 *	6 A	11•+	10+	3	7•**	1	1	1	1	46
1847	10-	7	11•	9	1	1	1	1	1	1	46
1848	11-	10-	11•	9	1	1	1	1	1	1	52
1848	11-	7	14•	10	6	5	1	1	1	1	48
1850	10-	7	11•	9	9	9	1	1	1	1	30
1861	9•	1-	5	9	3	2	1	1	1	1	28
1864	5•	3	6	9-	1	3	1	1	1	1	28
1888	13 +	5•	10 +	9-	1•	0	1	1	1	1	40
1903	141	77	136	116	32	63	5	2	2	3	587
Tổng số	1903	141	136	116	32	63	5	2	2	3	587
Nguyễn Văn	6	3	2	6	0	0	0	0	0	0	19
Giải nguyên	6	1	8	2	0	2	0	0	0	0	19
Phó bảng	3	1	7	6	2	2	0	0	0	0	21
Tổng số	6	4	11	1	2	4	0	0	0	1	29
Hoàng Giáp	2										2
Tổng số	52										52

Ghi chú:

Á nguyên —
Giải nguyên •
Phó bảng +
Tiến sĩ *

BẢN HAI

Bảng tổng kết Trường thi Bình Định
23 khoa thi từ khoa 1852 đến năm 1918

Năm thi	Quảng Ngãi	Bình Định	Phú Yên	Khánh Hòa	Bình Thuận	Thị nhữ	Tổng số
1852	2-	11•					13
1855	7-	4•	2				13
1858	6-	7•					13
1867	4	14••					18
1868	7••	8					15
1870	8••	7	1				16
1873	4	8•	1		2-		15
1876	3•+	7-	1		1		12
1878	5-	6•					11
1879	3•	5-					8
1882	5•	6-					11
1884	5•	12-	1				18
1885		8••					8
1891	4-	10•*	1	1	1		17
1894	5•	10+	1	1	1	1	19
1897	5••	10	2	1			18
1900	10••	9	1	1	3		24
1903	5	8•	1		1	3-	18
1906	3	12••	3	2	1	3	24
1909	2	7••	1		3	3	16
1912	5•	8-	1		1	3	18
1915	1	10•	3-			4	18
1918	4•	2	2			4-	12
Tổng số cử nhân	103	189	22	06	14	21	355
Á nguyên	9	10	1		1	2	
Giải nguyên*	11	12					
Phó bảng+	1	1					
Tiến sĩ*	1	1					
Tổng số Đại khoa	2	2					

Tóm lại 43 khoa thi hương dưới triều Nguyễn thời Hán học có sĩ tử Bình Định tham dự đem về cho Bình Định kết quả như sau:

	Cử nhân	Á nguyên	Giải nguyên	Phó bảng	Tiến sĩ
Trường Thừa Thiên	63	0	2	2	4
Bình Định	189	10	12	1	1
Gia Định	1				
Tổng cộng	253	10	14	3	5

Ghi chú:

BẢN BA

Á nguyên —
 Giải nguyên •
 Phó bảng +
 Tiến sĩ *
 Hoàng Giáp Δ

Bảng tổng kết trường thi Thừa Thiên
 23 khoa từ năm 1952 đến năm 1918
 - không kể các khoa năm 1861, 1864, 1888

Năm thi	Quảng Bình	Quảng Trị	Thừa Thiên	Quảng Nam	Thi nhờ	Không rõ	Tổng số
1852	3	3	12-	3•	1		22
1855	5	5•	5	4	2-		21
1858	11-	3	5	1	1•		21
1867	9•+*	5+++	10*	6+	2		32
1868	9	4	9•	8-		1	31
1870	6	6•	9	6-	2		29
1873	10	5-	4•	5	1		25
1876	5	7•	9-	8	1		30
1878	8	6•	14	3-	1		32
1879	3•	5-	8 Δ	9*	2		27
1882	6-	7•	10*	6	2		31
1884	6-*	1	13•+**	5+	6		31
1887	3	5	18•	1	2		29
1891	3	5	11-•+*	6+*	2		27
1894	3	5+	8	12•+**	5-		33
1897	7-•+	4	6+	8	7		32
1900	5*	3	12 *	14-•+++*	8		42
1903	5*	3	10+++*	8•++	5		31
1906	4	9*	15-•*	6	1		35
1909	5	5	15-•	3	4		32
1912	11**	4	9•*	3	5-		32
1915	1	4-+	11•+	5	10		31
1918	1	3	9•+	2	7-		22
Tổng số cử nhân	129	107	232	132	77	1	678
Á nguyên	4	4	7	4	4		23
Giải nguyên	3	5	10	4	1		23
Phó bảng	2	5	8	9			24
Tiến sĩ	6	1	9	5			21
Hoàng giáp			1				1
Tổng số Đại khoa	8	6	18	14			46

BẢN BỐN

Bảng tổng kết kết quả các kỳ thi của các tỉnh
có sĩ tử thi chung với sĩ tử Bình Định trong thời Hán Học.

	Bắc Trục Kỳ		Trục lệ	Nam Trục Kỳ		Tả Trục Kỳ				Tổng số	Ghi chú
	Quảng Bình	Quảng Trị		Thừa Thiên	Quảng Nam	Quảng Ngãi	Bình Định	Phú Yên	Khánh Hòa		
Tổng số cử nhân (Hương cống)	250 16.6%	184 12.2%	368 24.4%	248 16.5%	135 9.0%	253 16.8%	27 1.8%	15 1.0%	26 1.7%	1506 100%	Tỉnh Khánh Hòa đoạt 1 á nguyên 1 giải nguyên từ trường Gia Định Tỉnh Bình Thuận đoạt 11 cử nhân từ trường Gia Định và 1 cử nhân từ trường thi An Giang tỉnh Bình Định đoạt 1 cử nhân từ trường Gia Định
Á nguyên Giải nguyên	10 09	7 6	9 18	10 6	9 11	10 14	1 0	1 1	1 0		
Phó bảng	5	6	15	15	3	3	0	0	0		
Tiến sĩ	12	5	20	6+1	3	5	0	0	0		
Hoàng giáp	0	2	1	0	0	0	0	0	0		
Tổng số Đại khoa	17	13	36	$\frac{21+1}{=22}$ (1)	6	8	0	0	0	101	

(1) Khoa Giáp Thìn (1904) Thành Thái thứ 16, ông Trần Quý Cáp người thôn Bất Nhi huyện Duyên Phúc, Quảng Nam, ông là học sinh trường tỉnh chân tú tài được đặt cách thi hội và được đậu đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân.

Nhìn vào bảng tổng kết trên, chúng ta thấy số cử nhân so với 9 tỉnh chỉ đứng sau Thừa Thiên, á nguyên đứng hạng nhất, giải nguyên đứng hạng nhì, phó bảng đứng hạng 4, tiến sĩ hạng tư, hoàng giáp chỉ Quảng Trị và Thừa Thiên mới có. Như vậy, kết quả các kỳ thi hương và hội Bình Định cũng có hạng. Số đậu đạt trên đã thuộc về huyện xã trong tỉnh như sau:

Bảng năm:

Huyện	Bồng Sơn	Phù Cát	Phù Ly	Phù Mỹ	Hoài Ân	Hoài Nhơn	Tuy Phước	An Nhơn	Bình Khê	Tuy Viễn	Bình Định không rõ huyện	Tổng số
Tổng số cử nhân	30	44	1	24	6	1	69	57	17	1	3	253
Á nguyên	1	1	0	2	0	1	2	3	0	0	0	10
Giải nguyên	1	4	0	1	1	0	6	1	0	0	0	14
Phó bảng	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	
Tiến sĩ	0	0	0	1	1	0	0	1	2	0	0	5
Số thôn có người thi đậu	24	26	1	18	3	1	41	26	12	1	5	158

Tính đến đời vua Minh Mệnh thứ 20 (1839) là năm Thượng thư bộ Hình Võ Xuân Cẩn đến Bình Định để thi hành phép quân điền thì tỉnh Bình Định có 678 thôn, như vậy tính bình quân vào khoảng ba, bốn thôn thì có một thôn có người đậu.

Thôn có nhiều người đậu là: Thôn Biểu Chánh, Vinh Thạnh huyện Tuy Phước đậu 6 người, thôn An Cửu (Chánh) huyện Tuy Phước có 5 người thi đậu. Thôn Châu Thành huyện Phù Cát, thôn Lân Chiêu (Thiếu) huyện Hoài Ân; Thôn Háo Đức, Hòa Cư, Nhơn Nghĩa, Thái Thuận huyện An Nhơn có 4 người thi đậu.

DANH SÁCH CÁC VỊ ĐOẠT GIẢI Á NGUYÊN, GIẢI NGUYÊN

Năm thi	Thôn xã	Huyện	Giải thưởng	
			Á nguyên	Giải nguyên
1837	An Cửu	Tuy Phước	1. Nguyễn Tạo	1. Lê Doãn Xuân
1840	Lân Chiêu	Bồng Sơn		2. Trần Văn Chánh
1852	Thắng Công	An Nhơn		3. Cao Văn Tuấn
1855	Chánh Trạch	Phù Mỹ		4. Nguyễn Đăng Tuyển
1858	Xuân An	Phù Cát		5. Nguyễn Duy Lộc
1867	Hưng Định	Phù Cát		6. Lê Đăng Đệ
1867	Phước Khánh	Phù Cát		7. Lê Văn Phái
1873	Chánh Thành	Tuy Phước		8. Nguyễn Khải
1876	Trực Đạo	Phù Mỹ		9. Lê Thân
1878	Long Văn	Tuy Phước		10. Lê Dương
1879	Tùng Giản	Tuy Phước		11. Lê Thúc Đình
1882	Bả Canh	An Nhơn		12. Lê Truân
1884	Thới Bình	An Nhơn		13. Lê Trình Thoại
1885	An Cửu	Tuy Phước		14. Đặng Thành Đôn
1885	Phú Đa	Phù Mỹ		
1891	Biểu Chánh	Tuy Phước		
1894		Hoài Nhơn		
1903	Khánh Lộc	Phù Cát		
1906	Thanh Lương	Hoài Ân		
1906	Tri Thiện	Tuy Phước		
1909	Kim Sơn	Bồng Sơn		
1909	Phụng Du	Bồng Sơn		
1912	Thuận Thới	An Nhơn		
1915	Long Văn	Tuy Phước		

DANH SÁCH CÁC VỊ ĐẠI KHOA

Năm	Thôn, xã	Huyện	Phó bảng	Tiến sĩ
1835	Tân Lâm	Phù Mỹ	1. Lê Thúc Đôn	1. Lê Văn Chân
1838	Phú Nhuận	Bồng Sơn		2. Huỳnh Văn Học
1842	Lâm Chiêu, Ân Phong	Hoài Ân		3. Võ Văn Hiệu
1847	Phú Phong, xã Bình Phú	Bình Khê		4. Ngô Tông Nho
1847	Thuận Hạnh, xã Bình Thuận	Bình Khê		
1949	Thuận Nghĩa, xã Bình Thành	Bình Khê		
1895	Biểu Chánh, xã Phước Hưng	Tuy Phước	3. Đào Phan Duân	
1904	Hòa Cú, xã Nhứt Hưng	An Nhơn		5. Hồ Sĩ Tào

Nhà có nhiều người đậu:

Gia đình Đào Tấn người thôn Vinh Thạnh, huyện Tuy Phước có cha con anh em anh em chú bác, con rể gồm có 5 cử nhân, 6 tú tài.

Gia đình họ Đinh thôn Hương Lạc, Phú An huyện Phù Mỹ có cha con anh em cùng đỗ gồm có 4 cử nhân 1 tú tài. Đặc biệt có hai cha con và cháu là Đinh Hữu Quang (52 tuổi), cha Đinh Trọng Cát (24 tuổi), chú Đinh Bá Cẩn (24 tuổi) cùng đậu cử nhân khoa Bính Ngọ (1906)

III. Danh Sách các nhà khoa bảng Bình Định liệt kê theo thôn xã

- | | |
|-----------------------------|--------------------|
| 1. Huyện An Nhơn + Tuy Viễn | 7. Huyện Phù Cát |
| 2. Huyện Bình Khê | 8. Huyện Phù Mỹ |
| 3. Huyện Bồng Sơn | 9. Huyện Tuy Phước |
| 4. Huyện Hoài Ân | |
| 5. Huyện Hoài Nhơn | |
| 6. Huyện Phù Ly | |



HUYỆN AN NHƠN

THÔN	HỌ, TÊN	TRƯỜNG THI	NĂM THI		Số lấy đầu	Vi thứ	GHI CHÚ		
Phù Thành	Nguyễn Văn Quý	Thôn Thiệu	Minh Mệnh	Cánh Tỷ	1840	29	Tin học		
	Nguyễn Công Luận	Bình Định	Tư Đức	Ái Mão	1855	13			
Phượng Dương	Nguyễn Đình Phúc	"	"	Quý Dần	1873	15	9		
Tân Nghĩa	Nguyễn Văn Học	Thôn Thiệu	"	Cánh Tuất	1890	48	48		
Thôn Bình	Trương Văn Phúc	"	"	Thiệu Thìn	1847	46	44		
	Bùi Đình	Bình Định	"	Tư Đức	Bính Tý	1876	12	9	
Thôn Thuận	Nguyễn Văn Quỳnh	"	"	Giáp Thìn	1887	18	2		
	Nguyễn Văn Nhàn	Thôn Thiệu	Thiệu Thìn	Đinh Mão	1847	46	22	Bố chính Vĩnh Long	
Thôn Giang	Nguyễn Hữu Luận	Bình Định	Tư Đức	Mậu Thìn	1868	15	11	Ba người cùng thôn địa cũng khoa	
	Phạm Hữu Thọ	"	"	"	"	"	12		
	Trần Quang Khảm	"	"	"	"	"	13		
Thôn Giang	Trương Đình Văn	"	"	Duy Tia	Nhâm Tý	1912	18	12	chưa học sinh. địa lúc 26 tuổi
Thôn Bình	Huyệch Lý	"	"	Tư Đức	Mậu Thìn	1868	15	15	cha Huyệch Bà Mẫn
	Huyệch Bà Mẫn	"	"	Thích Thái	Bính Ngọ	1906	24	3	cha Huyệch Lý. địa lúc 34 tuổi
Thôn Công	Võ Xán	"	"	"	"	"	"	23	địa lúc 35 tuổi
	Cao Văn Tuấn	"	"	Tư Đức	Nhâm Tý	1852	13	1	người đầu tiên địa giải nguyên của trường Bình Định. cha Cao
Thôn Lộc	Phạm Chuyên	"	"	"	giáp Thìn	1884	18	15	Cang
	Cao Cang	"	"	Thích Thái	Tham Mão	1891	17	15	con gái nguyên Cao Văn Tuấn
Thôn Hòa	Lưu Từ Trương	Thôn Thiệu	Thiệu Thìn	Nhâm Dần	1842	38	13		
	Lê Đình Tuyên	Bình Định	Tư Đức	Mậu Dần	1887	11	10		
Thôn Hòa	Lưu Tuyền	"	"	"	Nhâm Ngọ	1882	11	3	
	Võ Vành	"	"	"	Mậu Dần	1878	11	7	
Thôn Thái	Phạm Hữu	"	"	"	Nhâm Ngọ	1882	11	4	
	Trần Lê Hàm	"	"	Thích Thái	Cánh Tý	1900	24	17	anh Trần Đình Thoại. địa lúc 22 tuổi
Trung Ái (Thuyền)	Trần Đình Thoại (Phu)	"	"	Duy Tia	Nhâm Tý	1912	18	2	em Trần Lê Hàm. địa lúc 29 tuổi. Nguyên số của giáo sư Đào Văn
	Nguyễn Đại	"	"	Thích Thái	Tham Mão	1891	17	10	Chang
Vân Sơn	Nguyễn Trọng Tấn	"	"	Tư Đức	Bính Tý	1876	12	8	đường gọi là Nghệ Trì. Tham gia phong trào Cần Vương. làm
Không rõ thuộc xã huyện nào?	Trương Giao	Bình Định	Thành Thái	Giáp Ngô	1894	19	3	HUYỆN TUYỂN	
								chấn tử tài	

HUYỆN BÌNH KHÊ

THÔN	HỌ, TÊN	TRƯỜNG THI	NĂM THI		Số lấy đầu	Vị thứ	GHI CHÚ	
An Khê Bình Định Kiến Hưng (Thị xã Hành)	Nguyễn Đức Thắng	Bình Định	Tự Đức	Mậu Ngọ	1838	13	Chức giáo sư. Đầu kỳ 25 tuổi. sinh Tân Tỵ (1811), đầu tiên sĩ khoa Đinh Mùi (1847) kỳ 37 tuổi. Làm tri phủ Tuy Biên được dân yêu mến, sau tiếp về kinh trao chức ngự sử đang đi m trong lại xin giữ lại, vua chuẩn y, rồi đổi sang tri phủ Ba Xuyên. Người đời đánh giá ông với tên là ngày sau.	
	Võ Đình Phương		Duy Tân	Ất Mão	1915	18		
	Võ Văn Hiếu	Thần Thiên	Thiệu Trị	Bính Ngọ	1846	46		
	Võ Phong Mân	Bình Định	Tự Đức	Quý Dậu	1873	15	5	Thường gọi là Thám Mân vì tham gia phong trào Cần Vương đời vua Hàm Nghi của Mai Xuân Thưởng. Làm tham trấn phủ Hương Sơn Bình Định cùng với Nguyễn Tự Khiêm giúp trấn. Tên Vân Nhũ làm Quân trấn. Khi phong trào Cần Vương tan và ông ra đầu thì được tha, sau bị cướp rồi chết.
Mỹ Đức	Đặng Đức Xứng						13	Tri phủ. Theo ông Đặng Vĩnh Mai hậu duệ của ông Đặng Đức Xứng cho biết: Giường họ Đặng vốn ở ngoài bắc, người đầu tiên đến đất được vua ban cho 9 chữ tên họ: Duy-Phúc-Đức-Tiến-Thành- Vinh-Thể-Cần-Trưởng.
Mỹ Thuận	Đoàn Tố		Thành Thái	Quý Mão	1903	18	12	Đầu kỳ 31 tuổi
	Lê Văn Châu		Tự Đức	Nhâm Tỵ	1852	13	3	
	Đặng Hout		Thành Thái	Cung Tỵ	1900	24	6	Đầu kỳ 32 tuổi
Nhơn Thuận	Nguyễn Khắc Cấn		Hàm Nghi	Ất Dậu	1885	8	5	
Phước Lạc	Mai Văn Phẩm (Xuân Tín)	Thần Thiên	Thiệu Trị	Đinh Mùi	1847	46	43	Tham phụ tranh hùng Mai Xuân Thưởng, bổ chính Cao Bằng
	Mai Xuân Thưởng	Bình Định	Hàm Nghi	Ất Dậu	1884	8	7	Cum bổ chính Mai Xuân Tín. Lãnh đạo phong trào Cần Vương, bị sử chém
Phước Phong	Hạch Văn Học	Thần Thiên	Thiệu Trị	Bính Ngọ	1846	46	36	sinh năm Đinh Sửu (1817) đầu phó bảng khoa Đinh Mùi (1847) kỳ 31 tuổi. Bận lý bộ Công.
	Trần Hữu Độ	Bình Định	Tự Đức	Nhâm Tỵ	1852	13	13	
Thần Thiên	Văn Hội Hữu		Thành Thái	Tân Mão	1891	17	6	
Thuận Nghĩa	Ngô Trung Nho	Thần Thiên	Thiệu Trị	Bính Ngọ	1846	46	43	sinh năm Quý Dậu (1813) thi đầu Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thần khoa Kỷ Dậu (1849) kỳ 37 tuổi. Tri phủ Tuy Biên, ở ra thành lập của mình, được thăng làm thành, sau thăng chức khởi cơ chế trung tập biến viện, chức tập hiến chức thi qua đời.
Văn Tường Xuân Hòa	Nguyễn Hoài Cấn Nguyễn Văn Phương	Bình Định		Quý Dậu	1873	15	14	

HUYỆN BÔNG SƠN

THÔN	HỌ, TÊN	TRƯỜNG THI	NĂM THI		Số lấy đầu	Vị thứ	GHI CHÚ		
An Hòa (Hồi) An Thượng Cự Trì Cờ Lôi Độc Long	Phan Đức Trạch Trần Văn Thiệu Đào Duy Phiên Đỗ Hữu Hiếu Trần Trung Huỳnh Quốc	Thần Thiên	Tự Đức	Giáp Tý	1864	28	16	Bổ chức	
		
		
		
		
		
Hội An Hội Tiến Kien Sơn Lũt Khảnh Lên Thượng Mạnh Hương Mỹ Thọ Ngọc An Phổ Nghĩa	Nguyễn Thành Chiến Nguyễn Tư Nghiêm Lê Trình Thọai Phạm Khai Huỳnh Đình Phượng Xuân Trần Thọ Trần Hoàn Lê Thế Dân Thần Thiên	Tự Đức	Ấu Mão	1915	18	8	chức giáo sư đầu học 30 tuổi	
		
		
		
		
		
Phổ Nông	Lê Hữu Khai Nguyễn Du Nguyễn Bằng	Tự Đức	Quý Mão	1870	16	11		
			
		
		
		
		
Phượng Công	Đặng Đức Sáu (1751-1810)	Tự Đức	đầu học 32 tuổi. Giáo thụ Hoài Nhơn.	
			đầu hương tiến ông là người tiên có toàn tài. Đình Vương Nguyễn Phúc Thuận cử làm viện ở viện Hàm Lâm. Triều Gia Long ông làm An Lê Bộ Thượng Thư và phụ đạo hoàng tử. Các điển lệ trong triều Gia Long đều do ông soạn ra. Tác phẩm văn học gồm có: Tự Ti Quân Nhạc, Thiệu Nam Thế Hệ, Thượng Sơn Từ Hiến, Hội Loan Khai Ca, Tô Vũ Tiết, Trương Lạc Thủy và các bài văn tế Bà Đa Lộc, Võ Tánh - Ngô Tăng Chân.	
			
			
			
			
Phượng Du	Nguyễn Tuấn Trần Tuyên Vũ Khắc Khôn	Tự Đức	Mậu Thìn	1668	15	7		
			
			
			
			
			
Sông Quan Tân	Đặng Thành Vinh Hồ Như Kính	Thần Thiên	Tự Đức	Giáp Tý	1864	28	15		
			
			
			
			
			
Thị Đình	Vũ Đình Phương Mai Văn Quý Nguyễn Liên	Tự Đức	Mậu Thìn	1668	15	3		
			
			
			
			
			
Thị Thành	Nguyễn Liên Nguyễn Đức Vinh	Tự Đức	Quý Mão	1803	18	11	thi đầu học 32 tuổi. Hậu bổ Bình Lai	
			
			
			
			
			
Vinh Trung	Nguyễn Đức Vinh	Thần Thiên	Tự Đức	Ái Dậu	1835	10	7	thi đầu học 35 tuổi	
			
			
			
			
			

HUYỆN BÔNG SƠN

THÔN	HỌ, TÊN	TRƯỜNG THI	NĂM THI		Số lấy đầu	Vị thứ	GHI CHÚ
Vinh Phúc Yên Sơn (An Sơn)	Hỗ Văn Ngân Nguyễn Kiên Lê Khắc Thanh	Cao Đình Bích Đình	Minh Mạnh	Tân Ty	1821	16	Tham thi đầu cùng khoa với Tân Thọ Đốc của Tồn Thọ Trường. Đầu lúc 30 tuổi. Chưa lập làm quan.
			Tỵ Đốc	Nhân Ngọ	1832	11	
			Duy Tân	Nhân Tý	1912	18	
Châu Sơn Lâm Chiếu (Linh Chiếu)	Nguyễn Thạch Trần Văn Chính Trần Văn Quang Trần Như Khé Lê Giảng Lê Tuấn	Bích Đình Thần Thián	Duy Tân	Ái Mão	1915	18	HUYỆN HOÀI AN Đầu lúc 32 tuổi Người Bích Đình thứ hai đầu giải nguyên trường Thần Thián, cũng là người Bích Đình thứ hai đầu Tân giúp đóng tiền sí mã khoa khoa Nhân Dần (1842) lúc 22 tuổi. Em Trần Văn Quang. Từ phủ, bị mất mẹ, sau khi phục hầu làm ta. Arch tiền ở Trần Văn Chính. Ngự sử bị mất Ti huyện Đầu lúc 29 tuổi Đầu lúc 23 tuổi. Cao in.
			Minh Mạnh	Canh Tý	1840	29	
		Bích Đình	Thần Tý	Nhân Dần	1842	38	
			Tỵ Đốc	Nhân Thìn	1848	52	
			Duy Tân	Nhân Tý	1912	18	
Thành Lương	Lê Tuấn	Bích Đình	Thành Thái	Bính Ngọ	1906	24	
Không rõ	Nguyễn Tuấn			Giáp Ngọ	1894	19	HUYỆN HOÀI NHƠN Đầu lúc 46 tuổi
Phước An	Nguyễn Tác Trường	Thần Thián	Minh Mạnh	Ái Dậu	1825	10	HUYỆN PHÙ LY không biết nay thuộc xã, huyện nào?
Hà Thủy	Nguyễn Xuân Chi	Bích Đình	Thành Thái	Tân Mão	1891	17	HUYỆN : ? không biết nay thuộc xã, huyện nào?

HUYỆN PHÙ MỸ

THÔN	HỌ, TÊN	TRƯỜNG THI	NĂM THI		Số lấy đầu	Vị thứ	GHI CHÚ
As Hòa	Nguyễn Phương	Bình Định	Tự Đức	Bình Miêu	1867	18	
As Trích	Nguyễn Văn Hoàng	Thần Thiên	-	Mỹ Thuận	1848	32	31
Bình Lăng	Trần Văn Kế	-	Thiệu Trị	Tha Sơn	1841	40	36
Chánh Trích	Nguyễn Đình Tuyển	Bình Định	Tự Đức	Ái Miêu	1855	13	1
Dương Liên	Nguyễn Tấn	-	-	Bình Miêu	1867	18	16
Đại Thuận	Nguyễn Đa	-	Thành Thái	Bình Định	1897	18	6
Đông Xá	Trần Đình Phương	Thần Thiên	Tự Đức	Cao Trắc	1850	48	-40
Hưng Lạc	Bình Hòa Quang	Bình Định	Thành Thái	Giáp Ngọ	1894	19	13
	Dinh Trung Cát	-	-	-	-	-	15
	Dinh B4 Cấn	-	-	Bình Ngọ	1906	24	12
							Đậu héc 52 tuổi, cha Dinh Trung Cát, chú Dinh B4 Cấn, chú từ tài làm cung phụng. Đậu héc 24 tuổi, con Dinh Hòa Quang, vợ huyện Sơn Hòa. Cho về. Cha con đều cũng khoa. Cháu Dinh Hòa Quang, vợ từ tài Dinh B4 Chấn thân phôi Khánh Hòa, cha Dinh B4 Kha, Dinh B4 Khánh, Dinh B4 Thống, Đậu héc 24 tuổi, hậu bố Khánh Hòa, vợ huyện Tân Định
Mỹ Linh	Trần Văn Tấn	-	Tự Đức	Giáp Thìn	1884	18	10
Mỹ Phúc	Nguyễn Công Kỳ	-	Thành Thái	Bình Ngọ	1906	24	6
Phổ Đa	Dinh Văn Chánh	-	Tự Đức	Giáp Thìn	1884	18	16
	Nguyễn Hòa	-	Hàm Nghi	Ái Dật	1885	8	2
Phổ Đức	Đỗ Văn Lân	Thần Thiên	Thiệu Trị	Nhân Dân	1842	38	32
Phổ Thuận	Trương Đức Lân	-	-	Bình Ngọ	1846	46	41
Phụng Sơn	Trần Khả Vĩ	-	Minh Mạng	Bình Dần	1838	32	11
Tả Lãm	Nguyễn Văn Thống	Trục Lê	-	Tha Ty	1821	25	19
	Lê Văn Chấn	Thần Thiên	-	Giáp Ngọ	1834	31	18
							Đậu Khoa của Bình Định. Trại phủ Hưng Yên, con Vị
Trung Thành	Đỗ Xuân Yên (Cậu)	Bình Định	Duy Tân	Ái Miêu	1915	18	13
Trục Đạo	Lê Văn Mỹ	-	Tự Đức	Cao Ngọ	1870	16	12
	Lê Quý Hải	-	-	Bình Tý	1876	12	2
Vĩnh Nhân	Dinh Văn Khanh	Thần Thiên	Thiệu Trị	Tha Sơn	1840	40	4
Không rõ	Trần Văn Tuấn	Bình Định	Thành Thái	Giáp Ngọ	1894	19	8

HUYỆN TUY PHƯỚC

THÔN	HO, TÊN	TRƯỜNG THI	NĂM THI		Số lấy đầu	Vị thứ	GHI CHÚ	
An Chánh (cũ)	Lê Doãn Xuân	Thừa Thiên	Minh Mệnh	Đinh Dậu	1837	32	1 Ông nội giám khảo Lê Thân, người Bình Định đi giữ nguyên đầu tiên tại trường thi Thừa Thiên	
	Lê Thân	Bình Định	Hàm Nghi	Ái Mão	1885	8	1 cháu nội giám khảo Lê Doãn Xuân	
	Lê Tấn	"	Thành Thi	Đinh Dậu	1897	18	5	
	Huỳnh Quảng Văn	"	"	Bình Ngọ	1906	24	22 đầu lúc 33 tuổi	
	Lê Doãn Sản	"	Duy Tân	Nhâm Tý	1912	18	7 cháu có Lê Doãn Xuân đầu lúc 36 tuổi	
An Hòa	Trần Công Chánh	Thừa Thiên	Minh Mệnh	Đinh Dậu	1837	32	18	
An Phú	Nguyễn Thành	Bình Định	Tư Đức	Kỷ Mão	1879	8	6	
	Nguyễn Tập	"	Hàm Nghi	Ái Mão	1885	8	3 Huân đạo Tuy Phước	
An Trạch	Đặng Duy Sâm	Thừa Thiên	Tư Đức	Canh Tuất	1850	48	29	
Biểu Chánh	Lê Dương	Bình Định	Thành Thái	Tân Mão	1891	16	1 anh Lê Lãm	
	Đào Phan Duân	"	"	Bình Ngọ	1894	19	6 chú Đào Duân, cha tí tì Đào Thuyền, sinh năm Giáp Tý (1864), đầu phó bảng khoa Ất Mão (1895) lúc 32 tuổi, làm phủ Khâm Thiên, chính chỉ khảo trường thi hương Thừa Thiên 1915 về hưu.	
	Phan Hành	"	"	Quý Mão	1903	18	8 đầu lúc 55 tuổi. Tri huyện	
	Lê Luân	"	Duy Tân	Kỷ Dần	1909	16	8 em Lê Dương, đầu lúc 38 tuổi được trao làm điển tịch cho kỳ thi quê nhà. Anh em cùng đầu.	
	Nguyễn Trọng Nhà	"	"	"	"	10 đầu lúc 27 tuổi được trao làm điển tịch cho kỳ thi quê nhà		
	Đào Duân	"	"	Nhâm Tý	1912	18	8 cháu phó bảng Đào Phan Duân, cháu đời Bình Khê, cha học sinh, đầu lúc 21 tuổi. Hành úm bộ học	
	Cánh Văn	Trần Đình Tấn	"	"	Ái Mão	1915	18	11
	Chánh Thành	Lê Văn Phái	"	Tư Đức	Quý Dần	1873	15	1
	Dương Minh	Lê Phổ	"	"	Đinh Mão	1867	18	6
	"	Lê Dư	"	"	Quý Dần	1873	15	15
Dương Thiện	Huỳnh Văn Đức	"	"	Đinh Mão	1867	18	4	
Huỳnh Giản	Huỳnh Văn Chuẩn	"	"	Kỷ Mão	1879	8	2	
Kỳ Sơn	Nguyễn Văn Cung	Thừa Thiên	"	Mậu Thìn	1848	52	37	
Lạc Hòa	Đặng Cao Độ	Bình Định	Thành Thái	Canh Tý	1900	24	9 đầu lúc 32 tuổi, tri phủ Thiệu Hóa	
	Võ Huyền	"	"	"	"	14 đầu lúc 24 tuổi		
	Lệ Hòa	Trần Chuyết	"	Tư Đức	Giáp Thìn	1884	18	6
	Long Văn	Nguyễn Khởi	"	"	Mậu Dần	1878	11	1
	"	Đặng Thành Mẫn	"	Duy Tân	Nhâm Tý	1912	18	4 anh Đặng Thành Đón, đầu năm 30 tuổi
Lộc Thượng	Đặng Thành Đón	"	"	Ái Mão	1915	18	1 em Đặng Thành Mẫn, đầu năm 35 tuổi, tri phủ Kozanm, cháu tí tì làm đại chiến	
	Mai Xuân Viên (Sum)	"	"	"	"	12 đầu lúc 24 tuổi		
Lục Lễ	Trần Quang Chung	Thừa Thiên	Minh Mệnh	Giáp Ngọ	1834	32	29 con qua Chương cơ Trần Quang Giám, cha Trần Quang Trạch, Tham tu bộ Lễ, họ đực Hải Yên, sang chức hoàng thân giáo đạo đời Tư Đức.	
Lưỡng Bình	Trần Quang Trạch	"	Tư Đức	Canh Tuất	1850	44	47 con Trần Quang Chung	
	Nguyễn Diễm	Bình Định	Tư Đức	Kỷ Mão	1879	8	3	
Ngọc Thanh	Đoàn Diệu	"	Tư Đức	Bình Tý	1876	12	7	
	Nho Lâm	Trần Đức Tú	Thừa Thiên	Minh Mệnh	Giáp Ngọ	1834	31	4 Tri huyện, con tí tì
Nhơn Ân	Nguyễn Như Kính	Bình Định	Thành Thái	Bình Ngọ	1906	24	14 đầu lúc 25 tuổi. Bất phẩm Khâm Hòa	
	Nguyễn Văn Nhu	"	Tư Đức	Nhâm Tý	1852	13	12	
	Nguyễn Văn Thanh	Thừa Thiên	Minh Mệnh	Giáp Ngọ	1834	31	27 Tri huyện, 6 cháu	
Phú Lâm	Nguyễn Văn Nhuận	"	"	Thiệu Tn	Đinh Mùi	1847	46	12 anh Nguyễn Văn Đức
	Phú Vang	Nguyễn Văn Đức	Bình Định	Tư Đức	Mậu Ngọ	1858	13	13 em Nguyễn Văn Nhuận, Anh em cùng đầu.

HUYỆN TUY PHƯỚC

THÔN	HỌ, TÊN	TRƯỜNG THI	NĂM THI	Số lấy đầu	Vị thứ	GHI CHÚ			
Phục Thiện Phụng Sơn	Nguyễn Nhuận	Bình Định	Hàm Nghi	Ấu Đĩa	1885	8	quán đạo cáo về tuổi cha mẹ già, sau sung chức bang biện hải phòng Bình Định		
	Trần Văn Điển	"	Tự Đức	Nhâm Tý	1852	13		6	
	Dương Quỳnh	"	"	Gáp Thìn	1887	18		13	
Phước Thọ Quảng Nghiệp	Nguyễn Nguyễn Giám	Thừa Thiên	"	Canh Tuất	1850	48		31	
	Trần Văn Kinh	"	Thiệu Trị	Đinh Mùi	1847	46		30	
Tân Dân	Nguyễn Thúc Ôn	Bình Định	Tự Đức	Nhâm Tý	1852	13		8	
Tân Thuận	Trần Văn Nhượng	Thừa Thiên	"	Canh Tuất	1850	48		15	
	Trần Văn Thuần	Bình Định	"	Đinh Mão	1867	18		13	
Thành Tín	Đỗ Tấn Bằng	"	"	Ấu Mão	1855	13		6	
	Đỗ Tấn Thiện	"	"	Mậu Dần	1878	11		8	
Tông Đông	Võ Huy	"	"	Quý Dậu	1873	15		11	
Tông Giản	Võ Văn Lâm	"	"	Nhâm Tý	1852	13		11	
Tri Thiện	Trần Quý Hàm	"	Thành Thái	Bính Ngọ	1906	24		2	đầu tức 18 tuổi
Trung Trí	Trần Đệ	"	Tự Đức	Nhâm Ngọ	1882	11	5	cùng thôn đầu cùng khoa	
	Bùi Thanh Quang	"	"	"	"	11	8	
Tư Cung	Nguyễn Đức Viễn	"	Thành Thái	Đinh Dậu	1897	18	10	chấn tú tài, huấn đạo	
	Lâm Tăng Sâm	"	"	Quý Mão	1903	18	4	chấn tú tài, đầu tức 35 tuổi, hầu bộ Ninh Thuận	
Vạn Bửu	Trần Văn Chương (Lập)	Thừa Thiên	Thiệu Trị	Tia Sên	1841	40	23	cha Đào Bá Quát, Thày Thạch, Nười Tuyền, chú Đào Trọng Tập. Trại các chức Tổng Đốc, Phó Đoàn, Thượng thư, Hiệp biện đại học sĩ	
Vinh Quang	Võ Tấn	Bình Định	Tự Đức	Kỷ Mão	1879	8	5		
	Nguyễn Văn Bằng	Thừa Thiên	Thiệu Trị	Bính Ngọ	1846	46	33		
Vinh Thạnh	Đào Đăng Tấn (Đào Tấn)	"	Tự Đức	Đinh Mão	1867	18	8		
	Đào Bá Quát	Bình Định	Thành Thái	Đinh Dậu	1897	18	7		con Đào Tấn, anh Đào Thuy Thạch, Đào Nười Tuyền, em họ Đào Trọng Tập, chấn kím sinh
	Đào Thuy Thạch	Thừa Thiên	"	Quý Mão	"	31	3		con Đào Tấn, chấn kím sinh, đầu năm 28 tuổi. Ân sát.
	Đào Nười Tuyền	"	"	"	"	11	15		con Đào Tấn, chấn tú tài kím sinh đầu tức 27 tuổi. Bộ chính.
Đào Trọng Tập (Tráp)	Bình Định	"	"	"	18	17	chấn kều Hiệp biện Đại học sĩ Đào Tấn bằng chú, đầu tức 32 tuổi. Tri phủ Thạch Hà, là nội tổ của giáo sư Đào Đức Chương. Cha con chí cháu cùng đầu. Anh em đầu cùng khoa.		
Xuân Hương	Nguyễn Tư	Bình Định	Tự Đức	Mậu Dần	1879	11	6		
Xuân Mỹ	Thái Công Quang	Thừa Thiên	Thiệu Trị	Tia Sên	1841	40	29		
Xuân Quang	Nguyễn Kỳ	Bình Định	Tự Đức	Canh Ngọ	1870	16	4	người cùng thôn đầu cùng khoa	
	Nguyễn Toàn	"	"	"	"	11	5		
	Tạ Chương Phùng	"	Khai Đức	Mậu Ngọ	1918	12	6	đầu tức 20 tuổi. Thân phụ giáo sư Tạ Chí Đại Trưởng.	

Trích trong bản thảo tập THÔN XÃ VIỆT NAM CÓ CÁC NHÀ
KHOA BẢNG THỜI HÁN HỌC
TRƯỜNG TOẠI

Mùa Ly loạn

Một sớm thu buồn mưa phớt bay,
Làng tôi khói lửa ngút trời mây,
Đàn bò chạy loạn kêu ngơ ngác ...
Mưa ướt hòa theo nước mắt đầy ...

Dân quê dùm tùm chạy lên thành,
Bỏ cả ruộng vườn, bỏ mái tranh,
Súng đạn vô tri thiêu cháy sạch,
Cửa nhà đồng lúa, lũy tre xanh.

Con cái vợ chồng thất lạc nhau,
Kêu thương khàn giọng bởi vì đâu?
Tiếng than dậy đất trời cao biết!
Nhìn lại quê tôi khói xám màu! ...

Tôi cũng mù quay theo gió lốc,
Em từ quê loạn chạy về đây,
Yêu nhau như thuở còn chung học,
Hai đứa nhìn nhau lòng ngát say ...

Đâu biết ra đi là cách biệt,
Em bờ môi mọng, mắt hồ trong,

*Cánh thư thưa nhạt trông người viết,
Đời cuốn em theo đám bụi hồng.*

*... Hơn bốn năm sau, tôi trở lại,
Ngõ ngang trong chiếc áo chiến binh,
Nhà xưa hoang vắng tro nền gạch,
Cây dúi mới đùn thay nếp tranh!*

*Lòng tro như đất dạo quanh vườn,
Tôi dẫm cho mềm nỗi tiếc thương,
Biết vẽ vào đâu màu loạn lạc,
Từ nào kể hết nỗi tang thương!*

*Ngồi lại bờ ao lòng mẫn đắng,
Nhìn cây cỏ cũ mọc lao xao,
Ai gây chi cảnh đời mưa nắng?!
Mấy nhánh tre nghiêng nặng mái sâu.*

*Làng quê tro trọi cảnh điêu hù
Một bóng chim cao xuống vũng chiều,
Em ở phương nào xa cách quá?!
Ta giờ lạc bước giữa cô liêu ...*

**(Bình Định 1964)
VÕ NGỌC UYÊN**

*Ở tuổi 20 tinh thần ngự trị, ở tuổi 30 ý chí ngự trị ở tuổi
40 phán đoán ngự trị.*

Telnyson

Xin Mời Anh Cầm Bút Bước Lên Đường

Cảm đề Thế Lực Đỏ của Nguyễn Chí Thiện

*Không hạt cát: không thành sa mạc
Áo ướt thêm bằng những hạt sương thêm
Cộng cỏ đơn sơ, cộng cỏ nhẹ mềm
Nhưng thêm nữa: cộng thêm: làm quá tải!
Sức mạnh ngày nay của trào lưu hiện đại:
Sức mạnh chính là trí thức hôm nay
Sự thật bấy lâu lần được giải bày
Đang trông đến bàn tay anh thêm sức
Nên phải nhận viết là thiên chức
Để góp phần xua đuổi bóng ma tà
Là việc làm trả nghĩa mẹ hiền cha
Bị bức tử ngậm hờn nơi chín suối
Là phương thức để trừ sâu diệt muỗi
Cứu Văn hóa ngàn năm đang bị rụi dần
Sự thật viết lên: sự thật được lột trần
Có tác dụng cứu dân khỏi bàn tay Đảng chúng
Nguyễn Chí Thiện ơi quả là anh nói đúng
(Bởi đây là kinh nghiệm của hờn căm?)
Mới muốn vắn bãm chúng ra vạn mảnh!"
Bởi do ai giống Tiên Rồng chịu cảnh
Đạo nghĩa suy đồi, đất nước xát xơ?
Bốn ngàn năm hơn, từ dựng nước đến giờ
Ai? - Ai đã làm Càn Khôn tan nát?:
"Nhưng không thể dùng bom A bom H
Phá nát địa cầu vì một lũ gian manh
Nên phải viết, phải muôn ngàn kẻ viết*

Những tội tà đình bưng bít tinh vi
Nếu nhân loại mọi người đều biết
Cộng sản là gì tự nó phải tan đi
Thứ sinh thành từ ấu trĩ ngu si
Sự hiểu biết sẽ là mồ hủy diệt"
(Đó là thơ Nguyễn Chí Thiện viết)
Và nếu ta nhận mình là người Việt
Phải viết đưa bè lũ chúng ra tòa
Cho muôn người khắp thế giới nhận ra
Các tội ác của tập đoàn chống nhân loại
Viết khơi hồn thiêng và triệt tiêu oan trái
Chuồn lỏi mình thua bại, mất Quê Hương
Xin Mời Anh Cầm Bút Lên Đường.

TỨ ĐỨC

Nhà bác học Lê Quý Đôn có nói rằng: Trong thiên hạ có 5 cái nguy:

1. Trẻ không kính già
2. Trò không trọng thầy
3. Binh kiêu tướng thoái
4. Tham những lan tràn
5. Sĩ phu ngoảnh mặt.

Báo Tuổi Trẻ Sài Gòn

ĐỂ LẠI CUỘC TÌNH

BIỂN THƯỚC

1. Tình bạn, tình ruột thịt gia đình họ hàng, tình thầy trò, tình yêu quê hương, tình đồng nghiệp đồng đội đồng cảnh ngộ, tình nhớ băng khuâng cỏ cây mây nước gia cầm, những con vật và kỷ vật thân thương của một thời (nặng ỏi ná cao su, hòn vụn, mảnh sành, cán viết, vết vẽ bậy trên tường, con mèo tam thể, con chó xồm vàng ...), tình đầu tình cuối, "tình trong giây phút mà thành thiên thu, tình tuyệt vọng nổi thắm sâu" (Leiba) ...

Một đời có bao nhiêu cuộc tình? Tất cả những cuộc tình đang và đã đi qua đời mình, chỉ còn lại trong ta nỗi cô đơn và lòng hoài niệm.

Nỗi cô đơn là một phạm trù tâm lý học. Nếu đời người ước vọng sống trăm năm thì cả đời công lẫn đời tư trọn cuộc hành trình, sau khi lắng nghe và lắng nghĩ, sau khi phân tích và tổng hợp thông tin, mình lựa chọn giải pháp hành động và tự trách nhiệm lấy cuộc đời mình. Vì vậy mà niềm vui đã ảo tưởng lại hiếm hoi, còn nỗi khổ thì lại có thực và đầy đủ. "Mình làm mình chịu, kêu mà ai thương!" (Nguyễn Du).

Tôi là kẻ lưu đày, dù ở nơi nào trên mặt đất. Tôi bị sinh ra đời, đời này. Không có tiếng cười, chỉ có tiếng khóc của bất cứ đứa bé nào sơ sinh! Chém giết nhau bằng

mọi thứ vũ khí hữu hình và vô hình. Vật lộn vì sinh kế, để được ăn ngủ, học hành, yêu thương, thù hận, ái ố hỉ nộ lạc dục bi, để bị động chờ cái chết mà không biết chính xác nó đến lúc nào. Có người không đợi chờ, chết lúc nào cũng được, vì cho là sống cũng đủ rồi, buông xuôi trôi nổi như cọng rác mục giữa thác đời. Cờ đến tay phải phất, cái gì đến tay cứ hưởng, ngụp lặn theo bản năng.

Vì sao phải sống dai, sống già? Câu hỏi lớn đó có người trả lời, là chỉ có hai loại người như thế: một là sống nghèo nàn cơ cực, lăn lê bò lết, cùi hủi, ăn mày xó chợ đầu đường ... để trả nợ cái ác của dòng họ thuở xa xưa; hai là sống làm một quả tốt lành do nhân duyên đẹp đẽ của kiếp trước và kiếp này, nhìn con cháu thành đạt, hiếu để yêu thương. Thượng thọ để hưởng phước lộc.

Những cuộc tình theo năm tháng càng đậm đà hay nhạt nhạt thì xin đừng ảo tưởng cho đó là thật đậm đà, thật nhạt nhạt. Có rất nhiều điều, tưởng như thật, để làm vui lòng người già, để an ủi kẻ cô đơn. Ta cô đơn trọn đời, vì từ việc nhỏ đến việc lớn, mọi mặt cuộc sống chung riêng, không làm sao phó mặc cho ai được, không ai gánh vác cho mình, tự mình lo là chính. Được cái này mất cái kia, được nhiều mất ít, được ít mất nhiều; được cái này mất cả cái kia, chút ít thôi hay nhiều nhiều lắm ... rồi chán, đứng núi này trông núi nọ, bỏ hết cả môi để lại đi bất bóng! Chẳng bao giờ mất mất hết, moi móc tìm kiếm cũng còn chút gì trong châu thân, trong nghị lực. Trọn đời mình luôn luôn phải đứng trước những lựa chọn! Không thể ôm đồm tất cả.

Người bước vào thiên là người chọn lựa một giải pháp, tưởng rằng tối ưu, trong thế lưỡng nan vĩnh viễn trọn đời. Palestine, Israel và Jérusalem; Clinton, Hillary và Monica; Ao Gore và Bush v.v... Đi đây xiếc và đóng kịch,

hai hay nhiều mặt. Hai mặt là tối thiểu, âm và dương, tất và mở, một và không.

Cô đơn vì đổi thay và lựa chọn không ngừng. Mọi đổi thay đều mất mát và muộn phiền. Cứ gì trong nước hay ngoài nước, mỗi người Việt Nam đều có riêng một quê hương đất mẹ. Mỗi người chúng ta đều cô đơn trong chừng mực nào đó. Vườn cau, nương chuối, khói chiều, sương sớm, dòng sông quê, đồi cây, ngọn cỏ, heo may, thu vàng, hàng me, bờ đậu ... Nổi quạnh hiu lặng lẽ những đêm dài, chìm trong tiếng sóng xa, tiếng hàng dương ủ rũ, tiếng thở dài mỗi mệt của sách đèn, của chiến trận, của áo cơm, của ái tình và sự nghiệp, của sui gia, dâu rể, bạn già ..., của văn hóa tuổi thơ và văn hóa hiệp chũng.

2. Xác thịt chết mới chôn, rã ra trong quan tài; dù quan tài có tốt đến đâu thì thời gian cũng chỉ lưu lại nắm xương tàn, móng chân móng tay và vài nhúm tóc ... Những cái khác trở thành chất lỏng, uế khí, làm phân bón đất, bốn mùa theo gió nước lang thang, cho cỏ cây tươi tốt xanh rờn. Không táng, địa táng, thủy táng, hỏa táng, xác người vào bụng chim bụng cá hay bụng dun để côn trùng, tro bụi ... thì cũng trở về với đất làm phân bón cho cỏ cây.

*Trước bãi cỏ chiều êm
Anh và em im lặng
Cỏ thì xanh đầm thắm
Rủ ta ngồi gần nhau.
Hoa thì bay cánh trắng
Gợi mùi hương ban đầu.*

*Cỏ mọc trên đất nâu
Cỏ mọc vào sỏi đá
Mất anh tìm trong cỏ*

Mùa xuân không bến bờ
Như tình yêu ta đó
Cỏ xanh màu non tơ.

Chúng mình đã đi qua
Những tròn trăng hò hẹn
Qua đời chờ nắng mưa ...
Biết bao là bờ bến.
Chiều nay ta tìm đến
Cỏ xanh mùa xuân ơi ...!

Chúng mình nói bao lời
Lúc mừng vui gặp gỡ
Lúc giận hờn lo âu
Lúc cầm tay bỏ ngõ
Để chiều nay trước cỏ
Anh và em lặng im.

Màu cỏ đường xanh thêm
Mùi hương thơm nhè nhẹ
Nắng chiều rơi lặng lẽ
Gió chiều bay ngập ngừng.
Dáng em ngồi trước cỏ
Anh nhìn đẹp lạ lùng.

Màu cỏ xanh không cùng
Như tình ta trẻ mãi.
Ồ sao em bối rối
Tay bút sọt cỏ mềm
Hay là em sắp nói
Một lời chi dịu êm ...?

(Cỏ Tháp Chàm Bình Định 1958, Cỏ Đồi Cù Dalat 64, Cỏ Nhà Tù Rừng Lá Hàm Tân 85, Cỏ Vườn Nhật Kelley Park San Jose 99 và Lá Cỏ trong tập thơ Lá Cỏ "The Leaves of Grasses" của Walt Whitman, Cỏ của muôn đời ...).

Ta sống trên sự mầu mỡ của thân xác tổ tiên các giống người, hằng trăm năm đã ra đi, lặng lẽ và cô đơn, ngời ngời dĩ vãng. "Không công danh thà nát với cỏ cây" (NC Trứ) mà có công danh cũng vùi sâu nắm đất xanh rì cỏ hoa.

Mặt trận miền tây không yên tĩnh, câu chuyện của dòng sông thơ ấu bị cắt đứt chôn vùi. Con sông thơ ấu giờ đã lấp, lẽ sống một thời đã bay cao. Miền tây là tuổi già xế bóng, miền đông là dòng sông tuổi nhỏ ấu thơ. Rạng đông với hoàng hôn xa nhau một dải cô đơn, một cõi bụi trần. Giữa hai bờ sinh tử là một bãi chiến trường cho mọi điều can dự và nhân quả nhân tiền. Càng sống càng chứng nghiệm bài học Đam Mê Và Dĩ Vãng mà thầy Cao Văn Luận đã dạy tôi 45 năm về trước. Tôi có anh bạn giáo sư Triết trường Nguyễn Trãi quận 8 Sài Gòn, anh ĐNP. Trong tù, anh kể một chuyện tình tay ba, da diết, thanh cao: Oanh người yêu đầu đời không cưới được đành phải lấy Hương người yêu sau. Châu và Hương đã có hai con. Mười năm sau gia đình Châu gặp lại Oanh. Oanh đã sang ngang, đang có thai gần ngày sinh nở, chồng nàng tử trận trong mùa hè đỏ lửa 72. Hương là nhà giáo dạy Việt văn cấp 3. Nàng hiểu rõ và kính trọng mối tình đầu của chồng xưa kia, mà nàng biết đã từ lâu, từ hồi chưa lấy chàng. Oanh nói: "Sự khó dễ của hai bên cha mẹ khiến mình không lấy được nhau. Bây giờ đau khổ lại chồng lên đau khổ. Em ở vậy 6 năm không phải để chờ đợi gì ở anh mà để cho phôi pha nổi xót xa. Tuổi ngày mỗi lớn, cũng đành

phải lấy chồng cho cha mẹ vui. Anh ấy tử trận để con chưa chào đời đã côi cút. "Vì vậy Châu lại càng trân trọng Oanh và si mê hơn. Anh săn sóc nàng tận tình với sự vui vẻ tán đồng của vợ. Oanh vào nhà phụ sản Đức Chính Sài Gòn, 71 Cao Thắng quận 3, sinh một cháu gái. Suốt cả tuần hai vợ chồng săn sóc mẹ con Oanh, như ruột thịt, đem trứng gà, cam quýt, nho, cá bống kho tiêu ... hoa tươi và những nụ cười ấm lòng cô phụ. Châu ở thăm rất khuya, thủ thủ tâm tình. Về sau Châu là cha nuôi của bé Hoàng Anh. Nàng không là vợ bé, nhưng vẫn là người tình không chẵn gối; mãn tang chồng vẫn tiết hạnh, ở vậy nuôi con. Còn Hương vẫn mặn nồng với chồng, không một chút ghen tuông. Khi trực gác đủ mức sáng đánh thức lương tâm và từ tâm thì cả ba côi lòng được nhận lãnh khinh an và cuộc tình tay ba đẹp như một giọt sương mai.

Anh bạn dạy Triết của tôi có thói quen mỗi khi chấm dứt một câu chuyện kể hay xong một màn ăn mì lát độn cơm ở trong tù, dứt một hồi kể tan ca khổ sai, hết một buổi lên lớp chính trị. anh giật giật hai vai co giãn và nói "chấm dứt một cuộc tình, kết thúc một cuộc tình" ngụ ý tiếp tục chờ những "cuộc tình" khác đến!

3. Bạn trẻ, đã gọi là trẻ, tất chưa già, họ còn trăm công nghìn việc đối phó với mưu sinh, họ không hiểu và không thích đọc những điều trừu tượng, mơ hồ, mông lung, lộn xộn, không theo cái luận lý phương cách diễn đạt ngày nay nơi này, rõ ràng mạch lạc ngắn gọn mà đầy đủ, theo lối thực dụng mì ăn liền, học xong thi xong là quên ngay! Một đồng sách nặng sau lưng, sinh viên vừa đi vừa chạy từ lớp này qua lớp khác, sách nặng đến nỗi có người phải dùng xe đẩy, nặng như một gùi củi của cô gái Ra đê trên cao nguyên Langian. Củi đốt sưởi ấm, nấu chín

cái ăn và tan ra tro. Sách đốt bằng mắt, soi vào não bộ, nảy ra hiểu biết, biến thành cơm áo gạo tiền. Vậy là sách đốt ra đóai no với cái gọi là hạnh phúc! Mà thật ra càng học càng cảm thấy mình ngu dốt, học cho đến mãn đời, mỗi người một xẻo và tiêu hóa bằng hành động, để lại chút gì cho hậu thế tiến lên.

Càng học càng cảm thấy cô đơn, không cách gì thoát ra khỏi nó, kể cả giải pháp triệt để là cố quên nó đi, coi như nó không hề hiện diện. Luyện tập thiền cực kỳ kiên nhẫn siêng năng mà tu chưa tới, tu chưa thành chánh quả. "Mình làm mình chịu, kêu mà ai thương!"

Có rất nhiều cảnh ngộ vợ chồng xa nhau (như một trong hai người vượt biên) nhiều năm, cô đơn, phải lập phòng nhì phòng ba. Từ già cô đơn là sự đầu hàng cái lạnh cái trống vắng ở trong lòng. Cũng có nhiều vợ chồng không sống xa nhau mà vẫn ngoại tình, tìm cho mình cái gì người bạn đời không có hay đã phê pha, như sắc đẹp, tuổi trẻ, tính tình, tài năng, tiền bạc, nghệ thuật săn sóc, chiều chuộng v.v... Đàn ông thì đa số hiểu sắc, đàn bà thì đa số hiểu tài và sinh lực khỏe mạnh trẻ trung. Tuyếc hooc-môn sản xuất và tác động mạnh, qua lại đồng thời với cơ thể sắc diện hồi xuân, hồng hào, tươi vui nhanh nhẹn hưng phấn vì sung xuống tốt độ trong trò chơi lừa dối lén lút. Sung sướng tự hào, trẻ hẳn lại, tưởng rằng qua mặt gia đình, nào ngờ bộ mặt tươi rói tố cáo tất cả. Ngụp lặn trong ái ân và lo toan đối phó che đậy, làm cho sức khỏe xuống nhanh. Sự lừa dối dần dà khiến lương tâm cắn rứt, cảm thấy tội lỗi với vợ con thì đã muộn rồi, đã dấn sâu vào oan nghiệt, tan vỡ hạnh phúc gia đình, hao hụt kiệt quệ tiền bạc. Thân này ví xẻ làm hai được, hay làm ba làm bốn! Tình lén lút không có tương lai. Người bị phản bội cũng tuyệt vọng vô cùng, lâu dài tình ái sụp đổ tan

tàn, mệt mỏi chán chường đau đớn, trầm cảm nặng nề, đi đôi với tai biến tim mạch (bốn mắt nhìn nhau trào máu họng). Ngạc thở, chết điếng. Tình cảnh ấy chỉ dưới mức tự tử một nấc mà thôi. Kể ong bướm không chung thủy đã đánh mất lòng tự trọng, tự tôn; họ và mọi người liên hệ đến họ đều rã rời chán ngán. Cả vợ lẫn chồng trở nên yếu ớt hèn kém, cảm giác nhục nhã làm cho bủn rủn và ngớ ngẩn, không còn biết tựa vào đâu, vì chỗ tựa tưởng là vững chắc nhất là kẻ đầu ấp tay gối đã ra đi trong hoang tưởng mịt mù. Thân xác đã ra đi hay thân xác còn ở lại có nghĩa lý gì khi tâm hồn không còn thuộc về nhau.

Thứ lý luận lảm cẩm đó đám trẻ nghe xong bèn cười ruồi, cho là lạc hậu, quê mùa, "sức mẩy mà buồn, buồn ơi, bỏ đi Tám" ! Đám trẻ ở đây cho việc cưới hỏi hay không cưới hỏi cũng vậy mà thôi. Chữ trinh có giá trị gì đâu! Hạp nhau thì ở lâu lâu, chán rồi thì chia tay. Hết cuộc tình này thì đổi cuộc tình khác, tội gì mà sống lạnh lẽo cô đơn! Họ thay tình là thay lạc thú của ái ân, như thay món ăn lạ mà chưa chắc đã ngon, thay cuốn phim hay, chuyển đi chơi đẹp, thay cái áo mới, cái giường đồ hiệu! Nhìn từ con mắt nào để phê phán về tác phong của họ?

Hãy xin đừng chán nản, hãy làm gương và truyền thông thật rõ ràng, thật vui tươi, sống động và ngắn gọn (có vui họ mới chịu nghe, có hay thì họ mới lắng nghe, mới thấm dần dần) rằng "chữ trinh đáng giá ngàn vàng". Hãy với một tinh thần cởi mở đón nhận mọi đổi mới tốt đồng thời giữ cái cũ tốt. Nhưng tốt là tốt thế nào? Kỹ thuật chỉ là phương tiện, chính mình là người đem lại niềm đam mê vào kỹ thuật. Đam mê và dĩ vãng trong khát khao lành mạnh để sống, thì xưa và nay vẫn sống đẹp như nhau.

4. Sống đẹp thì chết đẹp. Sống nhục thì chết nhục. "Trăm năm bia đá thì mòn, nghìn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ". Rabindranah Tagore nói rằng: "Khi ta sinh ra thì ta khóc mà người chung quanh ta cười. Vậy ta phải sống làm sao để khi ta chết thì ta cười mà người chung quanh ta khóc". Cũng luận về cái đẹp của tử sinh, Sào Nam Phan Bội Châu đã viết:

*Sống tử làm chi đứng chật trời,
Sống nhìn thế giới, hỡ chẳng ai?
Sống làm nô lệ cho người khiến,
Sống chịu ngu si để chúng cười,
Sống tưởng công danh, không tưởng nước,
Sống lo phú quý, chẳng lo đời.
Sống mà như thế đừng nên sống
Sống tử làm chi đứng chận trời.*

Xin đừng sống tử nhục, xin đừng sống chỉ để NHÌN đời, làm một thứ chứng nhận tiêu cực và hưởng thụ. Nói thì hay lắm nhưng làm mới khó. Hãy làm đi, bất cứ việc gì, đóng góp cho dân ta và dân Mỹ, trong chiều hướng bảo vệ và phát triển hạnh phúc của cả hai dân tộc. Sống chết chỉ là những chu kỳ vạn vật, nhưng:

*Chết mà vang dội danh uy
Còn hơn sống chịu khinh khi cúi lòn
Chết mà non nước vẫn còn
Còn hơn sống để nước non tươi bờ*

(Phan Sào Nam)

5. Sống trong nước Mỹ, mọi loại người trẻ già đều cảm thấy cô đơn, vì xã hội kỹ nghệ hiện đại, các thành phố mật độ dân cao, tạo nhiều mối quan hệ chỉ mở rộng mà không có chiều sâu. Quen hay không quen nhau, gặp

xã giao chớp nhoáng, rồi ai lo việc nấy. Tôi ở ba năm trong khu đồi Aborn, hàng xóm toàn là kỹ sư da màu (cứ tưởng rằng họ còn mang nặng tính Á Đông) nhưng cũng chỉ thế thôi! Không ai có mối quan tâm gắn bó với nhau. Họ rời sở về nhà, đầu óc muốn thư giãn, nghỉ ngơi giải trí theo sở thích riêng tư. Anh Ấn Độ ở đối diện thì thích dắt chó đi vòng vòng và nói oang oang nhưng chỉ nói chuyện với chó mà thôi. Chị Năm Hoa kiêu thì làm một túi bánh mì vụn ra hồ, ở cả tiếng đồng hồ với đám vịt trời 24 con.

Nhà nhà đóng cửa im im. Trong một nhà, lớn nhỏ có thời biểu công việc riêng, nên không thể họp đông đủ ăn chung cùng giờ. Ban đêm giải trí, mọi người có tụ lại quanh TV cũng chỉ chú ý câu chuyện trên TV, nào phải quan tâm tới nhau. Mỗi mệt thì vào phòng riêng, cũng có TV nhỏ trong đó, để đỡ giấc ngủ; hoặc lo học thêm, làm bài vở ngày mai.

Già cũng như trẻ, sống, tiếp xúc với bạn bè (có thể có nhiều bạn) một cách hời hợt chiếu lệ. Dầu có rủ nhau họp lại cũng chỉ vui chơi chốc lát, cho qua một buổi nghỉ ngơi và chẳng có ai là bạn thâm giao, chẳng để lại chút gì sâu sắc.

Tôi tuy già nhưng còn may mắn vì tôi mê máy tính. Trên máy tính tôi viết lách, đọc báo và giao thiệp với bạn bè khắp nơi, cũng đỡ bớt cô đơn. Đó là những cuộc giao tình tâm lặng vô tư vô hại. Nhiều bạn già của tôi, lớp thì siêng năng đi nhà thờ, lớp ngồi xe bus lang thang các công viên hay phố chợ, lớp đến hội người già sinh hoạt, đi chơi đánh bài Reno, Las Vegas. Nhưng phần đông người già sức khỏe suy yếu, ít muốn đi lại và giao tiếp, họ ở nhà, chỉ còn nhận thông tin từ báo chợ, từ vợ con, radio và TV. Họ nghe và đọc vài hàng rồi ngủ lúc nào không biết. Xem phim bộ cũng thế, âm thanh phải mở lớn, phim vẫn diễn,

ngủ cứ ngủ, mà tắt phim là họ biết ngay. Một bộ phim ba bốn chục giờ nhiều khi xem năm bảy lần không chán. thuộc lòng tập mấy tập mấy nói gì! Con cháu gọi thậm là ông bà già lạc hậu. Thức ăn thường nấu chay và phải nấu cho mềm cho lạt, ăn được bao nhiêu thì ăn, còn lại con cháu đem đổ cả, chúng không ăn, chúng chê nấu mềm xèo, lạt nhách và không báo không thơm mùi cá thịt tôm, gia vị. Người già, một chuyện hay nói đi nói lại mãi, con cháu nghe chán, bỏ đi, chỉ còn kính lão đắc thọ, chỉ thưa gửi thăm hỏi chiếu lệ và đi lại viếng thăm thưa thớt dần. Người già không còn đủ uy tín để chia sẻ những lo âu vướng mắc trong gia đình các con. Giao tiếp tình cảm với con chỉ còn có những lời khuyên, lời khen yếu ớt, nhẹ nhàng. Có người, người bạn đời đã yên nghỉ, con cháu giữ khoảng cách xa xa. Cho nên họ đã cô đơn lại còn cô độc, thật đáng sợ, thật trống rỗng vô nghĩa, họ bèn tìm cái gì đó lụy hụi làm cho có làm, để quên đi những đêm dài lạnh lẽo. Nhưng rồi họ vẫn rã rời trong thân xác và tâm tưởng.

Lớp trẻ thì vui đầu trong công việc, dành rất ít thì giờ cho giao tiếp và sinh hoạt với đại gia đình, thì làm sao hiểu rõ nhau, tạo được mối quan tâm sâu sắc với người ruột thịt? Lớp già thì vui đầu trong kinh kệ hay trong lo buồn. Họ cần thay đổi thái độ sống, cởi mở hơn, hòa đồng thực sự với con với cháu, với ông bà cha mẹ chú bác cô dì cậu mợ anh em họ hàng. Giảm sự vụng về trong giao tiếp bằng những câu chuyện tâm tình chân thật ngắn gọn, chứ không phải là những thông tin của một người kể "chuyện trong nhà ngoài phố" khô khốc lạnh lùng, hay chuyện áp phe làm ăn sòng phẳng vụ lợi, chuyện vu vơ chỉ để giải khuây mình, nói cứ nói mà không cần biết người nghe có nghe hay không.

Ở đây, Thung Lũng Hoa Vàng, cũng là Thung Lũng Điện Tử số một thế giới, những bức xúc của nếp sống công nghiệp hãy hòa vào vẻ đẹp thiên nhiên và tấm lòng hướng nội hoài hương để cùng nhau cất xén, gọt giũa, trau chuốt nét thô thiển của trái tim bệnh tật (mạnh ai nấy sống, chèn ép nhau, hay chẳng mấy quan tâm đến nhau, hoặc chỉ giao thiệp khu có liên hệ đến công việc của mình).

Để tạo ra cảm tình sâu xa phải có những tiếp xúc đa dạng và đều đặn. Đó là một cách để giảm bớt cô đơn.

6. Nếu cá tính biểu hiện sự độc đáo của mỗi con người thì cá tính cũng có những nhược điểm làm tan vỡ hạnh phúc của họ. Tôi có người chị họ, học ban B Đồng Khánh Quốc Học 1957-1960, chị rất giỏi toán, vào đại học Sài Gòn chị nhất định theo học cử nhân Toán, nhưng MG (Math Général) thi 3 năm đều rớt, buồn tình, chị quay 180 độ, lên Dalat học lấy cử nhân Văn Khoa! Ở đó một bác sĩ trẻ có tài say mê chị, nhưng như con chim phải tên, e chuyện tình cũng có thể tính lầm như chuyện học, chị do dự dè dặt và đốt thêm thời gian, mãi cho đến tận giờ, làm một kẻ phòng không. Quan điểm sống và cá tính có quan hệ hữu cơ với những điều lầm lỡ. Hôn nhân nào phải là một thế giới cầu toàn và lãng mạn, nó có đủ ngọt bùi đắng cay và cơ cực. Trai gái yêu nhau sau mất kiếng màu hồng sắc tài 100% mà sự thật chỉ có được 30% thì hãy sống thực chỉ với 30% ấy, rồi cùng nhau vun đắp lên. Bạn trẻ hỏi sắc tài chỉ có bấy nhiêu thì vun đắp nổi gì! Đi thăm mỹ rập đồ giả vào mà coi là đồ thật thì trọn đời vợ chồng còn lại sống bằng ảo tưởng hay sao? Tôi hỏi ngược lại: cái nét đánh chết cái đẹp, công dung ngôn hạnh bốn phần ấy chỉ có dung 30% còn ba phần kia 100%, yêu chồng hết

mục, giúp chồng học lên, bằng cấp cao, địa vị vững, nuôi con ngoan và thành đạt ... đó là ảo tưởng hay sao?

Đừng cầu toàn trách bị. Phải thực tế, sức mình với tới một mức nào thì hãy tạm dừng ở mức ấy, cho khỏi đuối sức bỏ cuộc, rồi dần dần lấy ngắn nuôi dài, chia đường đời ra từng đoạn nhỏ, cố gắng và kiên trì đi từng đoạn một ... rồi cũng xong bốn phận làm người. Còn hơn là đốt giai đoạn, nhảy quá xa, thiên hạ cười chê thương hại, mình xấu hổ với chính mình, rồi đầu hàng, buông xuôi và sa ngã. Một số trở nên điên loạn, dở dở ương ương.

7. Tôi mới tiễn đưa một người anh họ về cõi vĩnh hằng. Anh chưa tới bảy mươi. Anh chưa muốn về hưu, anh đang tại chức trong một hãng điện tử lớn ở South Bay này, và lia đời đột ngột ngay trong giấc ngủ. Ngày xưa là một công chức cao cấp bộ Tài chính, mấy mươi năm qua anh tự tổ chức cuộc sống đơn sơ với một vợ hai con, sống âm thầm lặng lẽ. Anh rất thương vợ con, sống rộng rãi cởi mở với mọi người. Người đến chia buồn trong Oak Hill Memorial có đến vài trăm, gồm bạn đồng nghiệp mới cũ của anh và của họ hàng, con cái dâu rể. Ngồi xe 20 phút đi đến chân núi nghĩa địa Á Đông của Oak Hill, trời mây đen vần vũ, lễ nghi theo Phật giáo. Anh cựu Giám đốc nha Nhân viên bộ Giáo dục đại diện cho tất cả anh em đốc sự từ khóa I đến khóa 5 nói lời tiễn biệt, anh không nói vĩnh biệt mà xin tạm biệt vì chắc hẳn sẽ còn gặp nhau ở bên kia. Chiếc quan tài theo dây ròng rọc từ từ hạ huyệt. Lạ lùng thay, hôm xuống đến nửa chừng cơn mưa to mới bắt đầu như trút. Tôi đứng yên nơi góc chái sùng ướm mà nhìn các cháu khóc theo mưa. Mưa lại dừng khi hôm chạm đáy đất, những hòn đất và hoa của người Việt, Mỹ, Mễ, Ấn ... bay xuống nắp áo quan.

*Giác ngủ, đi luôn, đẹp dị thường
Một lời khấn vái, ít trần hương
Không cần đọc điệu văn bên huyệt
Rồi một người đi một ngã đường.*

*Thôi hết trời hoang cùng gió lạ
Với hoa khoe sắc, nhạc đầm hương
Những ban mai biếc, hoàng hôn xám
Những mộng cùng mơ, giận với hờn.*

*Có nghĩa gì đâu quán trọ đời
Đến rồi đi đó, thiệt mà chơi
Chẳng còn viễn ảnh gì lưu niệm
Ngoài sắc thời gian tím tuyệt vời*

*Thôi được, giờ đây anh mất đi
Hãy xem như đến một chu kỳ
Bởi anh là đất anh về đất
Anh chẳng cần đem một chút gì.*

Chị tôi là một hoa khôi, ngày xưa tốt nghiệp đại học Sư Phạm, làm giáo sư Anh văn Trung học. Ngày nay qua bao nhiêu khổ nạn, chị ốm yếu xanh xao, và như Phạm Duy đã viết, chị làm "người tình già sống lẻ loi", nhìn "người tình vào cuộc tử sinh, sống chết lung linh". Phạm Duy cũng mới để tang Thái Hằng. Đại đa số những cặp vợ chồng già sẽ một trong hai người đi trước, nào phải một mình anh tôi "ngoảnh về non hát khúc xuân sang... Cuộc tình ta mãi mãi đơn côi. hay cuộc tình đôi mãi mãi yên vui".

8. Con đường từ hệ lụy tới tự do (euréka) là con đường từ cõi sống đi vào cõi chết. Chỉ có chết mới dứt hết ràng buộc hệ lụy, mới oàn toàn tự do. Tôi nói đến những con người bình thường, không quá giàu cũng không quá nghèo, lương thiện trong sinh kế, chỉ đủ sức nuôi con đến 20 tuổi cho nó đứng vững mà đi trên sạn đạo đời nó. Những người như thế chiếm số đông trong mọi xã hội.

Những thùng sách vở, những áo quần giày dép, album, phim ảnh video CD, vật dùng để ăn uống nấu nướng, máy móc để học để nghe nhìn giải trí, tài liệu lưu trữ theo sở thích đã bao năm, chỗ nằm, ảnh tượng thờ phụng và kỷ vật xa xưa ... nhất nhất cái gì quanh châu thân để sống đời bình thường, khi ta chết, những thứ đó bị con cháu loại bỏ, tiêu hủy, chỉ trừ những máy móc còn kha khá. Giữ lại vô ích, một là nhìn nó thêm đau lòng, hai là (đây là lý chính) để thêm chật nhà chật cửa, không dám nói ra nhưng thấy nó lỗi thời, nhìn mà nhõn nhõn, để móc meo, chỉ lưu trữ sâu mọt mà thôi.

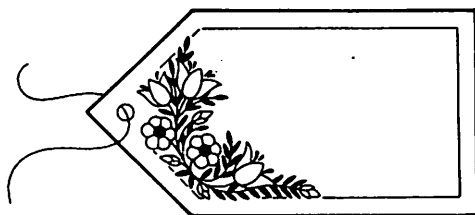
Có lẽ những giá trị tinh thần mà ta muốn để lại cho con cháu cũng được xử sự như vậy. Lâu lâu bất chợt nhớ về người đã khuất, nhớ một rẻo vụn xử thế nào đó của người, một ý tưởng ngộ nghĩnh, một lời sâu sắc, một cử chỉ ngây ngô, một lần nổi giận phùng mang trợn mắt, một giọt lệ, một nụ cười, dáng ngồi dáng đứng dáng đi sự vuốt ve triu mến ... con cháu ta sẽ mỉm một cười, một tiếng thở dài, một chút rưng rưng, nghĩ tới cái khổ nhọc cuối đời mà cả hai bên đều chịu đựng trước thánng ngày vĩnh biệt nhau, sự ra đi quằn quại không để lại gì, không đem đi gì, không một lời trần trối. Đi qua đi lại, lâu lâu bất chợt nhìn tấm ảnh cha mẹ trên bàn thờ nơi góc nhà, nhang tàn khói lạnh, mà nghĩ tới phần mình về sau, có lẽ còn buồn hơn thế. Ngay lúc sống cuối đời đã buồn rồi, đã cô quạnh rồi.

dầu cho tìm cách tự chế điều mình cho vui lên một chút, sau véo vẫn rưng rưng, như lời một bà cụ bạn của giáo sư Phạm Biểu Tâm:

*Rù rờ đổ vỡ thiệt là hư
Biết phải mắng rằng đặng nữa chừ?
Ăn uống vãi rơi làm họ bực
Ra vào đụng chạm thấy mình dư
Người thân gặp lại nhìn ngơ ngẩn
Để trước quên sau kiếm mệt dừ
Ai ngờ ngày nay ra thế ấy
Xưa kia lỗi lạc một tay cừ!*

Mối tình để lại, như Shakespeare từng nói: "Những tấm ảnh bên ngoài chẳng cần cho lắm, chỉ những hình ảnh trong lòng là còn mãi mãi". Sống làm sao cho đừng chìm ngấm trong lòng ai. Một tục ngữ La tinh *FLUCTUATE NEC MERGITUR* (trôi nổi bồng bềnh nhưng không bao giờ chìm) tôi nêu ra đây như một lời tạm kết trên trên cái chuỗi dài những mối tình để lại. Trong mọi nẻo ràng buộc gông cùm thân xác và tâm hồn tôi nghĩ về câu tục ngữ ấy như một lời an ủi, đứng lên đi và đi.

BIỂN THƯỚC
mùa Giáng Sinh năm 2000



BÔNG HỒNG CÀI ÁO

Đêm qua trong giấc mộng vàng
Bỗng nhiên ta gặp lại nàng dưới trăng
Trông lên bóng dáng chị hằng
So ra vẫn thấy không bằng người mơ
Nàng ngồi bên cạnh làm thơ
Hồn thơ lai láng ý thơ đạt dào
Từ miền núi thẳm non cao
Đến nơi bể cả ào ào sóng vang
Thị thành nhộn nhịp rộn ràng
Đồng quê nội cỏ nhẹ nhàng gió lay
Hỡi ai ai thấu ai hay
Ngàn hoa nở nhụy đang say giấc nồng
Đẹp thay một đóa hoa hồng
Cài lên cổ áo tấm lòng nàng trao
Giật mình mới biết chiêm bao
Nửa nào nửa tỉnh nửa nào nửa mơ
Miên man nghĩ ngợi hàng giờ
Một mùi hương lạ nàng thơ rõ ràng
Cuộc vui nào lại không tan
Tiệc vui nào lại không tàn chia ly
Giã từ gác lệ nàng đi
Run run ta cũng sầu bi não lòng
Đóa hoa một đóa hoa hồng
Để ta ấp mãi vào lòng hằng đêm
Khi rời góp ngọc dặn thêm
Hoa hồng ấp mãi hằng đêm vào lòng

ĐẶNG ĐỨC BÍCH

Vấn Tết

Đưa với chời non
lạc nắng ngàn
Mãi vai lối chầu
Thơ sáng băng thuyền
Nhà bên phố nước
rên qua cửa
Rời cánh mái vàng
lột vẻ xuân
Viết thơ 42

BẰNG CHÂU

HUỲNH THỊ KIM OANH

Ai cũng nói đến Bình Định. Bình Định. Bình Định ... nhưng không một ai hề nhắc đến Bằng Châu thân yêu của tôi. Bằng Châu ơi! Không ai nhớ đến, nhắc đến Bằng Châu. Nhưng tôi, tôi nhớ. Cho dầu tôi đang ở một nơi với nắng ấm, hoa nở rộ mùa xuân, mùa hè. Với mùa thu lá vàng rơi ngập cả lối đi. Với tuyết trắng xóa khắp núi đồi, cây cỏ mùa đông sáu tháng. Với hoàng hôn nắng như không muốn tắt. Đẹp vậy đó. Đẹp như bức tranh thủy mặc. Như ta đang ở trên cõi tiên nào đó (trong truyện cổ tích!).

Vậy mà trong trái tim tôi, tận cùng trong sâu thẳm tôi vẫn canh cánh bên lòng nỗi nhớ Bằng Châu.

Bằng Châu quê tôi chỉ là một cái làng nhỏ nhỏ nằm e ấp ven sông. Con sông lượn lờ chảy qua làng tôi từ trên kia Đập Đá. Dòng sông đó đã ôm tuổi thơ tôi trong vòng tay rộng mở, yêu thương. Tuổi ấu thơ vô tư, hồn nhiên không hề bận tâm đến cái khói lửa mịt mù của chiến tranh Việt Minh chống Pháp. Bom nổ thì kệ bom. Máy bay bắn thì kệ máy bay bắn. Hàm trú ẩn không chui xuống, có chui xuống cũng ráng bò lóp ngóp lên để coi máy bay Pháp thả bom. Khói lửa ngụt trời ở trên Bả Canh, Gò Găng, Phù Cát ... miệng còn la lên nó piquer hay quá!!! Ôi tuổi thơ ôi!

Tôi tung tăng theo đám bạn trong làng đủ mọi lứa tuổi rủ nhau đi tắm sông, bắt cá. Trên khúc sông trước nhà tôi, có cây dừa nước thật lớn. Cành lá, rễ xõa như suối tóc

trên sông. Chúng tôi leo lên thật cao rồi cùng nhảy xuống nước, mở mắt nhìn những đám cá bơi lượn, nhìn màu cát lấp lánh dưới đáy sông ... Tôi nhớ đâu có ai tập cho tôi bơi đâu, chỉ có một lần tụi bạn nói "mày muốn biết bơi thì bắt con chuồn chuồn cho nó cắn cái lỗ rún thì mày biết bơi ngay". Tôi tin như vậy, bởi mới có bảy tuổi thôi mà - và tôi ngây thơ, u mê ám chương về nhà lén ra sau hè bắt con chuồn chuồn và làm theo lời tụi nó. Hình như ai đó một lần trong cuộc đời cũng đã ngu dại như tôi rồi thì phải ?? Đời thuở nào con chuồn chuồn cắn lỗ rún mà lại biết bơi!! Vậy mà tôi đã làm. Đã yên trí theo lời các bạn. Và tôi nhảy xuống sông! ... Trời ơi! Tôi chìm lìm, uống bao nhiêu là nước đến sặc sụa, đến tức ở ngực, đến ù cả tai và sắp tắt thở! Tôi nghĩ chắc mình sẽ chết thôi. Tôi khóc dưới nước kêu cha kêu mẹ, và có lẽ chính vì sự sắp chết đó, tôi đã cố vùng vẫy, cố tung đạp đủ mọi cách, mọi kiểu để tìm ngoi lên mặt nước. Và tôi ngoi lên được. Nằm úp mặt trên bãi cát ven sông, tôi vừa khóc vì mình thoát chết, vừa cười vì sự ... u mê của mình. Tôi thề nguyện rửa con chuồn chuồn vô tội, và đám bạn quý quái. May không thì tôi đã chết rồi. Nhưng dẫu sao tôi đã biết bơi!

Một trưa hè chúng tôi trẻ con làng Bằng Châu đã bơi qua bên kia sông - bên kia sông là làng Thanh Liêm - để coi đám trẻ con bên ấy làm gì, sống ra sao. Không hiểu vì lý do gì đám trẻ con làng Thanh Liêm rượt chúng tôi chạy co giò! Về bên này sông, mấy đứa Bằng Châu tức quá - vừa ngồi thở tìm cách trả thù bọn Thanh Liêm. Bỗng một đứa vụt đứng dậy la lớn "Ê Thanh Liêm! Thanh Liêm ăn cứt chim ỉ ... chấy!!!" Cho rằng đây là đòn trả thù tuyệt vời nhất nên cả bọn đồng loạt cũng đứng lên lấy hết sức gân cổ mà la vói qua sông. Sông rộng vậy mà bọn Thanh Liêm cũng nghe. Bất chợt bên này sông Bằng Châu nghe

thoảng trong gió, rồi rõ dần. "Ê Bằng Châu! Bằng Châu ăn cứt trâu ỉ ... chầy!!" Gió hình như không ở phe nào, cũng không phụ lòng cả hai bên nên gió cứ thông thả, ung dung chuyển lời từ bên này Bằng Châu qua bên kia sông Thanh Liêm.

Và cứ như vậy tiếng la vang dậy trên sông. Sông cũng tức cười, nên cười với gió. Làm sông gợn sóng lăn tăn. Trận giặc miệng trên sông cứ như vậy tiếp diễn cho đến khi mỗi miệng, khan tiếng, hết hơi, đói bụng mới tạm chấm dứt. Hẹn ngày mai.

Và có ai đó còn nhớ cái soi không? Cái soi cũng giống như một thửa ruộng. Nhưng người ta không trồng lúa, mà chỉ trồng bắp, gieo mạ, trồng đậu, trồng rau. Cái Soi này là tấm thảm bông trắng xóa, tấm thảm bắp xanh rờn, tấm thảm đậu xanh um ... trải dài mỗi mùa giữa dãy nhà tôi với dòng sông. Trên những tấm thảm êm ái này, chị em tôi đã quán mình, lăn lộn trên đó để hái trái bông gòn non mới kết trái vị ngon, ngọt thanh cao không thua gì trái nhãn (Chôi đó làm gì có nhãn mà ăn). Có ai đó biết ăn trái đậu phụng non không? Trái đậu phụng non nó màu trắng đục như sữa. Chúng tôi theo người làng đi nhổ đậu phụng. Tôi thấy người ta lật những trái non sau khi rảy rảy đất, rồi vò vò bằng mấy đầu ngón tay cho sạch đất dính. Bỏ vô miệng ăn ngon lành. Tôi sợ quá. Dơ vậy mà họ ăn được sao? Nhưng thấy họ ăn ngon lành quá, tôi đâm ra ... thèm và ngồi xuống nhổ một chùm. Cũng rảy rảy đất, cũng vò vò bằng mấy ngón tay. Rồi cũng ăn. Vậy mà nó ngon và ngọt làm sao. Ngon lắm lận mấy người ở trần gian ơi! Tôi ăn cho đến khi ... ói ra! Và người ta khiêng tôi về nhà. Sau đó bị quỳ vì cái tội ăn uống không ... đủ vệ sinh - con nhà tiểu tư sản có khác!

Làng tôi không có cây đa cao ngắt từng xanh. Nhưng làng tôi có Bụi tre một nổi tiếng không thua gì trong truyện Liêu Trai chí dị. Bụi tre một không đơn thuần chỉ là một bụi tre mọc ở đầu làng, mà đã biến thành gần như một địa danh để hướng dẫn đường đi đến Đập Đá hay xuống Bằng Châu phải qua bụi tre một đó. Hồi còn nhỏ tôi cũng đã thắc mắc với Ba Mẹ tôi tại sao gọi là bụi tre mà còn là một nữa. Ba mẹ tôi giải thích tại nó nằm cheo leo, trơ trọi giữa một khoảng đất rộng mênh mông xung quanh không có cây nào cao hơn, hay lớn hơn, nên là bụi tre một.

Chúng tôi đã từng ngồi hả miệng, mở to mắt, sát vào nhau nghe chú hai siêng kể chuyện về bụi tre một đó. Có một đêm chú đi khuya về. Ngang qua bụi tre một thì có mấy người quen tới đón chào chú rồi mời chú về nhà ăn giỗ. Chú theo về. Cũng nhà cửa. Cũng những món ăn ngon. Và cũng thật đông người. Chú ăn no uống say đã đời rồi lăn ra ngủ. Sáng ra vợ chú đi tìm thì thấy chú nằm bên cái mả. Kêu chú dậy thì chú mới hay rằng miệng chú đầy phân bò, phân heo và cỏ!!

Người khác thì kể cứ khuya lại thì có cô gái xõa tóc ngồi trên đọt tre, than khóc thật ai oán. Và cũng có khi họ (con ma!) tinh nghịch kéo đọt tre xuống rồi khi có ai ngang qua, họ bật đọt tre lên. Vậy là mình bị hất tung lên trời rơi xuống cái bịch trên các lùm cây dưới gần đó. Chuyện bụi tre một nhiều lắm, hấp dẫn lắm và cũng kinh dị lắm - nghe xong tối sợ không dám ngủ một mình. Nhưng vẫn cứ thích ... nghe!

Làng Bằng Châu tôi có một cái miếu thật lớn. Nói là miếu thờ, nhưng tôi không thấy có hình tượng của ai hết. Chắc là thờ ông thần làng. Cái miếu này nằm trên một khoảng đất rộng sát bên dãy nhà tôi. Ở đằng sau có một

cây siếu to lớn lắm. Ai cũng nói trên cây siếu này có cặp rắn rồng vẫn bay sà sà đi về mỗi ngày. Nhiều huyền thoại về cây Siếu và cặp rắn rồng này. Tôi sợ nên không nghe hết, cũng không dám lân la đến cây siếu khi trời vừa tắt nắng. Bóng cây siếu to lớn, âm u. Đứng sừng sững trong bóng đêm dưới ánh trăng lưỡi liềm bàng bạc, mờ mờ, ai đi qua cũng chỉ biết cúi đầu, im lặng, tim đánh thành thịch và dù có cố chạy cũng không làm sao chạy được ...

Cái miếu này vừa là nơi hội họp, tế lễ của dân làng - vừa là trường học và tôi đã chập chững lớp mẫu giáo rồi lớp một ở cái miếu này. Nói là trường học cho oai chứ thật ra nó chỉ là một cái phòng với mấy dãy bàn ghế. Và một cái trống chầu thật to đặt trước cửa miếu. Cái trống đánh thùng thùng giờ tựu lớp, giờ ra chơi, giờ tan học và cũng thùng thùng mời dân làng họp. Nơi đây tôi đã từng thấy dân tụ tập thật là đông người ta khóc nhiều hơn cười. Người ta ôm nhau, nín nhau khóc rưng rức. Thật là thảm thì ra người ta tiễn con, tiễn chồng, tiễn người thân đi ... dân công! (giống như bây giờ người ta tiễn nhau ra nước ngoài vậy!). Tôi chen chúc coi người ta quán những cái ruột ngựa (không phải rút ruột ngựa ra để làm dậu. Người ta may bằng vải thành một dải dài hình tròn rồi đổ gạo, đổ bắp vô cột chặt hai đầu lại) chụm quanh bụng quán qua vai choàng qua cổ. Người ta đi rồi người ta về. Có người không về. Đi luôn. Về hay đi luôn cũng được mấy người lãnh đạo gì đó tuyên dương công trạng "hy sinh vì dân, vì nước" "anh hùng dân tộc" ... Người ta nói, đọc nhiều lắm. Chỉ có mấy tiếng vỗ tay. Bao nhiêu thì nghe tiếng thút thít. Tiếng nấc không thoát ra khỏi miệng. Tôi thấy họ buồn lắm ...

Làng tôi chỉ có một cái miếu nên chỉ dạy được lớp mẫu giáo và lớp một. Đến lớp hai thì phải lên Phương

Danh học. Làng Bằng Châu tôi nghèo quá. Cha mẹ đâu có đủ tiền mua gạo cho con ăn, không tiền mua cho con đôi dép - toàn đi chân không quanh năm suốt tháng thì nói chi đến việc cho con đi học tận ... Phương Danh. Do đó chỉ có tôi, chị Hương (con ông xã thuộc) thằng cu Anh (con ông Ban tá) - Hai gia đình này giàu có lắm. Tôi thấy họ ở trong những căn nhà rộng, có kẻ ăn người làm giúp việc. Và có Lý, Lê, Nhanh, Mai, anh Lưới là những trẻ làng tiếp tục lên Phương Danh cùng ba đưa tôi. Phương Danh nằm phía trên Đập Đá. Dân ở đây đông đúc, buôn bán tấp nập và giàu có hơn làng Bằng Châu tôi.

Vì sợ máy bay Pháp thả bom nên trường được cất dưới những tàn cây to lớn sum sê lá. Chia thành dãy dài cho học sinh từ lớp 1 đến lớp năm. Lớp sáu thì phải xuống sông Thanh dưới Gò Bồi học. Tôi cứ nhớ hoài ngày nhập học chúng tôi phải mang theo cuốc, xẻng để đào hầm trú ẩn. Đất thì toàn là đá ong, nên rất khó đào, cuốc. Tôi thì ốm nhom ốm nhách, mình hạc xương mai (con tiểu tư sản mà) cuốc được vài cuốc là thấy mình sắp chết rồi! Mồ hôi vả ra như tắm, thở không nổi nữa nên đành ngồi thụp xuống ... khóc vậy là giờ phê bình bị bọn nó (bọn Phương Danh đó mà) phê bình cho sát da là "con nhà tiểu tư sản không biết tham gia lao động" !!! Học ở đây có Hoàng Thị Dung, Ngô Thị Tư, Lê Thị Hiền (sau này cùng học với tôi ở trường Cường Để).

Để tránh máy bay Pháp phát hiện, chúng tôi bắt buộc phải học ban đêm từ 5 giờ chiều đến 10 giờ đêm - với ngọn đèn dầu hắt hiu tỏa sáng. Hắt hiu bởi chiếc đèn chỉ là một cái thẩu chai chứa dầu dừa, dầu phụng và một tim đèn được xe bằng chỉ sợi luồn qua một cái lỗ của sợi dây thép quấn thành vòng. Chiếc chụp đèn hình phễu làm bằng giấy. Trời gió lớn, cây đèn trông tránh phục lửa. Vậy

là tiêu cái chup đèn. Và cũng trời mưa, cây đèn tắt phup vì nước vô, chup đèn bị ướt vậy là cũng tiêu mất cái chup đèn. Lò dò trong bóng đêm tối đen như mực, có đi được về nhà cũng chỉ nhờ quán tính mà thôi. Đó là cây đèn thân của tuổi thơ tôi.

Lắt nhắt chạy theo với các bạn, lọng cọng với cây đèn và sách vở, tôi lang thang từ 4 giờ chiều để hái trái duối, trái dử dẻ ... từ làng Bằng Châu băng qua cái gò mả rồi dọc theo chợ Đập Đá đến trường Phương Danh. Ngày nào như ngày ấy, xa vạ dậm, ngút ngàn so với đôi chân nhỏ và sự ốm yếu của tôi. Thê thảm nhất là những đêm mưa với chiếc áo đôi được chắp bằng lá thắm nước nặng nề sột soạt theo từng bước chân đi ước và lạnh lấm ... Tôi vẫn luôn nhớ đến cái đêm chúng tôi ghé lại xe nước đậu nành của chú người tàu trên đường đi học về. Cho đến giờ tôi cũng không làm sao hiểu nổi bằng cách nào mà các bạn tôi chỉ có một hai hơi là ... hết sạch ly đậu nành nóng hôi hổi? Trong khi đó tội nghiệp cho thân tôi - chỉ mới hớp được có vài hớp thì các bạn đã đâm đầu chạy, biến mất trong bóng đêm ở cái Gò Mả. Tôi đành buông ly đậu nành đổ tung tóe vừa khóc vừa kêu các bạn chờ cho với, vừa chạy theo ... Nhưng tôi đã bất tỉnh vì có mấy con ma lười dài trắng xóa đã nhào ra từ các nắm mồ chup lấy tôi !! Các bạn tôi đó. Các bạn tôi biết tôi sợ ma nên đã bàn tính trước để nhất tôi. Chỉ một lần đó là lần duy nhất bởi vì các bạn tôi đã bị Ba Mẹ tôi kêu đến nhà ... hỏi han thân mến!!!

Đường thì xa - lớp thì lo sợ máy bay bắn (trường Phương Danh đã bị giặc Pháp oanh kích một lần - học sinh chết rất nhiều và người viết gian tên Nguyễn Hữu Lộc bị Việt Minh bắt đem ra xử tử trước dân chúng. Học sinh được nghỉ học hôm đó để đi coi xử tử. Tôi nghe nói ông ta

sẽ bị chặt đầu, người thì nói bị bắn. Tôi sợ nên không dám chen vô, chỉ đứng thật xa và nghe người ta hô "Đả đảo tên Việt gian bán nước, hại dân - Đả đảo") phần thì khổ vì trời mưa gió. Nhưng chúng tôi cũng không nản lòng, vẫn đi học đều đặn. Ai cũng khen. Ba mẹ của tôi ở làng Bằng Châu gồm Lý, Lê, Nhành, Mai, Hương, Phê, Lưỡi, Nhánh? Điều tôi vui nhất là sau này Nhành lại cũng học với tôi ở trường Cường Để. Rồi vô không quân. Rồi biệt tằm. Biệt tích cho đến giờ không hề nghe ai nhắc. Chắc có lẽ Nhành đang cùng vợ con đang ở đâu đó trên trái đất này.

Làng tôi nghèo khổ lắm. Dân làng chỉ sống đơn sơ, mộc mạc với nghề làm ruộng, làm soi, lười cá, bắt cua. Không đủ gạo nấu, dân làng tôi độn thêm ngô, sắn. Có nhà ăn bắp nhiều hơn ăn cơm. Tôi đã thấy cái nhà đó họ có một chén mắm cơm họ bỏ thêm cả nửa chén muối hột vô. Tôi há hốc miệng vì đã mắm mà còn thêm muối nữa. Chỉ vì nghèo quá mà. Cá thịt không có, chỉ có chén mắm và những đọt rau dền, rau sam hái sau vườn có nhà ra ruộng bắt cá chạch, cá rô, cá trê về kho, về nướng ăn với mắm gừng.

Nhưng ai ơi, đã bao nhiêu năm qua và cho dầu ngàn năm sau tôi cũng không thể nào quên được hai món ăn đặc biệt của Bằng Châu tôi. Hai món ăn như mây trời như gió thoảng của buổi trưa hè với vạt nắng lung linh trước ngô. Tôi không quên được - bởi nó ngon, nó thấm đậm đến tận đầu lưỡi - Tận chân răng. Tận trong cùng thực quản và đi vào trong ký ức. Đó là mắm cua và nắm môi. Đơn giản vô cùng với mắm cua - đơn giản như cuộc sống của dân làng - Tôi thấy họ đổ những con cua đồng màu đỏ đỏ, đen đen từ một cái giỏ đan bằng tre ra một cái chậu bằng đất, xóc rửa cho sạch bùn rồi bỏ vào trong cái cối đá giã cho thật nhuyễn. Lấy rổ lọc đi lọc lại nhiều lần cho

sạch vỏ. Sau đó người ta để thêm nước, thêm muối hột vô. Làm mắm cua chỉ việc đổ nước cua vừa mới giã vào một cái hủ đất đầy thật kín. Người ta hoặc để trên mặt đất bình thường, hoặc chôn xuống đất, chỉ vài ba ngày sau là mắm đã bắt đầu chua. Mắm cua cũng như nước cua kho nó ngọt không phải vì bột ngọt hay đường. Nó ngọt và béo ngậy vì con cua đồng với những lớp gạch cua đầy ắp. Chỉ đơn sơ có vậy. Nhưng ai ơi, đừng có đi ra chợ mua rau. Không có ngon đâu thay ra sau hè; sau vườn nhỏ những cây cải non vừa được gieo vài tuần hay bứt những đọt rau lang vừa mới ráo sương khuya - đem vô và với mắm cua. Rửa lang luộc vớt ra thật nóng chấm với mắm cua màu hồng hồng, với những lát ớt hiểm xanh xanh, đỏ đỏ lạng lờ cay buốt miệng. Tôi hít hà, chép miệng nuốt nước miếng cái ực khi tôi đang đói bụng mà chợt nghĩ đến món mắm cua với đọt rau lang luộc vừa mới vớt ra, chén cơm nóng bốc khói được nấu bằng cái nồi đất đen sì. Mùi mắm cua thơm lừng. Cay cái cay xé miệng của những trái ớt hiểm!

Và món thứ hai của Bằng Châu quê tôi - nấm mối. Loại nấm này không mọc trên cây, hay trong rơm rạ. Mà nấm này mọc từ một cái ụ mối - cái ụ mối này do những con mối đục đất lên thành một cái ụ đất cao khoảng 1 thước. Cái ụ mối này nằm sau hè nhà tôi. Cứ trời mưa lâm râm là lúc nấm mối mọc lên rất nhiều. Nó không nở to ra như nấm rơm hay nấm mèo. Nó chỉ như chiếc dù chưa được mở tung ra. Nó búp búp, tròn tròn và chắc chắc, bằng ngón tay giữa hay ngón chân cái. Người ta bảo nấm rơm ngon. Tại người ta chưa được ăn nấm mối đó thôi. Nếu người ta được ăn nấm mối rồi thì người ta cũng phải gật đầu khen và không thể nào quên hay so sánh loại nấm nào với nấm mối được. Quý vị không cần phải nhờ có thịt,

có gà, có bò hay bất cứ rau gì để nấu với nấm mối. Chỉ nấm mối thôi. Và chỉ nấm mối quý vị bắt chảo lên bỏ một tí dầu đập một tép hành tép tỏi - đổ nấm được xắt làm hai (nếu lớn) hay để nguyên vô chảo. Nêm tí muối, tí nước mắm tí tiêu trộn cho đều đây nắp lại khoảng chưa tới mười phút. Đổ ra cái đĩa lớn, khói bay nghi ngút thơm lưng ngọt béo và ngát ngậy! Trên đời không có gì ngon hơn mắm cua chấm với rau lang luộc. Không gì sánh bằng với nấm mối chỉ xào sơ. Đã gần năm mươi năm qua rồi, tôi chưa được một lần thưởng thức món ăn nào ngon và đậm đà tình quê hương đến nhói cả lòng khi nghĩ đến mắm cua và nấm mối dù tôi đã đi khắp ba châu ba biển ...

Và cũng làng Bằng Châu quê tôi còn có những cây duối trái vàng ươm. Cây chiêm chiêm trái đỏ kết thành chùm, cây thủ nho (tôi không biết là thủ nho hay thảo nho) thật nhiều hoa vàng tím nở quanh năm suốt tháng bên rào dậu. Khi trái chín trở thành màu đen nhánh ăn thật ngọt thật thơm, cây sim hoa trái tím rịm ăn thắm cả lòng. cây dư dẻ mọc khiêm tốn bên đường làng với trái vàng mơ. Hoa thì chắc có người sẽ nghĩ nó sẽ xấu như cái tên dư dẻ của nó. Nhưng không, đừng nghĩ vậy chứ. Dư dẻ là tiếng thì thầm tình tự trong đêm của muôn loài. Hơi thơm chỉ tỏa ra thoảng trong gió, trong không gian khi trời chạng vạng. Nó quyến rũ đến ngát ngậy, đến tê lịm cả thần trí. Cái thơm của hoa dư dẻ không nồng đậm như hoa dạ lý hương, hoa ngọc lan - mà là cái thơm của hoa hồng pha lẫn với mùi chiêm chiêm, khế ngọt, mùi ổi xẻ chín, mùi xoài tượng (chỉ có Bình Định quê tôi mới có loại xoài tượng ngon, thơm đến tột cùng của khẩu vị!), mùi nếp, mùi rơm rạ vừa mới gặt ... cứ phảng phất đâu đó quanh ta. Nhớ hoài người thấy hoài ... và hình như ai đó ở làng Bằng Châu quê tôi đã phải nhiều lần không cưỡng được lòng,

cúi xuống ngắt một vài bông hoa dư dẻ nhẹ nhàng bỏ vào tú hay ép vào vở!

Quê tôi đó - quê tôi là làng Bằng Châu nhỏ bé, thanh bai, hiền lành nằm khấp nép ven sông. Con sông đó chị em tôi vẫn thường ra úp mặt thì thăm và cùng lắng nghe tiếng của dòng sông Tiếng sóng róc rách, lao xao cười đùa cùng gió vào mùa xuân, mùa hạ và cũng lắng nghe tiếng sông thét gào, giận dữ vào mùa nước lũ với những tảng bọt trắng ngần sừng sững như núi đổ về tự nguồn trên - như bắt sông phải cưu mang nặng nề, khó thở.

Và cũng trên dòng sông thân yêu tuổi thơ đi, tôi như đã lịm người đi khi nhìn thấy nhánh lục bình trôi. Tôi yêu mến nhánh lục bình trôi đến nhói cả tim tôi. Hoa lục bình tím biên biếc nhô lên giữa đám lá màu xanh thình lặng. Hoa trôi lững lờ. Nhấp nhô theo triền sóng. Tấp hết chân cầu này đến bến bờ nọ ... Dập dềnh trôi. Trôi mãi ...

Năm 1954 hiệp định Geneve được ký kết. Gia đình tôi lại quày quả trở về Qui Nhơn. Ba Mẹ tôi lại phải xây dựng lại từ đầu. Thị xã Qui Nhơn được lệnh Việt Minh "tiêu thổ kháng chiến - có nghĩa là dân phải đập phá nhà cửa trước khi tản cư. Ba mẹ tôi đã thật đau lòng khi đứng nhìn dãy nhà hai tầng và cái garage bị phá đổ. Và dãy nhà của Ba mẹ tôi là dãy nhà đầu tiên được xây cất trên cát và xương rồng của thị xã Qui Nhơn ngày tản cư về.

Tôi đi học lớp bốn ở trường Ấu Triệu và xa Bằng Châu cùng cây lục bình trôi từ đấy ...

HUỲNH THỊ KIM OANH

Quê Tôi

*Những buổi ban mai tia nắng trải,
Ven con đường đất bốn mùa bông.
Hương hoa phảng phất mùi hương dại,
Em gái xinh xinh, má ửng hồng.*

*Có những buổi chiều cơn giông đổ,
Từng đàn em nhỏ tắm trong mưa.
Bông bênh bọt nước mong manh vỡ,
Kéo kẹt nhà ai tiếng võng đưa.*

*Và có những đêm sao lấp lánh,
Dung nhan kiều diễm chị Hằng ơi!
Giọng hò thôn nữ trong sương lạnh,
Xao xuyến vì sao vỡ rụng rơi.*

*Bình Định, nơi chôn nhau cắt rốn,
Bên kia bờ biển Thái Bình Dương.
Việt Nam ơi! Cháu con, nòi giống
Vượt thoát ngục tù, lạc tứ phương.*

*Tôi sẽ về thăm ngày rực nắng,
Để nhìn tôi lại chuỗi ngày thơ.
Quê cha đất tổ tình sâu nặng,
Thương nhớ ngày đêm dạ thần thờ.*

*Con suối mỗi chiều còn gió lộng?
Ven con đường đất có còn hoa?
Trên môi em gái còn ươm mộng?
Còn có hương bay tỏa trước nhà?*

Đất khách chiều nay, mưa lác đác,
Chạnh buồn nghĩ nhớ xóm làng xưa.
Đạn bom đã một thời giày nát,
"Mở cửa", "đổi đời", đỡ đói chưa?

Đất mẹ hiền, quê hương yêu dấu,
Ngọt ngào như ruộng lúa đơm bông.
Giàn cà, liếp cải, vồng khoai, đậu,
Nỗi nhớ đìu sâu tận đáy lòng.

Đã ngót hai mươi năm dấy nhĩ!
Hai mươi năm cách biệt tình quê.
Máu con tim vẫn còn hoen rỉ,
Mây trắng giăng ngang bạc lối về.

NGÔ ĐÌNH PHÙNG

Georgia



LỜI DẪN

Ở Hoa Kỳ có lễ Tạ Ơn, gọi là Thanksgiving. Ngày ấy có lệ sum họp gia đình, hàn huyên ăn uống và trong bữa tiệc luôn luôn có món gà tây.

Nguyên ngày 16-9-1620 có 102 người Anh, gồm 50 đàn ông 20 đàn bà và 32 trẻ em rời Plymouth (nước Anh) bằng tàu Mayflower, vượt Đại Tây Dương sang Tân Thế Giới (Mỹ Châu) sinh sống. Những thuyền nhân này muốn định cư ở vùng đất chưa thuộc về nước nào để được duy trì ngôn ngữ, phong tục của họ và nhất là được tín ngưỡng theo giáo phái Pilgrim mà Anh hoàng lúc bấy giờ cấm đoán gắt gao. Ngoài ra, họ còn hy vọng ở vùng đất mới sẽ có cuộc sống tốt đẹp hơn.

Trải qua 65 ngày gian nan trên biển cả, ngày 20-11-1620 họ đến bờ đông của Mỹ Châu nhưng mãi đến ngày 26-12-1620 họ mới chọn được nơi định cư là một vùng đất cao ráo, có lạch nước trong và đặc tên là cảng Plymouth để kỷ niệm cố hương.

Họ đến nhằm mùa đông, thời tiết quá lạnh, nhà cửa chưa có lại thiếu thực phẩm nên chỉ còn 50 người sống sót. Cũng may, năm ấy mùa xuân đến rất sớm, họ bắt tay vào việc trồng tằm, chuẩn bị lương thực cho mùa đông kế tiếp. Vụ mùa đầu tiên khá tốt đẹp và khi thu hoạch xong, một ngày trong tháng 10 năm 1621 họ mở tiệc mừng và làm lễ tạ ơn vùng đất mới dung thân. Lễ ấy được tổ chức mỗi năm một lần và truyền đời này sang đời khác, thành phong tục của nước Mỹ. Khoảng năm 1941, Quốc Hội Hoa Kỳ biểu quyết ấn định lễ Thanksgiving hằng năm là ngày thứ năm vào tuần lễ thứ tư của tháng 11 dương lịch.

Lễ Tạ Ôn năm nay nhằm thứ 5 ngày 25-11-1993, với tôi, đây là năm đầu tiên định cư trên đất Hoa Kỳ. Gia đình tôi Tạ ơn xứ lạ năm đầu bằng chuyến du ngoạn thành phố San Francisco và lần đầu tiên viếng thăm Golden Gate Bridge. Cây cầu nổi tiếng của thế giới không những về chiều dài mà còn là cách kiến trúc khá độc đáo. Cầu bắc qua eo biển rộng, không có trụ chống đỡ các nhịp cầu, chỉ được treo lơ lửng giữa không gian bằng những sợi cáp thép.

Thời tiết lạnh, gió biển thổi nhiều nhưng trước cảnh đẹp thiên nhiên và kỳ công của con người, tôi đi bộ qua lại trên cầu để quan sát ngắm nhìn. Đồi tôi gặp nhiều dâu bẻ nên dù đứng trước một thực tại, tôi vẫn loáng thoáng như giấc chiêm bao. Tôi không hiểu nổi định mệnh nào đưa đẩy tôi cách xa cố hương đến 9 múi giờ, đang bước trên cầu Golden Gate và ngày mai sẽ ra sao? Cảm xúc mạnh, bất giác tôi hạ vần thơ Tạ ơn năm đầu:

TẠ ÔN NĂM ĐẦU

Tạ ơn xứ lạ năm đầu
Thực hay là mộng?
Bẻ dâu chập chờn.
Chiêm bao?
Đâu đó rập rờn
Vô thường,
Tôi đã nhiều hơn vô thường.
Còn gì để mất mà vương
Trắng tay, tay trắng,
Tóc sương cũng rồi!

Chân bè năm tháng hững trôi
Gió đem cái lạnh hay đời lạnh na?
Cầu treo, lơ lửng mắt ta
Nổi em biển rộng
Không! Là chiêm bao?
Sáu đường xe chạy trời cao,
Thả dây cáp thép níu vào chân mây.
Bước chân, giờ bước vào đây
Tạ ơn xứ lạ
Năm đầu nao nao!

San Francisco, 25-11-1993
(Trong tập *Đời Viễn Xứ*)
VIỆT THAO



Ít sắc dục để nuôi tinh, ít ngôn ngữ để nuôi khí, ít tư lự để nuôi thần.

Tuân Sinh Tiên

GÒ LĂNG

Đất Bình Định có nhiều danh lam thắng cảnh, núi đồi gò trũng. Mỗi tên tuổi một địa danh đều có tính lịch sử riêng của nó mà thường chỉ có người địa phương mới am tường. Chúng ta thử tìm hiểu từng miền đất riêng tư đó như ở Hoài Ân có Gò Loi; từ xưa từ xưa ở cái đồi trọc cằn cỗi này đã mọc lên một loại trà Tàu cây thấp cánh nhỏ, nước xanh có mùi thơm đặc biệt. Đến nay trà Gò Loi vẫn nổi tiếng hơn trà Bầu Cạn dù số lượng không nhiều. Gò Bồi vùng đất thanh lịch, có nước mắm ngon, nơi sinh trưởng của thi sĩ Hàn Mạc Tử. Gò Quánh Phù Cát nơi CS đã xử bắn các vị anh hùng: Nguyễn Hữu Lộc, Đoàn Đức Thoan, Võ Minh Vinh. Gò Găng nơi sản xuất nón ngựa nổi tiếng cả miền trung. Gò Thị nơi ghi dấu tử đạo của ông Thánh Nam Thương. Rồi Gò Cây, Gò Ké, Gò Vân Sơn v.v... còn biết bao tên Gò nữa còn nằm rải rác khắp nơi trong tỉnh ... Nhưng một địa danh đáng lưu ý hơn cả mà hôm nay tôi muốn đề cập đến là Gò Lăng tọa lạc ở xã Bình Phú huyện Bình Khê (nay là Tây Sơn). Đó là di tích khai nguyên của 1 triều đại với 18 vị Anh hùng (Tây Sơn thập bát cơ thạch) (1) làm nền cho nội các của Nhà Tây Sơn do Ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ lãnh đạo mà sử sách cận đại đã lãng quên hoặc ít ai đề cập đến ngoại trừ những lời truyền khẩu của các vị tiền hiền, bô lão trong vùng.

Hôm nay nhân dịp có tập Đặc San Bình Định Bắc Cali tôi muốn nhắc đến cái "Địa danh lịch sử" đó mà thời gian đã làm mai một. Đối với tôi Gò Lãng còn in hình trong ký ức nhiều kỷ niệm của tuổi ấu thơ. Ngày ấy tôi còn là 1 đứa trẻ chăn trâu - dắt trâu để "cầm cỏ" (không theo chăn giữ) hoặc cho trâu nằm lấm nơi vũng bùn. Cũng có lúc tôi dẫn ngựa ra Gò Lãng với một đoạn dây dừa, một cọc ngấm để cầm chân ngựa ăn quanh quẩn trong vòng tròn bán kính độ 3 mét. Những lúc rảnh rỗi đó, lũ chăn trâu, chăn bò chúng tôi tụ tập nô đùa bày các trò chơi cổ hữu thường có ở miệt quê thời trước như: đánh tam túc ăn hột me "tức là yêu, lượng, tam, túc" đố nhau trong nắm tay có 1, 2, 3 hay 4 hột. hoặc "chơi sai roi". Một đứa chịu bịt mắt tay cầm roi, đứa khác đọc thầm chú, có câu, có bài lớp lang:

*"Sai roi phải giữ lấy roi
Mồ cha mả mẹ ai coi cho mày
Sớm mai tan tãn tãn tan,
Ba hồn chín vía chó mang về nhà.
Về nhà cha đánh mẹ la ... không cho vô nhà..."*

Một lúc sau đứa bịt mắt lên đồng chạy theo đuổi đánh những đứa sáng mắt. Một hồi lâu đứa lên đồng mệt lã - đứa sáng mắt phải liêu chạy vào ôm vật ngã đứa lên đồng, tiểu vào mặt nó để giải - Rồi còn đánh trống, đánh cù, đá banh bó lá chuối khô, cút bắt ... Chúng tôi vô cùng thích thú nô giỡn từ ngày này qua ngày khác với những tâm hồn vô tư của đám trẻ chăn trâu mộc mạc ... Sáng dắt trâu ra, chiều lừa trâu về chuồng. Cuộc sống mục đồng của chúng tôi rồi cũng êm ả trôi qua dòng ấu thơ. Rồi theo ngày tháng lớn lên mỗi đứa tản mát đi vào từng ngã rẽ của những nhánh sông đời. nhưng những kỷ niệm khó

quên đó không xóa nhòa được - nhất là những chuyện kể hấp dẫn đến nay mê của bà lão, bà con chòm xóm về tài năng các danh tướng Tây Sơn (Tây Sơn thất hổ tướng) như Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân, Võ Văn Dũng v.v... Chuyện trả thù của Gia Long Nguyễn Phúc Ánh. Giết hại toàn bộ gia đình dòng họ các võ tướng Tây Sơn - Phá nát, triệt hạ tất cả các di tích, lăng tẩm cung điện nhà Tây Sơn. Những tháng năm ngược xuôi đây đó, từ Phú Phong về Xuân Hòa tôi phải băng qua vùng "Gò Lãng" ... Một niềm cảm xúc dâng trào, nó u uất, lạnh lẽo đui hiu khiến tôi chạnh nhớ đến 2 câu thơ của Bà Huyện Thanh Quan:

"Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo

Nền cũ lâu đài bóng tịch dương ..."

Bà Huyện Thanh Quan nhìn Thăng Long còn những di tích khá rõ nét của Lê Triều: lối xưa ... Nền cũ ... Đá vẫn tro gan ... nước còn cau mặt ... còn nơi đây Gò Lãng trơ trụi, lạnh lẽo, hoang vắng ... buồn tênh! Sự trả thù của Nhà Nguyễn Gia Miêu có thể xóa đi mọi vết tích vật chất của triều đại Tây Sơn nhưng chắc không thể nào xóa được lòng ngưỡng mộ, dùng kính của người dân Việt đối với Đại Đế Quang Trung - Vị anh hùng áo vải cờ đào đã chinh Nam, phạt Bắc chiến thắng ngoại xâm - đã ghi vào lòng dân tộc những trang quân sử thật vẻ vang.

Đến ngày hôm nay khi tuổi đời đã xế bóng - đang còn lưu lạc nơi xứ người, mỗi khi nhớ về tổ quốc Việt Nam. Quê hương Bình Định nơi GÒ LÃNG cả một thời thơ ấu đã sống lại trong tôi với biết bao "Dâu bể phũ phàng"

NGƯỜI HỌ BÙI

1. Thập bát cơ thạch:

Wõ tướng có 7 người: Võ Văn Dũng, Võ Đình tú, Trần Quang Diệu, Nguyễn Văn Tuyết, Lý Văn Bưu, Lê Văn Hưng, Nguyễn Văn Lộc, gọi là "Tây Sơn thất hổ tướng"

- 2. Bên văn có 6 người: Võ Xuân Hoài, Nguyễn Thung, Trương Mỹ Ngọc, La Xuân Kiều, Triệu Đình Thiệp, Cao Tắc Tưu gọi là "Lục kỳ sĩ"*
- 3. Ngũ Phụng thư: Bùi Thị Xuân, Bùi Thị Nhạn, Trần Thị Lan, Nguyễn Thị Dung, Huỳnh Thị Cúc.*

Thất hổ tướng, Lục kỳ sĩ, Ngũ phụng thư hợp thành "Tây Sơn thập bát cơ thạch" - tức là 18 tảng đá làm nền móng nhà Tây Sơn lúc ở GÒ LĂNG.



Chuyện cười:

Thiên đường của các tài xế mới

Một chuyên viên dạy lái xe từ sở làm về nhà, đá tung đôi giày vào góc tủ, lầu bầu:

- Ước gì tôi tổng được cả lũ học lái xe sang Anh một chuyến!

Bà vợ ngạc nhiên:

- Chi vậy ông?

Ông chồng đáp:

- Ở bên chúng nó tha hồ lấn sang bên trái mà không bị ai rầy rà!

Làng Văn số 199

LỄ HỘI ĐỒNG ĐÀ

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

Ở Bình Định ngoài lễ hội Tế Ông nhằm mùng 10 tháng 5 âm lịch và hội Đổ Giàn vào rằm tháng 7 hằng năm, các lễ hội khác đều được tổ chức trong mùa xuân, nhiều nhất vào dịp Tết Nguyên Đán. Lễ hội thường được tổ chức tại miền quê, không một lời quảng cáo, nhắc nhở, thúc giục nhưng hội nào cũng đông nghẹt người.

Lễ Hội Đồng Đa được tổ chức từ năm 1960, địa điểm hành lễ là điện thờ Tam Kiệt Tây Sơn, tại làng Kiên Mỹ (đất Tây Sơn cũ) xã Bình Thành quận Bình Khê (nay là huyện Tây Sơn) vào ngày mồng 5 tết. Đây là lễ hội truyền thống lớn nhất của tỉnh Bình Định.

Lần giở lại trang sử oai hùng của dân tộc, cuối năm 1788 vua Kiền Long nhà Thanh sai Tôn Sĩ Nghị đem 20 vạn quân sang chiếm nước ta. Trước khí thế mạnh như vũ bão của giặc, ngày 21-11 năm Mậu Thân (18-12-1788) Tư Mã Ngô Văn Sở nghe theo lời bàn của Ngô Thời Nhậm, cho chuyển quân từ Thăng Long về đèo Tam Điệp để bảo toàn lực lượng.

Ngày 24-11 năm Mậu Thân (21-12-1788) tin cấp báo về tới Phú Xuân thì ngày 25-11 năm Mậu Thân, Nguyễn Huệ làm lễ đăng quang ở Bàn Sơn (phía nam núi Ngự Bình) và chỉ 4 ngày sau (29-11) Hoàng đế Quang Trung cùng đại binh đã có mặt tại Nghệ An. Nhà vua cho dừng quân ở đây để tuyển thêm tân binh và hội kiến với La Sơn Phú Tử.

Ngày 20-12 năm Mậu Thân, đại quân đến núi Tam Điệp, Quang Trung tuyên bố trước tướng sĩ: "Chỉ nội mười ngày nữa ta sẽ đuổi hết được giặc Thanh. Bữa nay ta ăn Tết Nguyên Đán trước, sang xuân ta sẽ ăn tết Khai hạ vào ngày mồng 7 ở Thăng Long" (Việt Sử Tân Biên, quyển 3, trang 43).

Quang Trung chia quân làm 3 đạo:

* Đại Đô đốc Lộc và Đô đốc Tuyết lãnh hữu quân (có sách chép là tả quân) đi đường biển. Đại Đô đốc Lộc theo sông Lục Đầu tràn lên Bắc Ninh và Bắc Giang, đóng chốt từ Yên Thế đến Lạng giang, Phượng Nhãn chặn đường về của giặc. Còn Đô đốc Tuyết đổ bộ vào Hải Dương tiếp ứng cho mặt trận miền Đông.

* Đại Đô đốc Bảo và Đô đốc Long (có sách chép là Mưu đem tả quân, có tượng và kỵ binh tăng cường, đi bọc đường núi đánh tạt cạnh sườn vào phòng tuyến địch. Đại Đô đốc Bảo mở mặt trận phía tây, dùng tượng binh từ huyện Sơn Minh (phủ Ứng Thiên, trấn Sơn Nam Thượng) đánh vào các căn cứ địch ở xã Đại Áng, Nguyệt Áng (tổng Vĩnh Hưng Đặng, huyện Thanh Trì, phủ Thường Tín, trấn Sơn Nam Thượng). Còn Đô đốc Long đem tượng binh và kỵ binh đi đường tắt từ huyện Chương Đức (phủ Ứng Thiên, năm 1814 đổi thành phủ Ứng Hòa) đến huyện Thanh Trì (phủ Thường Tín) hành quân chớp nhoáng từ tây bắc xuống nam, chiếm gọn hai căn cứ Nhân Mục và Yên Quyết, rồi nửa đêm mùng 4 tết vây kín đồn Khương Thượng. Đề đốc Sầm Nghi Đống nhà Thanh chưa kịp xoay trở thì mũi nhọn cảm tử quân đã phá vỡ thành xông vào như nước vỡ bờ. Đống phải mở đường máu chạy về Thăng Long nhưng khi đến gò Đống Đa, lại bị một cánh

quân của Đô đốc Long đón sẵn, bí đường hẳn phải thất cổ tự ái.

* Đạo quân thứ ba do chính Quang Trung thống lãnh cả ba doanh Tiền, Trung, Hậu quân; có Tư Mã Sở và Nội hầu Lân lãnh Tiền quân làm mũi nhọn tiên phong. Tân binh ở Nghệ An, sung vào Trung quân do nhà vua trực tiếp chỉ huy. Hậu quân có Hồ Hổ hầu thủ vai đốc chiến và đề phòng địch tập hập. Ngày 30 tháng chạp, đại quân vượt bến đò Gián Khuất (Ninh Bình), dùng chiến thuật âm so đưa tức là ngược chiều tiến quân của giặc, chớp nhoáng hạ các đồn Thanh Liêm, Nhật Tảo, Phú Xuyên, Hà Hồi, Ngọc Hồi ...

Sáng mùng 5 Tết, tại cung Tây Long, Tôn Sĩ Nghị đang sốt ruột theo dõi mặt trận phía nam, bỗng nghe tin cấp báo quân của Đô đốc Long như trên trời giáng xuống, tiến vào cửa Tây với khí thế ngàn ngạt. Nghị hoảng quá, không kịp mặc áo giáp, bỏ cả sắc thư và ấn tín, vội nhảy lên ngựa chưa kịp thẳng yên cương, chạy thoát ra thành Thăng Lng, vượt cầu phao qua sông Nhị Hà. Quân Thanh tranh nhau chạy theo, cầu phao bị ứ nghẽn, đứt dây, ném cả xuống sông, chết vô số kể.

Trong lịch sử Việt Nam, nhiều lần đánh đuổi quân ngoại xâm, nhưng chỉ có lần này quét sạch 20 vạn quân Thanh trong 5 ngày và sớm hơn dự định 2 ngày. Trên hết là thiên tài quân sự của Đại đế Quang Trung. Bên cạnh đó, có 3 người góp công đặc lực, làm nên kỳ tích quân sự Mùa Xuân Năm Kỷ Dậu:

- Một văn thần đầy mưu lược và lòng căm quyết, đã thuyết phục đám võ thần theo chiến lược "Dĩ dật đãi lao", dương lấy cái nhàn cho quân ta để chống lại cái mệt nhọc của giặc, rất hợp ý của Quang Trung. Đó là Hy Doãn Ngô Thì Nhậm, ngôi sao sáng của sĩ phu Bắc Hà.

- Một ẩn sĩ người làng Mật Thôn xã Nguyệt Ao tổng Lai Thạch, huyện La Sơn, phủ Đức Quang, trấn Nghệ An (nay thuộc Hà Tĩnh) đã hiến kế "Quân quý thần tốc" trong chiến dịch đại phá quân Thanh, cũng hợp ý với nhà vua. Đó là Lam Hồng đệ nhân Nguyễn Quang Thiếp (sau bỏ chữ Quang vì kiêng húy), được người đời phong danh hiệu La Sơn Phu Tử.

- Một danh tướng của miền đất võ Bình Định, với chiến thuật sét đánh ngang tai, uy hiếp tinh thần địch quân đến cùng độ. Chỉ một đêm, Sầm Nghi Đống sợ quá phải tự tử; chỉ một sáng, đồn Tôn Sĩ Nghị phải chạy trốn một cách nhục nhã. Đó là Đô đốc Đặng Văn Long, tự là Tử Vân, người huyện Tuy Viễn, phủ Qui Nhơn (nay là tỉnh Bình Định), được người đời phong danh hiệu Đặng Thiết Tý (cánh tay của họ Đặng cứng như sắt).

Năm 1802, Gia Long lật đổ được nhà Tây sơn, ngôi nhà từ đường, nơi ba anh em Tây Sơn chôn nhau cất rún, bị san bằng; chỉ có cái giếng là di tích còn lại. Sau nhờ sáng kiến của dân làng, ngôi đình Kiên Mỹ được dựng lên trên khu đất ấy. Mặt ngoài, lập đình để thờ thần nhưng trong lòng, không ai bảo ai, họ vẫn ngầm hiểu lập ra để thờ Tam Kiệt Tây Sơn; vì mỗi lần tế xuân thu, họ không bao giờ đọc văn tế mà chỉ khấn vái thầm.

Trong thời Việt Minh (1945-1954), đình Kiên Mỹ bị phá hủy. Năm 1960, nhân dân quận Bình Khê góp công của lập đền thờ Tây Sơn, trên khu đất ấy. Điện thờ có ba gian, gian giữa thờ Quang Trung, gian hai bên, thờ vua Thái Đức và Đông Định Vương Nguyễn Lữ cùng các tướng sĩ. Nơi đây, hàng năm, tỉnh Bình Định tổ chức lễ Đống Đa, số người trẩy hội lên đến hàng trăm ngàn người. Dân chúng cho rằng ăn tết mà không biết đến hội dân gian ở Chợ Gò là điều đáng tiếc, nhưng không đi dự lễ hội

Đống Đa thì coi như năm ấy chưa hưởng trọn hương vị Tết của tỉnh nhà.

Sáng ngày mùng 5 Tết, đoạn quốc lộ 19 từ ngã ba Cầu Gành đến thị trấn Phú Phong, khoảng 50 cây số, đông nghẹt xe cộ. Người ở Tuy Phước, Qui Nhơn lên Cầu Gành bằng hai ngã đường, ngang qua thị trấn Tuy Phước và thị tứ Diệu Trì. Người ở tận đèo Cù Mông, thị trấn Phú Tài và tỉnh Phú Yên theo quốc lộ 1 ra Cầu Gành. Người ở huyện Vân Canh và xã Phước Thành theo liên tỉnh lộ 6 xuống Diệu Trì rồi ra Cầu Gành. Người ở cao nguyên An Túc, xuống đèo An Khê rồi theo quốc lộ 19. Người ở huyện Vĩnh Thạnh thì xuôi dòng sông Côn, về dự hội. Người ở tận miền bắc Bình Định như các huyện an Lão, Hoài Ân, Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát cũng theo quốc lộ 1 vào Cầu Gành. Người ở An Nhơn thì từ thị trấn Bình Định đi đường tắt đến An Thái rồi qua ngã Bình Nghi, đến Phú Phong.

Muốn xem trọn vẹn lễ Đống Đa phải đến điện thờ Tây Sơn từ trưa mồng 4 tết vì chiều hôm đó các nghi lễ cổ truyền đã được tổ chức. Lễ tế rất long trọng, cả khu vực rộng lớn cờ lọng nghi trượng rợp trời, chiêng trống rền vang, người xem như cảm thấy lòng mình hòa nhập vào hồn thiêng sông núi địa linh nhân kiệt. Tối hôm ấy phải ngủ trọ tại xã Bình Thành hay tốt nhất là thôn Kiên Mỹ để sáng sớm hôm sau kịp chen chân đến khu vực hành lễ.

Chương trình ngày mồng 5 tuy có thay đổi hằng năm nhưng các mục chính thì năm nào cũng có: Đó là bài diễn văn ôn lại lịch sử Tây Sơn với cuộc đại phá quân Thanh, biểu diễn võ thuật, trống trận Tây Sơn và thao diễn trận pháp.

Tiết mục võ thuật Tây Sơn, trong những năm đầu thập niên 70, người ta thường thấy nữ võ sĩ Thanh Tùng,

con nhà võ 3 đời lừng danh đất Tây Sơn, biểu diễn các bài quyền như Lão Mai Độc Thọ hay các bài roi như Tấn Nhất Ô Du, được tán thưởng với biệt danh "Hổ Cái Miền Trung".

Tiết mục nhạc võ Tây Sơn là môn nghệ thuật độc đáo của Bình Định, người biểu diễn phải có tâm hồn nghệ sĩ vừa là bậc võ siêu đẳng và luyện đôi tay thần diệu để tác dụng lên trống trống, vành trống và thân trống bằng cả hai bàn tay, cổ tay, khuỷu tay, cánh tay, tiếp xúc vào một bộ trống gồm 12 chiếc lớn nhỏ khác nhau, gọi là Song Thủ Đả Thập Nhị Cổ, tạo nên những âm thanh hùng tráng khác lạ, khiến người xem như bị lôi cuốn thúc giục.

Tiết mục biểu diễn chiến trận Đống Đa lại càng hào hứng và hấp dẫn hơn nữa, được tổ chức trên địa thế qui mô, dàn dựng công phu, tập dượt chu đáo; có cả ngàn người thao diễn với cờ xí, chiêng trống, sắc phục, đồn lũy y như cảnh thật. Người xem tưởng mình đang sống trong thời đại Tây Sơn, dậy lên lòng tự hào dân tộc và từ đó muốn làm một việc gì để đời cho đất nước, cho quê hương.

Có những năm dân Bình Định còn được xem lực lượng quân Đoàn II biểu diễn, trên trời các phi đoàn oanh liệt, dưới đất có bộ binh tiến chiếm mục tiêu, với xe tăng và pháo binh yểm trợ rầm rộ. Người xem được ôn cố tri tân, vừa ngưỡng mộ kỳ tích của tiền nhân vừa hài lòng với thành quả hôm nay, làm nức lòng tuổi trẻ.

Lễ hội được tổ chức trong tỉnh Bình Định, nhưng lại là tầm cỡ quốc gia vì có đông quan khách cấp trung ương của các ngành hành chính, quân sự, văn hóa, giáo dục và các nhà trí thức từ Sài Gòn ra dự.

Biển cổ năm 1975, đông đảo người Việt bỏ nước ra đi, mang theo tinh thần của ngày Hội Tết truyền thống

Đống Đa. Năm 1986, hội đồng hương Bình Định cùng cộng đồng người Việt tỵ nạn lập Hội Ái Hữu Tây Sơn Bình Định tại Nam Cali và Hội Ái Hữu Quang Trung Texas, mỗi hội có Ban chấp hành riêng với nhiệm kỳ 2 năm. Hai hội này liên kết lập thành Liên Hội Ái Hữu Quang Trung Tây Sơn Bình Định và Ái Hữu Quang Trung Texas.

Hằng năm vào dịp Tết Nguyên Đán, Lễ hội Đống Đa được cử hành trọng thể tại Nam Cali do Hội Ái Hữu Tây Sơn Bình Định thực hiện và ở Houston do Hội Ái Hữu Quang Trung Texas tổ chức. Chương trình đại lễ, phần nghi thức có đầy đủ cờ xí, nghi trượng với văn thần, võ tướng, quân sĩ mặc sắc phục thời xưa, có ban tế lễ chỉnh tề trong bộ quốc phục đại lễ thật uy nghi. Phần trình diễn văn nghệ ngoài việc ca kịch, còn có màn hoạt cảnh Chiến trận Đống Đa, biểu diễn võ thuật Tây Sơn và múa lân. Sau hết là phần phát hành Giải phẩm Xuân do Liên Hội Ái Hữu Quang Trung Tây Sơn Bình Định và Hội Ái Hữu Quang Trung Texas thực hiện với chủ đề Tây Sơn và quê hương Bình Định. Có những năm lễ hội còn được tổ chức diễn hành rước kiệu Đại đế Quang Trung trên đường phố, đông đảo người tham gia với lòng hân hoan mơ về vị Anh Hùng Áo Vải đã làm nên những trang sử oai hùng nhất cho dân tộc, cho đất nước Việt Nam.

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG



Người quân tử lấy văn chương hợp bạn, lấy bạn tiến đến đức nhân.

Tăng Tử

TAM QUAN NHUNG NHỚ

*Biển xanh dứa rậm quê tôi
Ra đi ngàn dặm chân trời bao la
Bao nhiêu năm đã cách xa
Nửa vòng trái đất lòng ta ngậm ngùi
Tam Quan nơi chốn yên vui
Sao đành vượt biển bùi ngùi ra khơi?
Nào ngờ bão táp tới bờ
Chiếc thuyền định mệnh chơi vơi giữa dòng
Bao ngày đói khát cầu mong
Tai qua nạn khỏi long đong không bờ
Ơn trên phù hộ ước mơ
Con thuyền trôi dạt đến bờ tự do
Quê người ray rứt âu lo
Khuyên đàn con trẻ chăm lo học hành
Đến ngày công toại rạng danh
Vinh qui bái tổ mới đành đạo con
Ngày đêm ta đợi mỗi mòn
Con Rồng cháu giống nước non đang chờ
Tam Quan nào dễ phai mờ?
Chôn nhau cắt rốn đâu ngờ lìa xa!
Tha hương cách biệt lệ sa
Tam Quan nhưng nhớ quê nhà nhớ thương
Tình quê tha thiết khôn lường
Trở về bồi đắp là đường vinh quang.*

TRẦN MINH TRIẾT

NHỚ VỀ TÂY SƠN

QUÁCH TỬ

Hai thành phố Stockton và Manteca nối liền nhau bằng con đường Airport, giữa là cánh đồng ruộng rộng hoa trái quanh mùa. Nếu bên này phía nam của Stockton với những chứng cứ của người da đen chen chúc, ồn ào và bạo động, thì phía bên kia là cảnh thanh bình của Manteca với những căn nhà lúa thưa, ẩn mình dưới bóng cây trong khu vườn xinh xắn của nông trại. Vào mùa đông, đến mười giờ sáng đi vào Manteca, chúng ta vẫn tưởng thành phố còn đang ngủ dưới màn sương dày đặc.

Từ hôm đi thực tập ở trường Golden West, con đường Airport trở nên quen thuộc hơn với tôi, vì ngày ngày tôi xuôi ngược trên con đường này để đi làm và trở về nhà ở Stockton. Đường Airport không những cho tôi mùi thơm đưa bắp của mùa hạ, nho táo mùa thu, mà còn đem đến tôi mùi phân bò xông lên từ các trại chăn nuôi hai bên đường, làm tôi nhớ lại đời sống nông thôn ở quê nhà tha thiết.

Tôi sinh ra và lớn lên ở quê hương Tây Sơn, Bình Định. Làng tôi nằm bên bờ Sông Côn, trước có hàng tre xanh nghiêng mình soi bóng nước, sau là con mương Văn Phong uốn mình chảy qua cánh đồng lúa, bãi rừ rì bên bờ sông ôm chặt cát vàng như người dân quê gắn liền với

ruộng lúa. Đời sống của dân làng tôi dựa vào nghề nông, ruộng đất không nhiều, nhưng rất phì nhiêu. Quê hương Tây Sơn đã gắn chặt tuổi trẻ của tôi. Tôi chưa bao giờ có ý nghĩ sẽ rời khỏi nơi sinh trưởng để đi đến nơi khác.

Khi bắt đầu trung học, tôi phải xa xóm làng để ra tỉnh học. Một năm tôi trở về thăm nhà năm ba lần và tôi ước mong khi xong trung học sẽ trở về làm giáo viên ở quê nhà. Nhưng đường đời khó chọn trước được, năm xong bậc trung học, vừa đúng tuổi động viên, tôi vào quân ngũ. Tôi rời khỏi quê hương Tây Sơn như con chim rời tổ ấm để đi vào cuộc sống nổi trôi vô định. Sau khi ra quân trường là những năm dài đi chiến đấu và trải qua nhiều gian khổ. Tôi may mắn sống còn, để rồi phải chứng kiến cái đau của người bỏ cuộc, lùi thối bước vào trại tù cải tạo. Cuộc sống cùng cực và tuyệt vọng của trại tù vẫn chưa phải là đoạn cuối cuộc hành trình của tôi. Tôi được ra khỏi trại và đến đất Mỹ như một sự tình cờ. Từ ngày đến đất này, tôi tiếp nối cuộc hành trình trên vùng đất lạ. Tôi làm mọi công việc để sống còn trong cái xã hội thực dụng, những công việc chân tay tôi chưa từng quen làm với đồng lương tối thiểu. Nhiều lúc quá mệt mỏi, tôi tự an ủi mình rằng "Mỹ là thế đó!" Nước Mỹ không phải là thiên đường đến thụ hưởng mà là đất dành cơ hội cho mọi người. Chín năm trôi qua trên đất nước này là những tháng ngày dài với nhiều thử thách.

Tôi còn nhớ rõ, hôm ấy chủ nhật tôi đang lom khom hút bụi trong một cửa hàng, bỗng nghe tiếng chào: "Hi! Mr. Quack?" Tôi ngược nhìn. Con bé da trắng nhìn tôi và tiếp: "You work here Mr. Quack?". Nathalie, đứa học sinh lớp ba tôi dạy hằng ngày nhìn tôi với đôi mắt tròn. Tôi chào lại và cho biết tôi làm ở đây vào cuối tuần. Nathalie như hiểu ra điều gì, nó chào tôi và quay đi. Nhớ lại ngày

đầu đến thực tập, khi được người hiệu trưởng giới thiệu tên họ của tôi, đám học sinh mỉm cười. Tôi hiểu, chúng đã nghĩ tôi có cái tên nghe quái gở như tiếng vịt kêu "Quack!" theo âm người Mỹ đọc. Nhưng dần dà chúng quen gọi tôi như vậy và không còn để ý mỉm cười.

Thứ hai tôi trở lại trường, Nathalie chào tôi và nói: "You work so hard!". Tôi gật đầu cảm ơn nó. Thực ra, tôi còn làm nhiều hơn những gì Nathalie thấy. Từ khi đến đất này, hơn ba bốn năm liền, tôi chỉ biết ngày thứ tám rồi trở lại thứ hai, chưa bao giờ tôi có ngày nghỉ chủ nhật. Tôi phải làm và làm quên mệt mỗi để trang trải chi tiêu trong gia đình, để trả những cái "bills" không hẹn nhưng đến rất đúng ngày. Khi còn bên quê nhà, những năm tháng trong trại cải tạo, Cộng Sản đã dạy tôi phải biết yêu lao động và lao động để thấy vinh quang. Nhưng lúc ấy tôi rất sợ lao động, tôi coi lao động là hình phạt, vì càng ra sức làm càng ăn đói! Trong trại cải tạo, Cộng Sản buộc tôi phải quên quá khứ, chỉ nhớ tội lỗi. Nhưng quá khứ cứ bồng bềnh trong tôi. Tôi mến tiếc cái quá khứ đó và thấy mình đã không làm hết mình để giữ gìn nó. Trong mấy năm qua, trên đất này, không ai bảo tôi phải quên quá khứ, nhưng nhiều lúc tôi đã quên hẳn mình, tôi làm việc như một công nhân nhà nghề. Cái thực tế của xã hội Mỹ đã đẩy tôi về con số không, cho tôi nhìn lại mình và đánh giá chính mình. Tôi làm lại như từ đầu. Xong việc làm ban ngày, đêm đến tôi mang ba lô đến trường như người chiến binh ra trận! Tôi làm cái việc đã làm hơn 30 năm về trước. Tôi thức đêm để soạn từng trang sách, làm từng bài tập và mong điểm từng bài thi. Tôi bắt đầu cuộc hành trình vào đời ở cái tuổi gần cuối cuộc hành trình!

Nhớ lại những tháng đầu khi đến đất này sống nhờ trợ cấp, tôi đã phải khom lưng điền và ký tên vào những xấp

giấy dày cộm để xin trợ cấp xã hội. Những hôm đi mua thực phẩm, đứng nhìn nhà tôi rút từng tờ "foodstamp" trả cho người thu tiền, lòng tôi nghe mận đắng! Nước Mỹ là ân nhân đã giúp tôi trong những bước cùng của cuộc đời khi không còn sự lựa chọn nào khác để thoát khỏi cuộc sống ngục tù. Và nước Mỹ đã cho tôi nếm thêm những hương vị chua chát còn thiếu trong đời.

Có người bạn từ quê nhà vừa đến Mỹ hỏi tôi: "Điều gì anh đạt được và vui mừng nhất trong mấy năm qua ở Mỹ?", và điều tôi vui mừng nhất là thấy con cái tôi không bị tan vào cái "Melting Pot" của Mỹ! Tôi lo sợ sự sụp đổ hoàn toàn của nền tảng gia đình trong cái văn hóa của xứ này.

Chiều nay, sau những cơn mưa giữa mùa đông, sương mù bay lất phất. Tôi lái xe trở về nhà trên con đường Airport. Màu xanh của cỏ cây hai bên đường đã biến mất, nhường lại cho màu vàng úa. Những cành cây cherry trụi lá như đang run rẩy trong cái lạnh mùa đông của xứ này. Tôi chợt nhớ về Tây Sơn, quê hương mà tôi đã bị đánh bật ra ngoài ý muốn để trở thành một kẻ lang thang. Tôi nhớ Tây Sơn mùa mưa lũ, nước Sông Côn tràn ngập ruộng đồng mang về phù sa màu mỡ. Tuy lũ lụt nhưng nước Sông Côn vẫn hiền hòa, không đến nỗi cuốn trôi nhà cửa, xác người. Tôi nhớ về mùa xuân cũ, mùa xuân ở quê nhà có lá tre rụng trên đầu hè, bông vạn thọ ở trước sân, tiếng trẻ thơ vui đùa trong lối xóm. Sau bao năm xa cách Tây Sơn, tôi như con chim rứt cánh mong được trở về đậu trên cành cây quê hương bên bờ ao ruộng lúa, bên bãi cát vàng và hàng tre với màu xanh muôn thuở.

California, Mùa Đông 2000
QUÁCH TỬ

Việt Nam; Quê Hương Ta

Việt Nam quê hương ta không tự dựng mà có,
Bao công lao, xương máu của Tiên nhân,
Đã đổ xuống để dựng xây Đất nước,
Đất nước ta, dải Giang sơn gấm vóc
Suốt chạy dài từ Bắc chí Nam,
Bên Đông Hải, bên Trường Sơn cao ngất,
Là thành trì chống giữ giặc ngoại xâm.
Tổ tiên ta đã dày công dựng nước,
Con cháu ta quyết giữ vững cơ đồ
Nối tiếp Cha Ông làm nên lịch sử
Để Việt Nam mãi mãi được trường tồn
Để Việt Nam với hùng khí linh thiêng
Đứng vững mãi cùng năm châu, bốn bể.
Việt Nam quê hương ta giờ đây thống khổ,
Lũ con hoang đang phá nát mảnh dư đồ.
Đất nước ta đang ngày đêm rên xiết.
Dân tộc ta đang đau khổ từng giờ,
Là con dân Việt sao nỡ thờ ơ,
Để Tổ quốc, sinh linh đồ thác.
Nhìn thế giới mà lòng đau như cắt,
Thấy quê hương như muối xát vào tim,
Ta là người, hay là kẻ bất lương?
Thấy Tổ quốc đau thương không xúc động!
Kia Ấn Độ sinh viên bất khuất,
Đã vùng lên đập nát ách bạo tàn,
Để quê hương từ đây thôi thống khổ,

Cho dân tộc chấm dứt cảnh lầm than,
Xây dựng lại nền tự do dân chủ.
Họ là gì? Họ yêu thương đất nước,
Ta là gì? Nỡ đánh mất quê hương.
Bởi chúng ta một phường vô tư lự,
Sống ươn hèn và ích kỷ tham lam
Lấy hạnh phúc cá nhân làm lẽ sống,
Quên thù nhà, quên nợ nước kẻ thất phu,
Không xấu hổ làm con dân mất nước,
Còn tự hào là trí tuệ đỉnh cao.
Sống ích kỷ tị hiềm và giả dối,
Thương thân mình mà chẳng nghĩ đến non sông,
Sống mà như thế đừng nên sống,
Sống tui quê hương, hổ giống nòi.
Dân tộc ta hàng ngàn năm nô lệ,
Bởi giặc ngoài cùng bọn phá hoại bên trong,
Vẫn đứng vững và hiên ngang tồn tại,
Nhờ công lao bao chiến sĩ, anh hùng,
Xả thân mình, để tổ quốc tồn sinh,
Để dân tộc Việt Nam muôn đời còn lẽ sống.
Mẹ Việt Nam đang trong cơn hấp hối,
Các con đâu? Mau quay gót trở về,
Cứu giang sơn, cứu tổ quốc, cứu đồng bào,
Qua tai ách ngàn năm một thuở.
Hãy dẹp bỏ mọi tị hiềm ích kỷ,
Quyết vùng lên theo tiếng gọi non sông.
Hận thù nào bằng hận thù mất nước,
Đau thương nào bằng đau thương, mất quê hương.
Thà quyết tử, cho quê hương được sống,
Sống hôm nay, và mãi mãi về sau.
Quyết không sống làm thân trâu ngựa,
Thà hy sinh cho dân tộc được trường tồn

*Quyết thẳng tiến chớ dừng ngần ngại
Vinh quang nào chẳng nhuộm bởi thương đau?
Việt Nam thân yêu qua bao thăng trầm lịch sử,
Vẫn còn đây, và mãi mãi vẫn còn đây.
Quyết đập nát bao gông xiềng áp bức,
Quyết phá tan ách thống trị độc tài.
Để quê hương từ này thẳng tiến mãi,
Cho muôn dân Âu Lạc khỏi hoàn ca.*

*Việt Nam quê hương ta,
Việt Nam quê hương ta.*

Cali ngày 21 tháng 8 năm 2000

LÝ MINH ĐẠO



Chuyện cười:

Trà và cà phê

Bà khách hỏi anh hầu bàn:

- Này anh, cái này là trà hay cà phê? Mùi vị cứ như là thuốc bắc ấy!

Anh hầu bàn lễ phép:

- Thưa bà, đó là trà. Còn cà phê của chúng tôi mùi vị giống thuốc rửa bát.

Làng Văn số 199

CÔI VIỄN MƠ

LTS: Trần Quốc Sủng và Nguyễn Kim Ba cùng là cựu học sinh Cường Để rồi sau đó 2 Anh đã trở thành GS Cường Để, giảng dạy đến ngày 30/4/75. Khi CS thôn tính miền Nam đa phần các giáo chức chế độ cũ đều buộc phải nghỉ dạy lên đường đi tù cải tạo. Trần Quốc Sủng và Nguyễn Kim Ba cũng không thoát khỏi số phận chung đó. Riêng Trần Quốc Sủng lại mất thêm một đứa con trong một chuyến vượt biên không thành.

Ngậm ngùi, xót xa trước cảnh "quốc phá gia vong" Anh đã mượn hồn thơ, chung rượu để ký thác nỗi lòng uất ức của một kẻ sĩ bất đắc chí! Anh đã bị kết án 5 năm tù trong nhóm thi ca chống đối chế độ CS ở Bình Định năm 1983. Ra tù anh thu mình sống ẩn dật nơi quê nhà. Anh bị tử thương trong một tai nạn trên quốc lộ 19 - mặc dù cả một tập thể Bác sĩ là đám học trò cũ của Anh đã dồn hết sức cứu chữa, nhưng Anh đã trút hơi thở cuối cùng tại Bệnh viện Qui Nhơn vào ngày trọng Đông 1994 - Đây là bài thơ ngày thất tuần của GS Trần Quốc Sủng do GS Nguyễn Kim Ba mến tặng:

*Nửa cuộc phong trần lạnh tiếng thơ,
Lãnh Trung lớp lớp phủ sương mờ.
Dòng đời chật chội không dung nạp,
Tìm chút thanh bình cõi viễn mơ.
Viễn mơ người bỏ lại trần gian,
Chuyện cũ trăm năm chuyện đá vàng.
Một thoáng rạng ngời gương nghiệp cảnh,
Dòng thơ xóa sạch nỗi đa đoan.
Đa đoan âu cũng nợ thiên tài,*

Hệ luy cam dành chẳng luy ai.
Non nước có đau niềm cách biệt,
Bên trời dẹt mông giấc liêu trai.
 Liêu trai hầu dễ mấy ai quên,
 Hồ mè, còn vươn một tác đền.
 Phương cảo nghe đau niềm cố sự,
 Chập chờn hoa mộng lẫn hoa đèn.
Hoa đèn ngưng đọng nghiệp ba sinh,
Phong vận dài trang dấu hiển linh.
Nếu biết ba nghìn trong hạt bụi,
Mới hay đại mộng bướm Trang Sinh.
 Trang sinh nhập mộng buổi tàn đông.
 Định mệnh trở trêu một chữ đồng.
 Ôi ! ... Khúc đoạn trường ray rức mãi.
 Tấm lòng tri kỷ lẽ cùng thông.

Xuân Ất Hợi 1995
(Cù Mộc) NGUYỄN KIM BA



TÌM HIỂU VỀ LUẬT BIỂN

BẢO BÌNH ĐẶNG VĨNH MAI

Lời mở đầu:

Hẳn quý đồng hương đã hơn một lần nghe đến từ "Hải phận quốc tế". Đặc biệt sau năm 1975, quý vị lại càng quan tâm nhiều hơn nữa mỗi khi dự định hay đang thực hiện một chuyến vượt biển để trốn thoát chế độ cộng sản bạo tàn. Chúng ta thường nghĩ rằng khi ghe tàu vượt biển đã vào được hải phận quốc tế thì không còn sợ cộng sản rượt bắn nữa. Trên thực tế, có khi ghe tàu đã rời xa bờ một hai ngày cũng còn bị công an cộng sản bắt lại. Vậy hải phận quốc tế là gì? Chúng ta có còn bị bắt khi ghe tàu đã vào vùng hải phận quốc tế hay không? Ngoài hải phận quốc tế, còn có những vùng hải phận nào nữa, chúng ta thử tìm hiểu.

I - TỔNG QUÁT:

Danh từ "luật biển" nói trong bài này tức là "luật quốc tế về Biển". Mặc dù phương tiện di chuyển trên biển đã có từ ngàn xưa, trước Thiên Chúa giáng sinh. Kể đến các đế quốc hùng mạnh như Tây Ban Nha, Hòa Lan, Anh các lợi v.v... đã có những đội thuyền buồm đi buôn bán khắp nơi từ Âu sang Á hoặc những đội chiến thuyền đi chinh phục thuộc địa khắp thế giới ...; thế mà chưa có quốc gia nào trước đây đã đề xướng ra luật biển. Mãi đến giữa thế kỷ 20, khi mà kỹ thuật về tàu thuyền đã phát triển rất cao, vượt qua thời kỳ động cơ hơi nước bước sang thời kỳ động cơ dầu cặn (Diesel engine) và động cơ

nguyên tử (Atomic engine) thì thế giới mới bắt đầu đặt ra các luật lệ về biển. Lúc ban đầu, mỗi quốc gia tự tuyên bố luật biển riêng cho nước mình bất chấp các nước khác có đồng ý hay không. Trong thời gian này, đa số các quốc gia đều chọn giới hạn hải phận là 3 hải lý. Giới hạn này tương đương với tầm bắn trung bình của những cỗ đại bác phòng vệ duyên hải lúc bấy giờ. Ngoài ra cũng có những nước đặt hải phận quốc gia là 6 hải lý, 12 hải lý; thậm chí có nước tự đặt hải phận quốc gia là 20 hải lý hay lớn hơn nữa. Giới hạn hải phận quốc gia lớn hay nhỏ không lệ thuộc vào việc nước đó hùng mạnh hay nghèo yếu. Thông thường theo khuynh hướng ngược lại. Nghĩa là các nước hùng mạnh thường đặt ra và buộc các nước khác chấp nhận hải phận quốc gia rất hẹp, thường là 3 hoặc 6 hải lý. Sở dĩ các nước hùng mạnh có khuynh hướng chọn như vậy là có dụng ý để tàu thuyền của nước họ dễ bề tiến sát vào vùng biển của nước khác để dòm ngó, làm áp lực, xâm lược và khai thác tài nguyên. Ngược lại, các nước nghèo yếu lại có khuynh hướng chọn hải phận quốc gia rộng lớn hơn (12 hải lý hoặc 20 hải lý). Mục đích của các nước này là muốn ngăn chặn tàu thuyền các nước hùng mạnh không được tiến sát nước mình. Nhưng khổ nỗi, khi nước đã nghèo thì lực phải yếu làm sao đủ sức bảo đảm an toàn cho một vùng hải phận quốc gia rộng lớn. Quyền hạn và trách nhiệm của một quốc gia đối với hải phận cũng giống như đối với lãnh thổ. Nếu có tàu thuyền của một quốc gia nào khi được phép vào hải phận của một quốc gia khác, chẳng hạn như đến thăm viếng hay giao thương mà bị cướp biển tấn công hay bị thủy lôi làm chìm thì quốc gia sở tại phải chịu trách nhiệm. Vì có sự mâu thuẫn trong các lựa chọn hải phận quốc gia của các nước trên thế giới nên đã trải qua bao nhiêu thập niên, bao nhiêu cuộc họp mà

Liên Hiệp Quốc chưa ban hành được một bộ luật chính thức về biển. Kết quả sau mỗi cuộc họp quốc tế bàn về luật biển chỉ đưa đến một bản thỏa ước tạm thời và có nhiều nước không đồng thuận nên việc thi hành rất lỏng lẻo.

Đến hậu bán thế kỷ 20, khi nền văn minh về cơ giới đến hồi cực thịnh, nhu cầu tiêu thụ về nguyên liệu, khoáng sản ngày càng gia tăng; trong thi diện tích khai thác trên mặt đất ngày càng thu hẹp nên con người bắt đầu bành trướng đến thăm dò và khai thác ngoài biển khơi ngày càng nhiều dẫn tới sự tranh chấp quyền lợi ngày càng gay gắt nên Liên Hiệp Quốc đã phải khẩn thiết thành lập một bộ luật về biển.

II - MỘT SỐ DANH TỬ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬT BIỂN

1/. Đại dương (The Ocean): Là vùng biển rộng mênh mông, không thuộc quốc gia nào, nối liền các lục địa với nhau - Như ta đã biết, trên địa cầu có 4 đại dương.

- Thái bình dương (The Pacific Ocean) tiếp giáp với bờ phía tây của lục địa Châu Mỹ La Tinh.

- Đại Tây Dương (The Atlantic Ocean): tiếp giáp với bờ phía đông của lục địa Châu Mỹ La Tinh.

- Bắc Băng Dương: Ở Bắc bán cầu.

- Nam Băng Dương: Ở Nam bán cầu.

2/. Biển (The Sea): Là vùng nước tương đối gần với đất liền của một quốc gia hoặc nằm giữa hai hay nhiều quốc gia. Theo thông lệ, ngày xưa các nhà hàng hải khi khám phá ra vùng biển mới thường lấy tên khu vực đất liền lân cận để đặt tên cho vùng biển tiếp giáp. Do đó

trên bản đồ chúng ta thường thấy những tên biển như: The South China Sea, The Sea of Japan, The Gulf of Sian (vịnh Xiêm La) v.v...

3/. Nội hải (The Interior Sea): Là vùng biển nằm hoàn toàn trong đất liền hoặc tiếp giáp với biển khơi bằng những cửa nhỏ hẹp, không rộng quá 5 hải lý mà ta thường gọi là vịnh hay vũng - ví dụ như vịnh Nha Trang, vịnh Cam Ranh, Vũng Rô, Vũng Tàu v.v... Những vịnh có cửa biển mở rộng quá không được coi là nội hải: Vịnh Bắc Việt, Vịnh Thái Lan v.v...

4/. Lãnh hải hay còn gọi là hải phận quốc gia: Là vùng biển tiếp giáp dọc theo bờ của một quốc gia với một giới hạn ấn định. Nội hải không tính vào lãnh hải mà tính vào nội địa.

5/. Hải phận kinh tế hay còn gọi là vùng đặt quyền kinh tế (The Exclusive Economic Zone = E.E.Z): Là vùng biển nằm kế tiếp bên ngoài vùng lãnh hải với một giới hạn ấn định, thuộc quốc gia nào thì quốc gia đó mới có quyền khai thác tài nguyên.

6/. Thềm lục địa: Là vùng đáy biển tiếp giáp với bờ của một quốc gia, kéo dài ra khỏi đến nơi có chiều sâu cách mặt nước biển 100 mét đo được lúc thủy triều xuống thấp nhất hay còn gọi là nước ròng nhất (The lowest tide).

7/. Hải phận quốc tế: Là vùng biển nằm bên ngoài nội hải và lãnh hải, thuộc vùng biển chung của quốc tế. Như vậy hải phận quốc tế bao trùm cả hải phận kinh tế. Về mặt hàng hải, bất cứ tàu thuyền ngoại quốc nào cũng có quyền chạy qua lại trong hải phận kinh tế của nước

khác miễn là không có hành động hay dấu hiệu khai thác kinh tế.

8/. Hải lý: Còn gọi là dặm biển (The Nautical mile) có chiều dài là 1852 mét. Cũng nên lưu ý rằng hải lý khác với dặm trên bộ (mile), có chiều dài là 1609 mét.

III - TÌM HIỂU VỀ LUẬT BIỂN

Để giải quyết những tranh chấp về quyền lợi trên biển đã kéo dài nhiều thập niên, Liên Hiệp Quốc đã 3 lần triệu tập hội nghị liên tiếp trong 3 năm liền. Kết quả một thỏa ước về luật biển đã được ra đời vào năm 1982, áp dụng cho đa số các quốc gia nằm ven biển. Thỏa ước có tên là: UNITED NATIONS CONVENTION ON THE LAW OF SEA gọi tắt là UNCLOS, được công bố vào ngày 16-11-1982 tại Vịnh Montego nước JAMAICA với 159 quốc gia trên thế giới ký kết và đã được 60 quốc gia phê chuẩn. Thỏa ước này đã trở thành luật chính thức kể từ ngày 16-11-1994 gọi là Luật biển (The Law of Sea).

Ở trong giới hạn của bài viết, chúng tôi không trình bày hết tất cả các chương điều khoản của luật biển mà chỉ tóm lược những phần chúng ta cần tìm hiểu mà thôi.

1 - Hải phận quốc gia hay còn gọi là lãnh hải: Luật biển công nhận mỗi quốc gia ven biển đều có chủ quyền một vùng lãnh hải bằng nhau rộng 12 hải lý giống như chủ quyền trên lãnh thổ của nước tiếp giáp. Cách tính chiều rộng của lãnh hải như sau: Đo từ mỏm bờ biển trời ra xa nhất lúc thủy triều xuống thấp nhất, ra xa bờ một khoảng cách là 12 hải lý. Như vậy các vùng nội hải không kể vào vùng hải phận quốc gia. Đường ranh giới của lãnh hải không đánh dấu cụ thể như các cột mốc biên giới trên đất

liền mà chỉ đo đạt bằng phương tiện hàng hải mỗi khi có vấn đề nghiêm trọng xảy ra. Bất cứ tàu thuyền của một quốc gia nào không được phép hay không có lý do chính đáng mà đến neo hay di chuyển trong vùng lãnh hải của nước khác, dù với thái độ hòa bình, đều được coi như vi phạm hải phận quốc gia của nước đó. Ngược lại chính quyền sở tại của vùng lãnh hải phải hoàn toàn chịu trách nhiệm bảo vệ an ninh đối với tàu thuyền nào được phép đến neo hay di chuyển trong lãnh hải.

2 - Hải phận kinh tế hay còn gọi là vùng đặc quyền kinh tế: Là vùng biển chạy dọc và liền theo ranh giới của hải phận quốc gia với chiều rộng là 200 hải lý. Các đo cũng giống như cách đo của hải phận quốc gia. Luật biển ấn định chỉ có quốc gia làm chủ hải phận kinh tế thì mới có quyền khai thác tài nguyên trong lòng biển và dưới lòng đất nằm trong giới hạn của thềm lục địa. Cũng nên lưu ý về mặt hàng hải, vùng biển ngoài hải phận quốc gia (12 hải lý), tuy thuộc vùng lãnh hải kinh tế nhưng lại nằm trong hải phận quốc tế nên tàu thuyền các nước được quyền qua lại tự do miễn là không có dấu hiệu khai thác kinh tế. Hai hay nhiều nước có cùng chung một vùng biển nhưng khoảng cách giữa các quốc gia nhỏ hơn 400 hải lý thì sẽ có những vùng đặc quyền kinh tế của mỗi nước nằm chồng lên nhau. Trong trường hợp này sẽ có những hiệp ước riêng biệt song phương hay đa phương để giải quyết. Nếu một quốc gia có những hòn đảo hay quần đảo nằm cách xa đất liền thì việc tính hải phận quốc gia và hải phận kinh tế cũng áp dụng như đã qui định ở trên.

3 - Hải phận quốc tế: Luật biển ấn định tất cả vùng biển nằm ngoài hải phận quốc gia của mỗi nước đều thuộc về hải phận quốc tế. Trong hải phận quốc tế tất cả tàu thuyền của các nước không phân biệt thể chế chính trị,

bạn hay thù, đều có quyền đi lại tự do. Dĩ nhiên tất cả những tai nạn hay xung đột xảy ra giữa tàu thuyền của các nước trong hải phận quốc tế sẽ do Hội đồng bảo an Liên Hiệp Quốc hay toàn án quốc tế phán quyết.

Trên nguyên tắc thì tài nguyên nằm trong hải phận quốc tế là tài sản chung của tất cả các quốc gia trên thế giới kể cả những nước nằm sâu trong nội địa, không có ranh giới tiếp giáp với biển (như nước Lào, nước Mông Cổ v.v...)

Gần đây vì có sự cách biệt về giàu nghèo, cách biệt về trình độ văn minh, khoa học, kỹ thuật nên một số nước giàu mạnh, có nhiều phương tiện tối tân đã khai thác tài nguyên trong lòng biển giữa đại dương xa xôi thuộc hải phận quốc tế. Với một mức lợi nhuận khổng lồ. Từ đó đã dẫn đến sự tranh luận quyền lợi giữa các nước tại Liên Hiệp Quốc.

Có hai khuynh hướng trái ngược nhau. Khuynh hướng chung của các nước nghèo đòi hỏi phải được chia phần lợi nhuận. Ngược lại, nước giàu mạnh thì lại lý luận rằng tài nguyên trong hải phận quốc tế là tài nguyên thiên nhiên không thuộc về ai nên nước nào cũng có quyền khai thác. Theo triết lý "mạnh được yếu thua" thì còn lâu sự tranh chấp này mới được giải quyết. Nếu có, chắc chắn cũng phải mất hàng nhiều thập niên. Chúng ta hãy chờ xem.

4 - QUYỀN TRUY KÍCH:

Để tránh sự lợi dụng quyền tự do trong hải phận quốc tế làm nơi lẩn trốn của tàu thuyền khi có những hành động phạm pháp. Luật biển ấn định rằng khi tàu thuyền của một quốc gia nào có hành động phạm pháp quả tang trong hải phận quốc gia hay hải phận kinh tế của một nước khác mà lẩn tránh vào vùng hải phận quốc tế khi

đang bị săn đuổi thì nước sở tại có quyền tiếp tục truy kích.

IV - KẾT LUẬN:

Những tóm lược về luật biển nêu trên phần nào giúp cho quý đồng hương có ý định tìm hiểu về luật biển sẽ có một khái niệm căn bản. Phong trào vượt biển để đi tìm tự do của đồng hương Bình Định nói riêng, của đồng bào Việt Nam nói chung nay không còn nữa, nhưng đọc qua bài này chắc quý vị cũng có đôi chút liên tưởng đến quá khứ kinh hoàng. Nếu biết trước những điều về luật biển chắc quý vị cũng vững tâm mỗi lần vượt biển. Chúng tôi hy vọng rằng sự tìm hiểu về luật biển tuy lúc này không còn ứng dụng nữa nhưng cũng không đến nỗi vô ích.



CA DAO BÌNH ĐỊNH

*Ai về Bình Định thăm Bà
Ghé vô em gửi lạng trà Ô long
Trà Ô long nước trong vị ngọt
Tình đôi mình như giọt mía lau*

Suối Tiên

Bồng lai có lấm Hằng nga,
Dương trần cũng có tiên sa suối này.
Đua chen khóm đá chồm cây,
Thông reo liễu rũ bóng mây lững lờ.
Một màu xanh biết như mơ,
Oanh vàng thả thẽ bên bờ suối trong.
Chiêm chiêm, nhãn chín ngọt lòng,
Nước trong mát miệng sao đong cho vừa.
Suối sâu dốc đổ hững hờ,
Quanh co uốn khúc qua bờ núi Đen.
Thạch Bàn ngồi dựa Lão Tiên,
Chơi cờ thưởng lãm quản huyền thanh tao.
Nhớ em tự thuở năm nào,
Tựa vai bên suối gió xào nhẹ bay.
Đêm thu trăng rụng rơi đây,
Sương thu mờ ảo ngất ngây mộng hôn.
Xa rồi ngàn dặm cô thôn
Tấm thân lưu lạc nặng ôm khối tình !



NGUYỄN BƯỜNG

Trào phúng là cách để bảo vệ con người trước những số phận
nghịch ngã.

Sa Pếch

BẠN GÀ

Tennessee, 08-03-1999

HOÀNG THẾ DIỆM

Đầu năm 1987. Tôi ngâm ngùi nhắm tịt, tôi đã ở trong trại tù này gần trọn một con giáp. Đơn vị thời gian của tù nhân chỉ còn tính bằng năm. Khổ nỗi là chúng tôi chẳng biết mình bị gán cho cái án bao nhiêu năm. Hết năm này sang năm khác, mòn mỏi trông ngày được thả về. Ngày về xa vời quá, mà tôi thì cảm thấy cơ thể mình yếu hẳn. Thời gian lao động trong trại có cải tiến, nghĩa là giảm từ 13-14 giờ xuống còn 12 giờ lao động mỗi ngày. Nhưng vẫn phải giữ mức sản xuất để tù tự nuôi tù, nên chúng tôi phải làm việc nặng nhọc hơn. Ngược lại, lương thực thì lại càng ngày càng giảm bớt: trước đây, mỗi tuần mỗi người tù được ăn một chén cơm, nay phải đến ba tuần mới thấy được thưởng thức một chén cơm. Mọi tù nhân đều đếm và nhớ chính xác ngày được ăn cơm.

Đến giai đoạn khó khăn này thì tôi may mắn được chuyển từ đội lao động đi rừng về đội nhà bếp. Được làm ở bếp là nơi mà mọi tù nhân đều xem như là ước vọng thứ ba sau ước vọng thứ nhất là được thả và ước vọng thứ nhì là giữ nhà lô, tức là trông coi một túp lều nhỏ ở ngoài vòng rào của trại, ngay ngoài đồng để giữ dụng cụ lao động như cuốc xẻng, cày bừa v.v... Làm việc trong bếp được tránh nắng mưa, nhưng phải làm 15-16 giờ mỗi ngày, bảy ngày một tuần.

Không phải vì việc chuyển đội lao động mà tôi nhớ cái mốc thời gian đó, mà vì một sự kiện đặc biệt hơn trong đời tù buồn tẻ của tôi: tôi có một bạn gà. Không phải là bạn nuôi gà, mà là con gà làm bạn. Số là tôi có một anh bạn tù trẻ tên Thắng. Thắng được phụ trách giữ nhà lô ngoài đồng. Thắng mang tội cướp thuyền để vượt biển. Chứ vượt biển mà viết tắt là VB, từ đó anh em bạn tù vẫn gọi đùa là "tù vọt bể", hay "tù vợ bỏ" hoặc "tù vô biên" (nghĩa là tù vô thời hạn) v.v... Những người tòng phạm với Thắng đều đã bị tử hình. Ngoài nhiệm vụ giữ gìn dụng cụ sản xuất, Thắng còn phải kiêm thêm việc lo phục vụ cho các cán bộ công an giam giữ tù nhân, phục vụ theo kiểu cố tạo cái ăn phụ trội cho cán bộ: khi thì mài sắn (củ mì) làm bánh, khi thì một hai con cá kiếm được do câu cắm, có khi thì vài cái trứng gà từ chính sở hữu của Thắng. Thắng có nuôi một cặp gà. Tôi chưa hề thấy chúng, nhưng Thắng từng khoe rằng con gà trống thuộc loại gà nòi, đá rất hay. Một hôm, từ ngoài rẫy vào bếp nhận thực phẩm, Thắng nhìn tôi không nói năng. Mặt anh buồn rười rượi. Tôi hỏi lý do thì anh bảo không biết người nào đã đánh cắp cả cặp gà của anh kể cả con gà mái đang ấp trứng. Có lẽ trong lúc quyết bắt cho được con gà mái, họ đã làm vỡ đập ba cái trứng gần nở, chỉ sót lại một cái còn nguyên vẹn. Thắng nói là chẳng biết làm sao với cái trứng ấy. Tôi bảo Thắng cứ mang vào cho tôi để liệu tôi có thể tiếp tay ấp cho cái trứng nở được chẳng. Thắng chạy vội ra nhà lô và mang vào trao cho tôi. Tôi nghiên cứu cách giữ ấm cái trứng. Trong nhà bếp luôn luôn có lửa, tôi chọn một chỗ có nhiệt độ vừa đủ ấm khoảng 35-40 độ C cho cái trứng phát triển. Tôi kiếm một mảnh bìa giấy cứng xếp thành một cái hộp nhỏ, xé vụn một ít rơm lót vào hộp và phủ một ít lên trứng. Tôi còn để một chén nước cạnh chiếc hộp

để có độ ẩm cần thiết cho trứng nở. Qua ngày thứ tư, tôi nghe tiếng kêu chiếp chiếp trong hộp, trứng đã nở. Thế là tôi có một con gà nhỏ lông màu hồng xám.

Bản tính của tôi là khi có được điều gì quá hưng phấn, tôi lại thường im lặng như để từ từ thưởng thức niềm vui ấy. Điều ấy hóa ra cũng hay cho tôi, vì nếu tôi để lộ sự mừng rỡ như những người bạn tù của tôi thì không chừng Đ. sẽ tức giận và có phản ứng không lợi cho chúng tôi, nhất là cho Pipi, vì lúc đó đối với tôi Pipi là tất cả, là chính tôi. Pipi sắp giáng đòn quyết định xuống con nhạn, thì Đ. vụt nhảy đồm con nhạn tránh xa con Pipi và tuyên bố "chấm dứt", rồi bước vội ra khỏi trại tù. Những người bạn tù của Đ. cũng buồn bã lững thững đi về hướng nhà của họ. Không khí không còn là một buổi giải trí, mà đây phần căng thẳng. Tôi bồng Pipi về "làm nước" (có nghĩa là sẵn sóc cho gà sau mỗi trận đấu), lau rửa vết thương, vuốt lại lông và cho nó uống nước. Chỉ có ít nước chè, tôi không biết làm sao chữa thương cho Pipi. May thay khoảng gần tối, có anh bệnh nhân ở trạm xá tù xuống bếp để nhận cháo, đã dúi vào tay tôi một gói nhỏ và nói:

- Tôi nhường viên thuốc bột nghệ tối nay cho con gà của anh. Tôi sướng quá khi thấy gà mình thắng gà chúng nó.

Tôi mừng lắm vì đã có ít thuốc cho Pipi, nhưng cũng ái ngại cho anh bạn tù:

- Anh nhường thuốc cho Pipi còn dạ dày anh bị hành hạ tối nay thì sao?

- Anh đừng lo, niềm vui là thang thuốc hữu hiệu nhất cho người bị bệnh dạ dày như tôi, tôi vui là hết cả đau đớn.

Âm hưởng của trận đấu gà còn kéo dài đến mấy hôm, nhiều anh bạn tù vỗ vai tôi, nháy mắt ngầm biểu lộ niềm

đồng cảm là chúng tôi đã trả được một phần nào mối hận thất trận năm nào.

Một hôm trại tập trung để nghe lệnh biên chế (nghĩa là chuyển đổi vị trí lao động trong trại). Chúng tôi là đội nhà bếp, mọi khi vẫn không phải tập trung mỗi buổi sáng với toàn trại. Nhưng hôm đó đặc biệt hơn, có lệnh của trực trại là mọi tù nhân đều phải tập họp để nghe lệnh biên chế để đi lấy cây đót (nghĩa là đi rừng cắt cây đót, một loại lau sậy về làm chổi đót xuất khẩu). Tôi thản nhiên vì không bao giờ trại gọi người thuộc nhà bếp đi lấy cây đót. Vậy mà lần này tôi bị điều động đi lấy đót. Tôi không biết là mình nên buồn hay vui nữa, vì thường thì những người được chọn đi lấy đót là những người có hy vọng được tha nay mai. Trong thời gian ở lại trong rừng để chặt cây đót, ta có cảm tưởng như tự do hơn, nhất là có thể tiếp xúc với thường dân cũng đi lấy đót như tù vậy.

Khi đang chuẩn bị hành trang, tôi mới sực nhớ đến Pipi và tôi thấy lo cho nó quá. Một tháng vắng tôi, ai chăm sóc Pipi đây? Nó còn rất dễ bị bắt làm thịt là đằng khác.

Sau một tháng quần quật, đương đầu với gai nhọn, vất rừng (đĩa rừng) và trăm thứ cơ cực khác nơi vùng rừng núi A Lưới có tiếng độc địa và nhất là với chỉ tiêu bắt buộc phải đạt được; cũng như tất cả anh em tù nhân khác, tay chân, mặt mày tôi rách bươm như bộ áo quần tôi đang mặc. Chúng tôi trở lại trại đúng như một tên lính bại trận lần thứ hai. Vừa đặt hành trang xuống, việc đầu tiên là tôi chạy đi tìm Pipi của tôi. Không thấy nó, tôi hỏi H. Anh chàng tù đội phó đội nhà bếp, H. trả lời gọn lỏn:

- Pipi chết rồi.

Tôi lặng người. Một cảm giác đau đớn như tôi vừa mất đi một bộ phận trên cơ thể. Một lúc sau tôi mới nghẹn ngào hỏi được hai chữ "tại sao".

Trong trí óc tầm thường thô lỗ của H., anh ta tưởng tôi tiếc vì mất một con gà, nên hoặc chuyển tôi về đội lao động nặng v.v.

Thế rồi việc phải đến đã đến: Pipi gáy. Tiếng gáy của nó không thanh mà ngắn và hơi khàn. Tôi mừng khi nghe giọng gáy có ngắt ngắt ở đoạn cuối: đó đúng là cách gáy của gà nòi chính thống, không pha giống.

Tôi thường dậy rất sớm để lo nấu khoai sắn cho tù nhân ăn sáng, nên chỉ chính tôi đánh thức Pipi dậy chứ Pipi chưa hề đánh thức tôi bằng tiếng gáy của nó.

Mới sáu tháng tuổi mà Pipi lớn như những con gà đã trưởng thành. Theo nghề nghiệp thì gà đá đã đến sáu, bảy tháng tuổi, phải cần tập dượt, từ chuyên môn gọi là "xổ" và dùng nước chè tươi đậm tẩm vào da thịt gà cho dày dặn. Tuy không có gà khác để "xổ" với Pipi, tôi vẫn tẩm nước chè cho nó, nên da nó đỏ thắm và lông thì rất mượt, trông rất hung dũng.

Việc tôi có con gà đã đến tai các cán bộ công an và cán bộ trực trại, người có quyền sinh sát tù nhân trong tay. Anh chàng trực trại này và một vài cán bộ công an cũng thích gà đá. Lối chơi của họ không có tính cách tài tử như chúng tôi, họ, hai chủ gà đem gà ra thả cho đấu, không có thời gian cho hiệp đấu cũng như chẳng có giờ nghỉ. Họ chơi gà như xem giác đấu: hai con gà cứ quẩn vào nhau xâu xé cho đến lúc một con thua chạy hoặc gục chết. Xong trận đấu, con gà bại trận sẽ được đem làm món nhậu cho cả bọn.

Một hôm, anh chàng trực trại xuống bếp, anh làm bộ vui vẻ chuyện trò rồi hỏi tôi về con gà. Tôi thấp thỏm lo

anh ta sẽ ngỏ lời xin, hay đứng ra làm tước đoạt con Pipi của tôi. Tôi giả bộ như không hay biết ý định của anh ta và cố bình tĩnh nói thao thao chuyện con gà được ấp nở ra sao và ăn những mảnh sắn vụn thừa thải như thế nào. Đ., tên anh ta, lại muốn tìm hiểu về kỹ thuật nuôi gà đá của tôi. Tôi dài dòng nói về kinh nghiệm nuôi gà, huấn luyện gà và nhất là cách coi tướng gà, những tướng quý v.v...

Tôi nhận ra một điều là những người Cộng Sản này miệng nói duy vật biện chứng, nhưng lại tin về tướng số, huyền bí; bởi vậy tôi say sưa nói về những cách xem tướng khi con gà mới nở. Đ. nghe thích thú rồi bỗng hỏi:

- Thế thì tướng con gà của anh như thế nào?

Tôi đáp:

- Con gà này có nhiều tướng khá, nhưng có một tướng xấu, đó là chư "nhân" ở ngón thứ ba.

Tôi xót xa nói về cái tướng xấu này của Pipi, nếu điều tiên đoán của tôi đúng, nhưng ít ra, bây giờ tôi nói ra cái xấu của con gà hầu mong Đ. bỏ ý định chiếm đoạt con Pipi của tôi. Pipi không còn là con vật là một người bạn thân, một cái gì đó của đời sống tù đày của tôi.

Chừng hơn một tháng sau, Đ. mang đến một con gà đá khá to mà Đ. nói là mua tận ranh giới Quảng Bình - Hà Tĩnh. Đ. bảo tôi đem con Pipi ra đấu thử với con gà của y, đấu thử như cách tôi đã giải thích về lối chơi gà tài tử.

Người thì có đá bóng giao hữu, tập võ với nhau v.v... nhưng giữa gà với nhau thì không có giao hữu; gà đá nhau vì ghét tiếng gáy. Tôi tìm cơ thoái thác vì Pipi chưa tới tuổi đấu thật sự. Đ. làm bộ năn nỉ, nhưng mặt anh đành lại. Tôi biết không thể tránh được nên đành để cho Pipi đấu. Tôi nói nhỏ vào tai Pipi, như thể Pipi hiểu được tiếng người:

- Con gắng chiến đấu, đừng để bại trận nhục nhã nghe!

Tôi nói với Đ. về thể lệ đấu là phải có hiệp đấu rõ ràng. Ngày xưa, người ta dùng một dụng cụ tính thời gian cho những trận đá gà, gọi là "hồ", hồ làm bằng đồng, hình dáng giống như một cái chén, nhưng chỉ nhỏ bằng 1/3, đáy của hồ có đục một lỗ nhỏ. Khi bắt đầu đấu, người ta thả hồ này vào một chậu nước, khi hồ chìm thì dứt một hiệp gọi là "một hồ". Ngay sau đó người ta bỏ vào chậu nước một hồ khác với lỗ thủng dưới đáy lớn hơn, vì vậy hồ chìm nhanh hơn, thời gian ngắn đó gọi là "hồ nghỉ". Và hai con gà lại bước vào hiệp đấu thứ nhì hay đúng hơn là "hồ nhì". Trong tù, chúng tôi không thể có những dụng cụ như vậy, nên phải dùng đồng hồ. Tôi đề nghị với Đ. là hồ đấu là mười phút, nghỉ 5 phút và tiếp tục hồ sau, nhưng tôi yêu cầu chỉ cho gà đá ba hồ. Đ. đồng ý và trận đấu bắt đầu. Giờ đấu và giờ nghỉ đều diễn ra đúng theo như đã thỏa ước. Đến hồ thứ ba, thì con ô (danh từ chuyên môn về gà gọi là gà lông đen là "con ô"). của Đ. như muốn chạy (thua chạy), Đ. biết vậy nên nháy đến ôm gà lại không cho đấu nữa mà chẳng nói lời nào. Tôi ôm Pipi vào lòng, máu trên mông nó dính vào ngực áo tôi làm thành một thứ màu thắm hồng độn với những miếng vá bằng mảnh vải bao cát dập bừa bãi, chần chịt.

Chiều hôm đó Pipi ăn ít đi. Tôi lo lắng. Tôi không có một thứ thuốc nào cho Pipi ngoài mấy múi tỏi mà tôi đã năn nỉ xin một anh bạn tù. Ngày hôm sau, Pipi khá hơn, nó đã gầy trở lại. Mấy ngày sau nữa thì Pipi đã khỏe hẳn, tuổi trẻ mà. Bây giờ trông nó lại còn hùng dũng hơn trước nhờ những chiến tích, những vết thương tím sạm trên đầu nó.

Tôi biết thế nào Pipi và cả chính tôi cũng sẽ gặp nhiều thử thách nữa. Mỗi ngày tôi nhìn vào đôi cựa mới lú ra, tròn như hạt bắp; lòng tôi nôn nao chỉ mong Pipi có được đôi cựa dài hơn, ít nhất thì cũng có chút vũ khí tự vệ; vì tôi tin chắc rằng thế nào Đ cũng kiếm một con gà khác có cựa dài để phục thù với Pipi. Tôi cũng biết rằng không thể đề nghị bịt cựa con gà của Đ. để cho có sự công bằng. Nếu một con gà có cựa nhọn đấu với một con không có cựa, thì chẳng khác nào trận võ đài mà một bên có cặp dao găm và bên kia tay không.

Một tin mừng cho cả trại tù: Đ. nghỉ phép khoảng một tháng tại Quãng Bình, quê của anh ta. Lợi dụng thời gian này, tôi cố bồi dưỡng cho Pipi. Tôi kêu gọi các bạn tù và được họ cung cấp cho một số hạt ngô và một ít lúa, đó là những món không thể thiếu cho một "võ sĩ" gà sắp thi đấu như Pipi, mà không biết đối thủ tương lai như thế nào.

Gần một tháng sau, Đ. về mang theo hai con gà đá thứ thiệt, một của Đ. và một của Th., một cán bộ ban an ninh. Tôi biết là họ không mua hai con gà để gà để đá với nhau, mà chắc chắn là để phục thù Pipi của tôi. Lần trước, khi con ô của Đ. sắp thua, Đ. đã phá luật đá gà, nhảy vào ôm lấy gà của anh ta vì không muốn nhận sự bại trận về phía mình. Sau đó, vì tức tối con gà của mình, Đ. đã dùng rựa đi rừng chặt đầu con ô, nhổ lông làm món kho mặn ăn dần, chứ không đem nhậu với bạn bè, vì sợ bạn biết gà anh thua trận.

Đ. bắt đầu áp dụng mọi hướng dẫn về cách nuôi gà đá của tôi và Đ. đã cho gà của anh ăn toàn lúa, nhái và cả rấn.

Tôi chờ đợi một trận đấu lớn. Tôi nhìn Pipi mà nghĩ đến một ngày nào đó những cánh lông mượt mà, cái đầu

cái cổ đỏ thắm kia sẽ bầm dập, tả tơi và biết đâu sẽ có thể không sống còn.

Một buổi chiều cuối năm dương lịch, cả trại được nghỉ lao động để làm kiểm điểm tổng kết đợt thi đua. Hầu hết tù nhân cũng đã họp rồi bình bầu cho xong chuyện vì tất cả chúng tôi đều biết rõ những trò bình bầu, tuyên dương những người xuất sắc chỉ là cách kích thích để tù nhân đem hết sức lực mình ra lao động nhiều hơn.

Phía cán bộ trông coi tù cũng được nghỉ. Một đoàn 6,7 công an đang tiến về phía trại tù, tuy họ vẫn mặc đồng phục, nhưng lại bỏ áo ngoài quần, có anh lại mở hết cúc áo để hở cả ngực. Đ. đi sau cùng, tay ôm một con gà lông trắng, mà từ chuyên môn gọi là "gà nhạn". Hẳn là Đ. muốn có một cuộc thách đấu công khai với nhiều người xem. Đ. có vẻ tin chắc con nhạn của anh sẽ ăn đứt con Pipi, vì con gà trắng đó to hơn, lớn thảng tuổi hơn. Điều mà tôi sợ nhất chính là đôi cựa đã trưởng thành của con nhạn. Tôi vừa cho Pipi ăn chưa được một giờ, nếu phải đá ngay sẽ rất nguy hại cho nó, vì thế mà tôi tìm cách trì hoãn trận đấu, nào là đề nghị Đ để trận đá gà sẽ được diễn ra trên sân ở giữa trại để cho anh em tù nhân được có cơ hội giải trí. Đ. đồng ý. Tôi nhờ vài người vạch một vòng tròn giống như sân đấu võ Sumo. Mọi chuyện hoàn tất cũng kéo dài thêm được nửa giờ, cũng tạm cho Pipi tiêu bớt thức ăn. Tôi mang Pipi ra. Tuy chỉ là cuộc chơi gà đá, nhưng trong lòng của mỗi tù nhân đều có cảm tưởng như là một trận tranh đấu giữa hai phe đối địch. Tôi biết là tất cả tù nhân đều mong gà của tôi thắng. Những người bại trận bao giờ cũng muốn có một chút gì vớt vác, dù chỉ là hơi hưởng qua một con gà. Tôi ôm Pipi như muốn nói thầm với nó: "gắng lên con nghe!" Đem so sánh giữa hai con gà, thì thấy con nhạn to hơn, nặng cân hơn và nhất là

cặp cựa, nhưng tôi vẫn tin là Pipi lớn hơn con nhạn về sắc lông. Thường thì những con gà có sắc lông sậm như đen, xám đen, xá đỏ ... có sức chịu đựng và bền bỉ hơn gà có lông nhạt như trắng (nhạn), trắng có chấm xám (gà kim).

Trận đấu thật hấp dẫn trong hiệp đầu, hai con gà trả đòn ngang ngửa. Hiệp thứ nhì, Pipi bị con nhạn đâm hai cựa vào đầu và cổ, máu của con Pipi vấy qua cả bộ lông trắng của con nhạn, làm con nhạn trở thành hồng. Lúc này, đáng lẽ tôi phải xốt xa quay quắc, thì tự nhiên tôi lại cảm thấy cứng rắn lạ; tôi nghiêng rặng như đang chịu đựng sự đau đớn của Pipi. Giờ giải lao, tôi dùng một ít đọt tranh khô, vò nát rồi rắc vào vết thương của Pipi để cầm máu. Tôi dùng hai bàn tay xát mạnh vào nhau tạo hơi nóng và áp vào đầu, vào cổ Pipi. Tôi còn ngậm mỏ của Pipi rồi truyền hơi cho nó. Một chốc sau đã thấy Pipi khá hẳn ra, rồi nó bỗng gáy một tiếng ngắn, như thể nó cố ý trấn an tôi rằng nó còn mạnh và đầy quyết tâm.

Anh em tù nhân dù không ai bảo ai, nhưng trong thâm tâm họ đều đang cổ võ cho Pipi và chỉ mong Pipi thắng. Lý do đơn giản và dễ hiểu vì Pipi là của tù và con nhạn là của công an giam giữ tù.

Đầu hiệp ba diễn ra cũng với sự lấn áp của con nhạn, và Pipi dường như đang cố chịu đòn hoặc né tránh hầu tìm cơ hội để phản công. Rồi bỗng đến khoảng gần cuối hiệp thì con Pipi vùng lên đá mấy ngón rất độc vào cổ con nhạn. Mọi người bàng hoàng nhìn con nhạn, cổ nó cứ thẳng ra và chúc xuống. Trong nghề gà đá, người ta gọi đó là "gãy". Thật sự gà đá nhau không thể làm cho gãy xương cổ của đối phương, nhưng khi gà không thể ngóc cao cổ lên được nữa thì người ta gọi là gãy, và khi đó thì chỉ có đứng để chịu đòn mà không đá trả lại được nữa. Đám khán giả tù reo hò không dứt. Tôi ngồi lặng thinh.

Từ nhỏ tôi đã mê gà đá, nhiều lúc bỏ cả bữa cơm trưa để sang nhà ông hàng xóm học "nghề gà". Tôi học cách xem tướng gà, từ sắc lông cho tới móng chân ... để đoán được con gà nhỏ của tôi là gà trống. Chân nó có hai hàng vảy thẳng rất tốt, tuy nhiên ở ngón chân thứ ba bên trái có hai vảy xếp thành hình chữ nhân (chữ Trung Hoa), điều đó làm cho tôi hơi buồn. Trong cách xem tướng gà thì loại vảy chữ nhân đó gọi là "Nhân Tự Tam Quan", một trong những tướng bất lợi cho một con gà đá: ra trường đấu, nếu không bị địch đâm đùi mất thì cũng bị một tai nạn gì đây.

Tôi muốn đặt tên cho con gà bé xíu của tôi, nhưng chưa biết gọi gì. Tôi thường cho nó ăn những mảnh sắn băm nhỏ, hoặc tôi nhai nhỏ rồi cho nó ăn. Tôi không có gạo hay lúa cho nó, dù là ở nhà bếp. Mỗi khi cho gà ăn, tôi thường để thức ăn cách xa vài gang tay rồi dùng ngón tay gõ gõ vào mấy mảnh sắn như con gà mẹ thường gọi con đến ăn. Ở quê tôi, người ta gọi là "cu gà" có nghĩa là gọi gà. Ngày xưa, mẹ tôi có một đàn gà mấy chục con, mỗi lần mẹ mang rá lúa ra vườn sau cho gà ăn, tôi buột miệng gọi "pi pi pi pi", từ đó con gà của tôi mang tên "Pi Pi" (xin đừng hiểu theo tiếng Mỹ nhé!).

Con Pipi lớn nhanh, nó chạy quẩn quít bên chân tôi để được cho ăn, nhiều lúc tôi chỉ sợ giẫm phải nó. Về sau, mỗi lần nấu khoai sắn ở bếp, tôi phải nhốt nó dưới gầm giường. Mấy anh bạn tù làm ở đội đan lát, cho tôi mấy nan tre đã vót sắn, đêm đêm tôi gắng thức để đan cho Pi Pi một cái bện nhỏ.

Chừng hơn một tháng sau, Pipi lớn hơn nắm tay, nhưng trông nó có dáng như một "võ sĩ" tương lai. Lông nó màu xám pha đỏ tía; từ chuyên môn về gà đá gọi là "xám lửa". Chân nó màu lục sẫm, mồng tựa trái dâu; nên gọi là "gà mồng dâu". Nó có mọi tướng của một con gà đá

hay. Tôi thường dùng chiếc dép râu ("dép Bình Trị Thiên", làm bằng vỏ xe ô-tô) vừa đùa vừa huấn luyện cho Pipi đá. Sau này, mỗi lần thấy chiếc dép râu là con Pipi nhào đến cắn, đá lung tung.

Dần dần, nhiều anh em trong trại tù biết tôi có một con gà. Mỗi lần xuống nhà bếp lãnh cơm cho đội, có nhiều anh hỏi thăm về Pipi của tôi: "Sao, Pipi khá không?" giống như khi chúng ta gặp nhau "ngoài đời", thường hỏi thăm nhau về gia đình, vợ, con. Ở đây, trong tù, chúng tôi giống như những người vô gia đình, vì dù có cha mẹ, vợ con, anh em, bạn bè thì cũng ở xa quá, có biết khỏe mạnh ra sao đâu, mà có biết cũng chẳng làm gì được. Cho nên một lời thăm hỏi về con gà như vậy, đối với chúng tôi cũng rất là thân ái, nhất là mọi người đều biết rằng tôi quý thương con Pipi. Vài anh bạn tù đi lao động bên ngoài, lúc về, mang dúi vào tay tôi vài con châu chấu hoặc một nắm giun đất dành cho Pipi. Có anh còn nhin phần bồi dưỡng của mình là một vài con nhái chop được trong lúc cuốc đất, dấu mang về cho Pipi. Anh em thương tôi nên cũng thương Pipi. Nhờ những món ăn bổ dưỡng đó mà Pipi lớn rất nhanh.

Một điều mà tôi vừa mong lại vừa sợ xảy ra là Pipi gáy. Tôi mong nghe Pipi gáy để biết nó sắp trưởng thành; nhưng lại sợ, vì như vậy thì cán bộ công an tuần tra hay trực trại sẽ biết. Không chừng sự hiện diện của con gà lại là điều rắc rối cho tôi. Chỉ cần khép tôi vào tội nuôi gà trong trại là phạm nội quy, thế là tôi có thể lãnh bất cứ hình phạt nào, y nói như để kể công:

- Tôi lấy thịt con gà của anh kho lại và để trong bếp kia kia.

Tôi diên tiết lên, vừa nghiêng răng vừa nói như hét vào mặt của H.:

- Tôi không cần thịt gà! Tụi mày giết con Pipi của tao rồi! Tao không bao giờ quên chuyện này.

H. phân bua:

- Tuần trước, các cán bộ mang gà xuống đấu, đó là lệnh, tôi không can được, tôi nhớ hôm đó con gà của anh đấu đến ba trận, đấu với hai con gà đầu tiên thì tổng như con gà của anh thắng, nhưng thương tích cũng đã đầy trên mình nó, qua con gà thứ ba thì vừa to lớn, vừa mạnh, nên gà anh không chịu nổi. Nó không chạy mà chết trong vòng đấu.

Ôi Pipi của tôi đã chiến đấu quyết liệt nhưng vì bị xa luân chiến mà đã chết vì kiệt sức. Đúng là một thứ trả thù bản thủ. Thà Đ. giết Pipi bằng cách khác, hoặc bắt nó cắt tiết, ăn thịt mà tôi không đau khổ đến như thế này. Tôi nghĩ đến những người lính Việt Nam Cộng Hòa đã nằm xuống 12 năm trước đây và tự thấy hổ thẹn, lúc đó tôi cũng có một cây súng nhỏ nằm trong túi áo, tôi đã không dám sử dụng nó cho đến giờ phút chót, mà đã lặng lẽ bỏ cây súng xuống biển Đà Nẵng, rồi xuôi tay đi vào tù. Khí phách của tôi thật không bằng con Pipi, bạn gà nhỏ bé của tôi.

Tennessee, 08-03-1999

HOÀNG THẾ DIỆM

Hay nóng giận nản lòng là triệu chứng của 1 tâm hồn yếu đuối.

Plutargue

Sóng Bãi Qui Nhơn

Biển Qui Nhơn ngày nọ
Em còn nhớ hay không?
Sóng dạt dào tình ái
Môi hôn càng thêm nồng!
Em có còn thương nhớ
Ta yêu nhau như thuở
Đời hồng hoang đến giờ!
Em bảo tình thấm thiết
Ta thở tình vào tóc
Em siết chặt ta hơn
Em bảo sóng vào bãi
Như bàn tay của ta
Gây tình yêu lên tiếng
Giữa trời rộng bao la!
Nhưng ... sau đêm thơ mộng
Em lặng lẽ ra đi
Không một lời từ biệt
Ta mang khối tình si
Gói tâm tư hành lý
Ta phiêu bạt giang hồ
Đếm gót chân đất khách
Thành lệ phiền mong chờ
Ta vào đời đen bạc
Như lũ người đỏ đen
Không dám yêu ai nữa
Nhưng tình em chưa quên!
Đêm nay ta tỉnh giấc
Nhớ lời em tạ từ
Em bảo sóng vào bãi
Sẽ xóa tình xa mờ
.....
Thơ hay cần vị đắng
Tình xa ... nhớ đến giờ!



MANG ĐỨC LONG

Tampa ngày nhớ không người

Bài dịch về VUA QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH

TRÁC NHƯ

Tôi vốn không chuyên về sử, nhưng nói đến những trang anh hùng, liệt nữ lại muốn nghe, nhất là muốn nghe chuyện người anh hùng áo vải đất Tây Sơn, nơi chôn nhau cắt rốn của mình.

Tôi đọc trong Đại Việt Sử ký Toàn Thư, Tục Biên, quyển thứ 5, đoạn chót viết "Sơ ngũ nhật thiên vị minh, Huệ thân tự đốc chiến, dĩ hùng tượng bách dư cư tiền, kính binh tùy chi. Đại chiến lương cứu, Thanh kỵ binh sở thừa mã kiến tượng, giai tê ô phản tẩu, bộ binh vị tượng sở nhự. Nải nhập thủ bằng phóng ô thương, tặc khu tượng mạo đạn. Bạt lũy nhi nhập, thanh Hứa đề đốc, Trương tiên phong giai chiến tử, chư quân đại hội. Sĩ Nghị tướng trung quân phát hành tại đạo, đắc bại tín, nãi hạ lệnh triệt binh bắc độ, quá phù kiều, kiều đoạn, tử giả sở bách nhân. Thanh Điền Châu tri phủ Sầm đồn vu Vũ Cử trường, tặc công chi, Sầm cùng túc tự ải". (Ngày mồng năm trời chưa sáng, Huệ tự mình đốc chiến, đưa hơn trăm voi khỏe đi trước, lính dũng mãnh theo sau. Đánh nhau rất lâu, kỵ quân của binh Thanh thấy bầy voi đều sợ hãi hí vang quày đầu chạy lại, bộ binh bị voi giày đạp. Bèn lui vào thành cố thủ bắn ra, giặc đưa voi đỡ đạn. Đạp lũy mà vào,

Đề đốc quân Thanh Hứa Thế Hanh, tiên phong Trương Sĩ Long đều chết trận, quân lính tan rã.

Sĩ Nghị nơi màn tướng sụy, được tin bại trận, liền hạ lệnh rút quân qua đò phía bắc, lên cầu phao, cầu phao gãy, chết mấy trăm người. Tri phủ Điền Châu Sầm Nghi Đống đóng quân ở trường Võ Cử, bị giặc tấn công, Sầm cùng quần tự treo cổ mà chết). Tôi vô cùng cảm kích về chiến công oanh liệt này, nhưng trong lòng vẫn ám ảnh ý nghĩ "mẹ hát con khen". Mãi đến khi tôi đọc sử Trung Hoa, trong quyển Thanh Đại Thông Sử có đoạn viết về cuộc chiến này, đến đoạn "... Điền sư văn pháo thanh chấn thiên, diệp thoái tẩu, Sĩ Nghị đoạt độ Phú Lương Giang, tức trăm phù kiều dĩ đoạn hậu; ư thị Thanh quân tự nam ngạn giả bất đắc độ, tự đề đốc Hứa Thế Hanh dĩ hạ, nịch tử giả sổ du toàn quân chi bán, Sĩ Nghị tẩu hoàn Trấn Nam Quan, tận phần quan ngoại hương giới hỏa dục sổ thập vạn, sĩ mã hoàn giả, cận sổ thiên, ..." lòng vô cùng hứng thú, bầu máu nóng của tuổi thời còn thanh xuân như lại cuộn chảy trong huyết quản. Tôi để sách lên ngực nằm im một lúc lâu vì xúc động ... Tại sao xúc động cũng khó tỏ bày. Đọc lại thấy nhiều sự kể giống nhau như đều gọi Tây Sơn là giặc,⁽¹⁾ Tôn Sĩ Nghị thua chạy, hao binh tổn tướng ... nhưng lại khác nhau tất nhiên, rất nhiều về tính chất về mức độ của đối phương với nhau, giữa quân Tây sơn và quân Thanh, giữa tướng chỉ huy Nguyễn Huệ và Tôn Sĩ Nghị... Và ngay những việc của một bên với nhau cũng khác. Ví dụ như đoạn này khi Sĩ Nghị đã vào Thăng Long, sách Đại Việt Sử Ký Toàn Thư Tục Biên, (quyển 5) viết: "Sơ, Sĩ Nghị xuất quan, thừa thắng độc khắc, hữu

⁽¹⁾ Việc này học giả Trần Trọng Kim đã bình luận trong Việt Nam Sử Lược rồi. (xem Việt Nam Sử Lược, quyển II trang 127, 128, 129)

khinh địch tâm. Ký khắc Thăng Long, tương dĩ thử liễu sự, vô truy thảo ý. Thanh, Nghệ ứng nghĩa giả, nhất tựu bắu thính tiến quân, nhất trí bất vấn. Cậu đắu Thanh đế thử chiếu mệnh Nghị tiến binh tu tậu phục Lê Vương thổ địa, phương đắu thi sự. Nghị thủy vi hành kế" (Sĩ Nghị từ khi qua cửa ải, đánh đầu được đắu, có ý khinh địch. Đến khi chiếu được Thăng Long, tự cho thế là xong việc rồi, không có ý rượu theo đắu. Những kẻ ứng nghĩa ở các nơi Thanh, Nghệ hàng ngày đến xin tiến binh những Sĩ Nghị đầu bỏ qua. Đến khi được thử chiếu của Vua Thanh ra lệnh cho Sĩ Nghị phải lấy lại hết đắu cho Lê Vương mới được rúu quân về. Nghị bắu giờ mới thi hành kế hoặh).

Trong khi sách Thanh Đạu Thông Sứ kể: "Bắu giờ Nguyễn Văn Huệ đầu trốn về đắu cũ, những Sĩ Nghị lấy làm hận vì chưa bắu được, toan đem thuyền đầu đắu. Triều Thanh thì coi việu An Nam bị tàn phá không còn gì, không đủ sức cung cấu lương thực cho binh lính, mà quân ta thì mượu đườg chuyệu quân vào nội địa, lấy việc trườg trị kẻ địch bại trận tới đườg cùng, chưa phải là đắu sách, cho nên sau khi được tin thắu trận, liền trườg lịnh sĩ Nghị bắu binh, những Sĩ Nghị lầu tin vào việc xin hàng của Văn Huệ, nên còn đắu quân ở Hà Nội để chờ ...)"

Chúng ta thấy qua lời kể của tác giả Thanh Đạu Thông Sứ, Tiêu Nhất Sơn: một sự kinh hoàng khiếp đắu của Sĩ Nghị, một sự nỗ lực của Vua Cầu Long đối với người áo vải đắu Tây Sơn.

Bài dịch này, tôi cố gắu theo thắu sát nghĩa, có kèm theo phần phiên âm để tiện theo dõi. (Phần trích dịch trong sách Thanh Đạu Thông Sứ, quyển trung, trang 135, 136, 137, 138, 139, 140).

AN-NAM CHI PHỤC THUỘC

1 - AN NAM CHI NHIỀU LOẠN

Ấn Độ Chi Na bán đảo chi đông bắc bộ, dữ ngã quốc Quảng Tây, Vân Nam bì liên giả, cố An Nam quốc vương địa dã. Đường Minh Vĩnh Lạc thời, An Nam thường vị Trung Quốc sở diệt. Minh đình tự kỳ địa thiết Giao Chỉ bố chánh ty dĩ thống trị chi. Nhiên đương thời An Nam quốc chi lĩnh vực, nam chí Thuận Hóa nhi chí, Thuận Hóa dĩ nam, thượng vi Chiêm Thành (Chiêm Bà) vương quốc sở lĩnh, cố Giao Chỉ bố chánh ty sở hạt, thập ngũ phủ ngũ châu, diệc bất xuất kim Thuận Hóa dĩ nam. Tuyên Đức tam niên, Lê Lợi thoát Minh đình chi ky bần, trùng kiến Đại Việt Quốc, định đô Đông Kinh, cải nguyên Thuận Thiên, tức Đại Việt thái tổ thị dã. Chí kỳ tôn Lê Hạo (thị vi Thánh Tông) chi thế, thủy kiêm tính Chiêm Thành, trí Quảng Nam Châu, ư thị nam cảnh tăng thác. Gia Tĩnh thời, quyền thần Mạc Đăng Dung soạn quốc, cứ Hà Nội, Lê Thị tử tôn, cận lại di thần Nguyễn Kim chi lực, cứ Thanh Hoa Châu dĩ kháng chi. Tự thị Đại Việt phân vi nam bắc triều, Mạc Thị vương ư bắc, Lê Thị vương ư nam, nam bắc đối trị lục thập ngũ niên, (tự Gia Tĩnh thập niên chí Vạn Lịch nhị thập tam niên). Nam triều chi tướng Trịnh Tùng, tốt khu trục Mạc Thị, khôi phục Hà Nội. Nhi Nguyễn Kim tử Hoàng, phục bất duyệt Trịnh Thị chi chuyên quyền, tội cứ Thuận Hóa độc lập, xưng Quảng Nam Vương. (Vạn Lịch nhị thập bát niên) Ứ thị An Nam phân vi Đại Việt. Quảng Nam nhị quốc. Đường Thuận Trị thập lục niên, Thanh quân định Vân Nam thời, Đại Việt

vương Lê Duy Đề (thị vi Thần Tông Duy Kỳ) khiến sứ lạo quân. Chí Khang Hy ngũ niên, kỳ tự vương Duy Hi (thị vi Hiến Tông Duy Ngung) thủy kiếu thượng Minh Đế Vương sở tứ sắc ấn, tiên thị Lê Lợi thoát Minh thất nhi độc lập, nhiên nhưng thụ sách phong vi An Nam quốc vương, cận ư quốc nội xưng Đại Việt hoàng đế nhi dĩ. Chiếu phong vị An Nam quốc vương, tự thị phụng cống bất tuyệt. Thời Quảng Nam chi lĩnh vực tiệm đại, kiêm hữu hạ Giao Chỉ Chi Na (kim chi An Nam) cập Giản Phố Trại vương quốc (kim chi Cao Miên) chi đại bán. Nhi An Nam chi Lê Thị ích bất chấn, chính quyền nhất xuất Trịnh Thị. Chí Càn Long thời, kỳ nhiếp chính Trịnh Đổng, xâm xâm hữu soán quốc chi chí, nhi cụ Quảng Nam chi can thiệp, nãi âm thốc Quảng Nam thổ hào Nguyễn Văn Nhạc sử cử binh vi loạn, nhi kỷ vi ngoại viện. Tự Càn Long tam thập bát niên, Nguyễn Văn Nhạc dĩ kỳ đệ Văn Huệ, Văn Lự khởi binh, chuyển chiến thập dư niên, tốt diên phúc Quảng Nam vương thất. Nhi Trịnh Đổng diệc dĩ kỳ gian, thiết cứ kỳ bắc bộ tam châu, (Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức). Chí Càn Long ngũ thập niên, Văn Nhạc tam phân Quảng Nam địa, tự cứ trung bộ, xưng đại đế, dĩ nam bộ dữ Văn Lự, nhi sử Văn Huệ hồi phục bắc bộ tam châu. Hội ngũ thập nhất niên Trịnh Đổng tử, tử Trịnh Tông, Trịnh Cán tranh quyền, Cán khiến kỳ thần Cống Chính thỉnh Quảng Nam dĩ diệt Tông, ư thị Văn Huệ dẫn binh tru Tông Cán, nhi tự vị An Nam nhiếp chính. Kỳ vương Lê Duy Nhu khao dĩ lương quận, thả thế dĩ nữ, minh niên Duy Nhu (thị vi Hiến Tông) tộ, tự tôn Duy Kỳ lập, Văn Huệ tận thủ tượng tải trần bảo qui Quảng Nam, sử Cống Chính lưu trấn đô thành, Cống Chính tư phù Lê cụ Nguyễn, nãi dĩ vương mệnh xuất binh đoạt hồi tượng ngũ thập, nhi Văn Nhạc diệc ư Quảng Nam yếu đoạt kỳ truy

trọng. Văn Huệ qui trị thành ư Phú Xuân lũy, sử kỳ tướng Nguyễn Nhậm dĩ binh số vạn công Cống Chính ư quốc đô, Chính chiến tử, Duy Kỳ xuất vong, Nguyễn Nhậm toại cứ Đông Kinh, tứ thủ hiểm yếu, diệc hữu tự vương ý. Ngũ thập tam niên hạ, Văn Huệ phục dĩ binh tru Nguyễn Nhậm ư Lê Kinh, nhi thỉnh Duy Kỳ phục vị, Duy Kỳ tri kỳ phả trặc, nặc bất cảm xuất, Văn Huệ dĩ dân tâm bất phụ, tận hủy vương cung, lược tài bảo qui Phú Xuân, lưu binh tam thiên thủ Lê Kinh. Ứ thị An Nam di thần Nguyễn Huy Túc, phụng vương tộc nhị bách dư nhân, do Cao Bằng dâng chu chí Bác Niễn Khê Hà, bắc ngạn tức Quảng Tây, Thái Bình Phủ, Long Châu địa dã. Lương Quảng tổng đốc Tôn Sĩ Nghị, Quảng Tây tuần phủ Tôn Vĩnh Thanh, tiên hậu tấu văn. Thanh đình dĩ bách dư niên lai, thế thụ Lê Thị triều cống, hữu bảo hộ chi nghĩa vụ, nãi mệnh an trí kỳ gia thuộc ư Quảng Ninh Phủ, nhi hựu sử Sĩ Nghị vi chi hưng phục thù chi sự.

2 - THANH SỬ CHI NHẬP ĐÔNG KINH

Cần Long ngũ thập tam niên, Thanh đình mệnh Tôn Sĩ Nghị di hịch An Nam các lộ, thị dĩ thuận nghịch, lệnh tạo phản chính. Thời Duy Kỳ đệ Duy Tụ, Duy Chỉ giai xuất tị nạn, Duy Tụ tử Tuyên Quang Thành, Duy Chỉ do kinh bắc Ba Bồng Xưởng lai đầu. Sĩ Nghị dĩ Duy Chỉ hữu tài khí, dục lệnh quyền nhiếp quốc sự, Thanh đình lự kỳ huynh đệ nhựt hậu hiểm nghi, bất hứa. Nãi lệnh Thổ Điền Châu Sầm Nghi Đống hộ Duy Chỉ xuất quan, hiệu triệu nghĩa binh. Tiên thị Nguyễn Huy Túc dâng chi đầu Quảng Tây dã, Thanh đình dĩ hưng diệt kế tuyệt, nghi xuất sự vấn tội, nhân khiển kỳ bồi thần Lê Thống, Nguyễn Đình Mai đẳng hồi quốc mật báo Duy Kỳ, cập thị Duy Kỳ phúc

thư chí, khát chuyển tấu. An Nam thổ ty cập vị hãm các châu quan dân, tranh phước nguy đảng, hiến địa đồ, hựu quan ngoại các xưởng nghĩa dũng sở vạn, giai khát hưởng đoàn luyện thỉnh vi hương đạo. Nhi Văn Huệ dĩ kính quan thỉnh cống, dĩ kỳ quốc thần dân biểu chí, ngôn Duy Kỳ bất tri tồn vong, thỉnh lập cố vương Duy Nhu chi tử Duy Cẩn chủ quốc sự, tịnh nghinh kỳ mẫu phi hồi quốc. Thanh đình tri Văn Huệ khi Duy Cẩn ngu chúy dị dữ, giáo kế hoãn sự, lệnh Sĩ Nghị nghiêm xích chi, nhận phân binh tam lộ tiến thủ: Nhất xuất Quảng Tây Trấn Nam Quan vi chính đạo. Nhất do Quảng Đông Khâm Châu phiếm hải, quá Ô Lôi Sơn chí An Nam Hải Đông Phủ. Nhứt do Vân Nam Mông Tự Huyền Liên Hoa Than lãg hành chí An Nam chi Thao Giang. (Minh Mộc Thanh xuất sư công An Nam chi đạo). Thập nguyệt, Tôn Sĩ Nghị cập đề đốc Hứa Thế Hanh suất Lương Quảng binh nhất vạn, xuất Quảng Nam Quan, dĩ bát thiên trực đảo vương kinh, dĩ nhị thiên trú Lương Sơn vị thanh viện. Vân Nam đề đốc Ô Đại Kinh dĩ binh bát thiên thủ đạo Khai Hoa Sảnh chi Mã Bạch Quan, du Chú Hà, nhập An Nam giới, thiên hữu bách lý nhi chí Tuyên Hóa Trấn, giáo nguyên định chi lộ tuyến vi sảo cận. Vân Quý tổng đốc Phú Cương thỉnh hành, Thanh đình dĩ nhất quân bất khả nhị súy, lệnh trú biên ngoại ty hưởng vạn. Dĩ An Nam lao tích bất kham cung cấp, lương lộ thiết đài trạm thất thập dư sở, vận hưởng nội địa. Thanh sư sở quá, thu hào vô nhiều. Sĩ Nghị, Thế Hanh do Lương Sơn phân lộ tấn binh: Tổng binh Thượng Duy Thăng phó tướng Khánh Thành suất Quảng Tây Binh, tổng binh Trương Triều Long, Lý Hóa Long suất Quảng Đông binh. Thời thổ binh nghĩa dũng tùy hành, thanh ngôn đại quân sở thập vạn. Ứ thị An Nam các thủ ải binh vọng phong bồn độn, duy ách tam giang chi hiểm dĩ cự. Thập nhất nguyệt

thập tam nhật, Quảng Tây binh thiên dư ngũ cổ để Thọ Xương Giang, địch thoát bảo nam ngân, Thanh binh thừa chi, phù kiều đoạn, giai siêu phiệt trực thượng, địch vụ trung tự tương cách sát, Thanh binh toại tận độ, đại nhưu đại bác. Nhi Quảng Đông binh diệc phá địch Trụ Thạch. Dĩ thập ngũ nhật tấn quân Thị Cầu Giang, Giang Khoát, thả nam ngân ỷ sơn, can ư bắc ngân, địch cự hiểm liệt pháo, Thanh sư bất năng kết phiệt. Chư tướng dĩ giang thế liễu khúc, địch vọng bất cập viễn, nãi dương vận trúc mộc tạo phù kiều thị tất độ, nhi tiềm binh nhị thiên ư thượng du nhị thập lý lự hoãn xứ, tiểu châu tiêu tế. Thập thất nhật Thanh binh thừa phiệt bạc ngân, tương trì chính cấp, thích thượng du binh dĩ nhiều xuất kỳ bối, thừa cao đại hô hạ kích, thanh chấn sơn cốc. Địch bất tri đại quân sở chí, giai hội tử ngõa giải. Thập cửu nhật toàn quân bác Phú Lương Giang (Hồng Hà), địch tận phạt duyên giang thụ mộc, liễu chu đối ngân dĩ cự. Thanh binh kiến kỳ kết trận bất chính, tri chúng vô cố chí, nãi mịch viễn ngân tiểu chu, tải binh bách dư, dạ chí giang tâm, đoạt kỳ chiến hạm nhất, toại tải binh nhị bách dư, Hứa Thế Hanh thân suất chi độ giang. Phục đoạt tiểu chu tam thập dư, cánh phiên độ binh nhị thiên, phân đảo địch doanh. Địch hôn dạ bất biện đa quả, đại hội. Phần kỳ hạm thập dư, hoạch hầu bá số thập nhân. Lê Minh, Thanh sư tất tế, Lê Dân tông tộc cập bách tính xuất nghênh đạo tả, Sĩ Nghị, Thế Hanh nhập thành tuyên ủy nhi xuất. Hà Nội thành hoàn thổ lũy, cao bất số xích, thượng thực từng trúc, nội hữu chuyên thành nhị, tức quốc vương sở cư. Thị thời cung thất đặng nhiên, vô phục vương đô chi quán. Duy Kỳ nặc dân thôn gian, tức dạ nhị cổ, nghệ doanh yết Sĩ Nghị, tạ tái tạo chi đức. Thị dịch dã, thừa tư Lê chi cự dân, dữ các xưởng chi nghĩa dũng, tiên khu hướng đạo, hựu chư tướng đa Đài Loan lập công chi

nhân, cố đốc dĩ vạn binh trường khu thâm nhập, bất tạp nguyệt nhi khắc phục quốc đô, kỳ Vân Nam chi sư, thượng vị chí dã. Chiếu phong Sĩ Nghị nhất đẳng mưu dũng công, Thế Hanh nhất đẳng tử, chư tướng thưởng lãi hữu si.

3 - NGUYỄN QUANG BÌNH CHI THỤ PHONG

Tiên thị đại quân chi xuất dã, Thanh đình khủng sự thành sách phong, vãng phản kê thời, trí binh sĩ chi bạo lộ ư ngoại, nhân tiên mệnh lễ bộ chú ấn, nội các soạn sách, bưu ký quân tiền, lệnh Sĩ Nghị đốc tiền nghi từng sự. Cập nhập Đông Kinh, toại dĩ thị nguyệt nhị thập nhị nhật tuyên chiếu phong Duy Kỳ vi An Nam quốc vương, tịnh trì báo Quảng Tây tuần phủ, qui kỳ gia thuộc. Duy Kỳ biểu tạ, thỉnh ư Càn Long ngũ thập ngũ niên, nghệ kinh chúc Hoàng Lịch bát tuần thọ, chiếu sĩ An Nam toàn định, Duy Kỳ năng tự lập, hứa lai triều. Thời Nguyễn Văn Huệ dĩ độn qui cố thổ, nhi Sĩ Nghị phủ dĩ vị phu vi hám, mưu tạo thuyền trung thảo. Thanh đình dĩ An Nam tàn phá không hư, vô cung cấp quân thực chi lực, nhi ngã quân tất tạ nội địa chi chuyển du, vi chi cùng trị lại khấu, vị vi đốc sách số đương Đông Kinh tiếp văn chi hậu, tức chiếu Sĩ Nghị bãi binh, nhi Sĩ Nghị vọng tín Văn Huệ khát hàng chi thuyết, thượng trú quân Hà Nội dĩ đãi chi, hựu kêu bất thiết bị, nhi Văn Huệ thả thừa gián dĩ nghị kỳ hậu hĩ. Thời Văn Huệ cử Thuận Hóa, nhất phương tắc tủng gián điệp, trình Hà Nội hư thực, đương ngôn tức nhật nghệ hàng; nhất phương tắc cử khuynh quốc chi sư, thừa tuế mộ tiềm tiến. Ngũ thập tứ niên chính nguyệt sóc, quân trung phương trí tửu trường nhạc, cử nguyên nhật chúc điển, bí dạ, hốt đốc cảnh báo, thủy thẳng thốt bị chiến, địch giai tượng tải đại pháo xung trận, Thanh binh chúng quả bất

địch, hôn ám trung tự tương như lặn, Duy Kỳ khiết gia tiên độn, Điền sư văn pháo thanh chấn thiên, diệp thoái tẩu, Sĩ Nghị đoạt độ Phú Lương Giang, tức trăm phù kiều dĩ đoạn hậu, ư thị Thanh quân tại nam ngạn giả bắt đắc độ, tự đề đốc Hứa Thế Hanh dĩ hạ, nich tử giả sở du toàn quân chi bán, Sĩ Nghị tẩu hoàn Trấn Nam Quan, tận phần quan ngoại lương giới hỏa được sở thập vạn, sĩ mã hoàn giả, cận sở thiên, kỳ Vân nam chi sư, dĩ hữu hưởng đạo đắc toàn phần, Sĩ Nghị cụ số tự hặc. Hoàng Lịch niệm biến xuất ý ngoại, phi tận Sĩ Nghị chi cứu, đăn Văn Huệ dĩ bại phục lai, tất phi đán tịch sở năng củ hợp, nhi Sĩ Nghị tham công tự mãn, mạn vô trừ bị, trí tổn tướng sĩ, mệnh sĩ chúc lai kinh, lánh dĩ thượng thư bổ dụng, điều Phúc Khang An đại chi. Phúc Khang An vị đáo nhậm dĩ tiền, nhưng trừ Sĩ Nghị thự lý, biện lý thiên hậu triết sư sự nghi. Văn Huệ ký cử An Nam, tự tri mãi họa bất tiểu, khủng Thanh sư chi phục xuất dã, nhi kỳ huynh Văn Nhạc phương dữ Xiêm La cấu hấn, khủng lương quốc thừa gian giáp kích, toại khẩu quan tạ tội, cải danh Nguyễn Quang Bình, (Minh sử: An Nam quốc vương giai hữu nhị danh, dĩ kỳ nhưt danh sự Trung Quốc liệt biểu tấu) khiến kỳ huynh tử Quang Hiến tẩn biểu nhập cống. Ngôn thủ Quảng Nam dĩ cửu thế, dữ An Nam địch quốc phi thần, thả man xúc tự tranh, phi cảm kháng hoành Trung Quốc. Thịnh lai niên thân cận kinh sư, tịnh nguyện lập miếu quốc trung, tự tử tuy tướng sĩ. Hựu văn Xiêm La cống sứ tương nhập kinh, khủng môi nghiệt kỳ đoản, khát thiên triều vật thính kỳ ngôn, Phúc Khang An đẳng tiên hậu tấu văn. Thanh đình dĩ Duy Kỳ tái khí kỳ quốc, tịnh sách ấn bất năng thủ, thị thiên yếm Lê Thị, bất năng tồn lập. Nhi Nguyễn Quang Bình ký thịnh thân cận, phi tiền đại Mạc Lê cận kim nhân đại thân chi bỉ. Thả An Nam tự Ngũ Quý dĩ lai, Khúc

Kiểu Ngô Đình, Lý Trần Lê Mạc, hồ tương thôn phệ. Tiền đại tăng quân huyện kỳ địa, phản trắc vô thường, bất túc cận nam cố chi ưu, nãi duẫn kỳ thỉnh. Nhân thưởng Lê Duy Kỳ tam phẩm hàm, biên Hán quân kỳ, an trí kinh sư. Ngũ thập ngũ niên, Nguyễn Quang Bình lai kinh chúc ly, yển Nhiệt Hà sơn trang, ban thân vương hạ, quận vương thượng, tứ quan đại thụ phong qui. Ngũ thập thất niên Quang Bình tốt, tử Quang Toàn lập, niên cận thập ngũ. Thanh đình dĩ Nguyễn bang tân tạo, nhân tâm vị định, thả Nguyễn Văn Nhạc thượng Quảng Nam, Ngô Văn Sở cửu ác binh binh, chủ thiếu quốc nghi, phòng hữu biến động, đặc điều Phúc Khang An Vân Quý tổng đốc bị biên. Hựu khiển án sát sứ Thành Lâm dụ tế, tịnh mật trình kỳ tình. Thành Lâm toàn dĩ quốc sự thô định văn, nãi chỉ. An Nam tự Nguyễn Văn Nhạc huynh đệ xướng loạn dĩ lai, Đông Kinh, Giao Chỉ gian tao loạn giả số thập niên. Quang Bình tuy dĩ kiêm tính Đông Kinh, đặc Trung Quốc chi nhận khả, nhi cố Quảng Nam vương hậu duệ Nguyễn Phúc Ánh (xưng Gia Long vương) thượng lưu lãng Xiêm La, nhứt dạ tư tá tha quốc chi viện, khôi phục cựu lĩnh, toại khai Pháp Lan Tây xâm lược chi đoan tự. Hựu Văn Bình phụ tử, dĩ liên niên chiến tranh, quốc dụng khuyết pháp chi cố, nãi tướng lệ hải tặc, tứ xuất phiêu lược, toại những thành Gia Khánh triều hải cương chi cự hoạn.

Dịch nghĩa:

I - AN NAM RỐI LOẠN:

Miền đông bắc bán đảo Ấn Độ Chi Na tiếp giáp với Quảng Tây, Vân Nam nước ta, vốn là đất của vương quốc An Nam. Đời Vĩnh Lạc nhà Minh, An Nam đã bị Trung

Quốc dứt. Triều Minh thiết lập ty bố chánh Giao Chỉ để thống trị. Nhưng bấy giờ lãnh thổ nước An Nam, phía nam chỉ đến Thuận Hóa, phía nam Thuận Hóa còn thuộc về lãnh thổ vương quốc Chiêm Thành (Chiêm Bà), cho nên sở hạt của ty bố chánh Giao Chỉ, 15 phủ năm châu cũng không quá phía nam Thuận Hóa. Năm Tuyên Đức thứ ba, Lê Lợi thoát khỏi giam xích của Triều Minh, xây dựng lại nước Đại Việt, định đô ở Đông Kinh, đổi niên hiệu Thuận Thiên tức là vua Thái Tổ nước Đại Việt vậy. Đến đời cháu Lê Hạo (tức Thánh Tông) mới chiếm Chiêm Thành, đặt châu Quảng Nam, từ đó bờ cõi phía nam mở rộng. Thời Gia Tĩnh, quyền thần Mạc Đăng Dung soán quốc, chiếm giữ Hà Nội, con cháu nhà Lê chỉ nhờ vào sức của di thần Nguyễn Kim, chiếm giữ Châu Thanh Hoa chống lại. Từ đó Đại Việt chia ra nam bắc triều, họ Mạc vua phía bắc, họ Lê vua phía nam, nam bắc đối địch 65 năm (Từ Gia Tĩnh năm thứ mười đến Vạn Lịch năm thứ hai mươi ba). Cuối cùng tướng Nam Triều Trịnh Tùng đuổi được họ Mạc, khôi phục Hà Nội. Nhưng Hoàng con Nguyễn Kim lại không phục họ Trịnh chuyên quyền, bèn chiếm cứ Thuận Hóa độc lập, xưng vương Quảng Nam (Niên hiệu Vạn Lịch thứ 28). Thế là An Nam lại chia làm hai nước Đại Việt, Quảng Nam. Năm Thuận Trị thứ 16, lúc quân Thanh ổn định Vân Nam, Đại Việt vương Duy Đề (tức Thần Tông Duy Kỳ) sai sứ sang an ủy quân sĩ. Đến đời Khang Hy thứ năm, tự vương Duy Hi (tức Hiến Tông Duy Ngung) mới mang trả sắc ấn của vua Quế Vương nhà Minh đã ban⁽¹⁾, nguyên trước Lê Lợi thoát khỏi nhà Minh mà độc lập, nhưng vẫn nhận sách phong làm An Nam Quốc vương, chỉ xưng hoàng đế Đại Việt ở

(1)

trong nước mà thôi. Nhận chiếu phong làm An Nam Quốc Vương tức là phải triều cống mãi mãi. Thời bấy giờ lãnh thổ của Quảng Nam rộng dần, gồm có phần dưới Giao Chỉ Chi Na (nay là An Nam) và hơn nữa vương quốc Giản Phố Trại (nay là Cao Miên). Nhưng An Nam của họ Lê không có gì khá, quyền cai trị nhất nhất ở nơi họ Trịnh. Đến đời Càn Long, quan nhiếp chính Trịnh Đổng⁽²⁾ lăm lăm có ý muốn soán quốc, mà sợ sự can thiệp của Quảng Nam, bèn ngầm xúi hổ hào Nguyễn Văn Nhạc khởi binh làm loạn để làm ngoại ứng cho mình. Từ Càn Long thứ 38, Nguyễn Văn Nhạc cùng các em Văn Huệ, Văn Lự⁽³⁾ khởi binh, cuộc chiến kéo dài hơn mười năm, rốt cuộc vương thất Quảng Nam trúc đổ. Trịnh Đổng cũng nhân thời gian ấy chiếm cứ ba châu phía bắc (Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức), đến Càn Long thứ 50, Văn Nhạc chia đất Quảng Nam ra làm ba, tự chiếm giữ ở giữa, xưng đại đế, giao phía nam cho Văn Lự, bảo Văn Huệ thu lại ba châu phía Bắc. Năm thứ 51 gặp lúc Trịnh Đổng chết, con là Trịnh Tông, Trịnh Cán tranh quyền, Cán bảo bề tôi là Cống Chính mời Quảng Nam diệt Tông, thế rồi Văn Huệ kéo quân ra đánh Tông, Cán mà tự làm An Nam nhiếp chính. Vua Lê Duy Nhu nhường hai quận để thưởng công lại gả con gái cho, năm sau, Duy Nhu (tức Hiến Tông) mất, cháu là Duy Kỳ nối ngôi, Văn Huệ dùng voi chở hết những vật quý báu trở về Quảng Nam, sai Cống Chính ở lại trấn đóng đô thành, Cống Chính trừ liệu việc phò Lê chống Nguyễn, bèn lấy mệnh vua đem binh rượt theo đoạt lại năm chục voi tằm⁽⁴⁾, mà Văn Nhạc ở Quảng Nam cũng muốn đoạt lấy những bảo vật ấy. Văn Huệ sửa sang thành

(2)

(3)

(4)

ở lũy Phú Xuân, sai tướng Nguyễn Nhậm⁽⁵⁾ mang vài vạn binh đánh Cống Chính ở quốc đô, Chính chống lại bị chết, Duy Kỳ bỏ chạy, Nguyễn Nhậm bèn chiếm giữ Đông Kinh, phòng thủ các nơi hiểm yếu, cũng có ý muốn làm vua. Mùa hạ năm thứ 53, Văn Huệ lại đem binh giết Nguyễn Nhậm ở kinh đô nhà Lê, rồi mời Duy Kỳ về làm vua trở lại, Duy Kỳ biết sự không lường được, trốn chẳng dám ra, Văn Huệ lấy việc lòng dân không ổn, phá hết cung điện của vua cướp lấy của cải báu vật trở về Phú Xuân, để lại ba ngàn quân giữ kinh đô nhà Lê. Thế rồi Nguyễn Huy Túc di thân của An Nam hầu hạ hơn hai trăm người thuộc vương tộc, từ Cao Bằng đi thuyền đến phía bắc bờ sông Bắc Niễn Khê Hà tức là đất Long Châu, phủ Thái Bình, Quảng Tây. Tổng đốc lương Quảng Tôn Sĩ Nghị, tuần phủ Quảng Tây Tôn Vĩnh Thanh lần lượt tâu lên. Triều Thanh đã hơn hai trăm năm nay, đời đời nhận nhà Lê triều cống, phải có nghĩa vụ bảo hộ, bèn truyền đưa những người này về ở phủ Nam Ninh, lại truyền cho Sĩ Nghị phát binh trả thù.

II - QUÂN THANH VÀO ĐÔNG KINH

Cần Long thứ 53, triều đình nhà Thanh sai Tôn Sĩ Nghị phát hịch hiểu dụ đến các nơi ở An Nam, cho biết lẽ phải trái, bảo phải trở về đường ngay chính. Bấy giờ Duy tỵ, Duy Chỉ em Duy Kỳ đều đi tị nạn, Duy Tụ⁽⁶⁾ chết ở thành Tuyên Quang, Duy Chỉ từ xưởng Ba Bồng kinh bắc đến nương nhờ. Sĩ Nghị thấy Duy Chỉ có tài năng khí lực, muốn trao quyền thay việc nước, triều Thanh e ngại sự

(5)

(6)

ngờ vực của anh em họ mai sau, nên không cho. Mới giao cho Thổ Điền Châu, Sầm Nghi Đống giúp đỡ Duy Chỉ đến cửa ải, kêu gọi nghĩa quân. Trước bọn Nguyễn Huy Túc nương nhờ ở Quảng Tây, triều Thanh lấy lễ lên xuống nói dứt nên đem quân hỏi tội, theo đó sai bầy tôi Lê Thống, Nguyễn Đình Mai⁽⁷⁾ trở về nước mật báo cho Duy Kỳ, kịp lúc Duy Kỳ phúc thư, xin chuyển lời tâu. Quan dân An Nam các vùng miền thượng, các châu chưa bị chiếm đóng giành nhau bắt giặc, dâng địa đồ, lại nữa các vùng ngoài cửa ải quân nghĩa dưng vài ba vạn đều xin cấp lương tự đội ngũ hóa tự tập quân sự, xin dẫn đường. Nhưng Văn Huệ đã cung kính nơi cửa ải xin cống, đưa lời tâu của quan dân trong nước, nói là Duy Kỳ không biết còn hay mất, xin lập Duy Cẩn em của vua trước Duy Nhu làm chủ việc nước, cùng là nghênh đón bà thái phi về nước. Triều Thanh biết Văn Huệ coi thường Duy Cẩn ngu nhác dễ bề chi phối, mưu gian hoãn binh, truyền cho Sĩ Nghị nghiêm khắc bác đi, theo đó chia quân tiến theo ba đạo:

Một xuất phát từ trấn Quảng Tây Nam Quan làm chính đạo.

Một từ Quảng Đông Khâm Châu đường bể qua Ô Lô Sơn đến phủ Hải Đông An Nam.

Một do Vân Nam huyện Mông Tự Liên Hoa Than băng đồi đến sông Thao Giang An Nam (Đường xuất quân của Mộc Thạnh đời Minh đánh An Nam).

Tháng mười, Tôn Sĩ Nghị và đề đốc Hứa Thế Hanh quản lãnh quân Lương Quảng một vạn xuất phát từ cửa Quảng Nam, dùng tám ngàn đánh thẳng kinh đô vua, dùng hai ngàn giữ đường Khai Hoa Sảnh đi Mã Bạch Quan,

(7)

vượt qua sông Chú Hà vào biên giới An Nam hàng ngàn
mấy trăm dặm mà đến Tuyên Hóa, so với đường bộ gần
hơn một ít. Tổng đốc Vân Quý Phú Cương xin được hành
binh, triều Thanh lấy lẽ một đoàn quân không thể có hai
vị chỉ huy, nên ra lệnh đóng quân ngoài biên giới coi việc
vận lương. Nhân vì An Nam khó nhọc sự cung cấp không
kham, nên đặt ra hai đường hơn bảy mươi nhà trạm,
chuyển lương vào nội địa. Nơi quân Thanh đi qua không
mấy may cướp bóc. Sĩ Nghị, Thế Hanh từ Lạng Sơn chia
đường tiến binh: Tổng binh Thượng Duy Thăng, phó tướng
Khánh Thành quản lĩnh quân Quảng Tây, tổng binh
Trương Triều Long, Lý Hóa Long quản lĩnh quân Quảng
Đông. Bấy giờ quan nghĩa đồng địa phương đi theo khoa
trương rằng đoàn đại quân đông vài chục vạn. Thế rồi
quân giữ cửa ải nghe tin từ xa chạy trốn, chỉ nơi hiểm yếu
tam giang còn chống cự. Ngày 13 tháng 11 hơn mười lăm
ngàn quân Quảng Tây làm náo động sông Thọ Xương,
địch quân rút lui bảo vệ bờ sông phía nam, quân Thanh ào
tới, cầu phao gãy, dùng bè tiến lên, địch quân trong sương
mù đánh giết lẫn nhau, binh Thanh liền qua sông được,
một sự giẫm xéo tàn sát to lớn. Còn đạo quân Quảng
Đông cũng đánh được quân địch ở Trụ Thạch. Định ngày
rằm tiến quân tới sông Thị Cầu, Giang Khoát vả bờ sông
bên nam dựa vào núi, cao hơn bờ bên bắc, địch dàn súng
lớn hàng ngang nơi hiểm yếu chống lại, quân Thanh
không thể kết bè. Các tướng lựa thế sông uốn khúc, từ xa
địch không nhìn thấy, mới chở tre gỗ làm cầu phao, lại lén
đưa hai ngàn quân lên miền thượng du xa hai mươi dặm
nơi nước chảy chậm, dùng thuyền nhỏ sang sông. Ngày
mười bảy binh Thanh dùng bè yểm trợ nhau ào ào vượt
qua sông, cùng lúc binh từ thượng du đã xuất hiện vây
mặt sau, hô to "đánh" vang động núi rừng hang hốc. Địch

không ngờ đại quân đã tới đều vỡ chạy như ngói tan. Ngày mười chín toàn quân đã kê sông Phú Lương (Hồng Hà), địch chặt hết cây cối hai bên bờ, gom hết thuyền bè bên này bờ sông đối diện cự địch. Binh Thanh thấy trận giàn không tề chỉnh, biết là không có ý quyết chiến, bèn tìm thuyền nhỏ ở bờ phía xa chở hơn trăm binh đêm đến lòng sông, chộp lấy một chiến thuyền, rồi chở hơn hai trăm binh, Hứa Thế Hanh tự mình chỉ huy cuộc vượt sông. Lại cướp lấy hơn ba mươi thuyền nhỏ lần lượt đưa qua sông hai ngàn quân, chia ra công kích doanh trại địch. Ban đêm địch không biết nhiều hay ít, tan vỡ. Hơn mười chiến thuyền bị đốt, bắt hơn mười quan chức. Lúc mờ sáng, quân Thanh đã hoàn tất việc sang sông, tôn tộc nhà Lê cùng dân chúng đến chờ nghinh đón, Sĩ Nghị, Thế Hanh vào thành tuyên bố lời an ủy. Hà Nội thành đất vây quanh, cao không vài thước trên trồng tre rậm rạp, trong có hai thành xây bằng gạch, tức là nơi cư ngụ của nhà vua. Lúc bấy giờ cung thất tàn phá, không thể lập vương đô trở lại. Duy Kỳ ẩn mình trong dân gian, tới tối trốn hai mới đến dinh yết kiến Sĩ Nghị, tạ ơn tái tạo.

Việc hành binh như vậy, nhân nghĩ cựu dân nhà Lê, các đoàn quân nghĩa dũng, đi trước dẫn đường, lại các tướng nhiều người Đài Loan lập công, mới được cả vạn binh thâm nhập vào một khu vực rộng lớn, không đầy một tháng mà khắc phục được quốc đô, đạo quân Vân Nam còn chưa tới. Chiếu phong cho Sĩ Nghị nhất đẳng mưu dũng công, Thế Hanh nhất đẳng tử, các tướng được ban thưởng cho một bậc.

III - NGUYỄN QUANG BÌNH THỤ PHONG

Trước khi đoàn binh hùng hậu xuất quân, triều Thanh lo nghĩ về sách phong, bàn bạc rất kỹ việc đem binh sĩ đến nơi hiểm ác bên ngoài, rồi truyền cho bộ Lễ đúc ấn, Nội các soạn sách phong, hiệu lệnh hiểu dụ trước ba quân, giao cho Sĩ Nghị tùy tiện thi hành. Đến khi vào Đông Kinh, hoàn thành công việc cùng tháng vào ngày hai mươi hai tuyên chiếu Duy Kỳ là quốc vương An Nam, đồng thời báo cho tuần phủ Quảng Tây, quay về. Duy Kỳ dâng biểu tạ ơn, xin năm Càn Long thứ 55 sẽ đến kinh chúc thọ Hoàng Lịch tám mươi tuổi, xuống chiếu chờ An Nam được hoàn toàn yên ổn, Duy Kỳ có thể tự đứng vững được, hẹn sẽ về triều.

Bấy giờ Nguyễn Văn Huệ đã trốn về đất cũ, nhưng Sĩ Nghị lấy làm hận vì chưa bắt được, toan đem thuyền đuổi đánh. Triều Thanh thì coi việc An Nam bị tàn phá không còn gì, không đủ sức cung cấp lương thực cho binh lính, mà quân ta thì mượn đường chuyển quân vào nội địa, lấy việc trừng trị kẻ địch bại trận tới đường cùng, chưa phải là đặc sách, cho nên sau khi được tin thắng trận, liền truyền lệnh Sĩ Nghị bãi binh, nhưng Sĩ Nghị lầm tin vào việc xin hàng của Văn Huệ, nên còn đóng quân ở Hà Nội để chờ, lại lên mặt kiêu ngạo không phòng bị, mà Văn Huệ nhân lúc không ngờ nghĩ đến chuyện về sau. Khi Văn Huệ chiếm cứ Thuận Hóa, một mặt tung gián điệp dò xét tình hình Hà Nội thực hư, phao tin gần đến ngày xin hàng, một mặt chuyển đại hùng binh (khuyñh quốc chi sư), nhân lúc cuối năm tiến quân âm thầm. Năm thứ năm mươi tư ngày mồng một tháng giêng⁽⁸⁾, trong quân bày rượu, nhạc làm

(8)

lễ mừng tết nguyên đán, gần đêm thành linh được tin báo nguy cấp mới vội vàng chuẩn bị chiến đấu, địch đều dùng voi chở súng đại bác xung trận, quân Thanh chống không nổi, trong tối tăm tự giẫm xéo lên nhau, Duy Kỳ bỗng bế gia đình trốn trước, quân Vân Nam nghe tiếng súng đại bác rền trời, cũng chạy thoát lui, Sĩ Nghị cướp dò qua sông Phú Lương, chặt ngay cầu phao để đứt đường phía sau, thế là quân Thanh bên bờ phía nam không qua sông được, từ đề đốc Hứa Thế Hanh trở xuống, chết chìm tính vượt qua một nửa số quân, Sĩ Nghị chạy về trấn Nam Quan đốt hết lương thực, khí giới, thuốc súng ngoài cửa ải vài mươi vạn, binh sĩ, xe ngựa trở về chỉ còn vài ngàn, cánh quân Vân Nam được hưởng đạo trở về trọn vẹn, Sĩ Nghị dưng sớ tự kết tội mình.

Hoàng Lịch coi tai họa xảy ra không ngờ, không phải là lỗi của Sĩ Nghị hết cả, chẳng qua sau khi bị đánh bại Văn Huệ bất kể ngày đêm nhất định gom toàn lực lượng, mà Sĩ Nghị lại ham công kiêu ngạo, buông tuồng không tiên liệu, để đến nỗi hao binh tổn tướng, truyền lệnh cánh chức về triều, riêng ban hàm thượng thư, đưa Phúc Khang An thay thế. Trước khi nhậm chức Phúc Khang An đã tạm thay Sĩ Nghị lo việc lui binh. Văn Huệ chiếm xong An Nam, tự biết mua họa không nhỏ, sợ quân Thanh đem binh trở lại, mà anh là Nguyễn Văn Nhạc vừa mới bắt hòa với Xiêm La, sợ hai nước nhân cơ hội hợp lại tấn công bèn đến xin nhận tội, đổi tên là Nguyễn Quang Bình (Minh sử: Vua An Nam có hai tên, một tên dùng trong việc giao dịch với Trung Quốc qua cái tấu, biểu ...), sai cháu con anh là Quang Hiển dâng lễ biểu triều cống. Nói rằng đã chín đời giữ đất Quảng Nam, đối với An Nam là nước cừu địch chứ không phải là bề tôi, vả lại chỉ là sự xung đột giữa các nước phía nam, chẳng giám ngang

nhiên chống lại Trung Quốc, xin năm sau đến kinh sư hầu cận, cùng nguyện lập miếu thờ trong nước, cúng tế an ủi các tướng sĩ đã bỏ mình. Lại nghe cố sử Xiêm La sắp vào kinh đô, sợ tâu bày những lời vu vạ độc hiểm, xin thiên triều chớ nghe những lời ấy, bọn Phúc Khang An thay nhau tâu lên. Triều Thanh lấy việc Duy Kỳ hai lần bỏ nước, sách ấn đều không giữ được, ấy là trời chán ghét họ Lê, không thể còn ngôi vua. Mà Nguyễn Quang Bình đã xin thân cận hầu vua, không phải như đời trước nhà Lê nhà Mạc chỉ có lệ dùng người vàng thay mình. Vả chẳng An Nam từ đời Ngũ Quý trở lại, Khúc Kiều Ngô Đình, Lý Trần Lê Mạc, thôn tính xâu xé lẫn nhau. Đời trước đất đó từng là quận huyện, phần trăm không lường, không đủ để nhọc lòng ngoái lại phương nam mà xót thương lo lắng, bèn chấp thuận lời thỉnh cầu. Theo đó thưởng cho Duy Kỳ hàm tam phẩm, xếp vào trong quân nhà Hán, ngụ tại kinh đô. Năm thứ 55, Nguyễn Quang Bình đến kinh đô chúc phúc, được mời dự yến ở sơn trang Nhiệt Hà, ngồi dưới các bậc thân vương, ngồi trên các bậc quận vương, được ban mũ đai, chịu phong tước rồi trở về. Năm thứ năm mươi bảy Quang Bình chết, con Quang Toàn lên làm vua tuổi chỉ mới mười lăm. Triều Thanh thấy nước Nguyễn mới thành lập, lòng dân chưa ổn định, vả lại Nguyễn Văn Nhạc còn ở Quảng Nam, Ngô Văn Sở cầm quyền bính rất lâu, vua còn trẻ, nước chưa bền, phải phòng biến động, đặc biệt điều động tổng đốc Vân Quý Phúc Khang An phòng bị biên giới. Lại khiến Án Sát sứ Thành Lâm sang điếu tế, kín đáo dò xét tình hình. Thành Lâm trở về tâu bày tường tận tình hình, mới thôi. An Nam từ lúc anh em Nguyễn Văn Nhạc khởi loạn trở về sau, Đông Kinh, Giao Chỉ loạn lạc mấy mươi năm. Quang Bình tuy đã chiếm được Đông Kinh, được Trung Quốc thừa nhận, nhưng hậu

duệ của vua cũ đất Quảng Nam Nguyễn Phúc Ánh (xưng là Gia Long vương) hãy còn trôi nổi ở Xiêm La ngày đêm lo mượn nước ngoài giúp, khôi phục cơ đồ cũ, đầu mối của việc mở đường cho người Pháp - Lan - tây xâm lược. Hơn nữa cha con Quang Bình, phải chiến tranh liên miên, đưa đến quốc dụng thiếu thốn, mới khiến cho giặc biển, cướp bóc khắp nơi, mới gây nên mối lo lớn vùng ranh giới về đời Gia Khánh⁽⁹⁾.

TRÁC NHƯ dịch

Ghi chú:

1. Theo lịch sử Trung Hoa khi quân nhà Thanh chiếm được yêu kinh rồi, các quân cựu thần nhà Minh lập dòng dõi nhà Minh là Quế Vương xưng đế ở đất Triệu Khánh (thuộc tỉnh Quảng Tây), có ý muốn nhờ An Nam cứu viện, cho nên mới phong cho vua Thần Tông nhà Lê làm An Nam quốc vương và phong cho Trịnh Tráng làm phó vương.
2. Trịnh Đống là con thứ của Trịnh Tạc, em Trịnh Căn chứ không phải là cha Trịnh Tông, Trịnh Cán. Cha Trịnh Tông, Cán là Trịnh Sâm (Đại Việt Sử Ký Toàn Thư)
3. Theo Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim, Nguyễn Lữ là anh Nguyễn Huệ (Lữ nhân đứng một bên chữ lữ là họ lữ có nghĩa là bè bạn, đây viết là lữ có nghĩa là lo toan)
4. Sử ta viết là Hiến Tông
5. Trong sử ta không thấy bàn đến sự việc này.
6. Sử ta viết là Vũ Văn Nhậm
7. Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục ghi là Duy Trụ, ông bị trấn thủ thành Tuyên Quang là Phạm Như Tụy bắt giao cho Tây Sơn giết và đầu hàng Tây

(9)

Sơn đầu tiên. Khi vua Chiêu Thống phục quốc, Phạm Như Tuy bị bắt và bị giết.

8. Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương mục chép là: Lê Quýnh và Nguyễn Quốc Đống. Khi định công, Lê Chiêu Thống phong cho Lê Quýnh là Trung Quân đô đốc, tước Trường phái hầu.
9. Thời gian đánh nhau khác với sử ta.
10. Gia Khánh: triều vua sau Càn Long.



ĐẮC TRIỆU HỒI KINH

Tái đảo Hoan thành kim kỷ xuân
Giang sơn phong nguyệt cứu tương thân
Thông thông hựu hướng ngọc kinh khứ
Tâm quý nhân hô đế cữu thân

ĐÀO TẤN

ĐƯỢC GỌI VỀ KINH

Trở lại thành Hoan được mấy xuân
Núi sông trăng gió, đãi nhau thân
Giờ đây vội vội về kinh ngọc
Thẹn quá nghe ai gọi cữu thân.

VIỆT THAO phụng dịch

十四 安南之服屬

(一) 安南之擾亂 印度支那半島之東北部，與我國廣西、雲南毗連者，故安南王國地也。當明
第一篇 乾隆之鼎盛及嘉慶之中衰

一三五

永樂時，安南嘗爲中國所滅。明廷就其地設交趾布政司以統治之。然當時安南國之領域，南至順化而止，順化以南，尙爲占城（占婆）王國所領，故交趾布政司所轄，十五府五州，亦不出今順化以南。宣德三年，黎利脫明廷之羈絆，重建大越國，定都東京，改元順天，即大越太祖是也。至其孫黎灝（是爲聖宗）之世，始兼併占城，置廣南州，於是南境增拓。嘉靖時，權臣莫登庸篡國，據河內，黎氏子孫，僅賴遺臣阮淦之力，據清華州以抗之。自是大越分爲南北朝，莫氏王於北，黎氏王於南，南北對峙者六十五年，（自嘉靖十年至萬曆二十三年。）南朝之將鄭松，卒驅逐莫氏，恢復河內。而阮淦子潢，復不悅鄭氏之專權，遂據順化獨立，稱廣南王。（萬曆二十八年。）於是安南復分爲大越、廣南二國。當順治十六年，清軍定雲南時，大越王黎維禔（是爲神宗維祺）遣使勞軍。至康熙五年，其嗣王維禔（是爲憲宗維顯）始繳上明桂王所賜敕印，先是黎利脫明室而獨立，然仍受冊封爲安南國王，僅於國內稱大越皇帝而已。詔封爲安南國王，自是奉貢不絕。時廣南之領域漸大，兼有下交趾支那（今之安南。）及柬埔寨王國（今之高棉。）之大半。而安南之黎氏益不振，政權一出鄭氏。至乾隆時，其攝政鄭棟，暇暇有篡國之志，而懼廣南之干涉，乃陰嗾廣南土豪阮文岳使舉兵爲亂，而已爲之外援。自乾隆王十八年，阮文岳（Nguyen Van-Nhac）與其弟文惠、文慮起兵，轉戰十餘年，卒顛覆廣南王室。而鄭棟亦以其間，竊據其北部三州，（廣平、廣治、廣德。）至乾隆五十年，文岳三分廣南地，自據中部，稱大帝，以南部與文慮，而使文惠回復北部三州。會五十一年鄭棟死，子鄭宗、鄭餘爭權，餘遣其臣貢整請廣南以滅宗，於是文惠引兵誅宗餘，而自爲安南攝政。其王黎維禔嫡

以兩郡，且妻以女，明年，維禎（是爲獻宗）薨，嗣孫維祁立，文惠盡取象載珍寶歸廣南，使貢整留鎮都城，貢整思扶阮，乃以王命率兵奪回象五十，而文岳亦於廣南要奪其輜重。文惠歸治城於富春壘，使其將阮任以兵數萬貢整於國都，整戰死，維祁出亡，阮任遂據東京，四守險要，亦有自王意。五十三年夏，文惠復以兵誅阮任於黎京，而請維祁復位，維祁知其叵測，匿不敢出，文惠以民心不附，盡毀王宮，掠財寶歸富春，留兵三千守黎京。於是安南遣臣阮輝宿，奉王族二百餘人，由高平登舟至博洽溪河，北岸即廣西、太平府、龍州地也。兩廣總督孫士毅，廣西巡撫孫永清，先後奏聞。清廷以百餘年來，世受黎氏朝貢，有保護之義務，乃命安置其家屬於南寧府，而又使士毅爲之與復讎之師。

（二）清師之入東京 乾隆五十三年，清廷命孫士毅移檄安南各路，示以順逆，令早反正。時維祁弟維袖、維祉皆出避難，維袖死宣光城，維祉由京北波蓬廠來投。士毅以維祉有才氣，欲令權攝國事，清廷慮其兄弟日後嫌疑，不許。乃令土田州、岑宜棟護維祉出關，號召義兵。先是阮輝宿等之投廣西也，清廷以興滅繼絕，宜出師問罪，因遣其陪臣黎侗、阮廷枚等同國密報維祁，及是維祁覆書至，乞轉奏。安南土司及未陷各州官民，爭縛僞黨，獻地圖，又關外各廠義勇數萬，皆乞餉團練，請爲鄉導。而文惠以敏關請貢，以其國臣民表至，言維祁不知存亡，請立故王維禎之子維禎主國事，並迎其母妃回國。清廷知文惠欺維禎愚懦易與，狡計緩師，令士毅嚴斥之，因分兵三路進取：（一）出廣西鎮南關爲正道。（二）由廣東欽州泛海，過烏雷山至安南海東府。（三）由雲南蒙自縣蓮花灘

陸行至安南之洮江。(明沐晟出師攻安南之道。)十月，孫士毅及提督許世亨率兩廣兵一萬，出廣南關，以八千直搗王京，以二千駐諒山爲聲援。雲南提督烏大經以兵八千取道開化廳之馬白關，踰河，入安南界，千有百里而至宣化鎮，較原定之路線爲稍近。雲貴總督富綱請行，清廷以一軍不可二帥，令駐邊外司餉運。以安南勞瘁不堪供給，兩路設臺站七十餘所，運餉內地。清師所過，秋毫無擾。士毅、世亨由諒山分路進兵：總兵尙維昇副將慶成率廣西兵，總兵張朝龍、李化龍率廣東兵。時士兵義勇隨行，聲言大軍數十萬。於是安南各守隘兵望風奔遁，惟拒三江之險以拒。十一月十三日，廣西兵千餘五鼓抵壽昌江，敵退保南岸，清兵乘之，浮橋斷，皆超筏直上，敵霧中自相格殺，清兵遂盡渡，大蹂大搏。而廣東兵亦破敵柱石。以十五日進軍市球江，江闊，且南岸依山，高於北岸，敵拒險列礮，清師不能結筏。諸將以江勢繚曲，敵望不及遠，乃陽運竹木造浮橋示必渡，而潛兵二千於上游二十里溜緩處，小舟宵濟。十七日清兵乘筏薄岸，相持正急，適上游兵已繞出其背，乘高大呼下擊，聲震山谷。敵不知大軍所至，皆潰北瓦解。十九日全軍薄富良江（紅河），敵盡伐沿江樹木，斂舟對岸以拒。清兵見其結陣不整，知衆無固志，乃覓遠岸小舟，載兵百餘，夜至江心，奪其戰艦一，遂載兵二百餘，許世亨親率之渡江。復奪小舟三十餘，更番渡兵二千，分搗敵營。敵昏夜不辨多寡，大潰。焚其艦十餘，獲侯伯數十人。黎明，清師畢濟，黎氏宗族及百姓出迎道左，士毅、世亨入城宣慰而出。河內城環土壘，高不數尺，上植叢竹，內有磚城一，即國王所居。是時官室蕩然，無復王都之觀。維祁置民村間，即夜三鼓，詣營謁士毅，謝再造之德。是役也，乘恩黎之舊民，與各廠之義

勇，先驅嚮導，又諸將多臺灣立功之人，故得以萬兵長驅深入，不匝月而克復國都，其雲南之師，尙未至也。詔封士毅一等謀勇公，世亨一等子，諸將賞賚有差。

(三) 阮光平之受封 先是大軍之出也，清廷恐事成冊封，往反稽時，致兵士之暴露於外，因先命禮部鑄印，內閣撰冊，郵寄軍前，令士毅得便宜從事。及入東京，遂以是月二十二日宣詔封維祁爲安南國王，並馳報廣西巡撫，歸其家屬。維祁表謝，請於乾隆五十五年，詣京祝弘曆八旬壽，詔俟安南全定，維祁能自立，許來朝。時阮文惠已遁歸故土，而士毅頗以未俘爲憾，謀造船追討。清廷以安南殘破空虛，無供給軍食之力，而我軍必藉內地之轉輸，爲之窮治敗寇，未爲得策，故當東京捷聞之後，即詔士毅罷兵，而士毅妄信文惠乞降之說，尙駐軍河內以待之，又驕不設備，而文惠且乘間以議其後矣。時文惠據順化，一方則縱間諜，偵河內虛實，揚言即日詣降；一方則舉傾國之師，乘歲暮潛進。五十四年正月朔，軍中方置酒張樂，舉元日祝典，比夜，忽得警報，始倉卒備戰，敵皆象載大礮衝陣，清兵衆寡不敵，昏暗中自相蹂躪，維祁挈家先遁，滇師聞礮聲震天，亦退走，士毅奪渡富良江，即斬浮橋以斷後，於是清軍在兩岸者不得渡，自提督許世亨以下，溺死者數逾全軍之半，士毅走還鎮南關，盡焚關外糧械火藥數十萬，士馬還者，僅數千，其雲南之師，以有嚮導得全返，士毅具疏自劾。弘曆念變出意外，非盡士毅之咎，但文惠已敗復來，必非旦夕所能糾合，而士毅貪功自滿，漫無籌備，致損將士，命擬職來京，另以尙書補用，調福康安代之。福康安未到任以前，仍著士毅署理，辦理善後撤師事宜。文惠既居安南，自知賈禍不小，懼清師之復出也，而其兄文岳又方與暹羅構釁，恐

兩國乘間夾擊，遂叩關謝罪，改名阮光平，（明史安南國王皆有二名，以其一名事中國列表奏。）遣其兄子光顯賫表入貢。言守廣南已九世，與安南敵國非臣，且懼觸自爭，非敢抗衡中國。請來年親覲京師，並願立廟國中，祀死綏將士。又聞暹羅貢使將入京，恐礙其短，乞天朝勿聽其言，囑康安等先後奏聞。清廷以維那再棄其國，並冊印不能守，是天厭黎氏，不能存立。而阮光平既請親覲，非前代莫黎僅金人代身之比。且安南自五季以來，曲矯吳丁、李陳黎莫，互相吞噬。前代會郡縣其地，反側無常，不足慮南顧之憂，乃允其請。因賞黎維那三品銜，編漢軍旗，安置京師。五十五年，阮光平來京祝釐，宴熱河山莊，班親王下，郡王上，賜冠帶受封歸。五十七年光平卒，子光續立，年僅十五。清廷以阮邦新造，人心未定，且阮文岳尚在廣南，吳文楚久握兵柄，主少國疑，防有變動，特調福康安雲貴總督備邊。又遣按察使成林諭祭，並密偵其情。成林旋以國事確定聞，乃止。安南自阮文岳兄弟倡亂以來，東京、交趾間騷亂者數十年。光平雖已兼併東京，得中國之認可，而故廣南王後裔阮福映（稱嘉隆王）尚流浪暹羅，日夜思借他國之援，恢復舊領，遂開法蘭西侵略之端緒。又光平父子，以連年戰爭，國用闕乏之故，乃獎勵海賊，四出剽掠，遂釀成嘉慶朝海疆之巨患。

ĐAU XA TRONG CÔI ĐỜI NÀY

Nguyễn Mạnh An Dân

*Thơ viết toàn chuyện không vui
Bởi đau nhiều nỗi bao người khác đau*

1.

*Chẳng có gì viết về tôi
Nhìn đời cảnh khổ đứng ngồi không yên
Sợ mai này đời lãng quên
Bài học xương máu cho nên thốt lời*

2.

*Áo mẹ sửa lại cho con
Khéo tay chỗ rách chỉ còn thấy hoa
Gió Đông cắt thịt xẻ da
Đâu bằng lòng xót cảnh cha trong tù*

3.

*Bé thơ lòng trắng như bông
Lê la hè phố trường không một giờ
Ngọc quý thiếu dũa cũng mờ
Nữa là hoa nhỏ phát phơ giữa đời*

4.

*Mẹ dành cho con củ khoai
Phần mình đói lả chẳng ai chia cùng
Bên rào đèn đóm sáng trưng*

Liên hoan hợp tác ăn mừng bội thu

5.

*Chòi nhỏ mái trống thấy trời
Trăng khuya chiếu xuống mặt người buồn xo
Đêm kinh tế mới xác xơ
Đất tro sỏi đá người mơ ước gì?*

6.

*Bạo Tần xưa chôn học trò
Đâu bằng đốt sách người cho sống thừa
Nhu mầm hoa nhỏ thiếu mưa
Người không chữ đọc, chết chưa thành người*

7.

*Cô giáo vào dạy học trò
Nhìn đâu cũng thấy buồn xo mắt người
Bài học xã hội tốt tươi
Đến giờ phải giảng, ngậm ngùi, lại thôi.*

8.

*Dành ăn người đói cãi nhau
Hơn thua từ mọi cộng rau rác vùi
Tĩnh ra cơn tủi nhục đời
Cúi đầu lặng lẽ, ngậm ngùi cả hai.*

9.

*Gâm cầu rác mốc dậy mùi
Ở quen nên cũng lòng vui lúc về
Đêm nằm ước thấy trong mơ
Cháo rau đủ bữa, sống chờ ngày mai.*

10.

*Em bé được lệnh vẽ cờ
Đôi run tay ốm, gương tô nền hồng
Máu người khô từ bên trong
Mặt ngoài vẫn phải, dối lòng, vỗ tay.*

11.

*Hạn hán cỏ cháy trên đồng
Trâu bò ốm đói kéo không nổi cày.
Sáng tạo, lệnh, người vào thay
Kế hoạch đã định, đúng ngày phải xong.*

12.

*Võng đưa tiếng nhịp đã buồn,
Giọng ru của mẹ dài thêm nỗi sầu
Than trời trách đất chi đâu
Chỉ xin kể với mai sau chuyện đời
(Tiếng thét, NXB ANH EM, Norway phát hành tháng 11, 2000)*

NHỮNG ĐUÔI CON VÀNG MẶT

NGUYỄN MẠNH AN DÂN

Ông Khả từ trên phố về hối hả bước vào khoang mái chật của ngôi chùa cổ, nơi vợ con đang nằm ngồi lổn nhổn giữa đống đồ đạc bừa bộn vừa thở vừa nói, giọng chán chường, mệt mỏi:

- Vẫn chưa thông đường, cầu Suối Cạn sập rồi và trận đánh nghe nói mỗi lúc một khốc liệt hơn. Đoàn xe đi sáng nay đã đội lại hết, nhiều người bị lạc đạn lắm. Đường lộ kể như hết cách.

Mọi người nhóm dậy lắng nghe và tự động ép sát vào nhau nhường chỗ cho ông Khả ngồi xuống. Hạnh rót cho cha một ly nước rồi rụt rè nói:

- Con nghe nói đánh nhau dài dài ở Rừng Lá, ở Long Khánh. Người ta đồn chính phủ đã ra lệnh đội bom chặn đoàn di tản, sợ Việt Cộng trà trộn vào Sài Gòn. Minh chắc kẹt cứng ở đây chứ không đi được đâu.

Ông Khả uống một ngụm nước nhỏ rồi đưa mắt buồn bã nhìn vợ con, nhìn đám cháu và nói nho nhỏ:

- Muốn ở đây sợ cũng không được, trên phố hỗn loạn lắm, mới hôm qua đến giờ chứ có lâu la gì mà đã khác hẳn, không còn kỷ cương luật lệ gì nữa, cao bồi du đảng đập phá cướp giết đầy đường mà không ai can thiệp hết; mọi người nhốn nháo bên kia đã tràn đến Khánh Dương, Diên Khánh rồi, sợ ở đây rồi ngày một ngày hai cũng mất không như ở Qui Nhơn mình thôi.

Bà Khả mếu máo nhìn chồng, cố kềm giữ nhưng giọng nói vẫn nghèn nghẹn như ngập trong nước mắt:

- Ông coi lại thử xem, chắc lần này không giống như hồi 72 đâu, loạn lạc đầy trời biết đường đâu mà tránh, tôi nghĩ nếu đi không được thì mình trở về, ai sao mình vậy phó thác cho Trời Phật chứ ngủ đường ngủ chợ ở đây làm gì, còn mồ mả ông bà, còn cái từ đường, còn thằng con ...

Ông Khả im lặng nhìn vợ, ông không bằng lòng lối lý luận của vợ nhưng cũng không nỡ nặng lời với bà. Ai sao mình vậy sao được, thời trước 54 ông còn lạ gì: Ruộng đất nhà cửa là tội, dòng dõi chữ nghĩa là tội. Chuyện đấu tố thời cải cách ruộng đất còn sờ sờ ra đó chứ có lâu la gì.

Đời sống có khác gì như bị nhốt trong lồng lúc nào cũng có thể bị bắt ra hài tội ai mà không kinh hãi, ghê sợ. Người ta chạy đầy đường, chạy bán sống bán chết bằng mọi cách đó không thấy sao. Ai có xe đi xe, có thuyền dùng thuyền, không có gì thì đi bộ, bỏ nhà bỏ cửa gồng gánh, bồng bế nhau mà chạy. Còn nước còn tát, cố gắng phấn đấu đến cùng chớ có sao chưa gì đã bàn lui.

Ông Khả suy nghĩ rất nhiều, ông hiểu và thấy thương vợ vô cùng. Hồi 72 bà dâu có nôn nóng đòi về như vậy, cứ nhất định bắt chạy cho được tới Sài Gòn chỉ vì ở đó bà có cảm tưởng được ở gần một người con đang chiến đấu ở Tây Ninh. Hồi đó chiến sự lan dần đến thành phố, thị xã Qui Nhơn như một cái túi tứ đầu thọ địch, ông Khả quyết định di tản và bà Khả là người hăng hái nhất, nhiệt tình ủng hộ ý kiến của ông. Bà gọi người con dâu và ba đứa cháu nội con người con cả quá cố, gọi vợ chồng người con thứ ba giáo viên cùng hai đứa cháu nội khác, gọi vợ chồng con gái, con rể và chín đứa cháu ngoại cộng với vợ chồng bà, cô con gái thứ bảy - Hạnh - và hai đứa con trai út thứ chín và thứ mười, sinh viên đang nghỉ hè. Tất cả gia đình hai mươi bốn người cùng lên xe chạy giặc.

Nhà có một xe hơi nhỏ và một xe chở hàng chật cứng. Bà Khả chỉ huy con cháu thấy hết món đồ này đến vật dụng khác, bất kể đắt tiền, quý giá thế nào để đủ chỗ cho cả gia đình. Trời sinh voi sinh cỏ, còn người còn của ... Bà Khả lý luận như vậy và không hề lo âu buồn bã gì khi đã gom được đầy đủ con cháu bên cạnh.

Mối bận tâm duy nhất của bà Khả là sự vắng mặt của đứa con trai thứ tám đang đi lính trong Nam. Bà nôn nao, bức rức và luôn miệng hối thúc chồng:

- Nhanh lên để con nó lo, vào được trọng đó có bề gì còn đủ mẹ đủ con, lỡ kẹt ngoài này con nó sống với ai?

Ông Khả đang bận lo âu, toan tính nhiều chuyện nhưng cũng phì cười khi nghe phát biểu của vợ, ông nhìn bà chia xẻ và chậm rãi trả lời:

- Làm gì mà bà cuống lên vậy, con nó lớn rồi, nó chỉ huy hàng trăm người, ra lệnh một tiếng có người răm rắp chấp hành chứ có còn nhỏ nhoi gì mà bà lo. Cả triệu người lính kẻ đông người tây, tứ tán tha phương cả chứ có phải riêng con mình xa nhà đâu mà sợ. Còn anh em, đồng đội nó thiếu gì.

Bà Khả lầu bầu trong miệng gì đó và liếc xéo chồng tỏ ý không bằng lòng. Bạn bè anh em sao bằng cha mẹ được; thằng con bà, bà còn lạ gì, lớn gì nó, to đâu vậy chứ còn dại lắm, nó không thể sống xa bà ...; Bà Khả nghĩ như thế và hăm hở muốn đến ngay với con, làm như bà có thể ra mặt trận, có thể ở gần mãi bên con ...

Bà Khả không phải là người thụ động, bao giờ bà cũng hết lòng chia xẻ những khó khăn chung của gia đình nhưng lần này thì không vậy. Hoàn cảnh khó khăn hơn trước, chiến sự cũng ác liệt hơn nhưng bà Khả cứ chần chừ, lần nữa không chịu lên đường. Gia đình mấy người con lớn, con rể đã tề tựu đông đủ không thiếu ai nhưng còn hai đứa con út, hai sinh viên đã từng có mặt trong đoàn di tản gia đình năm 1972 bây giờ đã bị động viên, đã trở thành các chuẩn úy trẻ, một ở Tiểu Khu, một ở Sư Đoàn và bà Khả chờ ...

Thành phố đã vắng thưa dần, người ta đồn đãi, chuyển miệng cho nhau những tin tức thất lợi từng giờ, từng phút và tất cả đều hốt hoảng bỏ chạy.

Bà Khả thúc dục người con lớn, con rể và cả Hạnh đi tìm hỏi tin tức hai người em trai. Bồng Sơn đã mất, Hoài Ân, Phù Mỹ đã mất. Toàn bộ các quận phía Bắc Bình Định đã lọt vào tay đối phương. Sư Đoàn 22 đang chặn

đường tiến của Bắc quân từ cao nguyên tràn xuống theo hướng lộ 19 ở đèo Mang Giang. Thúc, người con thứ chín đang có mặt trong toán quân này và Thanh, người con út đang cùng đơn vị bảo vệ phi trường Phù Cát.

Nhiều người bà con quen biết ghé nhà thăm và rủ ông bà Khả cùng đi. Có tin địch quân đang tập trung một lực lượng lớn ở các xã đảo Phước Minh, Phước Lý chuẩn bị tấn công thành phố bằng đường biển. Đã có giao tranh lớn quanh thị trấn Phú Tài. Dường như đối phương đang có kế hoạch cắt đứt đèo Cù Mông chặn đường giao thông về phía Nam. Thành phố Qui Nhơn bị ép từ hai hướng biển và núi. Tình hình hết sức nguy ngập.

Ông Khả không còn bình tĩnh được nữa, mấy hôm nay, mặc dù cố gắng không để lộ ra ngoài nhưng trong thâm tâm ông Khả cũng lo lắng cho hai người con không thua gì vợ và ông cũng chần chừ cố đợi nhưng hoàn toàn không còn cho phép trì trệ được nữa, hai mươi mấy con người cần phải được vượt thoát trước khi quá trễ. Ông Khả ra lệnh cho con cháu thu xếp đồ đạc lên xe và nhẹ nhàng nói với vợ:

- Phải đi bà ạ! Còn mấy đứa con và bầy cháu phải lo. Chiến tranh mà, làm sao toàn vẹn như ý được. Các con còn có đơn vị, chắc cấp chỉ huy người ta cũng tính toán, tiến thoái kịp lúc chứ không đến nỗi nào đâu, từ từ rồi mình liên lạc, không thể bó rọ hết ở đây được.

Bà Khả khóc ngất nhưng không nói gì, chính bà cũng thấy khổ tâm khi nhìn đám con cháu còn lại. Đứa ở xa lo đã đành, nhưng con cháu đứa nào cũng từ núm ruột mà ra phải chia đều tình thương và mối quan tâm cho tất cả. Bà Khả nén buồn chú tâm sắp xếp công việc, bà nhắc nhở con cháu lấy thêm vật này, bỏ bớt món kia làm sao đủ chỗ cho cả nhà mà không thiếu thốn những vật dụng cần thiết

tối thiểu cho gia đình tạm sinh sống. Bà thẩn thờ đi lại, cứ mong thời gian kéo mãi ra và thỉnh thoảng chạy ra cửa nhìn ngược nhìn xuôi, hy vọng nhìn thấy những đứa con thân yêu xuất hiện trong dòng người đông đặc hối hả qua lại trên đường nhưng lần nào bà cũng thờ dài, thất vọng.

Cả nhà lên đường lúc xế trưa, bà Khả đi một vòng từ sau ra trước ngôi nhà trống trơn, nhìn từng căn phòng cửa khóa im lìm, bịn rịn không muốn rời xa. Lâu lắm bà mới lên xe ngồi ngay sát chiếc cửa nhỏ nghiêng đầu ra ngoài để nhìn. Dòng xe chen cứng di chuyển chậm chạp, bà Khả luôn miệng hỏi lớn khi thấy những người lính đi ngang gần xe những câu hỏi lập đi lập lại giống nhau.

- Chú lính gì vậy? Ở đâu về vậy? Biết chuẩn úy Thúc ở Sư Đoàn không? Biết chuẩn úy Thanh ở Tiểu Khu không?

- Đoàn xe bị kẹt lại gần ngã ba Phú Tài, đủ thứ xe cộ từ Qui Nhơn lên; từ Đập Đá, An Nhơn đổ vào dồn cứng ở ngã ba con đường đi về phía Nam. Nhiều xe nhà binh chở đầy người, súng ống tua tủa hối hả chạy ngược về hướng thành phố. Nhiều toán binh sĩ đi bộ trên đường, có nhóm còn giữ đội hình, còn máy móc chỉ huy; có nhóm tản loạn xơ xác. Bà Khả mở cửa xe bước xuống đường, quay mặt về phía con đường từ ngoài dẫn vào để nhìn. Tất cả những người trên xe đều dõi mắt về phía những người lính để tìm người quen.

Phía trước đoàn xe đã nhích lên được một chút, người con lớn rời chỗ ngồi bước lại gần ôm lấy vai mẹ, dịu dàng:

- Thôi mẹ, mình đi cho trống đường xe sau họ lên, hai em chắc con đi với đơn vị.

Bà Khả không nói gì, chỉ chăm chỉ nhìn về phía hai người lính ngồi trên Honda đứng cách đó một đoạn. Người

con lớn nhìn theo hướng mắt mẹ, anh quan sát một chút rồi vừa chạy về phía trước vừa hôn hờ la lớn:

- Thanh, em Thanh, cha mẹ đây nè.

Thanh nghe tiếng gọi, anh ngoái cổ nhìn rồi hét lớn khi nhận ra gia đình và nhảy vội xuống khỏi xe chạy về phía mẹ. Thanh mặc áo giáp, vai lè kè sợi dây ba chạc có cây súng nhỏ và bình nước, tay xách thêm một khẩu M 16. Bà Khả ôm chầm lấy con khóc nức nở. Thanh vỗ nhẹ lên lưng mẹ âu yếm, dỗ dành:

- Đừng khóc mẹ, con vừa vào đến đây, con biết nhà mình sẽ đi nên đang phân vân không biết nên chạy thẳng về Qui Nhơn hay đứng đợi ở đây. May quá, mấy anh chị, mấy cháu đủ hết không mẹ?

Bà Khả chưa kịp trả lời thì ông Khả và mấy người anh, người chị đã bu kín quanh Thanh. Đám trẻ trên xe nhảy dựng lên reo hò, đứa kêu chú Út, đứa kêu cậu Út loạn xạ.

Thanh mỉm cười đưa tay vẫy vẫy đám cháu và cầm tay từng anh chị lắc lắc. Anh dáo dác nhìn rồi đưa tay ngoắc người lính đang ngồi trên chiếc Honda đến gần, nồng nhiệt giới thiệu với cha mẹ:

- Chú Bình, nhân viên truyền tin của con, con ở chốt xa rút về, đơn vị đã rút ra sau và di tản tứ tán hết, Bình lấy xe chở con về đây, nhà chú ấy ở Đập Đá.

Bà Khả chồm tới ôm lấy Bình rồi rít cảm ơn. Bình mỉm cười thoái thác:

- Bác đừng bận tâm, bọn con sống với nhau như anh em mà bác, phục vụ ông thầy lần chốt cho phải đạo.

Thanh nghiêm nghị nói với Bình:

- Thôi, mình cảm ơn, chia tay đi, cậu về gấp coi gia đình tính thế nào, chúc may mắn.

Bình nhìn Thanh một thoáng rồi nói nhỏ, giọng xúc động:

- Chúc ông may mắn.

Thanh nhìn bạn cười cười, Bình cuối đầu chào mọi người rồi quay đầu xe, đạp máy. Thanh bước lại gần Bình, anh rút xấp tiền trong túi quần dúi hết vào túi Bình và nói vội:

- Mình gặp được ông bà cụ hết lo rồi, cậu giữ cái này coi có cần gì không, mình thật lòng, đừng từ chối.

Thanh vừa nói vừa đẩy nhẹ vào lưng Bình khiến chiếc xe lao tới không để bạn kịp nói gì. Thanh vui vẻ nói chuyện huyên thiên, anh giục cha mẹ lên đường và bày tỏ ý định muốn ở lại chờ đơn vị nhưng cuối cùng cũng phải miễn cưỡng lên xe vì không thể cưỡng lại ý muốn của mẹ, cũng không biết phải chờ đơn vị ở đâu và chờ đến bao giờ.

Bà Khả vui mừng hơn hở, bà luôn miệng niệm Phật tạ ơn trời đất và suốt dọc đường cứ tíu tít hỏi thanh đủ chuyện. Nỗi lo âu của bà đã giảm được một nửa và sức lực của bà như được tăng lên gấp đôi.

Xe dừng lại nghỉ đêm ở Nha Trang, người di tản từ khắp nơi túa về đông nghịt đã thuê mượn hết các khách sạn, nhà trọ. Gia đình ông Khả theo dòng người đưa đẩy vào sâu đến một ngôi chùa cổ nằm ven thành phố. Ông bà Khả và đám trẻ vào được trong một khoang chái chật cùng nhiều gia đình khác. Các thanh niên ngủ lại trên xe để giữ đồ và mờ sáng hôm sau tất cả lại lục tục kéo nhau lên xe đi tiếp.

Dòng người hướng về phía Nam đông vô kể: xe du lịch, xe nhà binh, xe hàng, xe gắn máy chen chúc nhau nhích từng đoạn ngắn. Tin tức chiến sự thất lợi dồn dập được chuyển miệng cho nhau từ người này sang người

khác làm ai cũng muốn cố gắng lao nhanh về trước để tránh những hiểm họa đang ồ ạt đuổi theo sau lưng và Sài Gòn như một đích tới ước mơ dù tin tức đã phong phanh về những bấp bênh của một thủ đô đã bắt đầu hỗn loạn.

Đến trưa đoàn xe ngừng hẳn lại, tin tức từ phía trước chuyển ngược lại cho biết đang có giao tranh trên đường. Một chiếc cầu nhỏ gần Phan Rang bị đánh sập và địch quân đã đóng chốt cắt đứt quốc lộ. Mọi người nhón nhác lo âu, người ta chặn hỏi những chiếc xe lác đác ngược chiều và điều nhận được lúc này lúc khác càng làm tăng nỗi hoang mang, hoảng loạn ... Có tin quân đội quốc gia đang điều động một đơn vị lớn giải tỏa quốc lộ; cũng có tin chính quyền ra lệnh lập phòng tuyến ngăn chặn đoàn di tản. Người dân như đang đứng giữa hai lần đạn lạnh lùng, giữa sự sống và cái chết chỉ còn là một khoảng cách mong manh. Nhiều người bàn nên bỏ xe cộ, tài sản lên rừng đi bọc qua khỏi chỗ giao tranh; người khác lại tính chuyện thuê ghe thoát thân bằng đường thủy. Tuy nhiên, người ta chỉ bàn tán mà không ai có thể có một quyết định dứt khoát nào trước một tình thế quá mới mẻ và nghiêm trọng. Đa số kiên nhẫn chờ đợi và hy vọng sẽ có thể tiếp tục cuộc hành trình. Một số khác quyết định trở lại Nha Trang, dù sao thành phố này cũng có Bộ Tư Lệnh tiền phương của Quân đoàn, có một hệ thống căn cứ và quân trường đầy đặc bảo vệ, hy vọng sẽ an toàn hơn so với nơi khác.

Xe từ phía sau ùn tới, xe từ đằng trước lùi lại, kẹt cứng. Cả một quãng đường mấy mươi cây số đầy đặc xe cộ và người, nhón nháo, chạo rạo.

Ông Khả quyết định lui lại Nha Trang, cả gia đình đông đảo với những đứa cháu nhỏ không quen nắng gió và đã có đứa bắt đầu sổ mũi, nóng sốt không thể nằm chờ

lâu dài giữa đường. Bà Khả luôn miệng niệm Phật và lúc nào cũng nhắc đến hai người con vắng mặt. Gia đình bị kẹt giữa đường, thằng con thứ chín còn rớt lại ngoài Trung và thằng thứ Tám trôi giạt tận trong Nam không biết sống chết thế nào, làm sao người mẹ có thể an lòng được!

Những ngày kế tiếp ông Khả để gia đình tại chỗ và bung người đi theo dõi tình hình đường sá. Nhiều lúc nóng ruột, đích thân ông cũng lên phố chờ chực, nghe ngóng. Ngày nào cũng có người ùn ùn kéo đi và mệt mỏi quay về. Tình hình càng lúc càng nguy ngập, thành phố bị pháo kích liên tục và giao tranh đã diễn ra sát nách thị xã.

Tin Qui Nhơn, Tuy Hòa thất thủ làm bà Khả như đứt từng khúc ruột, bà bỏ ăn và suốt ngày ủ rũ lo cho số phận của Thúc. Bà nóng nảy hối thúc Hạnh thuê xe chạy ngược về phía Cầu Xóm Bóng, chặn đường từ ngoài vào tìm người quen hỏi thăm tình trạng em trai. Không có tin tức gì rõ rệt. Hạnh chỉ biết mơ hồ một số sự việc chung chung: Sư đoàn 22 đã rút về Qui Nhơn và di tản bằng tàu hải quân. Tình hình không mấy sáng sủa: một trung đoàn còn kẹt lại bên kia cầu Ba Gi, số về được tới thành phố thì chạm địch dữ dội ở nhiều nơi và pháo kích mù trời cày nát bờ biển. Lính và dân chết vô số bỏ nằm la liệt khắp rừng dương, bãi cát. Hạnh không dám nói cho mẹ nghe hết mọi điều, chỉ vắn tắt thuật lại những chi tiết có phần thuận lợi để mẹ an lòng:

- Sư đoàn rút hết về Qui Nhơn, có pháo ngoài chiến hạm yểm trợ và xe thiết giáp lội nước chở hết ra tàu, hy vọng em Thúc về Sài Gòn trước mình, mẹ đừng lo.

Bà Khả an lòng được một chút rồi không biết nghĩ sao lại ngập ngừng hỏi Hạnh:

Con có hỏi kỹ không? Lính tráng có xuống tàu hết được không? Thằng Thúc ốm yếu lại hay nhường nhịn chắc gì nó đã chen được với người ta.

Hạnh phân vân chưa biết trả lời thế nào bà Khả đã thở dài, nói tiếp:

- Còn thằng Mạnh nữa, mẹ nghe nói ở Hồ Bò, Củ Chi gì đó ghê lắm, bình thường đã khó khăn rồi, bùng lớn thế này không biết em nó ra sao, có đứa nào bị gì chắc mẹ chết ...

Bà Khả vừa nói vừa khóc, Hạnh luống cuống ôm lấy mẹ. Ông Khả cũng đến gần vợ an ủi, dỗ dành:

- Con cháu đầy đàn ở đây bà phải vui cho bọn nó vui. Con như vậy ai mà không lo nhưng cũng vừa phải thôi. Tai trời ách nước mình có lo lắm cũng không được gì mà lỡ ra bệnh hoạn lại khổ thân và khổ các con. Bà bình tĩnh đi rồi tôi tính.

Ông Khả chỉ nói được có vậy rồi vội vã bỏ đi, ông cũng nóng lòng lo cho hai đứa con ở xa và không đành lòng nhìn cảnh vợ khóc lóc, than thở. Ông Khả suy nghĩ rất nhiều: mấy hôm nay không còn ai vào bằng đường bộ nữa, vậy nếu Thúc thoát được, nó chỉ có thể đi bằng đường biển vào Vũng Tàu và gia đình chỉ có thể gặp mặt, biết tin về Thúc và cả Mạnh nữa nếu vào được đến Sài Gòn. Ông Khả nóng ruột học tốc lên phò dò hỏi tình hình, ông dự định nếu đường có thể đi được, dù có phải băng qua vùng giao tranh, nguy hiểm ông cũng sẽ liều lĩnh lên đường nhưng tin tức về chiếc cầu sập trận chiến với một lực lượng của cả hai bên quần thảo nhau suốt một tuyến đường dài làm ông hoàn toàn thất vọng. Đề nghị trở về của vợ làm ông thấy khó xử: Nếu tình hình đã hoàn toàn tuyệt vọng, không còn xoay chuyển gì được nữa, việc trở về quê hương bốn kiếng là hợp lý; nhưng nếu vẫn còn một

chút hy vọng, vẫn còn một phần đất nào đó có thể dung thân được, trở về là tự đưa đầu vào rọ, tự giết chết cả nhà.

Bà Khả nhìn chồng đăm đăm như chờ nghe ý kiến của ông. Gần suốt một đời, bao nhiêu biến cố đã xảy ra, ông Khả lúc nào cũng là một cột trụ vững chãi, sáng suốt chống đỡ và dẫn dắt cả gia đình. Con cái, dâu rể và cả bà Khả đều trông cậy, phó thác vào ông mọi chuyện và sẵn sàng từng phục trong mọi trường hợp. Trách nhiệm tinh thần đè nặng lên vai ông Khả, ông phân vân, do dự trước một tình thế quá gay go, hệ trọng. Giọng ông ngập ngừng, xa vắng, không có vẻ tự tin, cả quyết như thường ngày:

- Đừng nghĩ quẩn, chưa đến nỗi nào xấu lắm đâu, từ từ để tôi coi lại đã, mình có thể chờ thêm vài ngày xem đường sá thế nào, cũng có thể ráng xoay sở kiếm một cái ghe; cùng lắm là phải xé nhỏ ra: Tôi với bà và đám nhỏ có thể lủi lại nhưng mấy thằng con thì không được. Bình tĩnh đừng làm tôi rối trí.

Bà Khả bồn chồn đi ra đi vào mong ngóng các con trở về. Ông Khả cũng trầm ngâm hút thuốc liên tục và thỉnh thoảng đứng lên ngồi xuống lộ vẻ nóng ruột.

Suốt đêm qua ông bà Khả và các con đã nói chuyện rất nhiều với nhau, tựu trung là ước tính tình hình và cố tìm một giải pháp ổn thỏa cho gia đình. Từ chiều hôm trước, nhiều sĩ quan và binh lính làm việc ở Tiểu Khu, ở Bộ Chỉ Huy 5 Tiếp Vận và cả ở Bộ Tư Lệnh Tiền Phương của Quân Đoàn đã phong phanh bàn tán về sự vắng mặt của viên Tư Lệnh và về tin thành phố sẽ bị bỏ ngõ trong một thời gian ngắn. Ông Khả buồn bã nói với mọi người:

- Hồng rồi, kiểu không đánh mà bỏ chạy sẽ thành một cái dịch, một con sóng lớp trước cuốn lớp sau. Lui binh khó bằng vạn tiến công. Hồn quân hồn quan tràn đến đâu

là sụp đổ đến đó, không còn ai kiểm soát, chỉ huy gì được nữa. Nguy đến nơi rồi!

Bà Khả cuống cuống, nước mắt chảy ròng ròng và nói nghẹn ngào:

- Loạn lạc kiểu này không biết hai thằng con ở đâu, làm sao tìm được bọn nó hả trời!

Ông Khả trừng mắt nhìn vợ, lần đầu tiên từ nhiều ngày nay ông xẵng giọng với bà:

- Bà bình tĩnh giùm một chút có được không? Đừng quá bận tâm về những điều mình không giải quyết gì được, nhắc đến chỉ thêm rối ren, bận trí. Hãy thực tế tính toán công việc. Tôi muốn biết bây giờ mình nên tính sao?

Không ai nói gì trước câu hỏi của ông Khả, tất cả im lặng, không khí nặng nề, khó thở. Ông Khả chờ một chút rồi nhìn vợ con, nói nhẹ, mắt hướng về phía người con lớn và con rể:

- Ba má định về lại Qui Nhơn với mẹ con mấy đám nhỏ và con Hạnh. Thằng Thanh phải tìm mọi cách vào Sài Gòn rồi tùy tình hình mà tính. Hai anh em con phải tạm ở lại đây, ba má về trước xem sao rồi sẽ nhắn tin vào. Gia đình mình phải chia làm ba, trước mắt phải tránh cho được những hậu quả tai hại do tình hình hỗn loạn lúc giao thời tạo ra., Luật lệ lúc đầu có thể sẽ rất tùy tiện và nhiều điều tệ hại, đáng tiếc chắc chắn sẽ xảy ra. Ba má già và đám nhỏ hy vọng không sao đâu. Hai con tuy không phải là lính tráng quan quyền gì nhưng cũng là thanh niên có chữ nghĩa, có làm việc, phải cẩn thận lánh mặt một thời gian cho qua lúc khó khăn rồi hãy về. Riêng thằng Thanh thì nhất định không về được. Ba quyết định như vậy.

Mấy người con nhìn nhau trao đổi và chưa ai kịp có ý kiến gì thì bà Khả đã vội vàng lên tiếng:

- Không được đâu ông ơi! Thuận tiện thì đi hết, nếu không thì tất cả về. Ông bà con cháu sướng khổ có nhau chứ chia cắt mỗi đứa một nơi biết bao giờ gặp lại nhau được? Bình thường thì không nói gì chứ đang lúc dầu sôi lửa bỏng thế này mà chia năm xẻ bảy, tứ tán hết ai mà chịu được.

- Ai mà không biết vậy, đầy đủ được cả nhà thì còn gì bằng nhưng bà thử nghĩ coi, đi hết thì chắc khó được rồi, còn việc trở về là hạ sách cuối cùng, không hay ho tốt đẹp gì đâu vì vậy đứa nào cần tránh được lúc nào cứ cố gắng đến cùng. Lúc này không thể để tình cảm lẫn lộn vào công việc được, lỡ ra có gì thì sẽ ân hận suốt đời. Bà hiểu cho tôi.

Ông Khả nói một hơi dài rồi ngừng lại nhìn vợ. Bà Khả nhìn các con như mong nhận được những sự đồng tình. Người con lớn nhìn cha mẹ rồi nhìn em rể, em trai trước khi lên tiếng, rõ ràng, rành mạch:

- Con đồng ý với quyết định về em Thanh. Về phần dưỡng Năm các cháu không biết sao nhưng riêng con, con sẽ về nếu cha mẹ về. Anh cả không còn, con lớn nhất trong nhà nên không thể có lựa chọn nào khác cho dù có thế nào.

Người con rể cũng nói nhanh, làm như anh đã suy nghĩ và quyết định từ trước:

- Vợ chồng con cũng về với ba má.

- Anh ngừng lại một chút rồi nói tiếp, giọng có vẻ lạc quan, hy vọng:

- Nhưng con nghĩ mình cũng phải cố gắng hết sức cái đã. Cha má cứ nghỉ đi, ngày mai mấy anh em con sẽ rón tìm cách. Tình hình thay đổi từng giờ mà, mai biết đâu lại giải tỏa được đường. Với lại mình cũng chưa nỗ lực hết sức trong việc thuê mua tàu ghe, ngày mai mình sẽ chú

tâm đặc biệt đến việc này, về chỉ là chuyện thậm bất đắc dĩ.

Ông bà Khả vốn thương mến và tin cậy vào khả năng xoay xử khéo léo của con rể nên rất quan tâm đến ý kiến của anh mặc dù thực sự nó không có gì mới mẻ để có thể hy vọng. Mọi người trần trọc suốt đêm và hừng sáng cả bốn anh em đều trở dậy để chạy lo công việc. Mấy anh em chia làm hai nhóm: Hạnh và người anh lớn ra bến xe thăm dò đường bộ; người anh rể với Thanh lên xóm chài với quyết tâm tìm cách đưa gia đình vào Nam.

Ông bà Khả đứng ngồi không yên, hai vợ chồng đều bức rức, lo âu nhưng không biết nói gì với nhau. Ông Khả dặn vợ vun xén đồ đạc phòng khi tình hình có thuận lợi thì có thể lên đường ngay nhưng bà Khả lờ ngợ chưa kịp làm gì thì cả bốn anh em lần lượt trở về với những tin tức xấu: Thành phố đã hoàn toàn mất kiểm soát, lực lượng đối phương đã xuất hiện ở một số nơi. Ngư dân lo sợ bị đánh cướp tàu bè nên đã lùi hết ghe cộ ra neo ngoài xa. Nhiều người có lẽ sợ bị liên lụy và sẽ gặp khó khăn với phía bên kia nên tránh không dám nói chuyện đi Nam, chỉ có một số ít chủ ghe có thể vì thiện tâm hay vì ham lợi nên nhận đưa người đi nhưng giá cả rất đắt và khách phải tự bơi từng người ra ghe ở cách bờ một quãng xa.

Ông Khả im lặng ngồi nghe các con thông báo tình hình, ông trầm ngâm hút thuốc một lúc khá lâu rồi ngẩng lên nhìn thẳng về phía vợ con nói nghiêm nghị, dứt khoát như ban những mệnh lệnh:

- Thôi, tình hình đã đến nước này không còn bàn cãi tính toán gì nữa. Thành Thanh chuẩn bị ra xóm chài tìm cách đi Sài Gòn ngay. Mấy đứa con lại chuẩn bị đồ lên xe, mình đi về.

Bà Khả choáng váng mặt mày, điều nghe được không phải bất ngờ nhưng lại vượt quá sức chịu đựng của bà. Hai thằng con lớn đã không biết trôi giạt ở đâu, sống chết thế nào, giờ lại phải xa thêm đứa con út làm sao chịu nổi. Bà Khả len lét nhìn chồng, hy vọng ông sẽ nghĩ lại và thay đổi ý kiến nhưng ông Khả vẫn lạnh lùng, lặng lẽ. Bình nhật ông rất mềm mỏng, tế nhị và hay chiều ý vợ con nhưng khi hữu sự ông lại rất cứng rắn và khi đã quyết định điều gì thì khó ai lay chuyển, can ngăn được. Bà Khả luống cuống lắp bắp:

- Ông ...

- Ông Khả quay lại nhìn vợ, mặt vẫn nghiêm trang nhưng giọng nói nhỏ nhẹ, ôn tồn và những âm thanh phát ra run run chứng tỏ người nói đang phải cố gắng kềm giữ những xúc động lớn.

- Đừng nói bà, tôi hiểu, tôi cũng thương con và cũng đâu muốn xa, muốn mất đứa nào nhưng hoàn cảnh không còn cách nào khác, đừng can tôi.

Ông Khả nói nhanh và đứng dậy định bước ra ngoài nhưng đi được vài bước ông ngập ngừng có vẻ suy nghĩ rồi quay lại nói nhỏ với Hạnh:

- Con coi có gì cần thiết sắp xếp cho em một xách nhỏ cho nó mang đi.

Rồi ông đến bên Thanh, đặt cả hai tay lên vai thằng con út nói vắn tắt một câu ngắn trước khi bước hẳn ra ngoài, mắt tránh không nhìn người đối diện:

- Con là thanh niên, can đảm lên, phải tự lập xoay xở cho quen, cứ làm cái gì con thấy cần và đúng. Ba tin và hy vọng ở con.

Bà Khả biết không còn thay đổi gì được nữa, bà quần quýt chạy tới chạy lui sắp xếp, chuẩn bị hành trang cho con. Bà lục tiền và vàng gói làm hai bọc nhỏ. Bà cuốn

sâm, thuốc cảm cúm, thuốc tiêu chảy trong nhiều lớp nylon, cột chặt. Bà dúm cho Thanh chai dầu Nhị Thiên Đường, bắt anh cất kỹ quyển Bạch Y Thần Chú trên ngực áo và nhắc anh cẩn thận tự lo cho mình. Thanh lí nhí từ biệt mẹ. Bà Khả đứng chết trân một lúc lâu rồi óc khóc ôm chấy lấy con. Mấy người chị và đám cháu cũng bu quanh khóc lóc. Thanh và mấy người anh đều bùi ngùi, mắt đỏ ngầu, chỉ có ông Khả là ngồi im như một pho tượng ở cách một quãng xa. Lúc Thanh đi được một đoạn bà Khả như chợt nhớ ra hấp tấp chạy theo tháo đưa cho con chiến vòng ngọc thạch gia bảo lên nước xanh biếc, tương truyền có thể ngăn ngừa gió máy và mang lại may lành; bà dặn Thanh nhớ bắt ấn tay và niệm danh hiệu Quan Âm cứu khổ cứu nạn khi gặp khó khăn. Thanh đã đi xa mà bà Khả vẫn đứng thẫn thờ như người mất hồn cho đến lúc người con lớn lại gần nhắc cho bà biết cả nhà đang chờ và dìu mẹ ngồi vào xe.

Đọc đường về xe đi hết sức chậm chạp, quang cảnh không có thay đổi gì lớn nhưng tất cả đều mang vẻ xơ xác, ngọt ngào và u ám. Mọi người tới lui trên đường với dáng điệu ngơ ngác, hốt hoảng. Từng đoàn xe nhà binh, xe chở pháo, xe thiết giáp lăm lem bùn đất và ngụy trang đầy cây lá ùn ùn hướng về phía Nam. Ngược chiều lại là những xe chở người hồi hương mệt mỏi và thận trọng. Ông Khả cho dừng xe từng đoạn ngắn để hỏi han tình hình. Mọi người hỏi thăm lẫn nhau, trấn an và khích lệ nhau nhưng không ai thực sự có thể biết chắc một điều gì.

Lúc xe ngừng lại để uống nước ở Sông Cầu, ông Khả làm quen và dò ý một người đàn ông đứng tuổi, có vẻ có vai vế và học thức cảm tưởng về không khí và sinh hoạt của đời sống mới. Người đàn ông cười buồn và nói e dè, lơ lửng:

- Còn mới mẻ quá ông, giống như người ta đang ngậm một vật có vị ngọt, thời gian mới có thể biết là đang ăn đường hay chỉ là chút ngọt ngào ít hỏi bao quanh một khối thuốc đắng.

Xe dừng lại ở đỉnh đèo Cu Mông, ranh giới giữa hai tỉnh Bình Định và Phú Yên để kiểm soát. Một tấm bản nhỏ cắm sát lề đường ghi hàng chữ phấn vụng về xiên xẹo "Trạm kiểm soát quân đội giải phóng" và một cành cây tươi bở ngang giữa đường. Mấy người lính đội nón cối, mang dép râu và bận những bộ quần áo lưng thùng đủ màu từ bên trong túa ra bu kín quanh xe. Một người có vẻ chỉ huy lớn giọng:

- Xe đi đâu thế này, có giấy tờ gì không?

Ông Khả thò đầu ra khỏi xe, nhỏ nhẹ:

- Chúng tôi người Qui Nhơn, hòa bình rồi nên trở về nhà.

- Đi đâu mà về, chạy theo ngụy đấy à? Sao giải phóng lâu rồi nay mới về? Có súng ống, tài liệu phản động gì không thành khẩn khai báo đi.

Ông Khả cười, nói dã lả:

- Chúng tôi sợ chạy trốn bom đạn thôi chứ có theo ai đâu, dân mà ông giải phóng. Xe chỉ có đàn bà con nít và mớ đồ đạc lặt vặt trong nhà, không có đồ quốc cấm đâu, xin mấy ông cứ coi lại.

Mấy người lính leo lên xe lục lọi, tìm kiếm và người chỉ huy dài giọng hạch hỏi ông Khả đủ điều.

Bà Khả ngồi im lặng không nói gì, suốt dọc đường đi cho đến khi dừng lại tâm trí của bà dồn hết vào mấy đứa con thất lạc không chú ý gì đến mọi chuyện chung quanh nhưng thái độ và lời nói của gã cán bộ làm bộ Khả thấy nhói nhói trong lòng. Bà đâu còn lạ gì thói chi li bắt bẻ và hồ đồ qui chụp này. Quen quá mà, hoàn cảnh oái ăm,

những con người cũ gặp lại ngoài ý muốn. Thời chín năm như một vết chém để đời trong lòng mỗi con người đã biết qua nó.

Bà Khả thầm cảm ơn Trời Phật, thầm công nhận ông Khả đã quyết định sáng suốt khi muốn tránh cho các con khỏi phải đối diện với những con người này. Bà Khả thấy an lòng nhưng rồi bà lại thở dài: tránh đến bao giờ, có được an toàn và có còn một nơi nào để tránh không? Bà Khả rối beng trong lòng và thần thờ không chú ý là xe đã bắt đầu xỏ đèo đưa mọi người về nơi chốn cũ.

Bà Khả ngồi lặng lẽ một mình trên chiếc băng đá lạnh lẽo, dưới hàng dương liễu mờ tối, buồn bã đưa mắt nhìn ra biển. Bãi biển vắng hoe. Thành phố rối mù vì những kế hoạch phức tạp được dồn dập phổ biến và liên tục thay đổi của chính quyền mới làm mọi người chạy đuổi, đối phó không hở tay khiến không ai còn chút thì giờ hay tâm trí nào để nhàn tản dạo mát, ngắm biển. Ban ngày mọi người phải đổ xô vào những công tác rồi rã đủ loại và ban đêm, tất cả phải tham dự những buổi họp hành, kiểm điểm dai dẳng và nhàm chán. Đời sống mới, xã hội mới với hàng trăm thứ thay đổi dâu bể và ràng buộc khắc nghiệt đã khiến con người phải thu mình lại, e dè và thận trọng, cố gắng nhỏ nhen, cố gắng hòa nhập vào đám đông để yên ổn qua ngày.

Bà Khả không cần biết đến những điều đó, ông Khả và mấy người con phải vắng mặt từ sáng sớm đến nửa khuya để gánh vác phần việc cho cả nhà. Phần bà, bà bất kể mọi sự, bà không muốn và cũng không còn đủ bình tâm để làm bất cứ việc gì khi tin tức về ba đứa con trai vẫn hoàn toàn mù tăm, biệt tích.

Hôm đầu tiên từ Nha Trang trở về, bà Khả một mình đi xuống biển. Tin tức nghe được cho biết lực lượng cuối

cùng của sư đoàn đã rút được về đến bờ biển, một số đã lên tàu, một số đội lại và số khác, rất đông, tử thương bỏ nằm cùng khắp. Bà Khả lang thang cả buổi nhưng không tìm thấy gì. Bãi biển đã được dọn dẹp từ mấy ngày trước, đó đây chỉ còn vung vãi vài chiếc bình nước, đôi chiếc nón sắt móp méo, lũng nát. Bà Khả lặng lẽ khóc. Thúc không có ở nhà vậy thì chỉ có hai trường hợp xảy ra cho anh: hoặc đã xuống tàu, hoặc đã bỏ thân ở một nơi nào đó trong thành phố. Bà Khả liên tưởng đến hình ảnh những thi thể bê nát, chương sinh của những người lính trẻ vô danh tội nghiệp mà thấy tim mình đau nhói. Bà nghĩ đến những đứa con vắng mặt và thần thờ đưa tay lên bịt mắt, rên khe "Con ơi! Con ơi!". Bà Khả tin vào phước đức của tổ tiên, ông bà; tin vào lòng ngay thẳng và nhân đức của vợ chồng bà và không nghĩ là điều xấu nhất sẽ có thể xảy ra cho các con mình. Nhưng có gì bảo đảm được cho điều đó, bom đạn vô tình và việc gì lại không thể xảy ra. Bà Khả luôn miệng niệm Phật, rồi lại kêu Trời giữa tiếng sóng rì rào, mệt mỏi và buồn bã của biển.

Những ngày kế tiếp bà Khả thúc giục chồng con lợi dụng bất cứ khoảnh khắc rảnh rỗi nào để đi tìm hiểu, hỏi thăm về tình trạng của Thúc. Tin tức nhận được hết sức rời rạc, mơ hồ: Có người nói đã từng chiến đấu với Thúc ở tuyến phòng thủ cuối cùng tại Đồng Phó, gần mộ Mai Xuân Thưởng; có người gặp Thúc ở ngã ba Cầu Bà Di; có người thấy Thúc đi bộ qua khỏi cầu Sông Ngang, gần bến xe mới sát nách thành phố. Nhưng giữa rừng người di tản, mạnh ai nấy lo thoát thân, không ai xác nhận chính xác được một điều gì.

Bà Khả thuê xe vào Gành Ráng, đi dọc theo triền núi để tìm rẻo đất được đồn đãi là đã chôn hàng ngàn người lính tử trận trong thành phố. Hàng trăm nấm đất lớn nhỏ

đủ cỡ được vùi lấp vội vã chen chúc bên nhau. Nghe nói có mộ chôn một người, có mộ vùi tập thể tùy vào quyết định của đám cán bộ hướng dẫn công tác dọn dẹp vệ sinh. Bà Khả đi từng ngôi mộ đốt hương. Nước mắt và những tiếng nấc làm cho những lời thì thầm van vái của bà đứt quãng, trùng lặp và buồn thảm hơn. Bà Khả cầu nguyện cho các chiến sĩ vô danh như một người mẹ nhưng cũng vẫn hy vọng những lời khẩn vái chân thành của bà không phải dành cho các con bà.

Khi cả nước sụp đổ và đường sá thông thương trở lại, bà Khả đã nhân cảnh xô bồ xuôi ngược của hàng vạn con người giữa lúc giao thời hỗn loạn đi Sài Gòn tìm kiếm tông tích của ba người em trai. Bà Khả đưa Hạnh ra cửa, đi với con gái một đoạn đường và khẩn thiết dặn dò:

- Con tới nhà chú Phô, dì Thừa, dưỡng Bính, cô Út xem có đứa nào ở đó không. Gặp em thì đánh điện liền cho mẹ biết, nghe nói bưu điện người ta cũng làm việc bình thường. Tìm được đứa nào thì dẫn hết về đây cho mẹ. Không sao đâu, người ta chỉ nhốt chứ không bắn giết gì, tù ở đâu mẹ cũng đi thăm nuôi được. Con thương mẹ, thương em ráng tìm mấy đứa nó cho nó biết tin nhà và đưa tiền bạc cho bọn nó tiêu chớ tội.

Hạnh đi Sài Gòn cả tuần, bà Khả nôn nao chờ đợi, suốt ngày đi ra đi vào không ăn ngủ gì được, ngày nào cũng lóng ngóng ở cửa để chờ điện tín. Buổi chiều khi Hạnh trở về bà Khả đang ăn cơm. Đứa cháu nhỏ thấy Hạnh mừng rỡ la lớn: "Nội ơi, cô Bảy về". Bà Khả bỏ đũa chạy vội ra cửa, luống cuống quên cả xỏ dép. Bà sững sờ run rẩy khi thấy Hạnh xuống xích lô một mình:

- Em đâu?

Hạnh nhảy xuống xe chạy nhanh lại ôm lấy vai mẹ trấn an:

- Bình tĩnh mẹ ... đừng khóc, có nhiều tin tức tốt lắm.

Bà Khả hấp tấp hỏi:

- Tin gì, có gặp mấy em không? Thành Mạnh có về Sài Gòn không? Thành Thúc, thành Thanh có vào tới trong đó không?

Hạnh nhẹ nhàng dìu mẹ vào nhà, cả gia đình bỏ dở bữa ăn túa hết lên phòng khách. Ông Khả nhìn con gái cố giấu cơn xúc động hỏi gọn:

- Sao con?

Hạnh nhìn cha mẹ, nhìn cả nhà, bối rối như tự cảm thấy chính mình đang có lỗi vì đã làm mọi người thất vọng:

- Mấy em không đưa nào về Sài Gòn cả nhưng tin tức có nhiều hy vọng lắm. Con có lên Gò Dầu, chỗ con với mẹ lên thăm em Mạnh năm ngoái, người ta đồn có nhiều tiểu đoàn rút vào mật khu Ba Thu, đánh nhau lớn lắm nhưng chỉ có một số ít hy sinh, một ít bị bắt còn đa số rút được sang Miền, hy vọng em Mạnh thoát được rồi.

- Sang Miền làm gì? Bên đó cộng sản trước mình mà, có khác gì đâu, sống sao được.

Sang Thái Lan chứ mẹ, qua Miền rồi sang Thái Lan, họ là đồng minh có gửi cả sư đoàn qua giúp mình mà, họ sẽ giúp tiếp.

- Đi Thái Lan sao được, biết đường sá đâu mà đi, em nó có sang Miền, sang Thái bao giờ đâu. Ốm yếu như nó đi xa sao được, không khéo lạc đường đói khác trong rừng ai nuôi. Con có gặp mấy người bị bắt không? Cầu trời cho em nó bị bắt cho rồi, có bị nhốt phương nào mẹ cũng đi thăm được, gặp em được. Biệt vô âm tín kiểu này mẹ sống sao nổi.

Bà Khả nói một hơi dài rồi khóc; Ông Khả buồn bã nhìn vợ, ông lấy tay khỏa khỏa ngẫm ý bảo im lặng rồi nhấn nại hỏi Hạnh:

- Còn thằng Thúc, thằng Thanh, con có nghe tin tức gì của hai em không? Không đưa nào đến nhà mấy dì, mấy chú à?

- Không ba, nhưng nghe nói ghe tàu ngoài Trung mình vào ra Phú Quốc hết, có hạm đội đón, hạm đội rải dày đặc rước không sót ai, hy vọng mấy em đi được hết rồi.

Bà Khả khóc nhưng cũng chăm chú theo dõi câu chuyện rồi vừa khóc vừa hờn vừa nói như hét khi Hạnh dứt lời:

- Đi đâu, tàu đón thì chỉ có nước đi Mỹ, đi Tây chớ có phải về quê cha đất tổ gì của mình đâu mà mừng. Kiểu này chỉ có nước rục xương biệt xứ chớ hy vọng gì nữa ... con ơi.

Bà Khả lững lờ buồn bã như người mất hồn, không ai khuyên giải, dỗi dành gì được. Bà lục ra hàng trăm tấm hình chụp ba anh em Mạnh, Thúc, Thanh hết nhìn đứa này đến nhìn đứa khác. Bà kể chi li từng thời điểm, từng sự việc có liên quan đến mấy anh em từ lúc còn nằm nường đến khi đã trưởng thành, đi lính. Có người khuyên bà Khả đốt bỏ những tấm hình lính của mấy người con vì giữ lại sẽ có nhiều khó khăn, nguy hiểm nhưng bà Khả nhất định không chịu. Bà bảo con bà có làm điều gì xấu xa, đáng hổ thẹn đâu mà phải dấu, phải đốt hình. Hình con bà, bà giữ, đứa nào muốn làm gì thì làm, bà không sợ, không cần. Con bà không còn, bà không vui vẻ, sung sướng gì nữa.

Bà Khả ngồi hàng giờ ngoài bãi biển nhìn ngôi trường mẫu giáo xinh xắn giữa hàng keo già. Ba anh em Mạnh đã từng bập bẹ đọc viết những chữ đầu tiên ở đó. Bà nhìn

sân chơi với những chiếc đu sơn phết xanh đỏ và nhớ đám con đã từng say mê đùa nghịch bên những chiếc đu này. Bà nhớ như in hình ảnh của từng đứa con: Thanh ưa đứng cả hai chân lên bàn đu cười toe toét mỗi khi nhìn thấy mẹ; Thúc nhát gan thường nhắm nghiền hai mắt khi đu cao và Mạnh nghịch ngợm vừa đu vừa thả hai cả tay làm bộ như sắp té và thường chạy lại ôm mẹ khi thấy bà lo sợ đưa tay ôm ngực.

Bà Khả nhìn tới nhìn lui, xa xa bên phải là xóm chài khu Hai ghe thuyền chen chúc, bên trái là khu quân sự và hải cảng, chính giữa là bãi tắm. Bà Khả nhớ lại những ngày thành phố mới được tiếp thu bởi chính quyền Quốc Gia mấy chục năm trước, ngày đó các con bà đều còn nhỏ và chúng đã từng chơi đùa, nghịch phá, bơi lặn trên khoảng biển này. Hồi đó Ty Thanh Niên đã thực hiện vô số những phao nổi ghép bằng thùng phuy neo ở nhiều khoảng cách khác nhau xa bờ giúp người tập bơi có chỗ nghỉ sức trước khi bơi đến một khoảng xa hơn. Bà Khả luôn có mặt bên các con, kiên nhẫn và mềm mỏng khuyến khích bọn nhỏ cố gắng tập luyện; vui sướng khi thấy chúng tiến bộ và hãnh diện khi thấy lần lượt cả ba anh em đều bơi đến các phao nổi cuối cùng.

Có lần Thanh hơn hở khoe với mẹ đã bơi đến gần núi hải đăng. Bà Khả vừa mừng vừa sợ. Thành tích này không phải ai cũng đạt được, nhưng không biết có điều gì không hay xảy ra cho con bà không? Bà Khả lo âu nhắc đến cá dữ, nhắc đến những bất thường có thể xảy ra cho cơ thể con người khi vận động quá sức và bắt Thanh hứa không bao giờ bơi ra hải đăng nữa. Thanh nhìn mẹ cười, bà Khả biết nó không tin có cá dữ và cũng rất tự tin vào sức lực và khả năng bơi lặn của mình và không nghĩ là có gì nguy hiểm nhưng nó cũng hứa cho mẹ an lòng và bà Khả biết

Thanh sẽ giữ lời. Các con bà không bao giờ làm điều gì để mẹ buồn.

Bà Khả nghĩ đến Thanh, không biết hôm ấy các người chủ neo ghe cách bờ bao xa. Bà Khả tự trách mình ngày chia tay ở Nha Trang đã không đưa con ra tắm xóm chài, không chính mắt nhìn thấy Thanh lên ghe an toàn.

Bà Khả nghĩ đến Thúc, nó bơi cũng đâu thua gì thằng em, nhưng tàu hải quân to lớn chắc không vào được gần bờ, không biết hồi di tản tàu đậu chỗ nào và Thúc có bơi ra được đến nơi không? Mà không biết nó có về được tới thành phố, ra được đến bờ biển hay không. Nghe nói đánh nhau khắp nơi, rồi con pháo kích của địch, còn hải pháo của quân bạn nữa. Bạn thù lẫn lộn, ngoài biển bắn vào thì biết đường đâu mà tránh.

Bà Khả ôm lấy đầu. Còn thằng anh của hai đứa nữa. Tội nghiệp, nó đi lính lâu năm nhất, xa nhà, xa cha mẹ anh em nhất. Không biết tin các tiểu đoàn rút đi có đúng không? Nó có chạy được sang Miên, qua được đến Thái không?

Bà Khả nghĩ đến những đứa con vắng mặt và lặng lẽ khóc một mình. Không biết lần thứ mấy nước mắt người mẹ đã chảy sau chiến tranh

NGUYỄN MẠNH AN DÂN

*Nhịn điều người ta không thể nhịn được,
dung điều người ta không thể dung được,
chỉ có người kiến thức và độ lượng hơn người mới được như thế.*

Trình Di

NHỮNG NẸO ĐƯỜNG QUÊ HƯƠNG QUA LĂNG KÍNH CỦA MỘT QUÂN NHÂN

NGUYỄN THẾ GIÁC

Mước mắt nhà tan, riêng người lính vẫn còn mang nặng trên đôi vai một hàng đẳng thức khó quên: *Tổ Quốc, Danh Dự và Trách Nhiệm.*

Cho dù không gian và thời gian có hững hờ cách mấy, tôi tin chắc những nẻo đường đất nước vẫn còn in đậm trong ký ức hầu hết quân nhân đã một thời cầm súng bảo vệ quê mẹ bên này vĩ tuyến mười bảy.

Lịch sử đã chứng minh qua bao cuộc thăng trầm trên dải đất ốm yếu nằm khiêm nhường bên bờ Thái Bình Dương, lưng tựa vách đá Trường Sơn, từ ngày cha ông có công mở nước, con cháu muôn đời ra sức trùng tu, người Việt chẳng bao giờ muốn rời xa mái ấm, nhưng trước vấn nạn ghê hồn của đoạn cuối thế kỷ hai mươi sắp sửa phủ lên mình mẹ hao gầy và lòng người đã quay mặt không còn nhận nhau một bọc trăm con, dù huyền thoại đi chăng nữa, tiếp theo đó bàn tay phù thủy quốc tế không ngừng gieo rắc hình thái chiến tranh tương tàn, những con đồng ngòi trước điện bị phá lên thứ ám khí oan khiên, cuối cùng không thể nào nhìn lưỡi hái tử thần nhắm tâm chặt ngọt,

đàngh ngậm ngùi nhét sâu tiếng khó khổ hận vào lòng, hốt ha ... hốt hải ... tìm đường trốn thoát một địa ngục trần gian, đang bị bầy Dracula kéo lê xích sắt vượt vĩ tuyến nhe nanh hút dần máu đỏ những người đồng chủng cô thế.

Đi là chấp nhận thương đau, đi là bỏ đằng sau những gì gắn bó! Dẫu đứng bên này đại dương, một quê hương có tất cả mọi cái có trên trần gian, nhưng tưởng chừng thiếu một cái thiếu duy nhất, là không được nồng nàn tình chủng tộc cho lắm!

Ngày lại ngày người lính già từ vũ khí bất đắc dĩ, mỗi mắt đăm chiêu về chân trời khổ hạnh, mơ màng qua khói sóng trùng dương, quê hương tượng hình trong khối óc chặt cứng niềm luyến tiếc. Tuy ngày tháng chồng chất, nhưng cố gắng điều tiết để thấy được cuối trời, kìa là hàng tre bụi trúc có bầy chim chiền chiện líu lo trên chiếc võng lá mía, chờ nồm lên gọi đàn nghe inh ỏi, xa xa khói lam chiều quện lấy mái nhà tranh, bầy chim én đã quên mất mùa Xuân miệt mài sẵn mỗi trên sương mạ xanh dờn và đàn cò sà xuống vùng ruộng rộng, đứng thu mình chờ cá động chân ... Tất cả những hình ảnh êm đềm của quê mẹ được kéo qua võng mô, những mong chia xẻ nỗi ấm lạnh với thân nhân bất hạnh còn sót lại ở quê nhà.

Người lính đã đau trong niềm đau núp nhau đoàn đoạn, lại đọc phải những sáo ngữ ru ngủ đến "khúc ruột ngàn dặm": *Đất nước đã thật sự hòa bình, dân tộc đã hết lầm than, thế hệ đã được giải phóng!*

Giọng đánh đá những cán bộ cao cấp của nhà nước Cộng Sản Việt Nam, mượn tờ Nhân Dân nhật Báo gởi ra Hải Ngoại một thông điệp tanh mùi máu và nước mắt của những con cá sấu biết nói tiếng người, nhằm tuyên truyền để đánh động lương tâm ngót hai triệu linh hồn mà từ trước họ cho là : *Phản động hoặc những kẻ khu khu ôm*

lấy một thuở vàng son chập chờn ảo giác, để rồi chết dần ... chết mòn ... với niềm ước mơ viễn vông, không tưởng!

Thế giới không chối cãi về nền hòa bình của Việt Nam. Thiết tưởng Cộng Đồng Nhân Loại cũng chẳng mấy ai biết rõ thực chất về cái hòa bình điêu ngoa ấy, chỉ có người Việt ly hương mới thấy được những rặng đá ngầm giấu mình dưới mặt biển phẳng lặng và nên thơ kia! Xét về ngữ vựng hòa bình chẳng có gì để phân tích, nhưng sự thật quá ư phũ phàng lêu bêu lớp nạm vàng lên từng ảo ảnh.

Cũng vì nhìn rõ bộ mặt thật nơi sân khấu hậu trường, cho nên những người lính như chúng tôi, mãi cho đến hôm nay vẫn thường quan niệm, cho dầu để tính cách mấy, thế nào đi nữa họ cũng là những kẻ: *Bên kia chiến tuyến!*

Chỉ chấp nhận đồng hóa khi nào biết tôn trọng lẫn nhau và xem quyền lợi dân tộc là tối thượng.

Có lẽ cái chất nhà binh khó tan biến vẫn biết dù hơn hai mươi lăm năm qua, nhưng không dễ phai pha trong lòng một quân nhân thuần túy, một trang lính chiến bộc trực. Nói đến đây, tôi xin được cúi đầu nhận lỗi, nếu có ai khát khe miệt thị qua một vài phát biểu tưởng chừng cực đoan vẫn còn xanh nước thép! Dễ hiểu thôi, vì tôi là một quân nhân chọn đời lính trận làm nghiệp dĩ, lúc nào cũng chỉ biết cầm súng gìn giữ từng góc cạnh của quê hương, bảo vệ một chút tự do tối thiểu cho người dân miền Nam hít thở không khí thanh bình, nhưng rút cuộc đất nước khổ đau đã vượt khỏi tầm tay của người Việt Quốc Gia trong công cuộc bảo vệ tiền đồn chống Cộng của Đông Nam.

Thời gian có bao giờ dừng lại? Thôi rồi một phần tư thế kỷ lưu vong, đã là cuộn phim mà nhà đạo diễn sợ quần chúng cảm động quay nhanh qua trước mặt!

Thế hệ thứ ba của người Việt chọn miền Đất Hứa làm quê hương, cũng đã nghiêm nhiên xuất hiện trên hầu hết vùng trời Tự Do của các Quốc Gia có cảm tình với Việt Nam Cộng Hòa cũ. Dù muốn dù không cũng phải thành thật mà nói, chắc chắn quý quốc mở rộng vòng tay nhân đạo đã ưu tư không ít về sự sống còn, họ hiểu thế nào là niềm đau vong quốc! Chúng tôi tìm thấy trong họ, nhất là ăn ấp lòng bao dung, có lẽ để những kẻ kém may mắn tìm được mảnh đất dung thân và bình thản gieo hạt Tự Do, cũng như họ dễ dàng cho con cái kẻ ly hương bất đắc chí này gặt hái những thành quả, mà cha anh chúng nó nhọc nhằn vun quén với hai bàn tay trắng làm lại cuộc đời.

Từ Quốc Nội, người cầm vận mệnh đất nước với giọng trích thượng, bêu rêu: *Tại sao những người lính ấy vẫn ngoan cố, chưa chịu từ giã sứ mệnh của một quân nhân ngã ngựa?*

Với bộ máy tuyên truyền không thiếu thói quen hí hửng của kẻ tự cho mình là đỉnh cao trí tuệ, chính quyền Hà Nội cho rằng cả thành phần bỏ nước đã: "*Vạch áo cho người xem lưng!*"

Thú thật thì họ: *Cả vú lấp miệng em!* Chứ lòng người Hải Ngoại không có một độc tố nào làm cho dân tộc chia lìa hoặc đắp mô muốn cho đất nước ly gián. Chính họ ra lệnh cánh tay bạch tuộc mai phục cả những con đường về, thậm chí chẳng đếm xỉa gì đến hầu hết những người Quốc Gia Hải Ngoại muốn hành sử lòng yêu nước trên mảnh đất chôn nhau!.

Hai mươi lăm năm lưu vong, thời gian quả là đủ dài trong lòng người mất đất. Nói đến đây tôi muốn ứa nước mắt bật lên tiếng khóc, khi họ tiếp tục diễn tả chữ mất nước của chúng tôi, để rồi còn lộng ngôn bảo rằng: *Nước*

***còn đó chú có mắt đi đâu, Việt Nam vẫn lấm liệt và ngang
nhiên với công cuộc giải phóng đất nước kia mà!***

Cái luận điệu chanh chua và hần học ấy làm sao những kẻ bẻ súng thảng tư, những người không chấp nhận lý thuyết đui mù, rách nát từ cái nôi cố hữu, từ hàng địch tôn mát xít cũng đã vẫy tay xét lại, những tấm lòng can trường âm thầm chịu đựng qua các trại tù lớn nhỏ, tìm thấy một vật xúc tác nào khả dĩ để hòa tan vào dung dịch môi sinh qua lăng kính của dân tộc, của giống nòi?

Bỏ quê hương! Có lẽ người Việt là giống dân đã nghiện ngấm thú đau thương này nhiều hơn ai hết. Thật vậy, ngoài nhìn quá khứ vẫn còn bày biện trong lòng mắt hãi hùng, hơn một triệu linh hồn di cư nhắm mắt rời bỏ đất Bắc vào Nam, khi hiệp định Geneve chia đôi lãnh thổ.

Cũng từ văn kiện tang thương ấy đã làm thỏa mãn chú chó sói, để rồi những con cừ non Quốc Gia lần hồi bó tay thúc thủ trước sự ranh mãnh bày cáo già chính trị. Thế là Bắc Bộ Phủ đã thấu triệt bài thơ ngụ ngôn của Đại Văn hào La Fontaine, nên phùng mang nuốt trửng phần đất còn lại, để làm tròn chúc thư của một người cả đời gậy sóng gió, tưởng chấm dứt chiến tranh tương tàn, một thứ chiến tranh ghê gớm nhất lịch sử nhân loại, những mong khóa lấp thế hệ trẻ bằng lời ru cường điệu, để quên đi ý thức hệ Quốc Cộng.

Thôi thì cũng được đi, kẻ chiến bại đành thủ phận trước cơn đại hồng thủy trái mùa đổ ập qua bên này vĩ tuyến!

Biết làm gì hơn, xuôi theo dòng đời, những con cừ non nhẹ dạ đành ôm niềm đau vong quốc, như một chiến sĩ La mã dưới thời bạo chúa Ceasar đã thảng thốt:

Thân linh theo kẻ thắng, thôi mặc kệ thân linh!

Ta theo người chiến bại, chung thủy trọn ân tình.

Những tướng viễn ảnh chiến tranh lui dần vào bóng tối của quá khứ dằng dặc nổi căm thù. Nhưng nhìn lại sau hơn hai mươi lăm năm hậu chiến, biết bao kẻ có trách nhiệm bên kia vĩ tuyến mười bảy đã thất bại trong công cuộc hàn gắn để nối vòng tay lớn với sứ mệnh đoàn kết dân tộc, chẳng những thế còn tiếp tục làm ly tán nhân tâm, chủ trương thiết lập những cái kiềng thực dân mới và chốt cứng một chủ nghĩa lỗi thời trên quê hương, mà lòng người cả ba miền Trung, Nam, Bắc vốn muốn quên đi một thảm trạng đau buồn của thế kỷ đã qua.

Ly hương là vạn điều bất đắc dĩ. Thiết tưởng ai không ngậm ngùi tưởng tiếc những kỷ niệm gắn bó một thời trên hòn đất cha ông. Cũng vì ở đó có đầy đầy bóng râm để ấp ủ, không thiếu những hình ảnh vĩ nhân để tôn thờ?

Quê hương vẫn trăm nhớ ngàn thương! Thực vậy, ký ức của những kẻ đã từng lội dọc qua mọi miền đất nước, làm sao không thu thập trong vớng mô biết bao hình ảnh êm đềm ấy.

Riêng cá nhân tôi, được sinh ra và lớn lên trên quê hương mà một nhạc sĩ dân ca nổi tiếng đã thống thiết viết thành bài hát trầm thống:

Miền Trung nghèo lắm ai ơi, mùa Đông thiếu áo, Hè thời thiếu ăn, trời hành cơn lụt mỗi năm ...

Một quê hương có nhiều nét đặc thù không như những quê hương khác, một bóng râm chẳng giống một bóng râm nào, một hình ảnh vĩ nhân có chiều cao khả kính mà từ ngày thiếu thời cho đến lúc trưởng thành tôi hằng ấp ủ để được vươn vai hít thở chút khí khái tiền nhân qua lời ru hào sảng của Mẹ:

Mẹ can đảm như đoàn quân bách thắng.

Mớm cho con từng hơi thở hào hùng.

Đất Bình Định còn hai mùa mưa nắng.

Con phải làm rạng rỡ tiếng Quang Trung.

Từ đó hào quang người anh hùng áo vải đất Tây Sơn như thổi nam châm cực mạnh cuốn hút biết bao tâm hồn tràn đầy nhiệt huyết, trong lớp người trẻ ấy có tôi và những bè bạn cùng trang lứa say mê biết bao chiến tích lẫy lừng.

Đã xuất hiện nhân kiệt thế nào cũng phải có địa linh. Bài thơ *Bình Định Quê Tôi*, Nhạc Sĩ Xuân Diệu phổ thành cung bậc như Trường Sơn yếm thế, xin cho được khiêm nhường giới thiệu về một chút địa lý của tỉnh nhà:

*Có ai về Bình Định,
đi mạn Pleiku đổ xuống An Khê,
theo dòng sông Côn xuôi về hạ bạn,
gió cuốn cao nguyên từng đợt nã nê.
có ai về Bình Định,
uống nước Côn Giang nhớ vị anh hùng,
làm rạng rỡ giống nòi Lạc Việt,
sử sách vẫn còn ca tụng tiếng Quang Trung.
có ai về Bình Định,
qua sông Cầu,
lên dốc Cù Mông,
nhìn biển Qui Nhơn sóng trào gành đá,
bờ cát trắng phau quỳen lấy rừng thông,
có ai về Bình Định,
qua đèo Bình Đê,
đón gió Sa Huỳnh,
gió xú Quảng ngập Trường Sơn đổ xuống,
như tiếng kèn ngày Nguyễn Huệ dấy binh,
có ai về Bình Định,
thăm lăng quan Vũ thấp nén hương lòng,
thành khép kín ba năm tròn tiết tháo,
xin một liều độc dược quỳen sinh,*

*có ai về Bình Định,
đi Vũng Tô, Vũng Giếng, Vũng Nôm,
xem dân biển sống an nhàn ngư nghiệp,
sáng ra khơi rồi trở lại chiều hôm.
có ai về Bình Định,
dừng Tam Quan uống ược dừa tươi,
xem cô gái xứ dừa quay sợi,
tay xinh xinh và rúc rích tiếng cười,
có ai về Bình Định,
dừng lo trai An Thái,
gái An Vinh,
võ sĩ đạo chỉ thương người cô thế,
quyết ra tay khi công lý bất bình,
quê tôi đó,
xứ địa linh
nhân kiệt,
Tây rừng mình mà Tàu cũng kinh hồn,
ai còn nhớ thuở Cần Vương năm nọ,
vạn quân Thanh khiếp đảm tiếng Tây Sơn,
quê tôi đó,
dân hiền lành mộc mạc,
lo bữa trưa,
bữa tối,
qua ngày,
tuy sống nghèo,
nhưng đậm bạc,
vất mồ hôi trên những luống cày,
quê tôi đó,
người xưa thường nhấn nhủ,
thế hệ tương lai như nước sông Côn,
mang phù sa lấp biển, nung chí lớn Trường Sơn,
đem tình thương xoa dịu những oán hờn,*

*cho đất lành chim đậu,
cho bến ngọt thuyền neo,
như sông ôm trọn lưng đèo,
bờ dâu thăm thẳm, bóng chiều thuốt tha.*

Quê hương giờ ngàn trùng xa cách, những chiều cuối năm nhìn về quê mẹ như sống lại một quá khứ lầy lừng, tôi rón rén từng bước nghe âm vang của tuổi ấu thơ lội ngược thời gian vọng lên nỗi nhớ, chao ơi là kỷ niệm!

Những nẻo đường đất nước qua lăng kính của một quân nhân không bao giờ bị khúc xạ dù năm tháng và thể lực chính trị khó lòng xoi mòn ý chí.

NGUYỄN THẾ GIÁC



Nỗi Nhớ

*Ta về mang nửa hồn thương nhớ
Lặng lẽ miên man những đợi chờ
Người hỡi nhớ chẳng ngày tháng mộng
Qua rồi ta vẫn tưởng trong mơ.*

*Khi ấy ta là người du khách
Đến thăm vùng biển đẹp nên thơ
Hồn ta như lạc vườn hoa mộng
Đôi gót chân hoang những đại khờ*

*Lại nhận ra nhau tại nơi đây
Lòng xanh màu biển cuối chân mây
Bâng khuâng sóng bước bên bờ suối
Ngây ngất hương đưa mộng tháng ngày*

*Ôi phải là đây chốn thiên đường ??!
Có hoa thơm ngát suối yêu đương
Mênh mang đượm vẻ men tình tứ
Nhè nhẹ lâng lâng chết nửa hồn*

*Ta nhớ thật nhiều người nhớ không?
Ấy đêm ly biệt giấc mơ hồng
Bên nhau chung gửi niềm tâm sự
Ta hẹn nhau lòng giữ trắng trong*

*Ôi nhớ thương ôi nhũn cả lòng!
Ta về hồn nhẹ nửa hư không
Hồn ta vương vấn theo tình ấy
Thầm ước mai sau một cánh hồng*

*August 28, 81
2:30 PM trên chuyến phi cơ trở về Stockton
HỒNG AN*

Viễn Khứ

(1994 trước khi đi Mỹ một tháng)

*Nửa khuya thức giấc giữa đời,
Ô hay! mình đã ra người lưu vong,
Ở đây giờ cũng như không,
Mưa là con sáo sang sông mới là ...
Sông buồn phủ lấp niên hoa,
Long lanh ngấn nước ánh tà huy gieo,
Nghiêng lòng ai có nhìn theo,
Tri âm giờ đã hắt hiu bóng hồng,
Nửa đời ta một long đong,
Nghe từng hạt bụi cũng lòng xót xa;
Dẫu mai rực ánh dương hòa,
Buông khuâng gót lạ đâu là cố hương,
Mây Tần động kín trời thương,
Xanh xanh bờ liễu cuối đường biệt ly,
Âm thầm dưới bước chân đi,
Một trời xuân mộng lưu ly khúc buồn,
Giòng xuôi sẽ trở lại nguồn,
Mối tình non nước còn vương vấn nhiều,
Ngoài kia thế kỷ sang chiều,
Còn đây chút nắng diễm kiều xuân xưa .../.*

VÕ NGỌC UYÊN

TRUYỀN THỐNG TẬP QUÁN, THÓI QUEN VÀ LUẬT LỆ

Luật Sư JOHN P. LE PHONG

Hoa Kỳ là một xã hội mới. Mới vì chúng ta, thế hệ thứ nhất người Mỹ gốc Việt, đã sống, lớn lên và thấm nhuần một tập quán và thói quen khác. Và mới vì duy nhất trong các quốc gia hiện đại, Hoa Kỳ khởi sự và xây dựng từ đầu, không phải mang nặng một "truyền thống" nào mà xã hội không muốn, vì vậy những cơ chế ở đây không phải là sự áp đặt mà là chọn lựa sau nhiều suy nghĩ, nghiên cứu, bàn thảo, tranh luận, biểu quyết và chấp thuận bởi xã hội.

Cái "mới" đó đưa tới cho chúng ta nhiều vấn đề. Trước hết chúng ta phải trả lời câu hỏi nên hay không nên thay đổi thói quen, tập quán mang từ quê hương cũ. Thứ đến là vấn đề phải thích ứng với hoàn cảnh mới dù muốn hay không.

Bài viết này đôi khi viện dẫn hoặc đề cập đến những địa hạt khác nhưng mục đích chính là chỉ nằm trong khuôn khổ một bài nói chuyện về luật lệ và những gì liên quan tới luật lệ ở Hoa Kỳ. Bài này cũng chỉ xin giới hạn vào những vấn đề chúng ta gặp trong đời sống hằng ngày hoặc trong công việc làm ăn.

Dù cho có một số người cảm thấy sống ở đây miễn cưỡng, hiểu thấu đáo hoàn cảnh mới và thân trạng mới của chúng ta vẫn rất cần thiết. Cho những ai "xin nhận nơi này làm quê hương", sự hiểu biết ấy còn thiết yếu hơn

nữa, bởi vì chúng ta không chỉ "sống" mà thôi; chúng ta muốn tham gia và đóng góp vào xã hội mới. Tức là vấn đề "hội nhập".

A - TRUYỀN THỐNG, TẬP QUÁN VÀ THÓI QUEN.

Tục lệ hoặc truyền thống được tạo ra phần lớn do nhu cầu và tiện nghi. Nếu tục lệ và truyền thống có từ lâu vài ngàn năm chẳng hạn, nhu cầu và tiện nghi đó phải rất là căn bản và khẩn thiết liên hệ tới thể chất hoặc cá tánh đặc biệt, hoặc sự tồn vong của một gia đình, một bộ lạc hoặc một dân tộc. Ví dụ điển hình là truyền thống "trung hiếu tiết nghĩa" trong xã hội Việt Nam. Thay đổi những truyền thống tập tục đó không phải dễ và không phải lúc nào cũng nên làm hoặc làm một cách hấp tấp.

Một ví dụ là đối chọi truyền thống gia đình và đại gia đình của người Việt (nâng đỡ và nương tựa lẫn nhau, hợp với bản chất và thể chất của người Á Châu) với cái "rugged individualism" (chủ nghĩa cá nhân) trong xã hội Hoa Kỳ được xiển dương và ca ngợi qua những biểu tượng và hình ảnh như James Bond, Davy Crockett, Lone Range v.v... mỗi cá nhân tự cường và tự tiến. Phần lớn chúng ta có lẽ đã nhận thức rằng quan niệm sống nặng nề về cá nhân đó không hẳn phù hợp với bản chất của người Á Châu. Vì vậy, sự thay đổi về quan niệm cũng như cách sống - từ nặng về gia đình sang nặng về cá nhân - phải có lý do thật nghiêm trọng và chỉ đi đến quyết định chọn lựa, nhất là bởi thế hệ trẻ, sau nhiều suy tư cân nhắc và đắn đo.

Ngược lại, chúng ta cũng phải ý thức rằng có những "truyền thống", "tập tục" hay "thói quen" torng xã hội Hoa

Kỳ đã được tuân phục, kính trọng sâu xa và bảo tồn là vì những truyền thống đó đã được cấu thành từ nhận thức và tin tưởng của những phần tử trong xã hội rằng những truyền đó hữu ích cho cá nhân và xã hội, làm cho đời sống tốt đẹp hơn và an ninh hơn. Vì vậy là những phần tử mới trong xã hội này, chúng ta nên biết về những truyền thống, tập tục và thói quen đó, nên vào khuôn khổ và nên noi theo, bởi vì từ bỏ tập tục cũ như ngủ trưa và theo tập tục mới không ngủ trưa không những không có hại mà thật sự làm gia tăng sức khỏe, sinh lực và tích cực trong tánh tình. Hoặc từ bỏ thói quen biếng nhác đẩy việc cho người khác và học thói quen mới ham làm việc, từ đó dẫn dắt đến sự thành công về vật chất và thỏa mãn về tinh thần.

Sau cùng, có loại "truyền thống" mà chúng ta công dân mới không theo không được đó là luật và lệ (tôi dùng chữ lệ để chỉ chung cho tất cả những gì không phải là luật - tức là không có chế tài chính thức - nhưng vẫn ràng buộc như quy ước, quy định, tập quán, tục lệ, nội quy, convention v.v...). Chúng ta có thói quen đến dự tiệc cưới trễ một hoặc hai giờ. Đúng giờ (punctuality) là một trong những cái "lệ" rất quan trọng ở Mỹ. Trong nhiều trường hợp đúng giờ không phải tự nguyện mà là một điều bắt buộc, và không đúng giờ có thể đưa đến những hậu quả như mất một cơ hội, hoặc mất cả việc. Ngay cả nếu sự trễ nải không đưa đến những hậu quả trầm trọng nhưng gây nhiều bất tiện cho người khác, chúng ta cũng phải nên tập đúng giờ. Hình như cụ Phạm Quỳnh có nói rằng trình độ văn minh của một xã hội do bằng mức độ nghi thức xã hội (social etiquettes) được tôn trọng trong xã hội đó.

Và đó là một khía cạnh mà tôi muốn được nhấn mạnh ở đây: tinh thần tôn trọng luật lệ, TỰ NGUYỆN - một khả

năng - làm đúng luật lệ. Đó là một truyền thống cao quý của văn hóa Anh Mỹ (Anglo-American).

B - LUẬT PHÁP: HỆ THỐNG THẦN KINH CỦA MỘT XÃ HỘI.

Xã hội như cơ thể con người. Một cơ thể muốn được lành mạnh, hai hệ thống căn bản nhất là kinh mạch tuần hoàn và thần kinh phải hoạt động hữu hiệu. Trong một xã hội tư bản như Hoa Kỳ, tuần hoàn là hệ thống tài chính và thần kinh là hệ thống luật pháp. Muốn được hữu hiệu, luật pháp cần phải được tôn trọng, bởi người dân và bởi cơ quan công quyền có trọng trách thi hành luật pháp. Có rất nhiều quốc gia trên thế giới rất đầy đủ luật lệ. Tuy nhiên sự thành công của một xã hội không đo bằng số lượng văn bản luật mà bằng mức độ tuân theo luật của người dân. Mức độ tuân hành đó tùy thuộc hai yếu tố: khả năng áp dụng luật và truy tố (prosecute) những ai vi phạm luật; và tinh thần tôn trọng luật pháp của công dân và của những cơ quan áp dụng và có thẩm quyền truy tố. Bài viết này chỉ giới hạn vào vấn đề tinh thần tôn trọng luật lệ.

C - LUẬT LỆ VÀ NHỮNG SINH HOẠT HÀNG NGÀY.

Nếu muốn thử cho biết, chúng ta sẽ gặp rất nhiều khó khăn đi tìm địa hạt nào, khía cạnh nào trong đời sống hằng ngày ở Hoa Kỳ mà luật lệ KHÔNG chi phối. Vì vậy khi làm, hoặc không làm, bất cứ điều gì phải luôn luôn giả dụ điều ngược lại, tức là mọi địa hạt đều có luật lệ chi phối.

Đứng ở bất cứ nơi nào, thử nhìn quanh các bạn sẽ thấy không có cái gì không được qui định bởi luật và lệ. Chiều dày của bức tường, chiều cao của cái bàn, đường đi, chiều ngang của mỗi "lane", trọng lượng của xe cộ, v.v... Ngay những ngành mới mẻ như internet và e.commerce, luật pháp cũng đã bắt kịp.

Có một thời gian câu chuyện rất thường được kể lại một cách hào hứng ở những cuộc gặp gỡ của người Việt là đương sự (người kể chuyện) đã bị cho giấy phạt vì tội băng qua đường. Một người Ba Tư (Iranian) ở Texas bị truy tố ra tòa trong thời gian Ba Tư đang chiếm tòa Đại sứ Mỹ, về tội lấy MỘT trái nho ăn trong một tiệm bán thực phẩm. Một nghị viên của thành phố Walnut, gốc người Hoa bị bắt vì, sau khi pager kêu, vội chạy ra cái pay phone PHÍA BÊN KIA quây tính tiền của chợ Albertson's và cầm theo mấy món hàng chưa trả tiền. Cách nay không lâu, một người bị kết tội (convicted) ở Michigan vì đã chửi thề trước mặt con nít. Ở Florida, một cặp vợ chồng du khách người Anh bị cho vô tù vì tội để con dưới tuổi trong phòng khách sạn không người coi, rồi đi xuống lầu dưới. Tôi không nhớ rõ ở tiểu bang nào, có thể là California, mang dép lái xe là một vi phạm luật lưu thông. Tất cả những vi phạm trên, rất là vụn vặt tầm thường, đều có quy định trong luật.

Không ai dám nói là biết tất cả mọi luật lệ ở Hoa Kỳ. Luật sư thì lại còn phải khiêm nhường hơn và ít nói hơi vì họ BIẾT là mình không biết hết luật được. Hơn nữa họ còn biết rằng họ cũng KHÔNG biết rõ luật HÔM NAY có còn đúng như luật mà họ đã tham cứu (research) và cố vấn cho thân chủ ngày HÔM QUA áp dụng cho CÙNG một vấn đề hay không. Họ phải tham cứu lại mỗi khi một

thân chủ mới tham khảo hoặc mỗi khi họ phải đương đầu với cùng một vấn đề trong một vụ kiện mới.

Nói như vậy không có nghĩa trước khi bước chân ra đường chúng ta phải "legal research" hoặc lúc nào cũng rụt rè lo âu là sắp phạm luật.

Trước hết, luật lệ phổ thông thường được công bố và phô trương rõ ràng: không được đi trên cỏ, không được chạy quá 65 MPH, không hút thuốc trong thang máy v.v... Thứ đến, thể thức xin giấy phép: tòa thị chính sẽ cho chúng ta biết không được sơn nhà, ví dụ, màu hồng; thuế quan sẽ cho biết không được mang chân gấu vào trong nước. Rồi đến chuyên viên. Nếu không biết rõ, tham khảo hoặc thuê chuyên viên.

Một ông bị thương nặng vì thắng xe không ăn và cái xe ông đang lái húc vào xe chở rác quay một vòng rồi lật ngược. Ông nhờ văn phòng tôi kiện hãng sản xuất xe đổ lỗi cho hãng này làm thắng xe xấu. Sau khi mất rất nhiều thì giờ và tiền bạc, sự thật được phơi bày: con trai của ông tự thay bố thắng mà không biết "bleeding" (cho chảy dầu thốt cũ). Không những ông không được bồi thường mà còn suýt chết. Câu chuyện này tuy ít dính dấp tới luật lệ nhưng nó nhấn mạnh vai trò quan trọng của một chuyên viên và sự cần thiết phải tham khảo chuyên viên.

Tránh đừng tham khảo ông hàng xóm. Ở những bữa tiệc, party hoặc nhóm họp, khi có ai hỏi một câu hỏi mà câu trả lời đòi hỏi một kiến thức chuyên môn nào đó, ví dụ y khoa hoặc luật pháp, chúng ta để ý thấy là các vị bác sĩ hoặc luật sư rất ít vì sợ nói sai. Còn người nói nhiều thao thao bất tuyệt thường là người không ở trong ngành chuyên môn đó.

Phương cách bảo vệ hữu hiệu nhất cho chúng ta, những công dân trung bình, là thiện chí. Trong cái nghĩa

là chúng ta THÀNH THỰC không biết. Đối nghịch với CỐ TÌNH. Nguyên tắc vẫn là không biết luật không phải là sự bào chữa hữu hiệu (good defense). Tuy nhiên, thành thực và không cố tình giúp tránh bị truy tố (prosecuted), và nếu bị truy tố thường được giảm khinh và nhẹ tội hơn.

Ví dụ, một vài tiểu bang không cho quẹo phải khi đèn lưu thông đỏ. Nhưng nếu người lái xe là California, cảnh sát ở tiểu bang đó sẽ châm chước vì hiểu là người lái THỰC TÌNH không biết, vì ở California được quyền quẹo phải. Một ví dụ rất ưa chuộng của tôi là ba ông về nhà bắt quả tang vợ mình đang làm tình với một người đàn ông khác trên giường. Cả ba ông đều giết tình địch. Nhưng ông thứ nhất bị xử tội cố sát đệ nhất (first degree murder), ông thứ hai cố sát đệ nhị (second degree), và ông thứ ba đả thương nhân thương trí mạng (manslaughter), hay có thể trắng án. Tất cả tùy thuộc vào mức độ thành thực và không cố tình.

D - LUẬT LỆ VÀ CÔNG VIỆC LÀM ĂN

Nếu biết luật quan trọng cho tư nhân, thì biết rất cần thiết cho công việc làm ăn. Như đã trình bày ở trên, thành thực không biết luật có thể tránh được tù tội. Nhưng vi phạm luật - luật công hoặc khế ước giữa tư nhân - dù không cố tình vẫn phải trách nhiệm trả tiền phạt vạ cho chính phủ và hoặc tiền bồi thường thiệt hại cho cả tư nhân và chính phủ. Không có vấn đề giảm khinh.

Cách đây không lâu tôi có một người khách hàng đi thuê 10,000 SF để mở chợ, trông nhờ vào một người broker địa ốc lo khế ước thuê mướn. Mỗi trường hợp thuê mướn thường có vài điểm dị biệt và khế ước phải tiên liệu hậu quả của những dị biệt đó. Trong trường hợp này người

thuê dùng mẫu thuê mượn thông thường (standard lease agreement). Khế ước ký. Tiền cọc đặt. Tòa thị chính bác đơn xin mở chợ. Người thuê không những không đòi lại được tiền cọc mà còn bị chủ đất kiện đòi trả đủ trị giá của cái khế ước. Trường hợp thứ hai một bà mua tiệm sắn sóc móng tay. Ông chồng bác ý kiến của bà nhờ văn phòng tôi duyệt qua cái khế ước mua tiệm vì theo ông, tiệm mua không đáng giá bao nhiêu không đáng phải trả mấy trăm cho luật sư. Vào khoảng chín tháng sau họ trở lại bị người bán kiện. Sau vụ kiện, dù rằng họ thắng kiện, họ phải chịu phí tổn vào khoảng sáu lần tiền tham khảo.

E- LUẬT LỆ VÀ NHÂN VỊ CỦA CHÚNG TA.

Nhân vị tôi dùng ở đây chỉ giới hạn trong nghĩa Dignity. (Giáo sư William J. Duiker, Pennsylvania State University, dịch chữ "nhân vị" - từ chữ "chủ nghĩa nhân vị", một triết thuyết tạo dựng và khai triển ở Việt Nam bởi ông Ngô Đình Nhu - là "personalism"). Chữ dignity dịch thoát là giữ phẩm giá và thể diện của mình. Khi chúng ta có tinh thần trọng pháp và hiểu biết luật pháp, chúng ta sẽ bảo tồn được nhân vị và tư cách trong bất cứ trường hợp nào.

Đây là một câu chuyện tôi được nghe kể lại. Nghĩ cho kỹ, tôi thấy người kể có thêm bớt và vì vậy có thể không chính xác cho trường hợp cá biệt đó, nhưng lại rất gần với hiện trạng chung trong cộng đồng Á CHÂU. Một ông đang lái xe thì bị cảnh sát công lộ chặn lại. Khi nhân viên công lực này tiến lại gần thì ông mở cửa định bước ra. Ông công lộ bảo ông ngồi trong xe đừng ra, ông cứ nhìn nhở cười (Việt tánh, như cụ Nguyễn Văn Vĩnh đã nhận xét, cái gì cũng cười) và nhanh nhẩu bước ra. Do

huấn luyện và cũng do trực giác, ông công lộ bước lui ba bước và sẵn sàng. Ông lái xe vẫn cứ nhẫn nhủ bước tới và đưa tay ra như thể muốn vỗ vai ông công lộ. Ông công lộ rút súng ra, ông lái xe như bị dội một thùng nước đá, người vừa xanh vừa run, đưa tay lên và một tờ giấy \$20 từ trong tay ông rơi xuống đất. Sở dĩ nhân vị, phẩm giá và thể diện rơi rụng như vậy là do ông không thông hiểu hoặc hiểu sai luật pháp ở Hoa Kỳ.

Hiểu rõ rằng luật lệ đặt ra là để bảo vệ xã hội và công dân, thì không có lý do gì mà công dân phải "xuống nước" với một nhân viên chính phủ, một người được trả lương bởi công dân để bảo vệ công dân bằng cách áp dụng luật pháp. Hiểu rõ rằng luật pháp phải được tôn trọng trong lối sống và hành xử hằng ngày của mình, thì trong bất cứ trường hợp nào chúng ta cũng đứng vững. Lỡ bị câu lưu, trình bày cho nhân viên công lực quan điểm của mình. Nếu họ không chấp nhận, ra tòa. Câu chuyện trên nếu có thực thì người lái xe, vì hiểu sai luật pháp và tinh thần tôn trọng luật pháp không những đã tự đưa mình vào nguy hiểm, mà cái giấy \$20 có thể mua cho ông ta trên một năm tù dễ dàng.

Bài học công dân giáo dục của câu chuyện trên là, nếu chúng ta làm (hoặc ngay cả chỉ tin tưởng là mình làm) đúng luật, không lý do gì chúng ta phải quỳ gối cuối đầu (hoặc ngay cả cười nhẫn nhủ).

F - LUẬT LỆ VÀ CÔNG DÂN GIÁO DỤC

Một học giả Trung Hoa, trong một lúc quá chán ngán, đã lớn tiếng hỏi rằng tại sao xã hội Trung Hoa tương đối không tự do và tạp chủng như Hoa Kỳ mà công dân Hoa

Kỳ xem ra lại trật tự và nền nếp hơn, hay - như người Việt mình thường hay nói - có "giáo dục" hơn?

Có nhiều lý do. Áp lực của những người chung quanh và đoàn thể là một. Có sự e dè và nể trọng khi đối xử với người khác (hãy nghĩ tới quyền mang súng của ông hàng xóm). Nhưng lý do quan trọng và rõ ràng nhất là luật và lệ. Sự thành công và sáng giá của luật lệ ở Hoa Kỳ dựa vào hai yếu tố: thứ nhất khả năng và mục tiêu giáo huấn và hướng dẫn của luật lệ; thứ hai khả năng thi hành (enforcement) và áp dụng luật lệ. Ở đây tôi chỉ xin đề cập đến vấn đề giáo dục và hướng dẫn mà thôi.

Trên bình diện tổng quát, luật lệ Ở HOA KỲ được lập ra với mục đích phục vụ quyền lợi của công dân và làm cho xã hội TỐT ĐẸP hơn, sau khi mọi phe nhóm đã bày tỏ ý kiến và để luật được tranh cãi sâu xa rộng rãi trước khi thành luật. Thế thức làm luật đó cho phần lớn dân chúng thấy rằng đây không phải một cái ách đặt lên vai mình bởi một cá nhân hay phe nhóm nào đó.

Tôn trọng luật lệ, tức là làm (hoặc không làm một điều gì) một cách đúng luật do đó sẽ có lợi cho mình. Làm đúng luật biểu lộ một KHẢ NĂNG một công dân nên hãnh diện, như khả năng thả quả bóng vào trong cái rổ, ca đúng giọng, hoặc làm kế toán. Thành thử không những anh rất hãnh diện làm đúng luật mà anh sẽ rất khó chịu và cảm thấy tội có vẻ "thấp" khi tôi vi phạm luật. Với tháng năm cố gắng làm đúng luật, trong mỗi một chúng ta nảy sinh những thói quen mới, cảm nhận mới đưa đời sống của mình lên một bình diện "cao" hơn.

Dĩ nhiên có người không hiểu như vậy và cố tình vi phạm luật. Đó là yếu tố thứ hai đề cập ở trên, law enforcement, mà nếu có dịp tôi lại xin góp ý.

G - TINH THẦN TÔN TRỌNG LUẬT LỆ: YẾU TỐ TỐI HỆ CỦA XÃ HỘI HOA KỲ

Tinh thần tôn trọng luật pháp là yếu tố căn bản nhất giải thích được tại sao một xã hội thành công hay thất bại trong sự dân chủ hóa, và tại sao một xã hội dân chủ thành công và phát triển về cả phẩm lẫn lượng trong khi một xã hội dân chủ khác gặp khó khăn. Vì Hoa Kỳ là xã hội dân chủ thành công nhất trên hai phương diện đó (kinh tế - quân sự và phẩm chất về đời sống, đo lường bằng mức độ tự do, y tế, giáo dục, cơ hội tiến thân v.v...), tinh thần tôn trọng pháp có thể nói đã đạt tới mức như một tín điều. Hiểu được điều đó, thì chúng ta phải hiểu rằng "thói quen" cũ coi thường luật và lệ nên bỏ càng sớm càng tốt và tôn trọng luật pháp là một "thói quen" mới chúng ta phải thấm nhuần và thực hành hằng ngày.

Một vài ví dụ điển hình. Trong một cuộc bàn thảo về nội quy của một hội đang được thành lập, một tham dự viên bày tỏ sự lo ngại là một điều khoản trong bản thảo nội quy có thể vi phạm luật của Hoa Kỳ. Một tham dự viên khác, vừa ở Việt Nam sang, đập bàn lớn tiếng là ông ta đã bị cộng sản cầm tù bao nhiêu năm, ông không cần biết nội quy có vi phạm luật hay không miễn chống cộng là được rồi. Đó là vi luật. Vừa rồi có một bài báo đề cập về vụ ông hội trưởng một hội ở Houston bị hội viên chất vấn vì đã làm nhiều điều sai nội quy. Phu nhân của ông hội trưởng ném cuốn nội quy và hỏi rằng tại sao lại phải cãi nhau về một mớ giấy lộn. Đó là vi lệ. Ngoài vấn đề vi lệ có thể đưa tới hậu quả trầm trọng như vi luật, tôn trọng lệ là một yếu tố tối hệ để giữ cho xã hội được trật tự và từ đó mới có tiến bộ, triển khai và thịnh vượng.

Hai thí dụ này cho thấy đối với người Mỹ gốc Việt chúng ta con đường còn dài trước khi có thể thấm nhuần tinh thần tôn trọng luật lệ.

KẾT LUẬT

Cho tới những năm gần đây, dân Á Châu chỉ được coi như công dân hạng hai. Điều bất hạnh là trong xã hội Hoa Kỳ chỉ có hai hạng.

Ngày nay, đã có những tiến bộ vượt bậc. Chúng ta có đại diện trong chính phủ Clinton, trong Hạ Viện, trong Thượng Viện, trong tòa án cấp cao. Chúng ta có CEO trong ngành chứng khoán (Fidelity), CEO trong ngành điện toán hardware (Sybase, Inc.), software (Computers Associates, Inc.), và rất nhiều executives ở cấp cao ở những công ty lớn như Disney, Pacific Life. Giỏi về chuyên môn không tạo một executive. Phải có tư cách (character) mới gây được sự nể phục và tin tưởng cần thiết để quản trị điều hành và lãnh đạo người khác, nhất là khi những "người khác" đó qua hàng trăm năm đã đồng hóa người Á Châu với người ở, "cu li" đường rầy xe lửa hoặc bồi bếp.

Có nhiều yếu tố giúp cho chúng ta thành đạt được trong vấn đề hội nhập. Siêng năng, có sức khỏe, thông minh, lương thiện, trung thực v.v... Những yếu tố chính CĂN BẢN và đầu tiên là hiểu luật lệ và có khả năng kiên trì theo đúng luật lệ trong công việc cũng như trong đời sống riêng tư. Thử tưởng tượng muốn trở thành một ngôi sao bóng rổ nhưng không biết hoặc không chịu khép mình vào luật bóng rổ. Đó là lý do tại sao Dennis Rodman bị loại dù rằng không ai chối cãi khả năng vượt bậc của ông. Cựu dân biểu Day Kim, một "ngôi sao mới" được đảng

Cộng Hòa cổ động và hỗ trợ nhiệt liệt, không những mất chức mà còn bị truy tố và lãnh án vì vi phạm luật.

Biết luật không khó. Thư viện có khắp nơi. Tham khảo luật sư không tốn kém nhiều (hay ít nhất không tốn bằng đi tìm luật sư sau khi vi phạm luật). Biết luật và khép mình tuân theo luật lệ là khả năng đầu tiên những người Việt còn trẻ phải làm chủ để bảo đảm cho tương lai của mình không bị trở ngại.

Và đối ông bạn với tờ giấy \$20 kể trên, tôi xin cố vấn ông như thế này. hãy bình thần ngồi trong xe đợi ông công lộ đến, hạ cửa xe xuống:

"Hello officer, tôi đã làm cái gì sai vậy? Oh! Tôi lái quá vận tốc à? Tôi tin rằng tôi chỉ chạy có 65 miles một giờ. Oh! Ông có clocked tốc độ của xe tôi? Như vậy có lẽ tôi lái hơi nhanh nhưng thực sự tôi cứ nghĩ là tôi lái trong phạm vi vận tốc. Có thể nào officer bỏ qua cho tôi lần này hay không? Oh! Không được, Thank you anyway."

Đỉnh đạt ngồi chờ nhận giấy phạt (đưa lên môi một điều thuốc nếu có thể), đỉnh đạt chào ông công lộ và đỉnh đạt lái xe đi.

Ông sẽ giữ được sự thanh thản trong tâm hồn, giữ được dignity, và giữ được sự kính trọng của con cháu.

Luật Sư JOHN P. LE PHONG

"BACK TO THE PAST"

Trương Gia Ban, Ph.D.

Benjamin Franklin advised his readers to "eat to live and not live to eat." That quotation was published over 200 years ago, but still holds true today. Currently, over 50% of Americans are overweight and many health problems associated with excess body fat storage is increasing at an alarming rate. To understand the underlying cause of our demise, we should explore behaviors and feeding strategy of our early ancestors. For the first 300 centuries of existence, humans survived by hunting and gathering. Our survival was dependent on our constant pursuit of wild animals and following of the maturation of fruits and vegetables. Unable to store food for long duration, consumption of foods was immediate and famine was a frequent occurrence. The human bodies have evolved to survive on a diet of wild fruits and vegetables, to survive periods of low food supply, and to sustain a physical demanding lifestyle.

Today, we are the hunted. We are constantly being pursued by chain of fast food restaurant and grocery stores offering larger portions for less money. The foods we consume bear little resemblance to the foods available to our ancestors. Sugar, salt, alcohol, oils, margarine, synthetic fat, preservatives, and butter are typical parts of our diets. To compound the problem, we do not have to

engage in strenuous physical activity to obtain food, and our feasts are no longer followed by famine. Hence, the storage of body fat is no longer a necessity but rather a burden.

Now our diets and lifestyles have much diverged from our ancestors. Today, health problems such as heart disease, cancer, hypertension, and diabetes are thought to result partly from diets that are vastly different from our ancestors. It is hypothesized that human body performs best on a diet that is low in fat and sodium, contain moderate amount of protein, and is high in fiber, complex carbohydrates, and vegetables and fruits. Western style of eating which consists of high fat, high protein, and low fiber, fruits, and vegetables seem to elevate disease rates. For example, people in Japan live longer than anyone else in the world, until they move to the United States. In Japan, diets consist mainly of rice, vegetables, and small amounts of fish or meat. When Japanese people move to the United States, their diets change to include more meat and fat and less complex carbohydrate. They, too develop diabetes, heart disease, breast cancer, and colon cancer.

The major causes of death in Americans are from heart disease and cancer; these diseases account for over 55% of all deaths. Diets that are high in saturated fat (typically found in animal product) and cholesterol are linked to the development of heart disease. Additionally, low fruit and vegetables consumption is associated with certain types of cancer such as breast and colon cancer. People do not have innate quality to select a healthy diet. If given a choice, people show a marked tendency to choose a diet high in meat and fat and low in carbohydrates. Such a trend in American diets, which

consist of high salt or sugar and low in dietary fiber, vegetables, and fruits will heighten our risks for chronic diseases.

The topic of nutrition has received much attention the last few decades and for good reasons. Nutrition is an important factor that contributes to health and longevity. However, nutrition remains to be a much complex and least understood topic in our society. As a society, we are constantly bombarded with misleading advertisements, nutrition supplements, over abundance of foods, herbal supplements, and fast food restaurant. Furthermore, we continue to seek for a magical pill that promote health and enhance longevity. In actuality, nutrition as a science is complex but our food selection should remain simplistic. We can learn much from our early ancestors. Our food selection should consist of mainly unprocessed plant products and complement will meat and dairy products. For simplicity, we can achieve the necessary nutrients by shopping at the perimeter of a grocery store, consisting of produce, bread, meats, and dairy products; it is when we enter the rows in the grocery store that we purchase foods not intended for optimal health.

To simplify the food selection, there are dietary guidelines recommended by health professionals that have stood the test of time, and remain an icon for reducing the risk of chronic disease. These guidelines are as followed: balance the food you eat with physical activity, eat a wide variety of foods, choose a diet low in total fat, saturated fats, and cholesterol, choose a diet with plenty of whole-grain products, legumes, fruits, and vegetables, choose a diet moderate in sugars, choose a diet moderate in salt and sodium, and moderate amount of

alcohol. By following these simple dietary guidelines, we can improve our health and increase longevity, matching the food selection and physical activity of our early ancestors. If we remember to "eat to live, not live to eat," we can stop the chain of improper nutrition and inactive lifestyles.

NHÂM DẦN NGUYÊN ĐÁN THÍ BÚT

*Nguyên chánh nhất nhật hảo tình hòa
Vạn vừng canh tân hỉ khí đa
Dục hướng Hồng Lam thông nhất vấn
Thập niên du khách ý như hà?*

ĐÀO TẤN

NGÀY ĐẦU NĂM NHÂM DẦN (1902) thử bút

*Nguyên đán trời trong dịu ngọt ngào
Phong quang thay đổi đẹp thêm vào
Một lời muốn hỏi Hồng Lam nhé
Khách ở mười năm, đấy nghĩ sao?*

VIỆT THAO phụng dịch

FIBROMYALGIA SYNDROME

TRINH GIA TRUONG, M.D.

Many of us experience intermittent muscle ache and pain some time in our lives. Frequent or chronic muscle tightness and painful spasm can be symptoms of fibromyalgia syndrome (FMS). Fibromyalgia syndrome can be confusing to the clinicians and frustrating to patients. The cause of fibromyalgia is still unknown. The condition is characterized by diffuse achiness, stiffness around the neck, shoulder girdle, and low back areas. Patients who suffer from FMS often complain of fatigue and sleep difficulty. Diffuse stiffness can be worse in the morning, but it may last and intensify throughout the day. Achiness can vary from day to day. External factors such as sudden vigorous exercises, inactivity, emotional stress, adverse weather conditions can cause flare-ups in patients with fibromyalgia. Other presenting symptoms often associated with FMS include irritable bowel (diarrhea), tension headaches, numbness and tingling sensation, or swollen sensation in the extremities. Fatigue, as mentioned above, is a prominent feature of this syndrome, but is probably due to dysfunctional sleep pattern (frequent tossing and turning even though the patients feel that they have adequate sleep). Fibromyalgia affects female 3 times as much as

male with the peak incidence in the 20 to 60 year old age group.

Since fibromyalgia can mimic many conditions affecting the musculoskeletal system, diagnosing FMS will require a thorough history and physical examination from the clinician and laboratory tests to rule out underlying conditions. FMS can exist alone or in conjunction with other clinical entities. Physical examination often discloses multiple tender-points that are in pairs and characteristic of fibromyalgia syndrome as outlined by the American College of Rheumatology.

Patients with fibromyalgia should be reassured that it is not a deforming or life threatening condition. It is frequently a chronic condition; therefore, it will require quite a bit of effort from the patient to maintain a regular exercise program. A daily stretching program shown to the patients by a physical or occupational therapist, followed by aerobic exercises (aquatic aerobics, walking, running) is extremely essential to the management of FMS. A well-tailored exercise regimen with particular attention to the patient's level of tolerance and underlying condition is necessary for the patient compliance. Treatment of dysfunctional sleep pattern is equally important. A low dose Tricyclic antidepressant or muscle relaxant at night can help the patients to restore the deep sleep pattern. As a result, they often feel less pain and fatigue during the day. Since the condition is often chronic, narcotic pain medications and benzodiazepams should be avoided as the patients can build up tolerance over time with these medications. In patients with severe trigger-points referred pain/tension headaches, selective and judicious trigger-point injections with local

anesthetics, followed by immediate stretching of the involved muscles can be done. Other modalities such as heat, traction, electrical stimulation may be beneficial temporarily.

In summary, fibromyalgia syndrome is a bothersome condition, but it can be treated successfully with conservative measures. It is important for those who are afflicted with this condition to be in charge of their treatment program. Be positive, be active and don't let the pain take over your life.

TRINH GIA TRUONG, M.D.

Chuyện cười:

Đêm 30/9/82 Đồng bào phường Trung Cường (Khu II) Qui Nhơn tập trung về bãi sinh hoạt để nghe cán bộ thuyết trình về tài nguyên của đất nước. Cán bộ đang oang oang: "Đất nước ta giàu lắm, rừng vàng bể bạc hầm mỏ vô kể; nào mỏ vàng ở Bồng Miêu mỏ kẽm ở Đức Bố, mỏ than ở Nông Sơn ... v.v" Trong đám đông tham dự dưới khán đài có người cắt ngang đòi xin phát biểu:

"Cán bộ nói còn thiếu ..."

Cán bộ hớn hờ: xin anh tiếp tục

Anh ta nói liền: "tôi xin bổ túc ..."

Còn một cái mỏ nói láo nữa!!!

BẢY BÚA

Nhớ Về Bình Định

Thương về Trường Định, Bình Khê,
Nao nao dạ nhớ, tình quê mặn mà.
Non sông cách trở quan hà,
Như trong gang tấc hồn ta lại gần.
Xuân thu trải mấy phong trần,
Hương quê hồn quyện như chùng dâu dây.
Bảy năm dẫu ái thơ ngây,
Dưỡng nuôi khôn lớn, tháng ngày chờ mong.
Cha theo sự nghiệp lập công,
Mỗi năm về tết một lần gặp nhau.
Mẹ hiền ôm địu con đầu,
Mong ngày đoàn tụ công hầu vinh quang.
Mai đây áo gấm về làng,
Vinh qui bái tổ công nàng chẳng quên.
Xanh xanh một thoáng không tên,
Bảy năm thắm thoát mộng mênh tháng ngày.
Ngoại tôi an ủi canh chầy:
Chồng, cha đoàn tụ sum vầy có nhau.
Ngoại hiền nghĩa nặng tình sâu,
Bóng hình của ngoại đậm màu trong tim.
Lung linh nắng đổ quanh thêm,
Vọng nghe giọng hát êm đềm xa xa:
"Em về Đập Đá quê cha,"
"Gò Găng quê mẹ Phú Đa quê chồng"
Cách xa Bình Định ngàn trùng,
Nhớ về Bình Định tơ lòng khôn nguôi:
"Ai về Bình Định mà coi,"
"Đàn bà Bình Định cầm roi, đi quyền"

Cali, Thu Canh Thìn (9/2000)

TRƯƠNG HỒNG ÂN

TỨC TƯỞI

NGUYỄN TRÁC HIẾU

Một loạt đạn AK nổ vang đánh thức tôi dậy. Tôi lăn xuống khỏi giường, nằm sấp trên sàn nhà nghe ngóng. Có tiếng nhiều người la hét và tiếng chân chạy rầm rập ngoài đường.

- Đứng lại Đứng lại không tao bắn!

Rồi một loạt đạn AK nữa nổ gần hơn. Tiếng đạn rít trên mái nhà tôi nằm.

- Bắt chúng nó lại! Bắt chúng nó lại!

Tôi trườn người lại gần vách lá ghé mắt nhìn ra đường. Trời tờ mờ sáng. Một toán công an CS năm bảy tên đang đuổi bắt mấy người mặc thường phục. Tôi thoáng thấy hai thanh niên hốt hải chạy quẹo vào một ngõ hẻm. Mấy tên công an có súng theo họ bèn gót. Hai thanh niên khác vớt chiếc xe gắn máy mà họ đang cưỡi bên lề đường, chạy nhanh về hướng căn nhà tôi đang trú ẩn. Chạy được khoảng ba bốn mươi thước, một trong hai người quẹo phải nhảy qua một hàng rào thấp, lẩn vào sau nhà dân. Người thứ hai, mặc sơ mi trắng, quẹo trái, gặp ngõ cụt lúng túng không tìm được lối thoát đành đưa tay lên trời khi hai tên công an đuổi tới gần. Một tên công an, mặt dềng dềng sát khí, tiến nhanh đến sát người thanh niên và động mạnh một báng súng AK vào bụng anh. Tôi

nghe một tiếng hự thoát ra từ miệng người thanh niên. Anh gầy gập người, ôm bụng.

- Chạy hả! Chạy hả! Tính trốn được các ông đấy à?

Tên công an vừa hét vừa tống thêm một báng súng nữa vào má trái của anh. Anh ngã nhào trên mặt đường. Máu mũi, máu miệng anh chảy tràn ra thấm đỏ chiếc áo trắng anh đang mặc. Người thanh niên lồm cồm ngồi dậy, miệng lẩm bẩm nói gì tôi không nghe rõ. Tên công an thứ hai vừa đến, thẳng cẳng đá thốc vào ngực anh. Người thanh niên ngã ngửa, quần quai trên mặt đường.

- Tại sao ông hô đứng lại mà mày không đứng lại?

Một tên công an giận dữ hét.

- Tôi nghe tiếng hô nhưng không thấy các ông đâu và khi nghe tiếng súng tôi sợ bị trúng đạn nên mới chạy.

Người thanh niên thều thào đáp. Tên công an vẫn giận dữ, quát tháo:

- Mày ngoan cố. Mày không có mắt hay sao mày không thấy chúng ông ngồi ngay bên trong cửa số đó?

- Thật tình tôi không thấy.

Người thanh niên đáp. Tên công an lại hét:

- Quỳ xuống! Mày quỳ xuống đây.

Người thanh niên còn ngần ngừ thì tên công an đã đá thật mạnh vào sau gối anh làm anh ngã quỵ trên hai chân.

- Ông bảo mày quỳ xuống. Cứng đầu hả?

Đơn độc, tay không trước mấy họng súng AK, người thanh niên đành làm theo lệnh của bọn công an. Máu vẫn tiếp tục chảy ra từ miệng và mũi anh.

- Chúng mày chở nhau đi đâu lúc trời chưa sáng?

Một tên công an hạch hỏi.

- Chúng tôi về quê thăm gia đình.

- Gia đình mày ở đâu?

- Ở cách đây mười cây số.

Chỉ vào chiếc xe gắn máy nằm trên đường, tên công an hỏi:

- Còn chiếc xe kia của ai?

- Của em tôi cho tôi mượn.

- Em mày ở đâu? Giấy tờ xe đâu đưa đây coi.

- Em tôi ở Sài Gòn. Giấy tờ xe em tôi giữ. Tôi quên mượn đem theo.

Tên công an sừng xộ:

- Mày nói láo với Cách Mạng đó à? Mày ăn cắp chiếc xe đó ở đâu, khai ra ngay.

- Xe của em tôi thật mà. Tôi không có ăn cắp xe của ai hết.

Ngay lúc đó một tên công an khác trở tới:

- Các đồng chí đem nó về đồn làm việc.

Người thanh niên bị trói quặt tay ra sau lưng, hòng súng AK chĩa sau lưng và dẫn về đồn công an.

Nghe tiếng súng cả nhà em gái tôi và hàng xóm đều thức giấc len lén nhìn ra đường. Máy cháu nhỏ con của em tôi sợ hãi ôm nhau ngồi trong một xó nhà. Em gái tôi lo âu nói:

- Mấy hôm nay chúng nó đóng chốt khắp các ngã đường và chặn bắt tất cả mọi người lạ mặt đến thị trấn này. Có mấy gia đình bị chúng xông vào nhà ban đêm bắt đàn ông dẫn đi. Chúng nó mà biết anh ở đây chắc cũng không để mình yên đâu. Nhưng trong tình thế này, lộ mặt ra nguy hiểm lắm. Anh cứ liêu ở đây mấy hôm rồi tính.

Tôi từ đơn vị về đến Sài Gòn. Ở đây khác gì ở trong rọ. Con chưa vợ chưa con thì phải tìm đường thoát thân. Cha mẹ tuy lớn tuổi nhưng tự lo được.

- Cha nghĩ con phải làm gì bây giờ?

Tôi lo lắng hỏi cha tôi. Ông suy nghĩ vài giây rồi đáp:

- Ngủ đờ đêm nay ở đây rồi sáng mai tức tốc lấy xe gắn máy chạy xuống mấy tỉnh miền Nam tìm đường ra biển.

- Cha nghĩ giờ này có trễ quá không?

- Không sớm nhưng cũng chưa muộn. Còn nước còn tát. Ở đây thì vô phương. Con nên ghé em gái con xem nó có quen biết ai vùng biển có thể giúp con được. Cha mẹ không yên lòng thân con ngồi đây đợi chúng nó đến trói tay dẫn đi. Nghe cha tôi nói, mẹ tôi rơm rớm nước mắt, ôm tôi nhắc nhở:

- Con phải nghe lời cha con. Con thoát được là cha mẹ sẽ mừng lắm.

Sáng sớm hôm sau tôi nhét túi chút tiền mẹ tôi cho và lên đường xuôi Nam. Cảnh hỗn loạn diễn ra khắp nơi trên đường tôi đi nên tôi may mắn đi trót lọt. Khi vừa nghe tôi bày tỏ lý do ghé thăm đột ngột, em tôi nói nhỏ:

- Anh xuống hơi trễ. Cách đây hai bữa đã có một chiếc ghe nhỏ thoát được. Có mấy người như anh đã ra đi trong chiếc ghe ấy. Để em kín đáo thăm dò xem động tĩnh ra sao. Còn nhiều người muốn vượt thoát lắm.

Đêm đó em tôi dặn dò tôi làm sao thoát ra khỏi nhà và trốn ở đâu nếu tình hình có công an đến lục soát ban đêm. Tôi mệt mỏi nhưng nằm mãi mới nhắm mắt được. Tôi mơ thấy chiếc ghe nhỏ tôi đang vượt sông ra biển thì bị ghe tuần của công an rượt theo bắn xối xả. Máu đỏ, người chết, ghe sắp chìm. Tôi nhảy xuống nước chui vào núp dưới một chùm bèo lớn đang trôi trên sông. Nước phù sa đục ngầu và chảy xiết ... Tôi giật mình tỉnh giấc, mồ hôi vã ra như tắm, tim đập loạn xạ.

Tôi ghé lại em tôi tại thị trấn nhỏ này chiều hôm trước thì ngay sáng hôm sau tôi chứng kiến cảnh công an CS chặn bắt người lạ mặt.

Ba giờ chiều hôm đó công an CS vác loa kêu dân chúng tụ tập tại trước đồn công an để chứng kiến cuộc xử án một tên ác ôn. Gọi xong không thấy ai hưởng ứng, công an đi đập cửa từng nhà lừa mọi người ra đường. Dân chúng lấm lét nhìn nhau lo âu chẳng biết ai đã làm gì mà bị xử án. Khoảng một giờ sau, công an đã lừa được khoảng trăm người kể cả người già, đàn bà, con nít, tụ tập trước đồn công an không xa nhà em gái tôi mấy. Tôi tò mò, kín đáo men theo đằng sau mấy căn nhà đến gần đồn công an, núp sau một vách lá quan sát hiện trường.

Người sắp bị xử án chính là người thanh niên bị công an đuổi bắt và đánh đập trong buổi sáng. Hai tay anh vẫn còn bị trói quặt ra sau lưng. Mặt mũi anh bầm tím, hai mắt và môi sưng húp. Chiếc áo trắng đẫm máu khi sáng đã được thay bằng một chiếc áo cũ màu vàng ố. Bọn công an bắt anh ngồi bệt trên mặt đường. Trông anh xanh mét, kiệt lực. Tôi nghĩ là anh đã lãnh đủ trận đòn thù tập thể khi chúng khai thác anh trong đồn công an từ sáng đến trưa.

Tới giờ, một tên công an lớn tuổi bước ra trước đám đông dân chúng nói lớn, giọng hằn học:

- Sáng nay lực lượng công an nhân dân thị xã T.N. đã chặn bắt được một tên phản động và đã phát giác ra rằng hắn là một tên lính ngụy thuộc loại ác ôn, nguy hiểm. Hắn ngoan cố không chịu ra đầu thú chính quyền Cách Mạng ở Sài Gòn mà đã cùng đồng bọn lén lút xâm nhập thị xã của chúng ta để âm mưu chống phá Cách Mạng. Hắn đã quen thói cướp giết của nhân dân một chiếc xe gắn máy và nhiều tiền bạc. Xét rằng tên Nguyễn Văn T. là một thành phần ác ôn, phản động, có nợ máu với nhân dân, âm mưu chống phá Cách Mạng. Tòa án nhân dân thị xã T.N. quyết định tuyên án tử hình tên Nguyễn Văn T. để làm gương

cho những tên phản động còn sót lại của chế độ Mỹ Ngụy. Đồng bào có ai muốn phát biểu ý kiến gì không?

Đám đông ngổ ngàng, sợ hãi, im lặng. Người lính quốc gia sa cơ thất thế vẫn bất động. Tận đòn thù đã làm thể xác anh bầm dập, đau đớn nhưng anh vẫn cắn răng chịu đựng, không mở miệng van xin tha tội. Tim tôi dâng lên một niềm thương cảm. Tên công an lớn tuổi lại nói:

- Đồng bào đã nhất trí. Đồng chí M. hãy thi hành bản án.

Từ trong đồn công an, một tên mặt mày lạnh lùng, hung tợn, tóc ngắn dựng ngược, hai mắt đỏ gay, tay cầm một con dao dài nhỏ bản và nhọn hoắt bước tới gần người lính quốc gia. Hắn lạnh lùng túm lấy tóc anh và kéo ngược đầu anh về phía sau. Có mấy em bé chột khóc thét vì sợ hãi. Mấy bà cụ vội đưa tay run rẩy ôm mặt khóc. Ai cũng ngỡ tên đao phủ công an sẽ cắt cổ hay chặt đầu người lính quốc gia nhưng không. Hắn thản nhiên đưa mũi dao nhọn vào khoảng da thịt lõm giữa cổ và xương đòn gánh trái của anh. Bằng một động tác thật nhanh, hắn thọc sâu lưỡi dao vào lồng ngực anh về hướng trái tim. Người lính quốc gia chỉ kịp nấc lên một tiếng lớn. Một vòi máu đỏ phụt cao lên quá đầu anh rồi rơi xuống nhuộm đỏ đầu mặt anh và chiếc áo anh đang mặc. Lại có mấy người đàn bà hét lên thất thanh rồi ngất xỉu giữa đám đông. Nhiều người kinh hoàng chạy ra xa khỏi đám đông. Tên đao phủ ngoáy ngoáy mũi dao mấy bận cố đâm nát tim người lính quốc gia. Hắn buông tay khỏi đầu tóc anh. Thân anh đổ xuống mặt đường. Hắn lật anh nằm nghiêng bên trái và đâm bồi một nhát dao nữa từ phía dưới lá gan lên hướng tim. Lưỡi dao xuyên suốt thân thể người lính gần đến cán. Không thấy người lính cử động, hắn rút dao ra, lạnh lùng lau lưỡi dao và hai cánh tay đỏ máu của hắn rồi quay trở

lại đồn. Đám đông tan nhanh dù bọn công an cố giữ họ lại. Mấy bà cụ, mấy phụ nữ vừa chạy vừa khóc.

Lần đầu tiên trong đời tôi chứng kiến cảnh hành quyết man rợ bằng dao "đâm hang cua" của những tên đao phủ CS. Hằng ngày cứu chữa thương binh tôi đã quen thấy máu nhưng vòi máu phụt lên cao từ tim phổi của người lính quốc gia làm xương sống tôi ớn lạnh. Tôi như choáng váng. Tôi nhìn người lính quốc gia can đảm chấp nhận số phận sa cơ thất thế để đền nợ nước một lần chót rồi quay lại căn nhà của em tôi. Tiếng súng cuối cuộc chiến đã ngưng nhưng anh đã không may lọt vào tay kẻ thù tàn ác quá sớm. Một loại kẻ thù đã nhiễm độc chủ thuyết CS, khát máu, mất hết tính người, mất hết bản chất dân tộc.

Sau đó, bọn công an còn cột hai chân anh vào một chiếc xe jeep và kéo lê xác anh qua khắp các dãy phố của thị trấn T.N. cho đến khi xác anh nát bấy mới vứt ở ngoài đường. Cảnh giết người quá dã man làm dân chúng thị trấn này kinh hoàng, chết lặng.

Hai mươi lăm năm đã trôi qua nhưng những hình ảnh hãi hùng của cuộc trả thù man rợ vẫn còn im đậm trong tâm khảm tôi. Cho đến giờ này những cuộc trả thù đê hèn, dã man vẫn còn tiếp tục trên quê hương Việt Nam. Biển máu và rừng xương.

NGUYỄN TRÁC HIẾU

Florida, Memorial Day 2000

Bình Định Quê Tôi

Được hát tặng bởi Khánh Ly.

Nhạc: Xuân Biếu

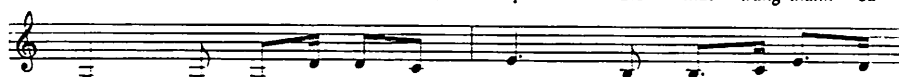
Ý thơ Nguyễn Thế Giác

(Để kính tặng đồng hương Bình Định.)

Slow Rock.



Ai có về Bình Định. Uốn nước Côn - Giang như
(Ai có về Bình) Định. Gió mắt trăng thanh Sa -



người một thời chinh Nam phật Bắc, ngàn đời rạng rỡ Quang
Huỳnh đập diu mơ man cảnh liêu, chạnh lòng lữ khách có



Trung. Ai có về Bình - Định. Đất nước quê hương hùng
liêu. Ai có về Bình Định, nhớ ghé Tam-Quan một



vĩ, nghe danh chàng trai An - Thái đẹp tình cô gái An
hôm, nâng ly dĩa tươi thom...



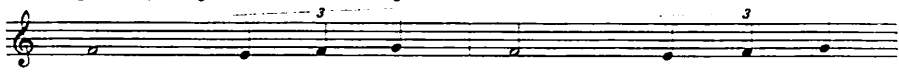
- Vinh. (Ai có về Bình...) ...mát, ngọt ngào câu hát quay



tơ. Ôi Bình - Định mến yêu, Bình - Định vang
Ai về thăm Vũng - Tô, Rừng thông xanh



bóng địa - linh - anh - hùng lưu truyền sử xanh.
ngát cuộc sống an nhàn gần liến biển khơi.



Ôi Bình - Định dấu yêu. Tình yêu chan
Ôi Bình - Định mến yêu. Ngàn đời con...

1. chưa thương cho cuộc đời nắng mưa.

2. ...cháu khắc ghi trong lòng nỗi chí cha ông. Ai có về Bình

- Định. Nhớ mái trường xưa Tân - Bình, Bỏ - Để, Trinh - Vương, Cường
 ...Định. Nón lá Gò - Găng năm nào cùng người em Tăng - Bạc

- Để, một thời nhớ nhớ thương thương. Ai có về Bình
 - Hồ chiều hè dạo phố Gia - Long. Ai có rời Bình

- Định. Nhớ ghé Qui - Nhơn tìm thăm Thi nhân ngàn thu yên
 - Định. Đốt nén hương thơm từ già quê hương ngàn năm yếu

To Coda ⊕

giấc, trên sườn núi đá quanh hiu. (Thương nhớ về Bình...)
 quý. Hẹn ngày đất nước yên...

CODA ⊕

...vui. Ai có về, Ai có về, Ai có về Bình - Định đất

nước quê hương. *Fine*



XÓM CHỢ QUI NHƠN

PHÙ LY

Người Qui Nhơn không bao giờ quên ông Tám.

Gã Tám Khùng đi trước. Bọn con nít Xóm Chợ lao nhao phía sau. Chúng cố làm trò khỉ chọc tức, gã đàn ông lâu bầu trong miệng. Một tay gã cầm cục đá xanh, tay kia chỉ trỏ về phía ông cảnh sát già đang ngồi uống nước mía. Bọn con nít bỗng đứng im bật, không còn la lối lớn tiếng nữa. Trong xóm này, bọn chúng chỉ sợ có mỗi ông cảnh sát.

Ông cảnh sát già có tài nhớ thật giỏi. Đứa nào con ai? Tên gì? Ở đâu? Bố mẹ làm nghề gì ông ta biết ráo trọi. Chơi giỡn bình thường thì không nói gì, chứ đánh lộn, ăn cắp vặt thế nào ông ta cũng tìm tới nhà. Thế là bị đòn mềm mỏng. Mỗi lần gặp ông, chúng làm bộ lễ phép.

- Chào bác cảnh sát ạ.

Ông ta chỉ trả lời một câu cộc lốc:

- Liệu hồn nghe con.

Có lần thằng Phong con ông Tư hớt tóc, cùng bọn trẻ trong xóm đi vào khu mả thánh bắn chim. Bắn sao không biết bắn trúng vào mũ ông cảnh sát đang làm công việc đại tiện, khuất sau lùm hoa ty gôn. Chắc đau lắm, ông ta đứng phất dậy, không kịp kéo quần. Cả bọn điếng hồn, chạy tán loạn vào xóm chợ.

Chiều hôm đó, con đường Hoàng Diệu và Tăng Bạt Hổ không thấy bóng dáng đứa con nít nào cả. Chúng xuất hiện cũng nhanh mà tàng hình cũng lẹ. Quan có đầu nợ có

chủ. Ông cảnh sát già tìm tới ngay chóc nhà ông Tư hớt tóc. Thăng Phong trốn biệt trong đồng củi sau hè, Phong lắng nghe tiếng nói chuyện của người lớn phía trước nhà. Tiếng của ba nó chào đón vồn vã:

- Chào bác. Mời bác vào nhà xơi nước.

Giọng ông cảnh sát có vẻ tức giận:

- Xơi cái con mẹ gì. Thăng Phong con của ông đâu rồi.

- Thưa. Không biết bác tìm con tôi có việc gì?

- Ông coi đây nè (có lẽ lúc đó ông cảnh sát chỉ vào chỗ bị bắn trúng). Nó dùng ná cao su bắn vào đầu tôi thế này.

- Phong nghe đến đây, nó đái trong quần lúc nào không hay. Nó bắn con chim đang đứng trên dây ty-gôn nhưng lỡ trật trúng ông ta, chứ nó có cố ý đâu, oan ơi là oan. Chết rồi. Bây giờ ông ta bị thương tích tìm đến nhà bắt nó. Mặc dù lúc đó thời tiết mát dịu nhưng mồ hôi vã ra trên người nó như tắm. Nó nghe ba nó năn nỉ:

- Có thằng trời đánh này về đây biết tay tôi. Gia đình tôi xin lỗi bác vì không biết dạy con. Tôi xin bồi thường tiền thuốc men. Thương tình cảnh gà trống nuôi con. Xin bác tha cho nó lần này.

Im lặng một lát sau. Hình như hai người trao đổi nhau cái gì đó. Giọng ông cảnh sát dịu lại:

- Thôi được. Tôi nể ông tha cho nó lần này. Lần sau tôi bắt nó về bót cảnh sát cho nó biết tay.

Phong nhẹ nhõm người. Nó nghe tiếng ba nó cảm ơn rồi rít. Rồi ba nó còn mời ông cảnh sát có rảnh rồi tới nhà nhậu lai rai. Phong cảm rằm trách ba nó. Ông đã đi thì để ông đi cho khuất mắt, còn mời ông nhậu làm gì cho thêm phiền phức. Nó đang nghĩ tìm cách thú tội với ba nó thì

đồng củi đã bật tung ra. Ba nó túm cổ áo lôi vào nhà, sau đó ông thả nó ra và thở dài:

- Con à! Lần này ta không đánh con. Nhưng ta phải gửi con vào ở với nội trong mấy tháng hè. Ở đây con sẽ bị hư hỏng, rồi có ngày con sẽ vào tù.

Phong cúi mặt xuống, rướm rướm nước mắt. Nó thật sự hối hận. Nó không ngờ chuyện xảy ra kinh khủng như vậy mà ba nó chỉ nói có bấy nhiêu. Nhà nội nó ở Gềnh Ráng buồn thiu. Nhưng mà cũng được. Đây là cách chuộc tội. Nội nó chắc mừng lắm. Nó cũng muốn đi thăm nội một chuyến. Nhưng xa xóm chợ này nó không nỡ. Nó nhớ bọn bạn ở đây. Nó nhớ mỗi trưa nó hạ năm, bảy con se se. Cả bọn phụ vào nhỏ lông, ướp nước mắm, sả, ớt tỏi. Rồi đem nướng lửa than. Chúng nó vừa ăn vừa sús xoa:

- Ngon ơi là ngon.

- Thằng Phong là tay thiện xạ vô địch.

- Thằng Phong muôn năm.

Thằng Phong ngồi trên chiếc thùng phuy cười tí tít.

Giã từ xóm chợ. Nó nhớ ba nó. Nó nhớ bọn con nít tinh nghịch như quỷ và nó nhớ gã Tám khùng. Nó về Gềnh Ráng sẽ không ai chọc phá và chẳng còn ai trò chuyện. Ông nội thương nó lắm nhưng ông ít nói. Nó hối hận thực sự. Nó tự hứa đủ thứ. Ngay cả trong giấc mơ hình như nó cũng thấy những điều nó hứa.

Trong mấy tháng hè ở Gềnh Ráng. Phong rủ vài người bạn vào Suối Tiên tắm. Nước trong vắt, cả bọn nó đùa thỏa thích. Chúng sục sạo khắp nơi. Từ đầm VỊ Thủy đi ngược lên mộ thi sĩ Hàn Mặc Tử. Trái muồng, trái sim, chim chim giú dẻ nhiều vô số. Còn chim rừng như chào mào, cu đất, cu cườm, tu hú bay nườm nượp. Nhưng Phong không còn thú bắn chim nữa. Tự nhiên nó cảm thấy núi rừng đã cuốn hút lấy nó. Nó không muốn khuấy động sự

yên tĩnh tuyệt vời của trời đất. Nó muốn thu mình lại thật nhỏ bé như con ốc sên. Trong những ngày tháng bên nội của nó. Phong cảm thấy mình có sự thay đổi. Mặc dù rất chậm. Nó tự hứa khi trở về lại Xóm Chợ, nó sẽ không bao giờ bắn chim nữa.

Một ngày cuối hạ. Ba nó vào Gành Ráng đón nó về. Nó ngồi trên chiếc xe đạp cộc cạch của ba nó. Phong còn thấy tâm hồn mình phờ phợt như cánh buồm no gió ở cuối chân trời. Nó hỏi nhỏ:

- Ba còn giận con không?
- Nếu ba còn giận. Làm sao ba có thể đi đón con về.
- Vậy thì tốt quá. Con nhớ Xóm Chợ quá.
- Con về lại, phải nên người một chút.
- Con biết mà ba.

Gã Tám Khùng không thèm đếm xỉa gì tới bọn con nít. Gã nằm kên ra vỉa hè ngủ ngon lành. Mặc cho người qua, kẻ lại, mặc cho con nắng hắt vào nửa thân hình của gã. Bọn con nít thấy gã như thế đâm chán. Kéo nhau xuống biển tắm. Đứa nào cũng mặc độc cái quần xà lỏn, phần trên ở trần tròng trọc, nước da đứa nào cũng cháy nắng, đen mốc.

Xuống đến bãi biển. Không đứa nào bảo đứa nào, tuột quần, moi cát lập lại. Cả bọn phờ chim nhồng nhộng nhào xuống nước. Đứa biết bơi cũng chỉ gắp bờ, sợ ra xa hụt chân. Có đứa chỉ nằm sấp trên mé nước, chờ sóng lùa vào ... Tiếng cười nói, tiếng chửi thề của bọn trẻ, tiếng sóng đập vào bờ tạo thành một thứ âm thanh vui tai. Thành Hiếu bơi gần bên Phong.

- Phong! Ở Gành Ráng mà có tắm biển không?
- Thỉnh thoảng tao đi với ông nội tao. Thường ngày vui tao lên đầm Vị Thủy tắm. Mà tắm đầm lần nào chưa/
- Chưa. Có khác tắm biển không?

- Tắm ở đầm không có sóng. Nước lơ lơ.

Đột nhiên có đũa la lớn:

- Tám Khùng xuống kia! Bay ơi!

Cả bọn nhìn lên bãi dương. Gã đàn ông lưng khùng đi xuống. Cả bọn cùng ùa lên bãi. Mãi cát, giũ quần áo cho sạch, mặc lại. Chúng chờ đợi gã đàn ông đi xuống. Bỗng dừng gã dừng lại, nhìn bọn trẻ hiền lành.

Người ta thường gọi gã là Tám Khùng. Thật ra, gã bị câm và chỉ khùng khinh chút đỉnh. Gã nói không được chỉ ấm ở trong cuống họng. Nếu gã bị chọc tức quá mức, gã chỉ nói vồn vện được một câu: "Cha mày đợ". Không biết ai bày cho gã chưởi như vậy. Cha mẹ mình thì không động đến, chỉ chưởi cha vợ.

Mấy bà bán hàng dưới chợ thường chọc gã:

- Tám. Đợ mày đau rồi. Nói đi, tụi tao cho mày ăn,

Gã cười hề hề. Lấy ngón tay chỉ vào miệng ý muốn ăn. Không ai đếm xỉa đến. Gã ngồi xuống buồn thiu. Thấy tội nghiệp. Người ta múc cho gã một tô bún bò nước lỏng chỏng hay cho gã vài cái bánh bao, gã ăn ngon lành. Đứng dậy trả tô, xoa bụng ý nói đã no.

Gã Tám Khùng thường ngủ đêm trên những sạp gỗ trong chợ. Gã ngủ không có mền. Thân hình của gã nằm co rút lại như con tôm. Không ai làm phiền gã ngoài đàn chuột cống. Con nào con nấy to bằng bắp chân người lớn. Chúng chạy lui, chạy tới kêu "chít chát" cả đêm. Có con bạo trợn thò đầu vào chiếc giày hỏ mồm của gã, không biết nó làm gì, gã Tám Khùng ngồi phất dậy giận dữ. Gã đi tìm sạp khác nằm xuống ngủ tiếp.

Ban ngày gã Tám Khùng đi lang thang khắp nơi. Từ ga xe lửa xuống tới Bến Tàu Thủy. Từ phố Gia Long của người Hoa Kiều đến khu Hai đánh cá. Gã mặc áo không bao giờ gài nút. Gã gặp ai cũng chào trước người ta. Mỗi

lần bị bọn con nít chọc phá, gã xé áo, quăng xuống đất, dùng giày dậm cho nát. Miệng chửi:

- "Cha mày đơ".

Rồi người ta cũng cho áo khác mặc. Có thể nói gã là người có nhiều áo quần nhất thành phố. Độc nhất chỉ đôi giày lính há mồm của gã không bao giờ thay đổi. Hình như đôi giày rộng hơn cổ chân của gã? Nên gã đi nhanh không được, sợ nó tuột khỏi chân. Trông dáng đi linh khình của gã cũng đã thấy lạ đời.

Mỗi lần nhà ai có giỗ chạp, gã chịu khó cầm bó nhang đến ngồi trước nhà người ta. Thế nào gia chủ cũng bố thí cho gã một bữa ăn thịnh soạn. Hay gia đình nào có chuyện vui gả cưới. Gã ôm bó hoa bằng nắm tay đứng xớ rớ trước cửa. Thế nào gã cũng được bao lì xì hoặc một bữa ăn ngon miệng. Cuộc đời của gã Tám Khùng gắn liền với Xóm Chợ, trôi đi êm ả. Ăn thì đã có thiên hạ bố thí, ngủ thì trời đất mệnh mông, nằm nơi nào lại chẳng được.

Gã Tám Khùng ghét nhất là bọn con nít nghịch ngợm. Không lúc nào để gã yên. Gã cầm cục đá thật lớn đập vào ngực "bình bịch", thế mà chẳng có hề hấn gì. Chưa bao giờ nghe ai nói gã bị bệnh. Gã không muốn hoặc gã không dám gây phiền toái cho bất cứ người nào, dù con nít. Những người lớn biết chuyện thường rầy la lũ trẻ.

- Chúng mày vừa phải thôi. Người ta bị bệnh tâm thần. Để người ta yên.

Nói vậy chứ gã Tám Khùng và lũ trẻ Xóm Chợ có chút tình cảm. Những ngày mùa đông, Qui Nhơn mưa tầm tã. Gió bắt thổi buốt da. Bọn trẻ về xin cha mẹ nào là mền cũ, áo đi mưa, bánh mì ... đem cho gã đỡ dần qua những đêm giá lạnh ngạt ngào.

Gã Tám Khùng khệnh khạng bước lên lộ. Bọn con nít đi theo sau. Tiếng ve kêu rên rĩ trong những lùm keo xanh

um. Ông cảnh sát già đạp xe "cọc cạch" chạy ngang mặt lũ trẻ, dặn chừng:

- Tụi mày đừng chọc gã nữa nghe.

Bọn trẻ cũng trả lời:

- Dạ, tụi con biết.

Gã Tám Khùng và lũ con nít Xóm Chợ khuấy dần trong đám bụi mù.

PHÙ LY

MỘT NGƯỜI KHÓ QUÊN

Vang danh khắp chốn

Dân Qui Nhơn vốn đã biết Tám Khùng.

Buổi loạn ly chẳng chịu ép vào khung.

Thong dong mỗi ngày đêm cho phỉ chí.

Tình non nước biết ai người tri kỷ.?

Khùng tiêu dao không buồn nghĩ chuyện đời.

Mặc vàng son danh lợi lấy làm chơi,

Gĩa cầm điếu cho qua mùi thế tục.

Bên lề đường cát bụi kiếp phù sinh,

Tám Khùng, một cõi sống u-minh ...!

THƯ TRANG

(Những năm tháng học trò)

QUI NHƠN VÀ CƯỜNG ĐỂ CỦA TÔI

LÊ THỊ BẠCH LIÊN

Những ngày niên thiếu của tôi:

Tôi chào đời ở thành phố biển Qui Nhơn thân yêu. Nhà tôi ở rất gần biển. Những lúc vắng lặng có thể nghe tiếng sóng vỗ theo mùa, lúc dữ dội, lúc êm êm như tiếng ru muôn đời của mẹ.

Mẹ tôi là giáo viên, bà dạy ở trường Ecole Francais de Quinhon. Cha tôi làm ở ty Ngân khố mà người dân thường gọi là Kho Bạc. Vì Chiến tranh giữa Pháp và Việt Minh nên năm 1945 gia đình tôi phải bỏ Qui Nhơn tản cư về quê nội ở Vĩnh Thạnh. Sau tháng 7/54 cha mẹ tôi rất mừng vì hết chiến tranh, hết lo âu chuyện các con bị thất học. Thuở đó tôi mới 12 tuổi, hồi cư, đi học. Buổi học đầu tiên tôi không thể nào quên được, tôi vào thẳng lớp Nhất, là lớp cao nhất của tiểu học. Được như vậy là nhờ ở quê Vĩnh Thạnh, cha mẹ tôi trong bao năm tự mình dạy dỗ con cái tuân tự theo đúng chương trình, lớp Năm, Tư, Ba, Nhì (gọi theo lối cũ). Cũng nhờ học trước nên tôi không bị chậm trễ nhiều như các anh chị lớn tuổi. Trong trí non nớt của tôi vẫn có một chút hiên ngang, tự hào vì mình có mẹ là nhà giáo. Mẹ tôi về Qui Nhơn được bổ đi dạy lại và gia đình được tạm cấp cho một phòng trọ ở ngay trong trường. Trường cũng chỉ là một dãy nhà lớn dài tạm dùng cho kịp khai giảng các lớp, trong khi chờ đợi xây cất một cơ sở khang trang riêng biệt.

Hàng ngày có bà ngoại tôi lo cơm nước trong gia đình. Cha tôi thì tiếp tục dạy dỗ con cái và giao tiếp với bạn bè.

Ít tháng sau trường sở đã được xây xong, rất đẹp và rộng, ở phía sau ty Công chánh. Đó là trường Âu Triệu, có 5 lớp Nhất đến lớp Năm. Bà Chanh làm hiệu trưởng, mẹ tôi là giáo viên lớp Ba. Còn người dạy lớp Nhất của tôi là một cô giáo trẻ đẹp, tên Công Tăng Tôn Nữ Ngọc Lan.

Tôi có rất nhiều bạn: Quách Thị Tường Vi là con bác Quách Tấn, bác Tấn làm Phó Tỉnh Trưởng Bình Định là bạn thân của cha tôi. Thường chơi thân với tôi còn có Trần Thị Quang Phúc. Các chị Lê Thị Tuyết, Nguyễn Thị Nguyệt A, Nguyễn Thị Nguyệt B, Huỳnh Thị Kim Oanh, Tôn Nữ Diệu Hòa, Đặng Thị Phụng v.v... Trước đó Quang Phúc học trường Tây, nên tới giờ Pháp văn cô nàng tỏ ra rất giỏi. Có hôm cô giáo vô ý chia động từ trên bản cô viết sót ent ở ngôi 3 số nhiều, Quang Phúc nhắc cô.

Thứ bảy cuối tuần, cô Ngọc Lan thường dạy múa hát. Tôi còn nhớ bài "Trời xanh xanh, xanh ngắt, hương thơm thơm ngắt, cùng nhau ta múa điệu ca, cùng nhau ta hát lời ca. Sớm bắt bướm hái hoa, kêu la nô đùa. Chiều lại ra dạo chơi vườn hoa. Tối quyến luyện má ba vui ca bên đèn. Bảy giờ đêm nằm mơ thấy tiên".

Bạn bè thơ ấu, chúng tôi chơi với nhau rất thân, nhưng cũng không tránh đôi lúc gây gổ cãi cọ tương bưng.

Mùa hè năm đó kết thúc năm học, phải rúng thi cho đậu tiểu học. Ai có bằng tiểu học mới được nạp đơn thi vào đệ nhất.

Sáng sớm ngày đi thi, cha tôi nấu nước ấm cho tôi tắm; rồi tôi mặc bộ đồ đẹp bằng vải vân trắng mà bà ngoại tôi mới may cho. Cha tôi dùng xe đạp chở tôi đi thi. Thi tại trường tiểu học Nguyễn Huệ, kế bên trường Cường

Để. Thi xong tôi mong đợi ngày treo bảng. Không hiểu vì sao tôi lại nao nức đến thế. Đến ngày có kết quả, mới tờ mờ sáng tôi đã đánh thức cha tôi xin đưa tôi đến trường! Cha tôi cười, mắng yêu: "Giờ này ai mà treo bảng cho mây. Người ta ngủ dậy còn phải tắm rửa ăn uống, rồi mới đến trường làm việc, cũng phải tám, chín giờ chứ?" Quả nhiên, tám giờ cha con tôi đến trường, còn phải đứng đợi một hồi lâu, cả tiếng nữa. Thầy cô giáo đi đi lại lại các phòng hồi lâu mới chịu ra sân tuyên bố kết quả, họ chỉ đọc tên một số người đậu cao mà thôi. Các người đậu hạng thứ thì danh sách đem dán bảng, bảng có lưới kẽm bọc bên ngoài. Tôi đọc được tên mình, mừng quá, reo lên, kéo cha tôi lại xem. Bạch Liên 72 điểm, trong khi điểm tuyển chỉ cần 60 là đủ đậu.

Cha tôi lại đi nộp đơn cho tôi thi vào lớp Đệ Nhất trường Cường Để. Lần đầu trong đời, nếm mùi thi cử đến hai lần, chỉ trong mấy tuần, một lần thi hết tiểu học và một lần thi vào đệ thất trung học. Trường Cường Để chỉ lấy 200 học sinh đệ thất mà số nộp đơn trên một ngàn người. Số thi rớt thì học trường tư La San, Trinh Vương, Bồ Đề. Lại một lần nữa tôi vui mừng đậu được vào trường Cường Để.

Trước khi nhập học cha tôi đưa tôi về thăm quê nội. Cha tôi vui mừng và hãnh diện nói với bạn bè của ông rằng trước ông đã thất vọng vì chiến tranh làm gián đoạn việc học của con cái; bây giờ hòa bình, cũng may là con ông đúng tuổi vào trung học đệ nhất cấp.

Phần tôi là cô bé 12 tuổi chỉ thích thú trong dịp này được về tắm lại trên dòng sông quê hương, sông Côn yêu dấu, với đám bạn cũ ở quê, sau một năm trời xa cách nhau. Lúc đó tôi vẫn chưa biết mặc áo tắm. Bà nội của tôi mắng yêu cháu: "Ông bà ông dãi mây, bố người ta đến

mà coi mắt!". Bà mắng tôi với nụ cười tươi, tuy không còn chiếc răng nào! Nội tôi đặt tên tôi là con rái cá.

Ngày khai giảng tôi háo hức, trong bộ cánh chỉnh tề với chiếc cặp da xách tay. Tôi được xếp vào lớp Đệ Thất 2, ban Pháp văn. Thuở ấy thầy Đinh Thành Chương là Hiệu Trưởng. Lớp tôi ở dãy nhà tranh. Đây là lần đầu tôi ngồi một lớp chung với nam học sinh. Nữ sinh ngồi 2 dãy bàn đầu, kế đến là các anh chàng thấp nhỏ con, như Trần Đình Khai, Nguyễn Việt Nam, Đặng Đức Bích. Anh nào cao lớn thì ngồi cuối lớp, như Nguyễn Trác Hiếu, Nguyễn Thanh Sơn, Trần Quốc Ứng, Nguyễn Mạnh Súy ... Trước lạ sau quen. Đến giờ làm bài kiểm tra cũng giúp đỡ nhau. Đợi thầy ngó lơ thì vò cục mảnh giấy ghi đáp số bài toán quăng vèo tới bàn con gái. Có lúc Việt Nam (ngồi sau lưng tôi) lấy chân khều vạt áo dài của tôi, là tôi hiểu mình cần phải để tập vở qua một bên, né đầu sang bên kia, để anh ta nhìn đọc bài giải. Giờ ra chơi thì Lan Hương cột túm hai vạt áo dài qua một bên, lấy một cây roi làm kiếm, rồi ... đấu kiếm với Nguyễn Văn Tần. Hai đứa nhảy chuyền từ bàn này qua bàn khác, làm hai hiệp sĩ, đấu chí tử!

Tôi học Cường Để suốt từ Đệ Thất đến Đệ Nhị. Tôi không bao giờ quên được thầy cô và bạn bè. Có lẽ thời trung học là thời đẹp nhất của mỗi người, vì tâm hồn thơ ngây trong sáng vô tư, đầu óc chưa bị cuộc sống hành hạ, còn sáng suốt và phản ứng lanh lẹ. Lúc đó cơm áo gạo tiền thì đã có cha mẹ lo toan, mình chỉ biết học và chơi thôi. Tôi theo đuổi những sở thích của mình về bơi lội, vủ cầu, leo núi và đọc truyện. Từ bé tôi đã ở bên sông Côn, nên cha tôi thường tập luyện cho các con bơi lội thật nhuần nhuyễn để khỏi chết đuối; đó cũng là môn thể dục toàn thân làm cho cơ thể thon và đẹp. Tôi là chị cả có 2 em trai

2 em gái: Bạch Yến, Lam Sơn, Vĩnh Phúc, Bạch Nga. Em trai tôi, Lam Sơn, còn nhỏ, nên đầu tôi là gái cha tôi thường xem tôi như trai. Tôi là đầu đàn nên cha tôi săn sóc tôi chu đáo, ông thường bảo rằng tôi phải làm gương cho các em.

Ở Qui Nhơn, những buổi sáng không có giờ học và ngày cuối tuần cha tôi thường đưa chúng tôi đi tắm biển. Bờ biển dài và đẹp, chạy từ ngọn hải đăng hướng đông sang Gành ráng hướng tây. Gành ráng với những mô đá lớn, sóng biển nhấp nhô. Từ chân đá chúng tôi leo lên núi, nơi có mộ Hàn Mặc Tử ...

Tôi thường bơi biển nên da rám nắng vì nước mặn. Có lần thầy Võ Đen gọi tên tôi là Hắc Liên, thầy cười bảo rằng Bạch Liên gì mà đen thui đen thui! Đó là một trong những kỷ niệm đẹp của đời tôi. Mái tóc tôi xõa rộng mà vàng hoe vì cháy nắng. Mọi đuôi tóc của tôi đều bị chẻ đôi. Tóc hoe tóc chẻ, không thể gọi là mái tóc đẹp được, thế mà tôi vẫn có bồ, đó là ông xã tôi bây giờ.

Một hôm, đang từ dưới nước biển đi lên tôi thấy có vài ông đang đứng nói chuyện trên bờ với cha tôi. Tôi được cha giới thiệu đó là bác Lương, Trưởng ty Thanh Niên và mấy người bạn của bác, còn có thêm Đại úy Tế và Đại úy Tý làm ở Ủy Hội Quốc Tế. Mấy người đều cao to và bắp thịt cuộn cuộn như Tarzan. Ông Tế là chồng của nữ minh tinh Kiều Chinh. Lúc đó bác Lương xin phép cha tôi cho tôi làm hướng dẫn viên bơi lội cho ty Thanh Niên tỉnh. Tôi nhất định từ chối vì lo học, không còn thì giờ hướng dẫn bơi lội. Nhưng bác Lương lại bảo rằng tôi chỉ đứng tên thôi vì đã có người khác dạy rồi, tôi chỉ hiện diện thỉnh thoảng mà thôi. Tôi nhận lời. Thế là tôi có thêm một nhóm bạn bơi lội nữa, mà tôi là người nhỏ nhất. Đó là bác Lương và bảy tám người bạn của bác, trong đó

có bà Đậu. Bà là một vận động viên lớn tuổi, bơi lội đứng hàng đầu. Tôi thường gọi là chị Đậu cho thân mật. Chị Đậu rất thương tôi, chị thường đến rủ tôi đi may áo dài, áo tắm và đi bơi. Thường cả nhóm chúng tôi cùng bơi ra một chiếc ghe lớn nhất của dân chài bỏ neo ngoài xa. Khi leo lên ghe thường có người khác giúp tôi, họ nắm tay kéo lên tôi mới lên được. Đi đến chỗ mũi ghe cao, tôi plonger chúi đầu xuống trước và không để đập ngực và bụng xuống nước. Thật là vui và nghỉ cũng hơi bạo một chút.

Tôi có dự thi bơi một lần, nhân dịp lễ Hai Bà Trưng. Bên nam nhiều người dự thi, nhưng bên nữ chỉ có một mình tôi (mấy cô làng chài đi đâu hết? tại sao họ không dự thi? Có phải là họ mắc cỡ chứ thật tình họ phải giỏi hơn tôi). Cuối cùng tôi cũng lì không bỏ cuộc, tôi độc diễn, bơi biểu diễn mà lãnh hết phần thưởng nhất nhì ba! Ôi, cái thời niên thiếu thơ ngây và háu thắng!

Năm tôi học Đệ Tam, thầy Tôn Thất Ngạc làm Hiệu trưởng. Tôi lười học môn Vạn Vật nên tôi đi ban Toán. Chỉ có 6 con bé, còn lại toàn là nam sinh. Lục tặc nữ là Mân Đắc Dương, Nguyễn Thị Trường, Lê Thị Phương Mão, Nguyễn Thị Bạch Nhạn, Nguyễn Thị Phó (tức Đô sát Viên) và tôi Hắc Liên. Năm đệ tam là năm học chơi chơi, nghỉ xả hơi, vì mới thi xong bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp, mệt đứ đừ. Năm này tôi được chọn làm Trưng Nhị, còn Quang Ninh là làm Trưng Trắc. Thật là bất ngờ và sung sướng làm sao! Các bà các cô bên hội Phụ Nữ và các bà các cô giáo đã âm thầm chọn lựa tôi với Quang Ninh và giữ bí mật để tránh sự so đo. Mới tờ mờ sáng, cô Hạ bên hội Phụ Nữ đến nhà tôi gõ cửa, thưa với cha mẹ tôi cho tôi đi làm Trưng Nhị. Cha mẹ tôi vui vẻ nhận lời. Tôi theo cô đến nhà bà Hội Trưởng ở đường Phan Bội Châu và gặp Quang Ninh. Cho ăn sáng xong, chúng tôi

ngồi lên ghế trang điểm; nào phấn son, trang điểm rất kỹ phải mất hai tiếng đồng hồ, mặc áo gấm vàng, đầu đội khăn đóng, cổ đeo kiềng vàng, chân đi hài ngọc và gươm cầm tay. Chúng tôi leo lên hai chiếc xe hoa cao nghều nghệu, trên ấy là chiếc ghế đẹp như ngai vàng và có lọng che. Trên xe hoa, chung quanh 2 con voi là các em nữ sinh Ấu Triệu giả làm lính; cũng áo mào cân đai, thắt lưng lụa điều nổi bật trên viền áo trắng. Tôi ngồi lên ghế trên lưng voi, tay cầm kiếm, thật là oai phong lẫm liệt. Các bạn ở dưới đất diễn hành theo đoàn thể, theo từng trường học, diễn hành qua các đường phố lớn. Tan buổi lễ các bạn tôi réo gọi: Bạch Liên ơi! xuống đây cho tao coi, sao mầy đẹp dữ dậy?

Lúc này tôi đã có người yêu rồi và cũng là chồng tôi bây giờ, anh Phạm Ngọc Hải. Lúc đó anh đang dạy học ở trung học Trần Hưng Đạo Dalat. Bạn học cùng lớp sư phạm với anh ngoài Huế là thầy Đen, thầy Hiền ... nên tôi làm gì ở Qui Nhơn là ông xã tương lai của tôi biết hết. Các thầy và bạn của tôi khi biết tôi làm bà Trưng thì xầm xì bảo rằng chọn Bạch Liên là con rái cá thì làm sao có thể tự tử trên sông Hát Giang được, rái cá có bao giờ chết đuối đâu!

Làm sao tôi quên được những chuyến đi cắm trại ở Tram Quan, Đại Lãnh ..? Đi Tam quan bằng tàu lửa. Thi chạy ùa lên wagon, đưa nào chậm chân thì lót báo mà ngồi lên sàn tàu, lúc lắc, cà rịch cà tang cả trăm cây số, vui ơi là vui! Ngồi xem tàu chạy, ngắm cảnh thành phố, cảnh đồng quê xanh ngắt mông mớ ... thành linh cả toa reo cười, tôi hỏi cái gì vậy thì mấy bạn toe toét chỉ "Ông già Bình Dương", tôi không biết là gì vì tôi không nhìn kịp, tàu chạy nhanh quá. Sau này các bạn kể, tôi mới biết đó là một nông dân vác cây đi trên bờ ruộng, xexy không

biết là mấy chục phần trăm! Từ đó, cứ nghe tới câu "ông già Bình Dương" là cả bọn cười rũ rượi. Ai mà dám khinh chê các bậc cha chú của mình, nhưng đó là sự tình cờ, vui đẹp, in vào tâm hồn trẻ thơ cả chuyến tàu đi trại, dệt nên giấc hoa, như Tiên Dung gặp Chử Đồng Tử vậy.

Đến Tam Quan, chúng tôi cắm trại dưới bóng mát của các cây dừa. Các cô giáo và các chị lớn lo nấu ăn dự thi. Tôi không ưa làm bếp mà lại xấu máu đói cho nên rong chơi thỏa thích, đến khi đói bụng thì chạy vào bếp vò vĩnh khóc lóc với cô Bích. Cô Bích là thầy dạy Anh văn của tôi, cô đang loay hoay nấu món cary gà để dự thi. Khoai tây vừa mới được chiên xong, cô cho mấy miếng, tôi thấy sao mà ngon lạ, mãi đến giờ tôi vẫn còn nhớ khoai và nhớ đến cô. Lúc ở trường trong giờ học, sao mà tôi sợ cô đến thế! Bây giờ đi cắm trại thì lại nhõng nhẽo với cô quá chừng chừng! Chúng tôi đi thăm mả A Sầu, đi biển và uống nước dừa Tam Quan.

Đi cắm trại Đại Lãnh cũng thật là thích thú, tôi được sống với thiên nhiên, một bên là biển với những hàng dương cao vút vi vu, một bên là rừng với núi cao, âm u hùng vĩ; chung quanh là bạn bè thầy cô. Lại đang ở giữa mùa trăng, được nhìn ngắm trăng lên từ mặt nước bao la đẹp tuyệt vời. Bắt đầu trăng chỉ là một vạch sáng ở chân trời, rồi là một vòng cung sáng ló lên nhấp nhô để cuối cùng thành một mặt trăng tròn vàng to lớn mát rượi, lững lờ trên nền xanh nhạt của những ánh sao xa. Lửa trại được đốt lên, hò vui chơi thỏa thích. Mỗi khi đến vùng đất lạ chúng tôi đều rất háo hức, rủ nhau đi rong chơi, ngắm phong cảnh và dân tình sinh sống ở đó ra sao. Chúng tôi mua quà vật. Đây là những vùng quê dân cư thưa thớt, với cuộc sống chất phác hiền lành và mộc mạc.

Thật lòng tôi nghĩ, đâu có tiền của giàu sang, chưa chắc người ta mua được những kỷ niệm đẹp thế này. Chúng tôi tận hưởng niềm vui và hạnh phúc ngập tràn, nhờ những chuyến nhà trường cho đi cắm trại xa, cha mẹ tôi an tâm vì có nhà trường trách nhiệm. Cho dầu cha mẹ có tự tổ chức cho gia đình đi chơi xa thì chưa chắc đã vui như thế này, vì xung quanh tôi có rất đông bạn bè thầy cô, có văn nghệ trò chơi, lửa trại và thi đua cắm lều, nấu ăn, đủ thứ. Tôi và Bạch Yến rất được cha mẹ cưng chiều nên được đi dự các cuộc cắm trại xa.

Tôi rất thương một chị bạn lớn tuổi, tên Lê Thị Tuyết (chị của Lê Quang Ánh). Chúng tôi luôn coi Tuyết là bà chị của cả lớp. Cái gì chị cũng giỏi; không những học giỏi, chữ viết rất đẹp, chị lại còn tế nhị giúp đỡ các bạn nhỏ như tôi, Vân Nga, Kim Oanh... Có lần chị bảo nhỏ với tôi rằng tan học chị sẽ dắt tôi đi chợ. Tới nơi chị mua cho tôi vài cái underwear, chị nói nhẹ nhàng rằng tôi phải mặc vào, vì không còn là con nít nữa đâu. Có lẽ mẹ tôi quá bận việc, hoặc là bà cứ tưởng tôi còn bé, chưa cần đến. Chị Tuyết thương coi chúng tôi như em út. Lòng biết ơn lắng sâu, đối xử với chị tôi tỏ ra dịu hiền nhưng đối với người khác thì chưa chắc đã ngoan ngoãn đâu! Nghịch phá có hạng, tôi sẵn sàng tham gia lắm trò chơi bất ngờ. Có lần đi học, được tin thầy bị bệnh, chúng tôi mừng rỡ, rủ nhau leo núi bẻ hoa mai vì gần tới tết rồi. Đứng ở trường Cường Để cũ nhìn về hướng tây là thấy ngay ngọn núi trọc, cây lúp xúp, không có cây lớn. Hè nhau ới nhau đi, tôi hăng hái nhập bọn chừng hơn chục đứa. Nào Lan Hương (ở đối diện nhà tôi), nào chị Tuyết, Tường Vi, Huỳnh Kim Oanh, Trần Kim Oanh ... Chúng tôi cột hai vạt áo dài qua một bên hông cho đỡ vướng víu rồi bắt đầu leo núi. Cuộc leo trèo thật vất vả, lên tới đỉnh núi đã 12

giờ trưa. Bỏ một ít nhánh mai, chúng tôi xuống núi và về đến nhà đã hai giờ chiều. Cha mẹ tôi phải một phen lên ruột, cha mẹ Lan Hương cũng vậy, họ chạy qua chạy lại với nhau lo lắng, vì thường ngày đi học trễ lắm là 12 giờ trưa về đến nhà, đằng này lặn luôn đến hai giờ! Chúng tôi bị rầy một trận nên thân! Vẫn chưa yên, vì mũ cây rừng dính vào quần áo trắng, càng dùng xà bông giặt thì nó càng hiện rõ, phải đành vứt đi thôi.

Có hôm đẹp trời, cao hứng, bọn con gái dàn hàng ngang đạp xe choán hết mặt đường, bèn bị cảnh sát lùa hết vô bót, giảng moral cho một mách. Nhưng con gái Bình Định Qui Nhơn mà! Có ngán ai. Mỗi lần đi xi nê ở rạp Tân Châu thì rủ nhau mua vé đồng hạng 5 đồng, vào chiều thứ năm, cả bọn cử một đứa đi trước, vô rạp lựa chỗ tốt, gỡ một lô ghế, xếp lại, giữ chỗ cho các bạn. Các anh trật tự của rạp cũng đành chào thua. Việc này thường giao cho Nguyễn Thị Nguyệt A; cô nàng đẹp mà dữ dằn lắm, các anh gác cửa trật tự mà ọ ẹ là nàng đấm liền! Không biết bây giờ Nguyệt A ở nơi mô, đọc được bài này mau mau tin lại địa chỉ ... để nhờ nàng làm cận vệ cho Bà Trưng!

Tôi rất ham đọc sách truyện, truyện của Tự Lực Văn Đoàn tôi đọc gần hết. Tôi đọc cả những truyện khác, như Cô Gái Đồ Long, Đỉnh Gió Hú v.v... Cha tôi nghiêm cấm vì cho là mất thì giờ. Vì cấm nên tôi phải trốn vào nhà kho để đọc; cực khổ ghê lắm nhưng vẫn ghiền. Mượn của bạn về đọc. Không cho mượn thì lên tới lấy đại đi rồi trả sau. Lan Hương và Bảo Khanh là hai kho sách của tôi, nhất là Lan Hương, ở bên kia đường đối diện nhà tôi, chạy qua mượn vài quyển về chui vô kho đọc, vừa trốn cha vừa trốn bạn!

Về sau này mẹ tôi lên làm hiệu trưởng, lên Thanh tra và dạy sư phạm trong Gành Ráng cho nên các giáo sinh và phụ huynh nhiều người sau này còn nhớ mẹ tôi. Thỉnh thoảng tôi gặp một vài người ở San Jose họ hỏi thăm mẹ làm mẹ vui lắm.

Học trò Cường Để, Bình Định Qui Nhơn, cũng giống như nhiều trường khác toàn Miền Nam trước năm 75, giờ họ tản mạn sống ở nhiều nơi trên trái đất, như Tố Mai ở Sweden, thầy Quan cô Lan ở Germany ..., rất nhiều thầy bạn cho in địa chỉ trong các đặc san liên quan đến Bình Định ở đây và ở nhiều tiểu bang khác. Một số thầy bạn còn ở Việt Nam, có người vẫn bám trụ đất Qui Nhơn.

Sau bốn mươi năm, gặp nhau mừng mừng tủi tủi, nói cười huyền thiên như bầy chim vỡ tổ, đó là ngày tôi đi dự hội Cường Để lần đầu ở Houston Texas năm 97. Bây giờ trong chúng ta có người đã là ông bà nội ngoại, như Vân Nga, Quang Ninh, Cai Văn Dung và có lẽ hàng trăm người khác mà tôi chưa được biết đến. Riêng tôi đã làm đến ba sui và tháng 12 này làm đến sui gia thứ tư, tuy rằng chưa có cháu nhưng rồi sẽ có cháu mấy đời?

Tôi sẽ trở về thăm Qui Nhơn, Cường Để, Ấu Triệu như lúc trước kia, trước khi tôi rời Việt Nam đi tái định cư Hoa Kỳ, chồng tôi đã đưa tôi về thăm nơi tôi sống những ngày thơ ấu tươi đẹp nhất đời mình. Bình Định, Qui Nhơn, Cường Để, Ấu Triệu vẫn sẽ còn mãi mãi trong tôi suốt cuộc đời.

San Jose, ngày 30 tháng 10 năm 2000

LÊ THỊ BẠCH LIÊN

Con Hôn Ba Má

*Ba Má yêu quý của con
Bông thơm bông đẹp bông tàn
Mà không bao giờ
Lòng yêu thương
Của con sẽ tan
Mãi mãi và mãi mãi
Con kính yêu Ba Má
Khi con còn nhỏ
Ba Má sẵn sóc lo lắng cho con
Khi con ốm đau
Ba Má thuốc men thức khuya ít ngủ
Khi con lớn lên
Ba Má yêu thương hỏi thăm khuyên nhủ
Khi con mừng vui
Ba Má cười tươi hân hoan nét mặt
Khi con cần tiền và đồ vật
Ba Má sẵn sàng giúp đỡ cho con
Thứ gì con muốn cho con
Ba Má đều cho tất cả
Cho dù sau này
Con sống xa Ba Má
Cho dù sau này
Con sống bất cứ nơi đâu
Con luôn luôn nhớ thương Ba Má
Con kính dâng tình yêu cao cả
Và nụ hôn đến Ba Má yêu quý của con.*

BICHLY

Đại Học Nova, Florida

LỄ HỘI ĐÂM TRÂU

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

Địa hình tỉnh Bình Định thấp dần từ tây sang đông và chia làm ba miền rõ rệt. Vùng núi phía tây là rìa dãy Trường Sơn, cao từ 500 mét đến 700 mét, có triền dốc trên 25 độ, chiếm 70% diện tích của tỉnh, gồm các huyện An Lão, Vĩnh Thạnh, tây Tây Sơn và Vân Canh. Kế tiếp là dải đất miền trung du, ở độ cao trung bình 100 mét, chiếm 10% diện tích, có nhiều núi thấp xen kẽ theo đường đông tây tạo thành những thung lũng hẹp với độ dốc không quá 15 độ. Sau cùng là miền duyên hải chiếm 20% diện tích, gồm những cánh đồng màu mỡ đan xen với núi đồi như râu chuỗi ngọc viền biển Đông.

Bởi địa hình phức tạp tác động mạnh vào cuộc sống nên mỗi miền có nét sinh hoạt khác nhau. Nếu các làng chài dọc theo bờ biển có Lễ hội Cầu Ngư với màn hát bả trạo truyền thống mang màu sắc nghề nghiệp thì ở miền trung du và đồng bằng có Lễ hội Đống Đa phát huy lòng tự hào dân tộc, và ở miền núi có Lễ hội Đâm Trâu của người Thượng biểu lộ lòng dũng cảm và nét man dại của rừng xanh.

Theo tài liệu thống kê và nhân chứng, đồng bào Bana (Bahnar, Bania) hiện nay có 136.859 người ở rải rác từ Kontum, Pleiku, An Túc và phía tây hai tỉnh Bình Định, Phú Yên. Dân tộc thiểu số Bana có bảy chi nhánh nhưng chỉ có ba nhánh: Alakông, Tô lô và Bơ Nơm (B. Mơ Nam)

là tập trung ở dọc biên giới phía tây tỉnh Bình Định và đông đảo ở huyện Vĩnh Thạnh ⁽¹⁾.

Hằng năm, từ tháng chạp đến tháng 3 âm lịch, dân tộc Bana theo truyền thống mở lễ hội tạ ơn Giàng (Yang) là đấng thần linh tối cao của họ. Người Bana gọi lễ ấy là Koh Kpô hay Groong Kpô Tonoi, tiếng Việt gọi là Lễ Hội Đâm Trâu.

Theo Đặc san Văn Hóa Bình Định (ấn hành tại Qui Nhơn, 1992) và các tài liệu khác, già làng chọn bãi đất rộng, bằng phẳng thuộc địa phận buôn làng mình để dựng giàn tế (Gưng) là một quần thể gồm: Một cây tre cao, thẳng, còn nguyên ngọn, gốc được chôn vững vàng gọi là nêu, sát bên cây nêu là một cột lớn rắn chắc bằng cây Xmuôn hay cây Plang, cũng được chôn chặt để đỡ cây nêu và dùng vào việc buộc trâu; nhưng nếu chọn được cây sắn thẳng, đủ vững chắc để làm nêu thì không cần trụ buộc trâu nữa. Và quanh cây nêu còn trồng 4 hay 8 trụ gỗ tròn, cao độ 3 mét, đường kính khoảng 15 cm. Các trụ gỗ này, được bố trí theo hình hoa thị đối xứng từng cặp và trang trí thành những vòng khuyên sơn màu đen, trắng, xanh, đỏ xen kẽ nhau. Ở đầu các trụ gỗ có các thanh ngang buộc nối hai trụ lại với nhau, cấu kết theo thế liên hoàn vững chắc. Dọc theo thân cây nêu có các dây buông dài, tết bằng lạt tre buộc những tấm nan hình tam giác và các ống tiêu gió bằng cây lồ ô đu đưa vi vu trước gió. Trên cùng cây nêu có treo túi thiêng, tiếp theo là cánh phướn đan

⁽¹⁾ Vĩnh Thạnh là huyện miền núi ở phía tây bắc tỉnh Bình Định. Năm 1917 lập thành tổng Vĩnh Thạnh (gồm 4 thôn) thuộc huyện Bình Khê, năm 1949 nâng lên thành huyện Vĩnh Thạnh, năm 1955 cải biến thành nha, năm 1958 lập thành quận (12 xã), năm 1965 trở lại nha, năm 1981 đổi thành huyện gồm 6 xã, năm 1986 có 7 xã và năm 1991 có 8 xã.

bằng lạt giang, biểu tượng cho chim đại bàng (Kring), hình ảnh của sức mạnh và trí tuệ.

Lễ Hội Đâm Trâu được tổ chức trong ba ngày, hai ngày đầu tại Giàn tế (Gung), ngày cuối ở sân Nhà làng (nhà Rông). Ngày thứ nhất, người ta dắt một con trâu to béo, đầy sức lực đến Giàn tế, nối cổ trâu vào Cột tế (Plang Kpô) bằng một dây thừng bện thật chắc, dài độ 2 mét tây. Dân trong buôn và người xem đứng bao quanh Giàn tế thành một vòng tròn rộng.

Giờ hành lễ bắt đầu, dàn công rộn rã nổi lên chen lẫn âm thanh của bộ chiêng rền vang, kết hợp với bộ trống lớn (Bnung) dồn dập, dậy lên bản giao hưởng hùng tráng như tiếng gọi từ hồn thiêng ngày hội. Các thanh niên thanh nữ xếp hàng dọc, tay cầm gậy múa Kơ Tếch (điệu múa dành riêng cho lễ hội Đâm Trâu), đi vòng quanh giàn tế theo chiều ngược kim đồng hồ. Vị tù trưởng đứng vai chủ tế dẫn đầu các vị bô lão (chừng 5, 6 người), mặc lễ phục sắc sỡ từ từ tiến đến giàn tế, quì rạp khấn vái thần Giàng (Yang). Tiếp theo bài khấn là lễ Hiến tế, một bô lão khỏe mạnh nhất trong ban tế lễ, tay cầm giáo tay cầm khiên bước ra khỏi hàng, lựa thế đâm một nhát vào con vật tế thần. Tuy bị thương nhưng trâu vẫn còn sức mạnh, cố bứt dây chạy thoát nhưng không được, đành chạy vòng quanh giàn tế. Mọi người trong buôn đồng loạt hú lên rung chuyển cả núi rừng và đi quanh giàn tế đánh công, múa hát đến chiều tối mới mãn.

Ngày thứ hai, cả buôn tập trung bao quanh giàn tế để làm lễ Hiến sinh. Lần này, trai tráng trong buôn vào cuộc. Họ cầm vũ khí và khiên, la hét, dồn đuổi con trâu chạy quanh giàn tế. Họ thi nhau bắn cung, phóng lao, đâm giáo vào con vật tế thần. Lòng dũng cảm và sự khôn khéo của họ được thể hiện qua cách săn đuổi con mồi. Và phần

thường chiến thắng dành cho chàng trai nào lựa được thế, đâm thẳng vào tim con vật; gục xuống, chết ngay. Già làng cầm bát đồng hứng máu tươi, hòa với rượu dâng thần linh. Tiếng hú mừng chiến thắng lại một lần nữa vang trời dậy đất.

Trâu được xẻ thịt ngay tại chỗ, chọn thịt ngon và toàn bộ lá gan chia đều cho năm nhóm rồi rấy máu đã hòa rượu, cung kính đặt trên bàn thờ thần Giàng. Già làng đứng ra khẩn bái, xong lễ, gan trâu được chia đều cho tất cả trai tráng trong buôn. Họ tin rằng ăn gan đó, sẽ tăng cường sức mạnh và lòng dũng cảm vì đã có thần Giàng chứng nhận.

Ngày thứ ba, túi thiêng trên cây nêu được rước về thờ ở nhà Rông, đặt ngay chỗ để vò rượu chính. Già làng làm lễ khẩn xong, gọi mọi người đến uống rượu này, vì tin rằng ảnh hưởng của túi thiêng đã hòa trong rượu, uống vào sẽ tiêu trừ những rủi ro và tật bệnh. Họ còn tổ chức những trò chơi thượng võ ngay trước sân nhà Rông như bắn cung, đấu kiếm, phóng lao, đấu võ ... Cuộc vui suốt ngày và kéo dài đến thâu đêm suốt sáng.

Ngày nay Lễ hội Đâm Trâu vẫn còn thịnh hành trong các buôn làng người Thượng nhưng đã đơn giản rút ngắn còn một ngày đêm. Con vật chịu Lễ được các tay thiện nghệ nhanh chóng đâm chết, không còn cảnh săn đuổi kéo dài sự hãi hùng đau đớn và người dự lễ hội đỡ bị căng thẳng thần kinh vì thương cảm.

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

My winter poem
Sometimes

*Wintertime is white and bold.
Sometimes in the winter it can be cold.
Sometimes in the winter, it might get warm. Sometimes in
the winter, there might have a storm.
Sometimes in winter you may have no corn!
Sometimes in winter you get near the fire,
And get cozy in your house,
While other people
Get frozen out.
Sometimes when you're lost,
You might wind up sleeping
With a hibernating fox!
Sometimes when you finish a book
You come out and take a look.
Sometimes when you take a look,
You see something that you saw in you book.
Sometimes you think that your eyes are fooling doubt.
Isn't that' what Christmas is all about!
So have a happy, happy Christmas!*

ARIANA TRUONG UYEHARA

TRUYỆN NGẮN

BẢN THÔNG ĐIỆN MƯA

TÂM TRIỀU

NGƯỜI PHU XE, mùa thu, chiếc lá vàng rơi. Duy mỉm cười, lẩm bẩm tự đọc tựa đề cho mảnh đời mình hôm nay.

Chức vụ của chàng hiện tại thật đơn giản, thông dong, chẳng cần in thành các dòng chữ với gạch trật, bằng cấp trên cánh thiệp như ngày xưa. Ấy vậy nhưng cũng làm cô em gái Duy nhỏ lệ than vãn: Khi trước anh huy hoàng sao, mà ngày nay tang thương đến như vậy!? Duy đã an ủi em: chẳng có nghề nào xấu, nếu như lương thiện, thậm kịch hay không, là tùy chỗ cái nhìn của mình.

Duy dựng chiếc xe Honda ở ngã ba Ông Tạ, nơi đây chàng có thể đón những ai từ khắp nơi đổ ra, cầu đi một cuộc xe dài hay ngắn. Đa số thường là các cô, các bà đi chợ, đôi khi có một vài vị cao niên, hoặc trai tráng đàn ông. Thành phần nam giới, tuy thế mà nhẹ nhõm hơn, ít đồ phụ tùng lỉnh kỉnh, cũng chẳng dài dòng mặc cả giá này nọ - Duy có lúc từng tự hỏi tại sao chàng làm nghề xe Honda ôm? Cái danh xưng nghe cũng đã ngộ nghĩnh rồi. Có lẽ vì chàng tuổi con ngựa, chẳng chịu ngồi yên một chỗ lâu được.

Em gái Duy đã sắp xếp cho chàng những loại việc thích hợp như: làm công trong một tổ hợp đan màn trúc, nhàn nhã, lại khỏi phải dãi dầu mưa nắng. Rồi nghề khác nữa: Một thầy giáo dạy Anh Văn cho những người sắp sửa

xuất ngoại. Tuy nhiên, từ thợ đến chức thầy cũng chẳng giữ Duy được lâu, để rồi chàng lại bỏ ngang.

Rốt cục, chỉ có nghề phu xe với những cuộc xe chạy lung tung khắp thành phố, lại khiến Duy thoải mái và thú vị hơn cả. Một người bạn Duy đã nói: Hình như chàng đang chạy trốn một cái gì suốt cả ngày? Có phải đó là thực tại không? Duy mỉm cười nhìn bạn, một kẻ đã hiểu thấu lòng mình. Nhưng người đồng bệnh dễ hiểu nhau hơn: Một vận nước thảm thương, cười ra nước mắt, trước cuộc đời đến chóng mặt. Cả triệu anh Mán, anh Mừng đang leo cây quế ngay giữa đô thị, thành phố. Duy nghĩ đến quỹ đạo tương lai mình, sẽ trải rộng và xa hơn các vòng xe chạy rong quanh phố phường, tuy nhiên đó là những đường vòng cung buồn, vẽ trên biển hoặc rừng.

Một bà lão đến nhờ Duy chở đi cuộc xe không xa lắm. Thật hiếm có khách hàng tuổi tác dùng Honda, thường các cụ đi xích lô, hay xe buýt hoặc trong gia đình lo liệu giùm. Duy ngược nhìn bà cụ, bỗng thấy lòng mình se lại vì những dấu hỏi: Vậy con cháu bà đâu? Phải chăng đây là một trong những người già cô đơn nhất.

Bà lão mang nhiều nét giống mẹ Duy. Đã có lần duy nhất, chàng chở mẹ chạy loạn bằng Honda, từ khu đài phát thanh Sài Gòn, lúc cộng quân chiếm cứ vùng này năm Mậu Thân.

Những ngày sau đó, Duy mãi ngóng trông bà lão sẽ ra đón xe Honda một chuyến nữa, gần hoặc xa. Nhưng bà cụ vẫn biệt tăm hoài, khiến Duy tin rằng khó có thể gặp lại bà lão lần nữa, để tìm lại hình ảnh thân yêu của mẹ mình.

Hôm nay, buổi chiều xuống thật oi bức, nặng nề, Duy ngồi chên vênh trên xe, chán ngồi rồi đứng, đi lại, đốt

khá nhiều điều thuốc, nhưng vẫn chẳng có khách nào đáp xe.

Chàng nhớ lại khi xưa, cũng đợi người yêu như thế này, nhưng theo tiêu chuẩn hút hết một điều thuốc, nếu Hương không ra, là Duy nổ máy chạy liền. Vài lần từng bị lỡ chuyến tàu. Hương thay đổi hẳn thói quen thường kiểu cách, hành hạ người tình bằng thời gian chờ đợi.

Một chú bé gương mặt kháu khỉnh, độ tám chín tuổi, tiến gần đến bên Duy. Em coi vẻ rụt rè, muốn ngỏ lời chi mà lại không dám nói. Được sự khuyến khích ân cần từ Duy, em bé mới dám thổ lộ niềm mơ ước bé nhỏ của em là được ngồi trên chiếc xe Honda từ khi lọt lòng mẹ cho đến nay, em chưa bao giờ được biết qua một lần. Vậy là Duy đã trở thành ông tiên thực hiện giấc mơ cậu bé có tên là Phúc.

Chú nhỏ thật tội nghiệp, mồ côi cha lẫn mẹ, sống với bà ngoại già nua nghèo khó. Phúc chẳng đi học được bao lâu. Sau khi biết đọc, biết viết. Vườn hoa tuyệt vời cho Phúc thơ thẩn rong chơi, là nghĩa trang Thánh Minh Tương Tế, khu Ông Tạ. Lúc này, họ đang làm công tác bối bối san bằng các mồ mả, thế là cậu bé như bị đuổi ra khỏi vườn địa đàng. Phúc kiếm sống bằng đủ các nghề lật vật, bán cà rem, đi nhặt bao nylon, ve chai, giữ xe, đánh giầy v.v... Nghề nào Phúc cũng chẳng gặp may mắn, thành công. Cậu bé đã trốn thoát khỏi một tổ chức bắt lương, bắt Phúc phải hành nghề cướp giật, sau đó đem về nộp cho các tay trùm. Phúc như một loại cỏ hoang nhưng thơm hương qua nền móng gia đình, với người mẹ, xưa từng là cô giáo.

Gặp bé Phúc, Duy coi là một cơ duyên. Chàng yêu quý Phúc như đứa con mình vậy. Khi rảnh rỗi, Duy thường chở Phúc đi chơi đây đó, cho cậu bé thưởng thức một vài

món ăn ngon. Duy có ý nghĩ so sánh, nếu chàng không gặp tình duyên trắc trở, để có thể lập gia đình từ lâu, nay chắc hẳn Duy đã có một bé trai cũng khôi ngô dễ như Phúc.

Khi có dư dả đôi chút, Duy sắm cho Phúc vài bộ quần áo mới, ít sách vở, để giúp Phúc trở lại trường học, cùng một món tiền nhỏ cho cậu bé ăn học. Bé Phúc nay gọi Duy bằng Ba, có lúc lại gọi Bố. Thế là Duy ngẫu nhiên như một cha nuôi của Phúc. Bé Phúc từ khi có Duy đã hồi tưởng trở lại cái thuở sung sướng còn cha còn mẹ. Duy thấy ấm áp hạnh phúc thực sự khi nhìn đôi mắt Phúc nay rực sáng lung linh tựa ngọc, không còn u ám, thất thần như xưa nữa.

Rong mỗi chiếc xe lăn bánh giữa đường phố Sài Gòn, đôi khi Duy bắt gặp lại những thoáng rung động qua dư ảnh, kỷ niệm xưa, giữa thực tại và quá khứ chập chùng. Một tà áo mầu tiểu thư đậu lại đôi phút, lên xe trong một quãng đường ngắn, Duy bỗng nhớ lại bao nhiêu người yêu cũ; Thủy xưa cũng mặc chiếc áo mầu bích ngọc như cô bé này. Lại một thiếu nữ khác với tà áo vàng, sao giống Loan khi trước quá chừng, giống cả với khước mắt một mí rươi và đôi má lúm đồng tiền nữa. Thế nhưng, khi nghe tiếng nói từ những người đẹp: Thưa bác, thưa ông cho con, cháu tới đường Bà Trưng Tân Định, Đinh Tiên Hoàng Đa Kao v.v... Duy mới chợt tỉnh, để biết rằng mình đang là thân củi mục, bên cạnh những cánh hoa lan đương thì xuân sắc. Củi càng khô mục rong rêu, hoa càng khoe thắm tươi. Duy thở dài, lúc nghĩ đến những người yêu cũ, nào Thảo, Hương, Thủy, Mai ... tất cả nay đã qua rồi tuổi xuân xanh!

Duy chẳng mong gặp lại bao cố nhân, sợ càng thêm vỡ mộng. Thế giới phụ nữ bây giờ với Duy, là những bà

sồn sồn đi chợ búa tần tảo mua bán ngược xuôi, để nuôi gia đình với thúng mủng gà vịt kêu quang quác ở đằng sau. Duy làm một so sánh tương phản, ngộ nghĩnh: Ngày xưa, chàng chỉ nghe thấy tiếng nói oanh vàng thánh thót của người yêu từ đằng sau lưng. Tiếng nói của một thiếu nữ đang yêu, quả trầm bổng, tuyệt vời như một cung đàn.

Hàng ngày, Duy phải nghe tâm sự mấy bà buôn bán, nội trợ. Bao nhiêu chuyện nhỏ ở trong gia đình, các bà đều đem ra kể cho Duy, lại còn bắt chàng cho ý kiến nữa. Đôi lúc Duy muốn âm ừ, nghe tai này qua tai khác, cũng không xong với mấy bà. Cách chỉ dẫn, giải quyết của Duy đều mang tính chất vô thưởng, vô phạt, giống như mấy ông thầy bói dở. Kể ra thấy cũng hay hay, vừa làm anh phu xe, lại kiêm luôn chức thầy đời, cố vấn cho mấy bà nữa.

Gần đây, xuất hiện một người khách đặc biệt, thường hay đáp xe đi lung tung theo ngẫu hứng, khiến Duy phải quan tâm, thất mắc: nàng tên gì? Người sao bệ vệ, phát tướng quá đà vậy? Hãy tạm gọi danh hiệu là bà Phán Cảnh cho vui. Duy nhận xét, cứ hôm nào chàng vắng khách, tự nhiên không hẹn mà đến, bà Phán Cảnh tức cảnh phản ở đâu tới đáp xe giúp, cứ như hiệp sĩ cứu khổ phò nguy cho chàng. Duy thật phấn khởi, tự lạc quan cho số mình, vào buổi hoàng hôn vẫn còn le lói chút đào hoa. Một tín hiệu khác nữa, cứ khi nào thời thật đẹp, thế nào bà Phán cũng xuất hành để mở hàng cho Duy đầu ngày. Đôi khi, Duy cũng bị lôi cuốn theo lộ trình khá văn nghệ của bà Phán và thường luôn thay đổi. Được lắm, mới sáng tinh mơ, đòi chở xe lên chùa để nghe chim hót. Có hôm buổi chiều, lại đòi chở vào nhà thương Đồn Đất, thăm bệnh nhân nào đây? Hình như bà Phán chẳng thăm ai cả, bà chỉ ngao du cho vui mà thôi. Trời đương tiết xuân, mà

trực chỉ Lăng Ông, thật đúng điệu quá rồi. Bà Phán Cảnh còn bắt chớ ra trường Võ Thị Sáu, tức Lê Văn Duyệt cũ nữa đấy! Xưa nay, bà chính hiệu nữ sinh Lê Văn Duyệt, có lẽ bà quen thầy, cô giáo nào ở đây, hoặc bà Phán là tín đồ thờ Đức Tả Quân? Chán rồi, bà Phán lại thêm mực đi ăn cà rem vào giữa tiết mùa Đông, có lúc thạch chè nữa. Sao lại có người lạc điệu đến thế này nhỉ, đúng là đồng bóng rồi. Có lần bà Phán từng ngang nhiên mời Duy vào tiêm kem nữa chứ. Chàng tức giận từ chối thẳng thừng. Duy muốn giữ ranh giới cố định giữa người chở xe và khách hàng, nhất định ở tầm mức đó, không đi xa hơn nữa.

Bà Phán không thể coi thường chàng mà chẳng biết là bà nghĩ sao, lại có những hành vi quá lỗ bịch như vậy được! Chợt nghĩ ra, bà Phán dám thuộc họ "mát" giây, Duy bỗng tiêu tan hết cơn giận lại còn thương xót cho bà ta nữa. Thật nhiều giả thuyết Duy hình dung cho bà Phán: Người phụ nữ lỡ thời hay góa bụa, hoặc chồng bỏ bê, người thất tình, mất cửa, tiêu tan gian sản, mất con v.v... Thôi tạm coi bà Phán như người bệnh tâm thần, điên vì tình hoặc thời thế. Có lúc Duy thấy bà Phán rất trẻ thơ, hình như thời gian, tuổi tác không hề trôi qua trong đời. Tất cả đã dừng lại vĩnh viễn ở một mức điểm quá khứ, căn nguyên đúng là bệnh tâm trí rồi.

Càng lang thang, vòng vo trên bánh xe phiêu lãng, lâu ngày riết rồi bà Phán và Duy trở thành người bạn đồng hành vào những ngày tháng đẹp trời của Sài Gòn. Duy được bà Phán tâm sự cho biết sự đổ vỡ trong hôn nhân, dẫn tới cuộc ly dị giữa bà cùng người chồng. Con cái trong gia đình chán nản, cũng theo nhau vượt biên ra nước ngoài hết cả rồi. Bà Phán sống dư giả, vì của nổi của chìm cha mẹ để lại còn nhiều, dù đã từng có vài cuộc đánh tư

sản từ nhà cầm quyền Đỏ. Giờ, Duy bỗng đứng trở thành tài xế ăn lương bán thời gian của bà Phán. Cho đến nay, Duy vẫn chẳng cần hỏi biết tiên tuổi bà là chi. Xem cùng chàng thích thú hỗn danh bà Phán Cảnh do Duy sáng tác. Sao mà giống nhân vật thời Tự Lực Văn Đoàn thế này. Rất có thể thời trẻ, bà cũng có chút nhan sắc cơ đấy, nhưng nay chắc hẳn các mỹ viện phải lắc đầu chào thua. Duy cũng cho bà biết sơ qua cuộc tình của mình: Người yêu hờn ghen Duy, bỏ ngang đi lấy chồng cho bỏ ghét. Bà Phán từ khi biết như vậy, cứ đòi làm mai mối cho Duy hết cô này, bà nọ, đến chị kia. Nhưng Duy vẫn từ chối, tự nghĩ làm sao tìm lại được tâm hồn mình ngày hôm qua?! Mùa Thu, Đông đến rồi cũng với mùa cưới. Không hiểu sao, hôm nay bà Phán cố thuyết phục Duy chẳng được, rằng chàng phải đi lập gia đình ngay, kẻo thật quá muộn rồi. Bà nói chàng cần phải có người săn sóc, không thể sống lơ ngơ, đơn độc hoài như thế này mãi. Duy đành phải rải bày tâm sự thật của lòng mình với bà Phán, đúng giữa lúc chàng nhớ người yêu cũ hơn bao giờ hết.

- Thưa bà, tôi phải thú thật rằng, không lúc nào tôi quên được người tình cũ của mình. Cho nên tôi chẳng sẽ mang lại hạnh phúc cho bất cứ người nào, không may chịu lấy tôi.

- Không ngờ anh yêu tình nhân xưa đến như vậy ư? Thế cô ta tên là gì, chắc hẳn là đẹp lắm phải không??

- Nàng tên là Thanh Hương. Vâng, rất đẹp.

Duy bỗng nghe thoáng tiếng nấc nghẹn ở đằng sau, rồi một trọng lượng đè nhẹ lên lưng chàng. Trời vẫn đang nắng, nhưng cơn mưa nhỏ bất ngờ đổ ào trên vai, lưng Duy. Một bản thông điệp của mưa, từ tình yêu người phụ nữ. Chưa có cơn mưa nào trên đời này đẹp hơn, và thật là hoang đường.

- Thưa anh, em là thanh Hương xưa của anh đây. Trời ơi! Em vẫn biết mà, anh chẳng bao giờ nhận ra em ở hình hài này đâu! Nhưng em đã nhận ngay ra anh, từ giây phút đầu tiên, sau bao nhiêu năm gặp lại. Vẫn chiếc xe Honda cũ, người xưa. Anh phong sương, đậm thắm hơn như vị rượu thời gian vừa chín tới.

Duy ngờ ngàng, sau những phút xúc cảm lắng đọng dần, bắt đầu nói:

- Anh không thể tưởng tượng được ... hóa ra là Hương. Cuộc gặp lại của chúng mình hôm nay như một chuyện huyền thoại.

- Thế rồi em bị một bà tiên nguyên rửa, hóa ra xấu xí béo mập như thế này! Hương cười đùa như phụ họa đáp lời Duy.

Nàng say sưa nói tiếp:

- Anh thật vô tình quá chừng, hôm em nói anh đi vào nhà thương Grall, để tìm lại từng chòm kỷ niệm. Anh có nhớ khi xưa, chúng mình từng đuổi bắt bướm trên thảm cỏ xanh ở bệnh viện này không? Rồi hai đứa kéo nhau lên núp trên gác hợp xướng ở ngôi thánh đường nhỏ, xinh xinh như căn nhà của bầy chú lùn với nàng Bạch Tuyết. Lại hôm khác, nhờ anh chở ra Chùa Xá Lợi, bên cạnh trường Gia Long; khi ấy, em đã ghen, hỏi cung anh từng quen cô nữ sinh nào học ở trường này không? Anh liền cam đoan chỉ xin làm chức quan nhỏ, phụ tá cho Ngài Lê Văn Duyệt mà thôi, khiến em nở hoa đào Đà Lạt trên má. Rồi buổi nữa, nhờ anh chở ra trường cũ Lê Văn Duyệt, cùng Lãng Ngài Tả Quân. Nhìn vào mắt anh khi ấy, em cũng thấy một chút nào xúc cảm, khiến em buồn muốn khóc. Em sợ anh sẽ hoàn toàn quên em hết rồi; cùng những quá khứ, kỷ niệm đẹp như hoa gấm ngọc ngà. Có lần em đánh bạo, mời anh vào quán ăn, nhà hàng lưu dấu một thuở hoa niên

của chúng mình xưa, anh đã nổi giận với em. Thật tức quá, em muốn hét lên rằng: "Hương xưa của anh đây, có đủ tư cách mời anh cùng ăn uống như trước không?". Nhưng em dần được lòng ngay. Em sợ sẽ giết chết hết cả mọi hình ảnh yêu kiều của em ngày xưa trong anh.

Ôi! ... Kỷ niệm sao mà ngọt ngào quá, Duy còn nhớ ngày nào anh hỏm cho em từng thìa em trong cái lồng trên cao ở tiệm kem Lan Hương, đường Lê Lợi không?

Hương lại khóc thốn thức, phải chăng nước mắt là bản giao hưởng người phụ nữ thường hay hòa tấu nhất. Giọng Hương trầm xuống, kể lể.

- Em có biết tại sao em đến nông nổi như thế nào không? Một thân hình béo xệ, xấu xí quá đỗi phải không anh? Em tự đẩy đọa mình như vậy đó. Sau khi lập gia đình với Khánh, chồng em cứ ghen với dĩ vãng của chúng mình hoài. Khánh sinh ra nghiện rượu, rồi hay kiếm cớ gây chuyện với em. Cuối cùng, Khánh thêm tật xấu nữa, là thường đánh vợ sau cơn say xưa, gia đình hóa ra thành địa ngục. Không vì con, đã mấy lần em toan tính mang nhau ra tòa ly dị cho xong nợ. Em còn niềm vui nào nữa để khuây khỏa hơn gia chánh. Em đã làm thật nhiều món ngon để tự dành cho mình quyền thưởng thức. Chợ Lớn và vùng kế cận. Ăn uống cho bỏ tức, để giải sầu, giải hận. Kết quả bây giờ, em mập gần như cái thùng rượu vang mà anh đang thấy đó. Chắc anh thất vọng lắm phải không? Nhưng chẳng sao, anh sẽ không còn phải nhìn thấy em như vậy bao lâu nữa đâu! Em đang bệnh dư mỡ trong máu và áp huyết cao, thường hay nghẹt tim nữa, nên có thể lìa đời bất cứ lúc nào. Anh coi này, đường chỉ tay sinh mệnh em đâu có dài, bị cắt đứt hoàn toàn ngay ở đây. Thầy tướng số từng nói với mẹ em, là con bé này sẽ chết non, không thọ lâu.

Duy cắt ngang câu chuyện bằng vòng tay ôm trù mến cùng với những âu yếm ngày xưa. Hương lại trở nên bé nhỏ như thuở nào, qua tiếng chim hót líu lo cả ngày, cùng sóc nhỏ hí hoáy không ngừng. Duy trách Hương, sao ngày trùng phùng, lại cứ nói những chuyện tào lao, buồn chết chóc phân ly? Duy nói trăm tội đổ lên đầu anh, vì anh mà Hương đã phải chịu đủ đau thương đến như vậy. Thảm kịch chúng mình vì em quá ghen, hay do lỗi anh còn ham tự do, bay nhảy chưa muốn dừng bến, tại anh, tại em, thôi hãy coi như do số phận, định mệnh chung đã an bài. Sau cuộc trùng phùng bất ngờ ấy, là một tan loãng hư ảo. Hương biến mất như một oan hồn. Duy biết rằng, Hương không muốn chàng thất vọng trước hình hài của nàng hôm nay, khi những xúc cảm ban đầu rồi sẽ lắng dần. Ít lâu sau, Duy nhận được lá thư vĩnh biệt của Hương. Nàng chúc Duy thành công trong chuyến vượt biên sắp tới; nhưng đoạn kết bức thư lại có mâu thuẫn thật cảm động. Hương cho biết sức khỏe nàng như ngọn đèn trước gió, chỉ chờ để phụt tắt, vĩnh viễn lìa đời, theo như bác sĩ dặn dò. Hương nói, linh hồn nàng sẽ vất vưởng lưu lại ở trần thế hoài, để lang thang về trường cũ, những nơi chốn kỷ niệm, bao dấu tích đền đài của tình yêu một thời hoa mộng. Nếu chẳng may, Duy chìm xuống trên biển, Hương đoán chắc nàng sẽ đổi buồn thành vui. Hương sẽ có Duy, hai linh hồn đoàn viên sum vầy. Chúng mình sẽ trở lại bệnh viện Grall, tung tăng bay tới trường Lê Văn Duyệt, hay xuyên qua ngôi giáo đường Tân Chí Linh, đánh thức ông linh mục dậy! Anh và em bắt cha xứ làm đám cưới ngay lập tức cho chúng mình. Hôn lễ dành riêng cho hai tình nhân khi sống, đã không một lần và chẳng bao giờ có dịp được làm đám cưới. Lá thư tuyệt mệnh do Hương viết được đọc lại hơn một lần, khi Duy nghe tin Thanh Hương

đã qua đời tại Việt Nam, đúng vào hội trăng rằm tháng tám.

Đêm nay, thêm một mùa trăng ly hương trào thương nhớ. Duy tìm lại Hương cố nhân, qua những tình khúc Cung Tiến khi xưa, cả hai cùng yêu thích. Từ một "Hương Xưa" nức nở thổn thức, đến "Nguyệt Cầm" ai oán quặn đau ... Đêm trăng úa làm vỡ hồn anh ...!!

*

Trăng nhập vào đàn, đàn tan loãng trong ánh trăng nhạt nhòa, bản thông điệp mưa lần này do chính Duy gửi vào hư vô, lệ tuôn trào trên mười ngón tay Duy, phát phối thả thanh âm trên những phím đàn tan nát.

TÂM TRIỀU



TRUYỆN CƯỜI

CU LÁU

Cu Láu hỏi cô giáo:

- Thưa cô, có bao giờ cô phạt em vì một chuyện mà em không hề làm?

Cô giáo:

- Không! Em không làm, làm sao cô phạt em được.

Cu Láu khoanh tay cúi đầu:

- Cảm ơn cô. Tối hôm qua em quên, không làm bài!

(Làng Văn số 207)

Tâm Sự Đêm Thùy Dương

Ta chơi chẳng phải rằng chơi,
Mà chơi là để cho đời quên ta.
Cái thân trong ngọc trắng ngà,
Lẫn vào cát bụi ai mà biết thân.
Gần xa nhẹ gót phong trần,
Cho hay mắt trắng mặt hồng là ai.

Từ quê đến chốn thị đài,
Từ miền duyên hải đến ngoài sơn lâm.
Bốn vùng in đậm dấu chân,
Cùng non cùng nước tri âm bấy chầy.
Bạn bè cách trở đường mây,
Chỉ còn non nước ở đây bạn cùng.

Trời chiều khuất ánh mấy hồng,
Bóng trăng đầu đã chen lồng ánh dương.
Kể từ cất bước lên đường,
Lần tay bấm đốt thu sương mái đầu.
Bây giờ tuổi đã sáu mươi,
Khuôn trăng chưa khuyết nụ cười còn xinh.

Nước non nặng một mối tình,
Của kho vô tận cho mình riêng tư.
Sự đời ít thực nhiều hư,
Đã không cộng được thì trừ cho xong.
Còn chi phải nói vo vòng,
Thêm hai bớt một mua lòng được ai.

Bên trời sáng tựa ban mai,
Đây trời sao lại u hoài thế ni.
Vì ta chậm bước ra đi,
Kẻ ra đi lại không vì ý ... ta.
Nước non vẫn nước non nhà,
Ai tri âm đó mặn mà với ai.

Trăm năm một giấc không dài,
Không như Trọng Tử (1) để hoài trăm năm.
Đường đời gai góc tối tăm,
Đã thân vạn vật xa xăm chi sồn.
Ra đi nuốt tử ngâm hồn,
Ra đi nguyện một với giang sơn này.

Chờ cho ác bóng về tây,
Gió Đông lại đến tuôn mây đẹp trời.
Bao giờ non nước sáng ngời,
Thì ta trở lại cuộc đời của ta.
Ngồi buồn kể chuyện gần xa,
Chuyện non chuyện nước chuyện nhà cũng vui.

(1) Tên một nhân vật thời Xuân Thu Chiến Quốc, gặp loạn đi ở ẩn đến chết.

THƯ TRANG
(Những ngày lưu lạc)
Hà Thu 94

HÌNH ẢNH SINH HOẠT
CỦA
HỘI ÁI HỮU BÌNH ĐỊNH BẮC CALI

★ *Chụp hình - Trần Trọng Khiêm*
- Trần Văn Ngô

★ *Tài liệu lưu trữ của Hội AHBD/B CALI*

PICNIC HÈ HỘI NGỘ 1998



- Ban tiếp tân sẵn sàng đón chào quan khách
- Hàng đứng, từ phải sang trái: Phu nhân Trần Văn Ngô, phu nhân BS Cai Văn Dung, O.Bà Nguyễn Văn Thường
- Ngồi: Phu nhân Võ Bá Trác



- Đồng hương Bình Định đang chuyện trò thăm hỏi tại cổng vào

PICNIC HÈ HỘI NGỘ 1998



- Đồng hương và quan khách đang ghi danh và nhận quà lưu niệm (Một cây bút máy có khắc hàng chữ: "Hè Hội Ngộ Bình Định 98")
- Đứng hàng đầu: Hòa Thượng Thích Giác Lượng (trái) và bà Trần Văn Ngô (phải) ban tiếp tân.



- Ban chấp hành lâm thời và cố vấn chụp hình lưu niệm với đồng hương và quan khách.
- Từ trái sang phải: Trần Văn Ngô (PCT/NV), Phan Quang Nghiệp (TTK), Nguyễn Tường Chi (C/V), Huỳnh Khuê (quan khách), BS Cai Văn Dung (CT), Bảo Tố (Phó CT/Ng Vụ), Nguyễn Văn Thường (đồng hương).

PICNIC HÈ HỘI NGỘ 1998



- Ban ẩm thực trình diện nhân sự và thực phẩm tự tay chế biến đến đồng hương và quan khách.



- Đồng đảo đồng hương và quan khách đang lắng nghe lời chào mừng của Ban tổ chức.

BẦU CỬ BAN CHẤP HÀNH NHIỆM KỲ 2000-2002



• Ban bầu cử đang kiểm phiếu bầu bằng thư.
- Từ trái sang phải: Lê Như Lâm (trưởng ban), Nguyễn Bá Thư
và Nguyễn Văn Thường.



• Ban bầu cử đang kiểm phiếu với sự hiện diện của quan sát viên.
- Hàng bên phải: BS Cai Văn Dung (ứng cử viên) và một đồng hương.
340

HỢP KHOÁNG ĐẠI CUỐI NHIỆM KỲ LÂM THỜI



• Ban cố vấn, ban chấp hành lâm thời và ban bầu cử.

- Từ phải sang trái: Phan Quang Nghiệp (TTK), BS Cai Văn Dung (CT), Trần Trọng Khiêm (CV), Nguyễn Thường Chi (CV).



• Ban cố vấn, ban chấp hành lâm thời và ban bầu cử:

- Từ trái sang phải: Nguyễn Văn Thường và Nguyễn Bá Thư (Ban B/C), Hòa Thượng Thích Giác Lượng (CV), Ô.B Giáo sư Đinh Thành Bài (CV)

**ĐẠI TIỆC TÂN NIÊN CANH THÌN
VÀ TRÌNH DIỆN BAN CHẤP HÀNH
NHIỆM KỲ 2000-2002**



- Bảng “Chúc mừng năm mới” trang nghiêm treo ngang bục kháng đài.



- Ban tiếp tân đang ghi danh và gắn bảng tên cho quan khách

ĐẠ TIỆC TÂN NIÊN CANH THÌN ...



- *Quan khách đang đứng nghiêm chỉnh chào Quốc kỳ trước khi khai mạc dạ tiệc.*



- *Trưởng ban Bầu cử trình diện tân ban chấp hành nhiệm kỳ 2000-2002.*
- *Từ trái sang phải: Lê Như Lâm TB/BC, Võ Bá Trác PCT đặc trách kế hoạch, Đặng Đức Bích PCT/NV, BS Cai Văn Dung CT, Tony Đình PCT/NgV., Đặng Vĩnh Mai PCT đặc trách Văn Hóa, Xã Hội, Trần Văn Ngô TTK kiêm Thủ quỹ*

ĐẠ TIỆC TÂN NIÊN CANH THÌN ...



- Đồng hương và quan khách đang vui vẻ hàn huyên tâm sự.



- Đồng hương và quan khách đang lắng nghe ca sĩ giúp vui.

ĐẠ TIỆC TÂN NIÊN CANH THÌN ...



- MC Lê Như Lâm tặng hoa và hướng dẫn ca sĩ bắt thăm xổ số lấy hên đầu năm mỗi khi hát xong.



- Ban tổ chức trao giải thưởng độc đắc cho 2 cháu thuộc thế hệ thứ hai.

My Heritage

Many times I have been told about my mother's homeland: Vietnam. About the beauty and peace that it once had before the war. About the war and the people who were suffering at that time. That is because my mom's side of my family was there during the war. In the war, fighting for their lives.

Heritage is like a diary or book about your life and its traditions. It can tell you your past and future such as how you came to live in where you live right now to what you would choose to live between. I was born here in the US with my little sister. My parents were born in different countries many miles the US and each other. I still live her in California but nevertheless keep my traditions and culture.

My mother is Vietnamese and my father is Japanese. My mom was born in Binh Dinh, Vietnam. Well, when the communists arrived there, my mother's family escaped to the United States of America. There, she continued to go to school where she left of in Vietnam, then graduated. My dad came to America when he was little. He was born in Okinawa, Japan, a pung island south of Japan. My grandpa got a job in the US and moved to Sacramento, California. There, my mom and dad went to the same university and fell in love. They were married after graduating from the university. That makes me half

Japanese and Vietnamese.

In Vietnam, I have been told that Binh Dinh was a wonderful place where many varieties of creatures and plants grew. There were many huge mountains and rivers ... There were many historic towers that can be up to 100 meters tall! Once there lived a great king who was about George Washington's age. His name was Vua Quang Trung. He was so important to the people of Binh Dinh that the people made a statue of him in his honor. Someday, when the communists are gone. I will visit this strange and unique place.

I celebrate Vietnamese holidays such as Tết Trung Thu and Tết, I also like many Asian foods as well as American ones such as Korean noodles, duck eggs, California rolls, sahim, shrimp tempura, pho, bun bo hue, and vermicelli.

Many people have different heritages and cultures, such as you and myself. But in my opinion, I think mine is the best of all!

By: AMANDA TRUONG UYEHARA

*Nghe lời chê bai mà giận là làm ngòi cho người dèm pha, nghe
câu khen ngợi mà mừng là làm mối cho người nịnh hót.*

Văn Trung Tử

SCHOOL DAYS IN QUI NHON

BETTE GAU (BELL)

Cường Để High School, Qui Nhơn, Việt Nam ... what good memories those few words bring to mind. Names are gone, details blurry, but the overall impressions are strong. It was a wonderful time of my life.

I had taught one year in the Los Angeles School System before accepting the job with International Voluntary Services (IVS) in Vietnam. The IVS education team was the first attempt to put teachers in schools throughout Vietnam to work with the Vietnamese teachers in teaching English, now known as ESL. Our main job was to improve the conversational abilities of the students. Most of the students had the reading and writing skills, but were limited in their pronunciation and conversational skills.

Although we were all teachers, none of us had any experience in teaching English as a foreign language, and we spent three months in Saigon, learning Vietnamese, and some techniques for teaching English as a second language. Being young and adventurous I looked ahead to a challenging experience, believing that everything would work out well, and it did. I was 22 when I started teaching at Cường Để.

Billie Lee Langley and I arrived in Qui Nhơn in the fall of 1962 and proceeded to find a place to live and get settled in. Billie Lee was to teach at the Sư Phạm School and I was to teach at Cường Để High school. I went to the school, introduced myself to the principal, Mr. Tôn Thất Ngạc, and discovered he didn't know I was suppose to be there. It took about a week to get everything straightened out, before I could start to work.

I remember the classees were large, and the students were dressed in white. White pants and shirts for the boys and white áo dài for the girls. When I walked into the classroom all the students stood up, that was quite a surprise to me the first time it happened.

I haven't thought about this in detail in years, just the general impressions remain; living in Vietnam and teaching at Cường Để was really a positive experience. I remember the eager students, the classes were the students would repeat in unison the words they were learning to pronounce, the class parties, particularly during Tết, and our one on one conversations, when they would work so hard to express their ideas in English.

I remember two of the teachers that I became friends with, Hoàng Thạch Thiết and Trương H. Mai, we called her Mai. Mai did not teach at Cường Để, but at a grade school. I believe her father had a position in the education department in the province. I have since lost contact with Mai, and I just recently got Thiết's address in Saigon.

I taught English at night in our home to any one who wanted to learn, and I usually had at least five or six students during the week. Most of the students were doctors, educators, and government people.

During this time I met the man I was to marry, Fred O. Bell. He was a helicopter pilot at the airfield in Qui Nhơn. I do not know if my students were aware of this or not. We have been married 35 years, eat phở at least once a week, complain about the americanized chả giò, and are fortunate to have an old friend from Saigon, Nguyen Hy Van, and his family, as neighbors and close friends.

I continue to be good friends with Billie Lee, we visit as often as we can, and she keeps me posted on who he doing what, as she has very close connections with the Vietnamese community in Los Angeles.

I am so happy to know that so many students from Cường Để High School have made their way in this country. I am very proud to have known you, and hope those that were my students found the lessons we had together helpful in their transition to life in the USA. None of us could have guessed, not in our wildest dreams, what the future was to hold for us. Here we are thirty-seven years later, older and wiser, and remembering those gentler days. What a privilege it is to have these memories and to be able to share them with you.

BETTE GAU (BELL)

English Teacher, Cường Để High School, 1962-1963.

Khi chọn bạn hãy từ từ, khi thay bạn càng từ từ hơn.

Cổ học Tinh hoa

BÁNH XÈO BÌNH ĐỊNH

TRƯƠNG HỒNG ÂN

Tôi sinh ra ở Bình Định mà sống và lớn lên ở Sài Gòn hàng năm theo ba má về thăm nội ngoại một đôi lần, vì thế mà kiến thức về cách sinh hoạt quê hương của tôi rất hạn hẹp. Bạn bè láng giềng và trường nơi tôi học toàn là con góp Bắc Nam Trung mà dân Bình Định thì không có ngoe nào, ngoài tôi. Tôi sẽ dần dần "nam hóa" nếu không sống với ba má, nhất là má tôi, một bà mẹ mền thương đặc sệt Bình Định trong cách ăn uống.

Đó là một điều may mắn cho tôi. Bởi lẽ, tôi nhớ lại có lần vừa thi lục cá nguyệt kỳ thứ nhì xong, chị em bạn chúng tôi "cúp cua" hai giờ sau rủ nhau vào rong chơi ở Sở Thú, rồi dẫn nhau đi ăn quà vặt. Ôi! Tuổi học trò, áo dài trắng, tóc xỏa bờ vai vào tuổi lưng chừng đệ nhị cấp đầy mộng mơ và hy vọng! Một con bạn thân "Bắc Kỳ" vừa nhai cuốn bò bía cười cười nhìn tôi như nửa đùa nửa như nhạo và khiêu khích:

- Con nhỏ này, món gì cũng thích: bò bía, bò khô, mì Quảng, bún bò Huế, phở gà lòng trứng non ... Sao tao không thấy món "Bìn - Định" của mày ở Sài Gòn vậy, mày?

Câu hỏi bất ngờ, thật làm cho tôi chơi với vì chính tôi cũng nghĩ điều mà con bạn tôi vừa hỏi. Tôi không thấy món ăn Bình Định xuất hiện ở Sài Gòn lúc bấy giờ, (mà bây giờ, khi viết bài này tôi cũng không thấy quán ăn bán món ăn Bình Định ở đất thung lũng Hoa Vàng) mà trong thâm tôi lại rất thích những món ăn, quà bánh của nội ngoại tôi từ quê gửi vô cho chúng tôi. Một con bạn khác:

- À hé! tao cũng thấy như vậy. Thôi đâu bạn kể món ăn Bình Định cho chị em nghe với.

Tôi ngỡ ngàng một chút, cố nhớ những món ăn, quà bánh gì đã được dùng và thích chí để trả lời:

Đúng! Các bạn có nhận xét rất đúng. Hầu như không có món ăn Bình Định xuất hiện ở Sài Gòn, Chợ Lớn Gia Định này. Lý do? Tôi không biết, nhưng nếu ở trường lớp ta có thêm một người bạn đồng hương của tôi nữa, tôi sẽ thăm than với người ấy rằng: "Sài Gòn sao vắng chị em ta? thơ Quách Tấn". Nhưng có một điều chúng ta phải công nhận là mỗi vùng có cách sinh hoạt riêng; sự ăn uống là một phần trong cách sinh hoạt đó. Món ăn của ba miền Trung Nam Bắc kể ra không xiết, có món thì tuy tên gọi giống nhau mà tùy theo cách làm của mỗi miền mang tính chất khác nhau. Có khi một món mà miền này gọi tên khác với miền kia. Thí dụ món xôi vị mà ở đây ta gọi thì Bình Định gọi là bánh cơm nếp đậu đen, món cá và rau mà hôm trước bạn mời tôi lại nhà ăn cơm thì ngoài tôi gọi là món cá kho nước chấm rau.

Các thứ bánh cũng vậy. Nói đến các thứ bánh ở Bình Định, có nhiều thứ mà ở Sài Gòn không có. Tôi nói Sài Gòn chứ không nói toàn miền Nam vì tôi nghĩ ở các tỉnh chắc có nhiều thứ bánh độc đáo mà không thấy xuất hiện ở Sài Gòn. Ta có thể nói có ba thứ bột dùng để làm bánh đó là bột nếp, bột gạo, bột khoai (mì, sắn, đậu xanh, đen, huỳnh tinh)

Bột nếp dùng làm bánh như bánh ít gói bằng lá chuối hoặc không gói lá chuối gọi là bánh ít trần. Bình Định cũng có, nhưng cách gói khác hơn, có thể thấy chiếc bánh ít mà biết đó là bánh ít nhưn ngọt hay nhưn mặn.

Gạo nếp dùng để gói bánh trong này có bánh tét, bánh tét nhưn chuối, bánh tét nhưn mặn, bánh tét chay.

Bình Định cũng không thiếu, nhưng có hai thứ tôi không thấy ở đây cũng gói bằng nếp đó là bánh cấp, bánh cúng, trong khi Bình Định lại không có bánh lá dứa.

Bột gạo dùng làm bánh thì có: bánh trắng, bánh bèo, bánh hủ, bánh đúc, bánh xèo v.v... Ngoài ra có nhiều thứ bánh mà tôi đọc ra đây nó nằm trong bài thơ. Tôi đố các bạn biết nó như thế nào?

Nói đến thơ mấy con bạn tôi mắt sáng lên

Đọc đi! Đọc đi!

Bây giờ tôi tự cảm thấy biết ơn ba má tôi dữ quá! Nhờ ba má mà con chinh phục được mấy con bạn "quỉ sứ" này.

Bọn chúng giục tiếp. Đọc đi! Đọc đi!

Tôi bắt đầu lên giọng ngâm Vân Tiên của ba tôi: (Xin lỗi ba! con đùa giỡn với bạn con, chứ không dám diễu ba đâu)

*Nhứt ... thời (mà) vợ đại trong nhà,
Nhì ... thời (mà) nhà đột, thứ ba nợ ... đòi.
Xem qua xét lại mà coi,
Nhà đột không sợ, nợ đòi không ghê.
Cục mình có chút hiền thê,*

Một con bạn cười phá lên: Ê! Như thế là thế nào? Lạc đề! Lạc đề (con nhỏ!)

Khoan! Khoan! Đừng nóng ... chưa ... chưa ... để kể tiếp:

*Ăn trưa ngủ sớm vụng về vô song
Vá may lộn cuốn lộn mòng,
Đường kim, mũi chỉ không xong bề nào.
Đã vụng mà lại tầm phào,
Trăm sự vụng hết việc nào (cũng) không xong.
Đến mai ngày kỵ ông cha chồng,
Gói ba đòn gánh, nếp trong nhưng ngoài.*

*Bánh bò trực lúc không tai,
Bánh in khô bột dện hoài không ra.
Bánh bầy lửa nó gãy làm ba,
Còn như bánh tai yến nó nở ra bánh bò ...*

Này! Tôi đổ các bạn cho biết các thứ bánh đó.

Ba đòn bánh đây là bánh gì? Bánh bò các bạn có thấy ở Sài Gòn không. Sao lại trực lúc không tai? Bánh in dện không ra là ra cái gì? À, còn bánh bầy lửa, bánh tai yến ở đây có không?

Con bạn Bắc Kỳ thân nhất của tôi, há họng nghếch ra:

Không ngờ con nhỏ này hay thật! Thôi chào thua cô bạn! Bây giờ cô bạn thử so sánh một món bánh ở đây mà xứ bạn thấy khác hơn cách làm, mà có cùng tên gọi?

Tôi thấy cũng hơi bất công, nãy giờ chỉ có một bình tôi nói chúng chỉ ngồi ăn, há hốc nghe, cười ... Nhưng tôi đang hứng chí, và cũng thỏa được "Tự ái dân tộc" nên không sao, các bạn muốn nghe tôi nói cho bạn nghe.

Thông thường thôi! Bánh xèo - Bánh xèo Bình Định.

- Bánh xèo hả? Hấp dẫn! Đói bụng quá! Kể đi!

Bánh xèo trong Nam như các bạn đã biết, người ta đổ nó bằng một cái chảo to tổ bố; bột thì bột khô có bán sẵn, cứ đem ra đổ nước trùng bột, bỏ chút nghệ bột vào cho bánh màu vàng cho thêm đẹp. Đốt lửa, bỏ nắm thịt tôm vào chảo rồi đổ bột tráng cho đều, đập vung; chờ cho bột chín tới bỏ thêm rau giá, đậu xanh nấu chín rồi lấy cái vá kẹp bánh lại cho dòn hai phía. Thế là xong! Lấy ra. Dùng xà lách hoặc cải bẹ xanh làm áo bên ngoài cuốn bánh xèo bên trong ăn với nước mắm ớt chanh đường chua ngọt. Phải không nào?

Ê! Bạn! Bạn học nữ công gia chánh hồi nào mà biết hay quá vậy?

Thì tôi chỉ xem bà bán bánh xèo bên đầu đường gần nhà, kể cho các bạn thôi.

Bình Định cũng gọi là bánh xèo nhưng cách đổ bánh xèo thì khác, hình dung vóc dáng cái bánh khác, cách ăn khác, và nên nhớ là các món ăn Bình Định thường hay ăn theo mùa, theo thời tiết các bạn ạ.

Con bạn Bắc Kỳ (lại con bạn Bắc Kỳ nữa, nó học cùng lớp với tôi từ lúc đệ nhất cấp ở trường Regina Pacis ở gần nhà tôi, ba nó làm chủ trường tiểu học Tư Thực, suýt nữa nó làm vợ của tôi).

Thôi! được rồi! Đói lắm rồi! Bạn kể cái cách làm bánh xèo của xứ bạn đi. Hôm nào bảo cậu bạn mang lại đây mấy lá thì tuyệt. Nói rồi nó nheo mắt với hàng lông mi dài cong vút.

Bánh xèo Bình Định không lớn và "phì nhiêu" như bánh xèo Sài Gòn. Nó tròn nhỏ, đường kính độ chừng một gang tay người lớn, nhưng mặt lá bánh xèo rõ đều và dày đều đặn; khi đổ vào khuôn nó phát ra âm "xèo" thật lớn ngân dài và đều vang rất xa. Nếu có một hôm nào đó trời mưa dầm, bạn từ ngoài đồng ruộng đi về làng, mang hơi chân lội lồm bồm trên con đường nước mưa chảy như suối mà nghe tiếng xèo từ nhà ai đó vang ra cùng với mùi thơm tỏa rộng thì bạn sẽ hiểu thấu được cái nổi thèm thuồng thức ăn mà bạn có trên đời và bạn thậm cảm ơn người đã bày ra cách làm bánh xèo.

- Trong bánh xèo có gì mà hấp dẫn thế?

- Con đó nó muốn làm dâu Bình Định đó mậy. Truyền cho nó đi.

Tôi nói với các bạn là xứ tôi, có thể nói là xứ không có hàng quán xứ chuyên làm nông. Cho nên các món ăn bánh trái không phải đi mua mà là "tự túc tự cấp" đúng với "Có làm mới có ăn" theo nghĩa trong dấu ngoặc của

nó. Bánh xèo muốn ăn cũng tùy mùa tùy lúc chứ không phải như chúng ta ở đây hẳn muốn là tới tiệm hoặc bay honda tới chợ "thỉnh" về là có ngay để thưởng thức.

Trước hết, phải ngâm gạo từ đêm trước, để gạo mềm, ngày hôm sau mới đem xay nơi cối đá, gọi là cối xay bột. Việc này rắc rối khó nhọc làm mất hứng thú, nhưng bù lại là ta có bột tươi. Bột tươi bánh vẫn thơm hơn bột khô.

Phần kế tiếp là chuẩn bị cho món gì bỏ vào bánh xèo?

Những món bỏ vào bánh xèo Bình Định thường là thịt heo ba chỉ ngon hơn hết là thịt vịt; con vịt vừa áo lá xương rất mềm, thịt ngọt và thơm, lấy hết ruột lòng ra, thịt và xương băm nhuyễn, nấm rơm, (nếu đến mùa nấm mối mà có được thì tuyệt (vì nấm mối ngọt hơn nấm rơm)). Mà đặc biệt nhất là món này, rất "cây nhà lá vườn" - trúc giá. Giá này khác với giá sống ta thường thấy người ta bỏ vào bánh xèo trong Nam làm cho bánh xèo ướt và không ngọt. Đây gọi là giá trúc hay là mầm đậu xanh thì đúng hơn. Để thôi! Đem đậu xanh ngâm vào nước nóng độ một đêm. Sáng hôm sau hột đậu xanh ngâm nước nở to ra, đem chà sơ vỏ rồi đem ủ độ một hai hôm hạt đậu xanh nảy mầm. Đem đãi vỏ đậu xanh đi còn lại mầm và 2 tử điệp mập và trắng mớm hơi ngả xanh màu ngọc bích. Dùng đậu này bỏ vào bánh xèo ăn có mùi thơm, bùi và ngọt, bổ.

Chuẩn bị dụng cụ đổ bánh xèo: Khuông bánh xèo, lò lửa than, quạt lò, dầu hoặc mỡ heo sống, đồ để vớt bánh. Xin kể như sau:

- Khuông đổ bánh xèo, nó coi như là một cái chảo đặc biệt có cán bằng gang, hình tròn đáy bằng và láng, đường kính tương đương với đường kính nắp vung bằng đất hoặc cũng bằng sắt thật khít với khuông.

- Lò than có ba đầu ống táo chụm lại và phải cho vừa với khuôn bánh xèo.

- Cái quạt bằng tre để quạt cho lửa lò luôn luôn hồng đủ nhiệt độ bánh mới nở đều và giòn, tiếng xèo mới lớn ngân dài và vang xa (chọc cho người ta thèm mà ly!

- Dầu hoặc mỡ heo sống: Lưu ý người Bình Định xào nấu hay dùng dầu phộng hoặc dầu dừa, đổ bánh xèo thì lại dùng mỡ heo sống bánh mới thơm và ngon. Này nhé! Một cục mỡ mâm xôi bỏ vào cái chén, lấy tay chuối tươi đầu nhỏ (tức là cộng tàu chuối) dùng để thoa láng mặt khuôn, nếu dùng vật cứng mặt khuôn bị trầy, bánh sẽ dính vào khuôn thì không còn đổ bánh được nữa.

- Đũa để vớt bánh: Đó là một miếng tre cật, một đầu vớt tròn, một đầu chuốt dẹp, chuốt phần ruột để lại phần cật thật mỏng như mép dao, to bằng ngón tay trở.

Một hay hai tàu lá chuối lạnh lau sạch, trải lên trên một cái sàng (dùng để sàng lúa)

Người đổ bánh ngồi trên cái đòn, phía trước mặt là cái lò lửa than trên lò là khuôn bánh xèo, bên cạnh để sẵn cái quạt. Bên trái là sàng để bánh và chén mỡ; bên phải là chậu bột trong chậu bột đã có sẵn cái vá múc bột, bên cạnh là các thứ "làm nhưn" bỏ vào bánh xèo (thịt, nấm ...)

Trước khi đổ phải kiểm tra lò lửa, bột quậy cho đều, lấy mỡ bỏ lên khuôn thoa mỡ cho đều mặt khuôn, đổ thử vào lá xem bột vừa không (bột đặc quá bánh sẽ cứng, khô; bột lỏng quá khó làm và bánh nhão); khuôn có trơn không bánh có bị dính không, và lường lượng bột trên vá sao cho bánh đổ ra không có dày mỏng.

Đầu tiên rắc thịt, nấm, giá đậu xanh lên khuôn - Tay cầm sẵn cán khuôn, tay kia cầm vá múc bột đổ vào khuôn nghe tiếng xèo ... kéo dài thật êm ái. Tay cầm

khuông sẽ nghiêng qua lại cho bột trải đều trên khuông xong đây vung lại nhắm chừng bột chín mới dỡ vung ra. Lấy cây vớt bánh luồn xuống phía dưới chiếc bánh xèo đang nằm trong khuông, nhẹ nhàng đưa cây vớt từ vành trái qua vành phải theo viền khuông một vòng bán nguyệt để cho lá bánh chắc chắn rời ra khỏi khuông rồi đưa cây khui luồn qua phía dưới lá bánh xèo xuyên qua đường kính. Thấy bánh không dính vào khuông. Như vậy là được rồi - mới bắt đầu đổ. Bánh chín vớt ra sắp từng chồng đặt trên sàng lá chuối.

Còn nước chấm thì làm như thế nào? Có giống như nước chấm bánh xèo trong Nam không?

Không đâu! Giản dị lắm, nước chấm ở đây chỉ là nước mắm trong, thứ ngon giằm trái ớt. Bánh xèo cuộn lại chấm vào nước mắm. Cứ thế cả nhà quây quần quanh những chồng bánh xèo sắp trên bàn ăn càng lúc càng vui đi, vui đi nhiều lúc còn trơ lại tấm lá chuối ngả màu vàng vì héo úa do sức nóng của những chồng bánh xèo nằm trên sàng như lúc ban đầu.

Mà nếu may mắn còn lại một số bánh để dành cho ngày hôm sau thì bánh xèo Bình Định ăn nguội thì ngon tuyệt.

Con bạn dáng vóc "mã mề" với giọng Quảng Nam lai Nam ấm áp cất giọng: Mày nói bánh xèo Bình Định giống bánh khóa Huế quá vậy? Con bạn nhỏ?

Phải rồi! Chúng nó bà con gần với nhau mà. Chỉ có khác là bánh khoai không có bỏ gì vào trong, chỉ đổ viền xung quanh lá bánh một viền trứng để cho thành bánh dày hơn và nước chấm là tương trộn chung với thịt ba chỉ băm và ngon nữa là gan heo xay nhỏ ăn thật là khoái khẩu cho nên bà con Huế mới gọi là bánh Khoái.

Một bạn đề nghị: Hôm nào chị em mình lại nhà con bạn Bình Định mình, đổ bánh xèo Bình Định một bữa hè!

Ừ! Phải đấy! Phải đấy!

Mà khuông bánh đâu mà đổ?

Tôi ra về trang trọng nói nhỏ: Nè! Tôi nói cho các bạn nghe. Trước đây có người Bình Định vào thăm ba tôi chỉ mang theo vồn vện có một bộ khuông bánh xèo cho ba tôi. Tôi tức cười! Nhưng các bạn có biết không, chưa bao giờ ba tôi vui vẻ thỏa thích đến thế.

Hôm nào mời đến nhà làm bánh xèo Bình Định đi - Mà tôi báo cho mà biết để coi chừng bà già tôi là một cây gọng gàng sạch sẽ. Chúng ta mà bấy hầy không khéo lại bị chê cả lũ là "tốt mã rã đám" đấy.

Chúng tôi ra về hả hê sau một buổi "cúp cua" và ăn bánh xèo Bình Định về, mong lại được làm và ăn bánh xèo Bình Định thực một ngày không xa.

Thế rồi ngày cứ trôi đi, trôi đi mãi, nghĩ hè rồi học, rồi giặc đến, cướp mất miền Nam thân yêu, loạn lạc, đổi đời ... Đứa thì cha mẹ lên máy bay sang Mỹ bỏ bầy con ở lại bơ vơ, đứa thì cha vào tù mẹ con xuôi ngược ở chợ Tân Bình, đứa thì đi kinh tế mới, đứa vượt biên, bị bắt, bị tù ... ôi thôi và ôi thôi ... hình bóng xa xưa hiện về trong tâm tưởng. Tôi miên man nghĩ ngợi tự đâu chảy ra đầu ngòi bút mấy câu:

Bánh xèo chuyện kể từ xưa,

Bao năm lưu lạc bây giờ còn vương

Bạn bè mỗi đứa một phương,

Nẻo nào vinh hiển, đâu đường lao đao?

Sự đời như giấc chiêm bao

TRƯƠNG HỒNG ÂN

HANG RẮN TRONG CÂY

PHẠM TỬ SƠN

Hai anh em Tú và Hương thuở nhỏ thường lang thang trong rừng cây Poil, gần nhà sàn, giữa rừng sâu, giáp giới tỉnh Rattanakiri Campuchia. Ngôi nhà tranh 8 phòng này do cha Hương xây dựng giữa rừng vùng Đá Vôi Chư sê, Mỹ Thạch. Ông làm đốc công lò vôi. Ông dùng năm mươi người thợ (sắc dân Ra Ê và Ba Na), xây dựng trong ba tháng. Nhà có ba cầu thang đi xuống, một ở giữa mặt tiền và hai ở bên hông, mái tranh dày bốn tấc. Dưới sàn có xây chuồng các loại để nuôi heo, gà và bò, dê. Nhà kiên cố, mưa bão núi rừng cao nguyên chẳng ăn thua gì.

Cây Poil là loại cây rừng thân mộc to cao, lá rất lớn, gấp bốn năm lần lá bàng dưới xuôi. Poil là tên gọi của người Ra Ê. Cái nắng giữa mùa hè của núi đá vôi thì trẻ da vàng cũng trở thành da đen, vì ham chơi mê mải, theo bắt chuồn chuồn, châu chấu, ve sầu, tìm lượm lông công và hái sim, đay, trâm, bứa ...

Dưới gốc cây rừng thiếu gì bóng mát, nhưng chẳng có bóng mát nào kín rậm hơn bóng mát cây Poil. Cây Poil già có những rễ quăng queo trôi trên mặt đất. Đuôi rễ tìm những chỗ không có đá mà chui lại vào đất. Có những rễ chết, rễ bông mà lý do phải hỏi các nhà sinh học.

Những con rắn, thân chỉ bằng ngón tay cái, mình rằn ri xám đậm và xám lợt ... chúng làm ổ trong rễ bông, chúng là tử thần của đàn heo lang thang đi kiếm ăn gần đó. Ta nghe eng éc một vài tiếng, chạy ra, là thấy con heo nằm giật giật thân mình năm ba lần, rồi lịm chết. Còn nhỏ, Tú đâu biết gì tên rắn ấy, chỉ biết nó rất độc và gọi

nó là rắn Poil! Anh em Tú rất cẩn thận, chơi mà vẫn canh chừng rắn Poil. Mẹ cho mỗi đứa một vài củ nén, mẹ nói để đề phòng rắn đến gần, mùi củ nén làm cho rắn sợ phải bò đi xa.

Cha của Tú cho xây hàng chục chuồng gà, mỗi chuồng chứa độ năm chục con. Chuồng có hai tầng, tầng trên toàn là các ổ gà để mái đẻ. Tầng dưới chỉ là mười cây khô dài gác ngang cho gà ngủ.

Trứng gà đẻ nhiều, ăn không hết, phải làm trứng muối, thập này thập kia; gà sinh sôi nhiều quá không biết bán cho ai vì ở giữa rừng, chỉ tổ làm mồi cho chồn và cáo. Gà thì không sợ rắn nhưng rắn lại rất mê trứng gà. Đêm đêm những con gà mái đẻ kêu quang quác là biết ngay rắn hổ đất lòn lên cướp trứng, nuốt lớn ừng ực, vừa nuốt vừa chạy. Ở đó rắn hổ đất làm ổ trong các bọng cây già. Rắn ăn trứng, béo bổ quá nên sinh sôi nảy nở nhiều rắn con, nhiều đến nỗi rắn con lớn lên đông đảo và đôi phải hành quân cướp trứng giữa ban ngày, ào ào dạn dĩ, bất kể keng mō đáng đuổi âm âm.

Còn một loại rắn mun, rắn trun khoanh tròn trong các nôi đất, úp trên các mặt bàn tre chẻ, vì ở đó có vòm che kín đáo, không có ánh sáng mặt trời, lại có gió mát. Rắn chỉ bằng ngón tay út; chẳng biết nó ăn gì để sống, chẳng biết cách nào từ những hang dưới đá nó mò vào sân nhà trệt của thợ vôi người Việt và cách nào nó leo được lên bàn, chui vào khoanh trong nôi úp! Thò tay giở cái nôi đựng nó là nó mổ liền! Ta phải dùng miệng mình hút máu chỗ bị rắn ròi nhỏ nước miếng ra ngay, hút vài ba lần, xong dùng than đỏ dí xèo xèo vào chỗ bị nọc, nhai củ nén đắp vào và băng bó. Ta sẽ bị sốt mấy ngày, rồi khỏi. Đó là cách chữa nọc rắn đất của người thượng. Làm gì có thuốc tay thuốc bác!

Một lần ở Djiring cha của Hương mãi mê theo dõi một con vượn mẹ đang tập chuyên cành cho vượn con bé tí teo, ông tiến vào một trảng tranh (sâu và cao ngang vai), khi chọn được tư thế tốt của vượn và vừa tầm bắn, ông giương khẩu súng hai nòng (bắn đạn calibre douze, đạn bi chì), ông nổ liền hai phát. Vượn mẹ trúng đạn từ cành cao, nó gắng gượng chuyển đưa con cho vượn cha rồi mới chịu buông thân mình rớt xuống. Ông nạp đạn tiếp và hấp tấp gọi hai người thợ chạy theo ông vào gốc cây to có xác vượn. Ông đâu có ngờ (mặc dù có mang giày ống) một con rắn ngũ sắc từ trong bông cây phóng ra mổ ngay vào bắp vế của mình, đang khi ông khom người đi tới còn cách con vượn chừng 4 thước. Hai anh thợ kể lại rằng ông thét lên một tiếng nằm vật xuống, rên rỉ, ôm chân và chỉ chỗ rắn cắn. Họ khiêng ông chạy ra tới đường mòn thì ông phèo bọt mép. Họ xé ống quần, một người lấy mác nhọn hai đường chữ thập, hút máu lia lịa; còn một người quẹt bụi nhùi dùng tranh khô nổi lửa ngọn (vì không kịp đốt củi để tạo than hồng), họ túm vài ba cọng tranh đang cháy, ngọn lửa chừng bằng ngón tay, họ xoay chân ông đốt vết cắn xèo xèo trên ngọn lửa, rồi vờng ông về nhà, đánh xe ngựa chạy 4 km lên bệnh viện Djiring. Ở đó bác sĩ Pháp ngâm chân ông trong nước nóng nhiều giờ, chích thuốc, cứu sống được ông. Sau mười ngày thì ông xuất viện. Về đến nhà, ông đem khẩu súng sẵn ra một tảng đá đập gãy đôi.

Loài rắn, sau này khi lớn lên Tú mới biết đa số là rắn hiền; số ít rắn độc. Rắn chỉ cắn người khi người đến quá gần và nó cảm thấy bị tấn công.

Có những loại rắn lớn nuốt gà con dễ dàng, gà mẹ có oác oác bay đến đá vài cái, nó cũng chẳng sợ, cứ rượt ngọam gà con như thường! Loài rắn gấm thì nuốt cả gà

mẹ. Ai ở nhiều trong rừng thì thấy chuyện đó là thường. Hương nghe cha kể lại việc bẫy bắt trăn. Trăn nằm yên theo thân gỗ mục, giữa lớp lá khô mà có khi lá phủ cả trên thân mình trăn. Cha Hương chuẩn bị một con gà giò, một bó lạt tre nhuộm dẻo và dài (ngâm nước kỹ), một cái giỏ thưa bằng tre cật, hom tre tròn, to và vạt nhọn hoắt ở chân hom. Cái giỏ thưa to, đủ cho người ngồi bên trong. Cái gỗ này được nong bằng những vòng đai sắt mỏng đẹp, như đai sắt thùng tô nô rượu nho của Mỹ. Ông đem theo vài cây nhang, cái bật lửa, một đòn tre dài. Cha đi với một thợ rừng. Ông phải đi nghiên cứu trước chỗ trăn nằm, thường khi trăn no nó có thể nằm yên vài ba ngày cho tiêu con mồi và ngủ khỏe. Hai người lên đường tới chỗ trăn nằm. Còn cách chừng trăm mét ông dừng lại, đốt nhang để nhìn chiều gió khói nhang bay. Ông đi vòng trên hướng gió, đến gần con trăn chừng mười lăm mét, lựa chỗ đất bằng phẳng. Người thợ tìm chỗ núp, đề phòng cha gặp nguy cấp thì đốt bó tranh to thiêu trăn và dùng xà gạc để chém trăn. Còn cha Hương nắm bó lạt, ôm con gà chui vào giỏ. Ông dùng những ngón tay luồn qua niền sắt, ông kéo mạnh rì xuống nhiều lần để cho các nan nhọn của giỏ cắm sâu vào đất. Sau đó ông vừa đập cho con gà kêu quang quác vừa dùng nắm tranh khô nhỏ đốt một ít lông gà tạo mùi khét kích thích. Quả nhiên con trăn trườn ra bò tới giỏ rọ và con gà thì đang vùng vẫy. Con trăn quấn quanh cái giỏ, bắt đầu siết mồi. Ông đưa con gà ra sát miệng trăn cho nó ngậm đầu gà nhưng nó không làm sao kéo được con mồi vào bụng, nó đành cứ siết giỏ, siết giỏ (mà tưởng là con mồi sẽ chết, sẽ mềm ra, để nuốt!). Đến lúc này cha Hương chỉ việc luồn từng sợi lạt ra, vòng quanh bụng trăn, cột vào niền sắt, như người ta siết lạt gói bánh tét vậy. Cột hết sợi này đến sợi khác, rải đều trên mình trăn, từ cổ

đến đuôi, cả trăm nuốt lọt. Con trăn hết đường cựa quậy. Ông xô giở đứng dậy, cùng người thợ rừng khiêng trăn về.

Bắt rắn thì đơn giản hơn. Với loại rắn cỡ trung, đi trên cây hay trên dàn rau lá, ta đừng tạo một cử động mạnh nào gần nó. Lựa thế đứng vừa tầm, một tay ta di chuyển thật chậm chạp theo dưới bụng nó, từ đuôi lên gần đầu; khi đã gần đầu mà nó không chạy thì bất thành linh ta xoay tay chụp và bóp chặt trên lưng chỗ sát cổ rắn, đồng thời với tay kia chụp bóp vuốt mạnh xương sống nó, nó bị giãn xương sống, không còn co uốn được nữa. Tay kia của ta vẫn bóp chặt cổ rắn và quật mạnh xuống đất vài ba lần. Rắn lục là loại rắn độc, chỉ việc chặt bỏ đầu, lột da, bỏ hết lòng và mật. Thịt nó nấu cháo đậu xanh ăn giải nhiệt, hạ hỏa.

Tâm lý chung người ta thường sợ và ghét rắn. Rắn đã quyến rũ E-và làm nên tội tổ tông cùng A-đam đời đời kiếp kiếp. Rắn quấn quanh hồng thập tự hay bích thập tự của y khoa và dược khoa, những biểu hiệu có ý nghĩa của tai ương và trị độc. Cléopatre tự sát bằng cách cho rắn cắn. Nọc độc rắn một lần cắn chỉ giết một mạng người. Phụ nữ từ đời bành tổ đã sợ rắn và ghét rắn. Mấy bà vợ trẻ tính toán rắng sinh con trong năm Canh Thìn, để khỏi sinh vào năm Tân Tị, năm con rắn, xui xẻo lắm! Nhưng có những loại nọc độc còn độc hơn nọc rắn, bởi vì nó tàn hại nhiều người và nhiều đời. Đó là những nọc độc tinh thần và chủ nghĩa vong nhân. Tú có anh bạn thẩm phán, trẻ hơn Tú một con giáp. Anh kể rằng trong thực vật có một loài trúc đen rất dị thường. Nó sinh ra và lớn lên già cỗi ở nhiều thời điểm khác nhau, ở rất nhiều nơi trên trái đất. Nhưng không hiểu vì sao mà chỉ đến MỘT THỜI ĐIỂM nào đó, nó chết hết trong cùng một lúc! Một thời gian sau nó lại tái sinh ở nhiều thời điểm khác nhau ... Anh ta ước

mong sao những nọc độc quê nhà hãy nhất loạt cùng nhau rũ cánh tiêu ma!

Đó chỉ là niềm mơ ước thôi. Thời gian để thay đổi một thái độ bằng thời gian đã tạo ra nó. Đó là một định luật xã hội học áp dụng cho xã hội loài người. Dây mơ rễ má, con dòng cháu giống cộng sản, tam đại tứ đại ... nào phải là cây trúc đen của anh? Sự thay đổi thái độ thường qua những quá trình diễn biến phức tạp, qua những qui luật chung và qui luật riêng của sự vật, giữa một mơ hỗn độn giả thật khó phân, giữa vô vàn mối liên hệ chằng chịt ... mà tất cả đang vận động phát triển không ngừng. Cũng vì vậy, không cứ gì những Việt kiều chống cộng cực đoan, chỉ về quê khi nào Việt Nam hết cộng, mà còn rất nhiều Việt kiều khác, không muốn về, vì sợ tan vỡ hết những hình ảnh thân thương quê cũ tuyệt vời; sợ phải như Lưu Thần, Nguyễn Triệu về quê mà thấy mình trở thành kẻ xa lạ trên chính quê hương mình. Toàn là những cảnh vật và lòng người đã đổi dời.

Không về, nhất định không về, nại ra đủ thứ lý do, như giáo sư Hoàng Xuân Hãn đã viết từ Paris:

Trải bao cuộc biến cuộc thường

Mà lòng tưởng nhớ yêu thương vẹn tròn ...

Nhấn lời với nước cùng non:

Từ nay ... sông cạn núi mòn ... tại ta.

Một phần tư thế kỷ độc lập thống nhất, không thể nào còn đổ lỗi cho chiến tranh cho thực dân đế quốc, "sông cạn núi mòn" ở VN là tại chính quyền không biết tự chữa trị, tẩy hết nọc độc trong thân và trong dân, lấy dân làm gốc và bồi dưỡng sức dân.

Lễ Tạ Ôn, tháng 11 năm 2000

PHẠM TỬ SƠN

Quảng Đồi

Hò điệu Bài Chòi

*Nói lối: Ta ôn lại ngày đi thuở trước
Quê hương mình chiến cuộc mới ra đi
Đời sống sao nhiều nỗi cực kỳ ...
Dầu khổ cực vẫn giữ tròn danh dự,
Không gian tà học thói điêu ngoa.*

*Hô Thời gian xuân lại thu qua
Thương cho cuộc sống xa nhà trăn chuyên.
Nước non ngàn dặm ưu phiền,
Quê mình đành bỏ tạm yên xứ người.
Tưởng rằng muôn việc vui tươi,
Suy đi nghĩ lại lệ rơi chán chường.
Đã đành xa cách quê hương.
Những năm đất khách nhớ thương riêng mình.
Nỡ nào dứt bỏ thâm tình ngày xưa,
Quên sao một chuyến đò đưa?
Tiễn trong nước mắt còn mưa trong lòng.
Hết rồi ... ngày tháng thong dong.
Xứ người lo lắng làm ăn tiện tăng.
Tiền nhà, điện nước Insuran ...
Tiền bill hàng tháng theo đà gia tăng.
Phần dành giúp đỡ mẹ cha,
Bà con thân thuộc quê nhà khó khăn.
Đừng nên đăm đuổi mê xăng
Tham lam cờ bạc quen tay nhớ sòng.
Mẹ cha nghe cũng đau lòng,
Tránh việc sai trái ước mong giữ tròn.
Vạn lời thưa với bà con,*

*Trau dồi đạo đức tô son cho đời.
Bà con người Việt ta ơi,
Đêm năm suy nghĩ những lời đục trong.
Phận gái giữ trọn chữ tòng,
Trai thời trung hiếu một lòng sắc son.
Chăm lo nuôi dạy đàn con,
Học hành đỗ đạt vẻ vang xứ người.
Tránh xa đục vọng thói đời
Mê trai đắm gái kẻ khinh người cười.
Nhớ khi thuyền dạt biển khơi,
Lênh đênh sóng nước cầu trời nhìn trăng.
Trong thuyền đã cạn thức ăn.
Nước không có uống cắn răn kêu trời!
Ngày nay mình được yên nơi
Nhờ ơn Phật Chúa hộ thời cho ta.
Mừng ngày gian khổ đã qua,
Làm ăn phát đạt cửa nhà khang trang
Dạy con ăn ở đàng hoàng
Học hành tiến bộ vẻ vang sau này
Làm người phải biết thảo ngay
Tu thân tích đức hằng ngày về sau
Nhấn lời khuyên bảo cùng nhau
An cư lạc nghiệp nhớ thuở ban đầu ... là ... nan ... gian... nan.*

BƯỚC TRẮNG



NHÌN HỒN THỜI CHIẾN

LÊ HÙNG

Sau cuộc hành quân khai thông quốc lộ 14 nối liền Pleiku và Kontum, tiểu đoàn chúng tôi được lệnh về Kontum để dưỡng quân. Vừa về đến hậu cứ, chưa kịp tháo dây ba chạc và bỏ chiếc mũ sắt, tôi nhận được công điện khẩn gọi lên trình diện Đại tá chỉ huy trưởng Biệt Động Quân của Quân Đoàn 2. Tôi được chỉ định xử lý thường vụ tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 72 BĐQ thay thế Đại úy Lê Văn Dưỡng đang bị bệnh, đem quân về giải tỏa ngã ba Daksong đang bị Cộng quân đóng chốt. Tôi họp các đại đội trưởng để thông báo tin tức và ra lệnh cấm trại 100% chuẩn bị hành quân.

Được một phi đội A37 hộ tống và một phi cơ quan sát bao vùng trên quốc lộ 14, chúng tôi di chuyển từ Kontum về Ban Mê Thuột an toàn. Tôi vào liên đoàn 21 BĐQ trình diện Trung tá Nguyễn Văn Lang nhận lệnh chi tiết rồi đưa tiểu đoàn thẳng đến Đức Lập. Daksong là một ngọn đồi thấp nằm trên quốc lộ 14, phía bắc quận Đức Lập. Dưới chân đồi là một ngã ba nối liền Ban Mê Thuột, Quảng Đức và Đức Lập. Cộng quân chiếm cứ điểm chiến lược này để đặt chốt kiểm soát quốc lộ 14, cô lập tỉnh Quảng Đức. Nhiều xe quân đội và dân sự đi ngang qua đó bị bắn cháy nằm ngổn ngang dưới chân đồi.

Sau hiệp định đình chiến ngày 27 tháng 1 năm 1973, cộng quân vi phạm hiệp định liên miên. Đầu tháng 6-73, chúng đưa 3 tiểu đoàn tấn công Kontum và một tiểu đoàn

đóng chốt tại núi Chu Pao trên quốc lộ 14 ngăn chặn tiếp viện từ Pleiku lên. Sau gần 2 tuần chiến đấu ác liệt, tiểu đoàn chúng tôi mới chiếm được Chu Pao mở đường cho các đơn vị bạn tiến vào Kontum. Ít lâu sau, cộng quân lại uy hiếp tỉnh Quảng Đức. Thiếu tá Hiệp, quận trưởng Đức Lập cho biết tỉnh Quảng Đức đã bị cô lập từ 2 tháng nay, dân chúng rất khổ sở vì thiếu nhu yếu phẩm nhất là gạo.

Nhiệm vụ của chúng tôi là phải thanh toán ngay cái chốt Daksong. Nhiều đơn vị bạn trong 2 tháng qua đã có lần đổ máu mà chưa búng cái chốt ấy được. Tôi biết đây là nhiệm vụ khó khăn nên ra sức điều nghiên một cách chính xác các vị trí và hỏa lực của địch quân. Tôi thận trọng di chuyển đơn vị đến gần mục tiêu. Đại đội 1 tiến bên trái, đại đội 2 bên phải nương theo cây cối hai bên quốc lộ 14 tiến sát chân đồi, đào hố cá nhân đợi lệnh. Tôi tìm được một vị trí khá an toàn, quan sát được ngã ba và con dốc. Một tiểu đội viễn thám được phái đi dò thám mục tiêu. Tiểu đội này chia làm 3 tổ, mỗi tổ 3 người từ từ bò lên sườn đồi. Cộng quân khai hỏa xối xả gây tử thương cho tổ bên phải. Tôi lập tức ra lệnh cho 2 đại đội 1 và 2 khai hỏa vừa hô xung phong nhưng không tiến lên. Trên sườn đồi cộng quân khạc đạn như mưa vào vị trí chúng tôi. Tôi quan sát trận địa và nhận ra ngay vị trí và hỏa lực của địch. Đây là loại chốt liên hợp gồm chốt chính ở giữa và hai chốt phụ ở hai bên. Tại chốt chính cộng quân sử dụng đại liên 12 ly 7 và đại bác không giật 57 ly, hai chốt phụ có B41. Cả ba chốt đều có AK47 hỗ trợ. Tôi lập tức gọi liên đoàn BĐQ tăng phái cho chúng tôi 6 thiết vận xa M113 và xin pháo binh của sư đoàn 23 bộ binh bắn yểm trợ. Hai đại đội 1 và 2 mỗi đại đội được 2 M113 yểm trợ. Hai chiếc yểm trợ đại đội 3 và bộ chỉ huy tiểu đoàn. Đại đội 4 và trung đội vũ khí nặng giữ vai trò trừ bị. Các đơn

vị đều sẵn sàng tấn công. Mở sáng, tôi gọi pháo binh bắn TOT (Time on target) đạn nổ vào các chốt của cộng quân trên sườn đồi trong 20 phút rồi bắn bạn khó che chở cho chúng tôi tấn công. Lệnh xung phong ban ra. Toán của sát vừa bắn đại liên 12 ly 7 vừa bò lên đồi. BĐQ cũng ào ạt tiến lên dùng M72 bắn xối xả vào các mục tiêu. Tôi và Đại úy Nhân thuật Thiết đoàn 8 Ky binh ngồi trên một chiếc M113 điều động đại đội 3 đánh thẳng vào chốt chính.

"Biệt Động Quân, sát! Biệt Động Quân, sát!" Tiếng hô xung trận dũng mãnh và ác liệt của các binh sĩ cộp rùng hòa với tiếng réo của các loại đạn và tiếng xích sắt nghiền ken két của M113 làm cho địch quân khiếp đảm. Chúng chống cự yếu dần rồi chém về vào rừng. BĐQ làm chủ trận địa sau 30 phút tấn công, kêu gọi tàn quân cộng quân đầu hàng. Xác cộng quân nằm ngổn ngang lẫn với nhiều vũ khí đủ loại. Xạ thủ đại liên 12 ly 7 và đại bác 57 ly của cộng quân bị xích tay vào súng. Quân ta chịu tổn thất nhẹ. Tôi ra lệnh cho các đại đội phân tán mỏng chung quanh đồi để phòng pháp 120 ly tầm xa của cộng quân có thể bắn tới.

Được tin chiến thắng, Trung tá Nguyễn Văn Lang, liên đoàn trưởng liên đoàn 21 BĐQ bay đến đồi Daksong ủy lạo anh em binh sĩ và đem chiến lợi phẩm về bộ chỉ huy tiền phương của sư đoàn 23 bộ binh. Tôi được lệnh chiếm đóng đồi Daksong giữ an ninh trực lộ 14 cho đoàn công voa tiếp tế đồng bào Quảng Đức.

Hai hôm sau về họp tại bộ chỉ huy tiền phương của liên đoàn 21 BĐQ tôi gặp Lê Văn Thại, một bạn cùng lớp đệ tam B1 ở Cường Để năm xưa. Bấy giờ Thại là Y sĩ trưởng của liên đoàn 21 BĐQ. Tôi được bạn đãi một bữa nhậu thật ngon với mấy con chim cu vừa bắn được và một

vò rượu cần thơm phức. Thại kể chuyện săn bắn, võ thuật và thú chơi súng. Thại cho biết có gặp Phan Thành Đôn ở Ban Mê Thuột. Tôi nhớ ngay ra Đôn nhỏ con, láu lỉnh, giỏi toán, trí nhớ tốt, yêu cô bé Bắc kỳ trường Nhân Thảo và mê cô em của Từ Lương Mỹ và không dám nói. Đôn tốt nghiệp công chánh, lập gia đình rồi nhập ngũ, lúc đó là đại đội trưởng đại đội 651 Công Binh Kiến Tạo. Một tháng sau, trên đường di quân về Kontum, tôi gặp được Đôn đang điều động binh sĩ sửa cầu đường trên quốc lộ 14. Đôn kể cho tôi nghe chuyện lấy vợ, chuyện chọc phá các em nữ sinh ở BMT. Tôi kể cho Đôn nghe những chuyện vui trong khi hành quân đây đó.

Chúng tôi thường xuyên đụng độ ác liệt với cộng quân, không nao núng đối diện với hiểm nguy. Tuy vậy cũng có lúc sau những giờ phút xông pha trong máu lửa, nhìn những vành khăn tang, những chiếc quan tài phủ quốc kỳ, những đồng đội thân yêu bị thương tích, lòng chúng tôi không khỏi chùn xuống. Những lúc được về thăm thành phố, nhìn đám học sinh vui tươi cắp sách đến trường, đồng bào yên ổn làm ăn, chúng tôi cũng cảm thấy phần nào an ủi rằng mình đã chiến đấu cho tự do và tương lai của đất nước.

Hai mươi bốn năm đã trôi qua nhưng ký ức vẫn còn in đậm nét cuộc đời quân ngũ trên một dải quê hương xinh đẹp với từng khuôn mặt thân yêu của đồng đội. Xin cho tôi gửi lời thăm Ban Mê Thuột, Pleiku, Kontum, Quảng Đức, Sài Gòn ... và tất cả bạn bè, đồng đội còn kẹt lại ở quê nhà.

Quê hương ơi hỡi quê hương

Càng xa càng nhớ càng thương từng ngày.

LÊ HÙNG

San Francisco, tháng 2 năm 1999

Tiếng vọng phương xa ...

Hồn còn vương vấn xa xăm
Những mơ cùng ước, những mong tháng ngày
Những lòng thắc mắc canh chầy
Chuyện trăm năm phải từ đây chẳng là?
Minh về mình có nhớ ta
Ta vì ta nhớ vào ra thần thờ
Sợi lòng đem bện thành thơ
Lâng lâng hồn nhẹ khôn bờ dâng cao
Tương tri là nghĩa thế nào?
Ấm êm tâm sự ngọt ngào như ru
Mơ màng những thực cùng hư
Bỗng quen giọng ấm vọng từ xa xa
Cách ngăn ngàn vạn quan hà
Như trong gang tấc, hồn ta lại gần
Tưng bừng rộn rã hương xuân
Men lòng càng thắm, mộng lòng càng tươi
Ngẩn ngơ nhớ cảnh, nhớ người
Nhớ nơi kỳ ngộ, nhớ lời ước ao
Mộng hồn gửi trọn cho nhau
Những mơ ngày ngắn những lâu ngày dài
Cali từ trở gót hài
Nhớ ai, ai nhớ? hỏi người xa xăm.

Sep.04, 81

HỒNG ÂN

HÁT BỘI BÌNH ĐỊNH

VÕ NGỌC UYÊN

Trong cuộc sống của con người vấn đề giải trí là một nhu cầu cần thiết, vì nếu không có nó loài người sẽ trở nên điên loạn. Nó là món ăn tinh thần thiết yếu của con người cũng giống như cơm ăn áo mặc. Xã hội càng tiến bộ văn minh bao nhiêu vấn đề dùng nghệ thuật phục vụ vào việc giải trí cho con người càng cấp thiết bấy nhiêu. Vì vậy, nghệ thuật phản ảnh rất rõ rệt tâm tư và tình cảm của người thưởng thức, bởi nó nói được tâm lý và sự suy nghĩ của người đương thời. Những môn ca nhạc, kịch, phim ảnh gắn bó gần gũi nhất với cuộc sống của con người vì nó phải đáp ứng đúng thị hiếu của họ nếu nó muốn tồn tại lâu dài.

Do vậy muốn tìm hiểu người xưa, ông cha ta đã suy nghĩ, sống và sinh hoạt như thế nào, tâm tư tình cảm ra sao, không gì hơn là chúng ta tìm hiểu về các môn kịch nghệ như ở miền Bắc có hát Chèo, hát Quan Họ, ở miền Trung có hát Bội, hát bài Chòi ở miền Nam có Cải Lương, Hồ Quảng v.v...

Trong nỗi niềm xa xứ, nhân dịp xuân về, người viết muốn nói về bộ môn hát Bội, một môn nghệ thuật mà ngày nay đã gần như bị lãng quên, nhưng nó đã được người dân Bình Định đón nhận và say mê nó trên hơn ba trăm năm từ ngày các vua chúa nhà Nguyễn ra công lập quốc ở phương Nam, như một món quà đầu xuân mến

tặng các độc giả xa gần để tưởng nhớ về cố hương yêu dấu.

Môn hát Bội có một nghệ thuật sâu sắc, nó là lối kịch thơ theo cách hành văn biên ngẫu đối đáp từng lời, nhiều kịch bản có giá trị về văn chương rất cao, trong khuôn khổ bài này, người viết chỉ xin đề cập đến bộ môn hát Bội Bình Định.

Môn nghệ thuật Hát Bội có từ đời nhà Trần. Trong khi đánh đuổi quân Nguyên, đức Trần Hưng Đạo đã bắt được ông Lý Nguyên Cát là trưởng đoàn hát của quân Mông Cổ và giao ông này cho tướng Trần Nhật Duật để huấn luyện và xây dựng đoàn hát nhằm giúp vui cho triều đình và quân sĩ nước ta. Tướng Trần Nhật Duật không những giỏi về xông pha chiến trận mà ông còn có khả năng về văn chương nghệ thuật và biết nhiều thứ tiếng Trung Hoa, Lào, Mường, Mán v.v...

Ta hãy để ý trong các phim truyện của Hồng Công bây giờ có những cảnh hát tuồng giống hệt như hát Bội của ta nhất là cách hóa trang, y phục, cách đánh võ giao đấu nhau, cách vuốt râu, cách quì lễ bái v.v...

Trước tiên tôi muốn xác định hai chữ: "Hát Bội" chứ không phải là Hát Bộ như một số người đã lầm tưởng. Có nhiều người nghiên cứu bộ môn nghệ thuật này cũng hiểu lầm là Hát Bộ vì cho rằng đây là lối hát dùng điệu bộ khoa chân múa tay ăn khớp với lời hát mà họ đang diễn xuất nên gọi là hát BỘ. Tôi xin quả quyết đó là một sai lầm lớn vì nếu hiểu như vậy thì hát Chèo ở miền Bắc, hát Cải Lương, Hồ Quảng ở miền Nam cũng dùng điệu bộ hòa nhịp ăn khớp với lời ca tiếng hát, như vậy tại sao họ không gọi những bộ môn này là hát BỘ? Nhất là hát Hồ Quảng cách diễn xuất của nó rất giống với hát Bội và cử chỉ điệu bộ, lối diễn xuất khó khăn hơn nhiều, ví dụ như

khi hát câu: "Tấc lòng thành chứng có Trời xanh", khi hát chữ "Tấc lòng thành" chẳng lẽ người biểu diễn chỉ tay ra khán giả hay chỉ tay vào cái đầu của mình, mà phải chỉ tay vào cái bụng hay ngực của mình, cũng như hát đến chữ "Trời Xanh" chẳng lẽ người nghệ sĩ chỉ tay xuống đất?! Do vậy đâu là bộ môn nào người diễn xuất cũng phải có cử chỉ thích ứng với câu hát và cũng không thể gọi hát Bội là hát Bộ được. Cũng có người lý luận rằng vì cụ Đào Tấn khi làm Tổng Đốc Nghệ An đã lập ra "Học Bộ Đình" để dạy các đào kép hát cho đúng câu tuồng nên gọi là hát Bộ, như vậy càng không ổn nữa vì môn hát Bội có từ trước khi cụ Đào Tấn sinh ra và cụ chỉ là người đam mê nó, làm công việc trùng hưng lại bộ môn này, chứ đâu phải Cụ Đào là người phát minh ra bộ môn nghệ thuật này đâu?

Danh từ hát Bội đã có từ đời nhà Trần vì người ta dựa vào hình thức tổ chức mà đặt tên ví dụ như "Hát Bài Chòi" là một môn hát người ta thường dùng trong các cuộc đánh bài chòi, đây là một môn chơi đặc biệt ở miền Trung Việt Nam, nó giống như hình thức đánh lô tô (xin đọc bài của anh Đào Đức Chương trong tập san Quang Trung Nguyễn Huệ Tết năm 1996 của Liên Hội Tây Sơn Bình Định) Hát Bội cũng vậy, người ta đặt tên Hát Bội vì các lý do sau đây:

Nguyên thủy nó là môn kịch thơ theo lối văn biên ngẫu, đối đáp rất văn chương sâu sắc dùng cho vua quan ở triều đình thưởng thức. Người sáng tác ra kịch bản là các tầng lớp trí thức: Trạng Nguyên, Tấn Sĩ, Cử nhân, Tú tài mới có đủ trình độ, chữ nghĩa để viết ra phải có năng khiếu về kịch nghệ mới viết sâu sắc về tâm lý các nhân vật trong tuồng được. Đầu tiên muốn diễn xuất một vở tuồng, người ta tổ chức một đoàn hát lớn gồm có tám (08)

toán nhỏ để hát trên tám cái sân khấu, lưng đầu vào nhau theo hình bát quái: hướng Tây Bắc thuộc quẻ Càn: cái sân khấu này dùng cho Vua, Hoàng Hậu và các đại thần, hướng Bắc thuộc khảm, hướng Đông bắc thuộc Cấn, hướng Đông thuộc Chấn, hướng Đông Nam thuộc Tốn, hướng Nam thuộc Ly, hướng Tây Nam thuộc Khôn, hướng Tây thuộc Đoài, mỗi sân khấu chia thứ bậc cho từng hạng người được đi xem. Tám sân khấu hát cùng một vở tuồng trong cùng một lúc, như vậy một vai trong tuồng phải có tám người nghệ sĩ cùng diễn một lúc, do vậy khi nhìn vào sân khấu nào cũng có cùng một nhân vật đó xuất hiện, y phục và hóa trang (vẽ mặt mày, đeo râu, đội mũ) y nhau (duplicate) nên gọi là bội, nghĩa là gấp lên, nhân lên, ví dụ như khi ta vào trong một cửa tiệm chung quanh trang trí toàn là gương soi, đồ vật trong tiệm tuy có một mà ta thấy như có rất nhiều. Hình thức tổ chức tám sân khấu trình diễn một vở tuồng chỉ có triều đình và vua chúa mới thực hiện được đầy đủ, hoàn hảo, vì mỗi đoàn tuồng nhỏ nhân sự ít nhất cũng phải đến 25, 30 người nên một đoàn tuồng lớn phải trên 200 người. Thời chúa Nguyễn Phúc Thuần (1765-1777) Nguyễn Nhạc lấy được thành Qui Nhơn cũng nhờ kế dùng đoàn tuồng hát bội đông người mà thành công một cách dễ dàng, nhanh chóng và bất ngờ. Càng về sau này, người ta tổ chức hát Bội chỉ hát tứ diện ở triều đình và hát lưỡng diện ở các nhà quan lại hoặc các nhà giàu có. Hát tứ diện tức là làm bốn sân khấu và hát lưỡng diện tức là cất hai cái sân khấu đối mặt nhau trình diễn một vở tuồng cùng một lúc. Tại Bình Định năm 1932 cụ Tuần Vũ Đào Biểu Xuyên (Nội tổ của anh Đào Huy Tín hiện ở Los) quê ở xã Phước Hưng, Tuy Phước đã tổ chức hát bội lưỡng diện để mừng lễ thọ của cụ và cũng để mừng cụ được vua Bảo Đại cho phục chức và phẩm

hàm trở lại vì cụ đã đánh quan Khâm Sứ Pháp trong thời Vua Khải Định. Và năm 1940 Ông Chánh Tổng Ky (Tổ thúc bá của anh Nguyễn An Phong) quê ở xã Cát Thắng quận Phù Cát cũng tổ chức hát Bội lương điền. Vì cách tổ chức rất tốn kém và phiền phức nên sau này người ta thường làm một sân khấu vì dễ mời gọi đoàn tuồng và ít tốn kém hơn. Tôi dẫn giải dong dài như vậy mục đích là để chứng minh cho quý vị độc giả hiểu rõ lý do tại sao người ta đặt tên cho nó là bộ môn HÁT BỘI chứ không phải là hát BỘ. Cũng vì vậy mà ở Bình Định thường có câu ca dao:

*"Hát Bội hành tội người ta,
Đàn ông bỏ vợ, đàn bà bỏ con*

Cũng vì hát Bội rất hay cả về nội dung lẫn cách diễn xuất làm cho người dân đương thời đam mê thích thú đến nỗi đàn ông mới cưới vợ và đàn bà có con nhỏ cũng tìm mọi cách để đi xem cho được. Cũng như người ta thường nói những đám tiệc lớn linh đình là "Trong chay ngoài Bội" nghĩa là khi đến các ngày lễ lớn của Phật Giáo, tại các chùa lớn thường tổ chức cúng chầu và hát Bội, bên trong điện thờ thì làm chay cúng Tam Bảo và bên ngoài chùa thì làm lễ cúng chầu (Bố Thí các vong hồn) và tổ chức hát Bội về các sự tích có liên quan đến việc hoằng hóa Đạo Pháp như các tuồng: Quan Âm Thị Kính, Mục Liên Thanh Đề, Phạm Công Cúc Hoa v.v...

Tóm lại hát Bội là bộ môn nghệ thuật hát tuồng được tổ chức theo cách một vở tuồng trình diễn cùng một lúc trên nhiều sân khấu từ một đến hai, bốn hoặc tám cái sân khấu, tùy theo khả năng của người tổ chức.

Sở dĩ môn hát Bội được thịnh hành Miền Trung Việt Nam mà nhất là ở Bình Định vì các lý do sau đây:

Người khởi xướng ra bộ môn này ở làng Trong khi các chúa Nguyễn khai khẩn đất đai lập nên miền đất giàu thịnh ở phía Nam này là ông Đào Duy Từ. Như trong các sử liệu đã viết, Ông Đào Duy Từ là người quê miền Thanh Hóa miền Bắc, học rộng tài cao, bụng chứa đầy chữ nghĩa, kinh luân có tài an bang tế thế, nhưng vì Ông xuất thân từ một gia đình trong nghề ca hát nên không được đi thi, Ông bỏ vào Nam giả làm người ở

Nguyễn (Chúa Sãi: 1613-1635), chẳng bao lâu Ông Hòa biết được tài năng của Ông mới gả con gái cho và tiến dẫn Ông gặp được chúa Sãi, Chúa Sãi nhận dùng và bái Ông làm thầy. Ông Đào Duy Từ không những giỏi về chính trị và quân sự đã giúp được chúa Nguyễn Phúc Nguyên đẩy lui được quân Trịnh ở phía Bắc bằng chứng là Ông đã xây được Lũy Trường Dục (tục gọi là Lũy Thầy vì Chúa Sãi thường gọi Ông bằng thầy), xây dựng được nền chính trị, hành chính ở miền Nam mà Ông còn là người phát huy được bộ môn hát Bội, nó trở nên môn văn nghệ chính ở miền Nam, nó vừa là môn giải trí cho người dân ở phương Nam mới bỏ đất Bắc ra đi lập nghiệp ở miền Nam, nó vừa là lợi khí tuyên truyền chính trị cho Chúa Nguyễn thời bấy giờ qua các bốn tổng Sơn Hà Xã Tắc, San Hậu (tức là tổng Tạ Ôn Đình, Đồng Kim Lân), nội dung của hai vở tổng này là phe trung thần phò ấu chúa chạy trốn phe gian nịnh độc ác soán đoạt ngôi vua và cuối cùng phe gian nịnh phải thất bại và bị đền tội. Nó cũng giống như hoàn cảnh của Ông Nguyễn Hoàng Dụ và Nguyễn Kim phục hưng nhà Lê và sau này bị Trịnh Kiểm lấn quyền lập nên phủ Chúa, nên việc Nguyễn Hoàng vào Nam xây dựng cơ nghiệp để diệt Trịnh phò Lê là điều chánh đáng. Công tác tuyên truyền bằng bộ môn hát Bội được các chúa Nguyễn ủng hộ và nó lan tràn đến các tầng

lớp dân chúng, sau ngày người ta đặt Ông là một trong những Ông Tổ của hát Bội sau các Ông Đông Phương Sóc (Người Trung Hoa gọi là Hoan Hỉ Tiên), Ông Lý Nguyên Cát, vì vậy khi cúng Tổ hát Bội ta thấy trên bàn thờ có thờ ba pho tượng, chính là các vị này vậy.

Vào hậu bán thế kỷ 19, đất Bình Định sản sinh ra một vị đại thần của Nguyễn là cụ Đào Tấn (sinh năm 1845 và mất năm 1907) rất đam mê hát Bội, ông đã sáng tác tuồng hát bội ngay từ khi còn là học sinh với tuần Tân Dã Đôn (Từ Thứ Qui Tào) đã làm nức tiếng một thời, đến khi ra làm quan Ông đã phụng chỉ Vua Tự Đức soạn tuồng hát bội dùng để hát trong triều là các vở Đãng Khấu, Bình Định và Tam Bảo Thái Giám (1872), năm 1878 lại phụng chỉ vua Tự Đức soạn các bản tuồng Tứ Quốc Lai Vương, Quần Trân Hiến Thoại và Vạn Bửu Trình Tường. Trong suốt thời gian làm quan, Ông đã sáng tác và hiệu đính rất nhiều vở tuồng như Cổ Thành (Quan Công phò Nhị tậu), Trầm Hương Các, Hoàng Phi Hổ đầu Châu, Hộ Sanh Đàn (Tiết Cương) và lập Đình để dạy các lính của mình tập hát, những người hát này ông đem từ quê Bình Định ra cũng có mà lấy tại Nghệ An và Quảng Nam cũng có, do vậy sau khi Ông về hưu và mất năm 1907, các người nghệ sĩ này cũng về quê mà lập thành các đoàn tuồng rất nổi tiếng, nhất là ở tỉnh Bình Định như các ông: bát Phàn, bầu Chư ở Phú Phong, Tây Sơn, Ông Chánh ca Ghinh, Chánh ca Đông, Cửu Khi, Cửu Ở v.v... ở Tuy Phước, An Nhơn. Phong trào hát bội vì vậy đã một thời thịnh hành ở Bình Định và kéo dài mãi cho đến ngày nay tại tỉnh Bình Định hiện có đoàn tuồng của Tỉnh và đặt tên là Đào Tấn cho nhà hát lớn tại Qui Nhơn ngày nay.

Hát Bội được người dân miền Trung từ Nghệ An vô đến Phan Rang, Phan Thiết đam mê thích thú vì do các

vua quan triều Nguyễn cổ xúy, truyền bá như đã nói trên mà cũng chính vì nó là một bộ môn nghệ thuật bày tỏ, phản ánh được tinh thần và bản chất của người dân Việt đương thời, những tấm gương trung trinh tiết liệt, những bộ mặt gian thần nịnh hót bợ đỡ luồn cúi, những câu châm biếm tế nhị sau sắc của những vai hề, lồng trong lối hành văn uyên thâm nhưng bình dị và trong sáng của các vị nho gia qua sự diễn đạt một cách sâu sắc của các nhân vật trong mỗi bốn tuồng đã làm say mê lòng người hâm mộ.

Nghệ thuật hát Bội đến thời cụ Đào Tấn phải nói là đã đạt đến chỗ tuyệt diệu vì các câu tuồng do cụ sáng tác lại do chính cụ dạy các người phải diễn xuất cho đúng theo ý tuồng của tác giả đã viết ra. Ngoài ra, các thể điệu của nghệ thuật Hát Bội lột tả được mọi tâm trạng của từng hoàn cảnh của nhân vật như khi vui thì có các điệu nam xuân, nói lối xuân, khi buồn bã bi lụy thì có các thể hát nam ai, thán, ngâm, khi tâm sự, trình bày thì có các thể hát khách, hát phú, khi hào hùng thì có các thể bạch, xương, nói lối v.v... mỗi thể điệu là mỗi một cách diễn tả tâm lý của từng nhân vật, do vậy nó dễ làm cho người thưởng thức say mê, ví dụ như để diễn tả tâm sự buồn khổ của người vợ đang mang thai, thương nhớ chồng vừa mới ra đi vì chinh chiến, ta nghe đoạn Thoại Ba Công Chúa nhớ Địch Thanh như sau:

"Lịu địu vì chút nhân duyên lằng lịu,

"Khiến xui nên tình nghĩa vấn vương,

Á! thương hại cho tôi đây:

"Cực nỗi chàng thủy viễn sơn trường,

"Khó nỗi thiếp thâm canh dạ tĩnh (đây)

HÁT NAM AI:

"Dạ tĩnh đê mê tứ cố,

"Cảnh mờ hồ xuân thọ mộ vân,

Như thiếp hiện giờ đây là:

"Mai cốt cách, tuyết tinh thần,

"Hơi hương đã nhuộm, bóng trăng lại lờ,

Ớ thị nữ! thôi phu tướng ta đã đi xa rồi, ta cũng nên trở về đi!

"Chỉ miền cố quốc chân dò,

"Ôm lòng gương bước qua đò âm dương ...

Người con gái có mang mà tác giả dùng chữ: hơi hương đã nhuộm, và khi người chồng xa cách thì dùng chữ: Bóng trăng lại lờ thì thật là tuyệt bút.

Hoặc ta nghe Kỷ Lan Anh đi tìm Tiết Cương trong cơn ly loạn binh đao:

"Tăm tối đã hết đường hết sá,

"Lại quanh hiu vắng ảnh vắng hình,

"Bước sơn khê chi tiết gập ghình,

"Tiếng viên điệu càng thêm đau đớn,

Á! thương hại cho chồng tôi:

"Rủi ro sợ đầu tên mũi đạn,

"Bơ vơ thương góc núi chân trời,

bớ lâu la, nghe bà dặn đây:

"Có diên nguy xin chớ mưa nài

"Dù lao khổ miễn là cho gặp ...

HÁT NAM AI:

"Cho gặp kéo lòng man mán,

"Giọt ly sầu nước mắt khôn lau ...

"Lạnh lùng gió lọt hơi thu ...

Và ta hãy nghe Tào Tháo trong cơn sợ hãi với trận Xích Bích chạy qua Lộ Hoa Dung:

Bớ Quân bay, quân bay, như tao chừ:

"Chạy đà chúm mũi, chúm mũi

"Thở đã đứt hơi, đứt hơi

Úi chao ơi!

"Chẳng cánh bay (làm sao) thoát được lên trời,
"Không phép độn (làm rặng mà) chui qua dưới đất ...
Hoặc hào hùng như khi Quan Vân Trường gặp Hạ Hầu Đôn:

Ở Hầu Đôn, như người là:

HÁT KHÁCH:

"Xa hạ đường lang, bất lượng lực cảm ngô đương trở
(Người là con châu chấu dưới xe, người không tự lượng
sức mình mà cản trở ta). Còn như ta là:

"Nhơn trung kỳ ký, (nay mà ta ra đi đây là) dĩ phùng
thời ứng tợ phẩn dương,

(Còn như ta là con ngựa Kỳ, con ngựa Ký trong loài
người nay mà ta ra đi đây cũng như là gặp thời cơ tốt mà
vẫy vùng bay nháy)

Hoặc cay đắng cho tình người đen bạc như khi Tiết
Cương bị Tiết Nghĩa bắt nhốt vào tù xa giải về kinh
thành:

Tôi nghĩ lại:

"Thế sự đoản như xuân mộng,

"Nhơn tình bạc tợ thu vân,

Như tôi đây là:

"Cẩn rặng cười, cười cũng khó khăn,

"Ôm bụng chịu, chịu cam vui sướng ...

Qua những trích dẫn tiêu biểu trên, ta thấy văn
chương trong các tuồng hát không thua gì những câu thơ
trong áng văn hay của Nguyễn Du, Đoàn Thị Điểm,
Nguyễn Gia Thiều v.v... vì nó diễn tả rất xác đáng, rất
truyền cảm, ứng hợp với từng hoàn cảnh của mỗi nhân
vật.

Nhưng bộ môn nghệ thuật này ngày nay nó không
còn lý do để tồn tại vì nó không còn thích hợp với thời đại,
nhất là các thể điệu hát quá cổ xưa, ngôn ngữ và danh từ

Hán Việt quá nhiều khó có ai hiểu nổi được tường tận. Hơn nữa những phim ảnh những truyền hình, những trò chơi điện tử đã lôi cuốn giới thanh niên rất mãnh liệt, và tự nó (bộ môn này) cũng đã trở về với bảo tàng viện và người nghiên cứu nó hiện nay cũng là để tìm lại hình ảnh của bóng người xưa.

Trên đây chỉ là những góp nhặt, những nhận xét còn nhiều thiếu sót và thiếu cận, chủ quan của người viết, mong các bậc thức giả niệm tình tha thứ, bỏ lỗi cho.

VÕ NGỌC UYÊN



VIỆT NAM VÕ TA

(VIETNAM TRADITIONAL MARTIAL ART)

Tài liệu siêu tâm

Tài liệu được phát hiện về dòng võ của thời Tây Sơn. Do ông Nguyễn Trung Như, một vị quan dưới thời Tây Sơn, người quê ở huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định. Ông đã viết quyển "Tây Sơn Bí Kiếp" gồm hai tập:

Tập một: Tây Sơn liệt quan chi binh pháp.

Tập hai: Phổ Đại Nam triều chi tướng thao.

Ông hoàn thành hai tác phẩm này vào ngày 20 tháng 12 năm Kỷ Mùi (1799), đồng thời ông tham khảo nhiều tài liệu của thời Lý Công Uẩn, Đinh Tiên Hoàng v.v... Ông thọ 56 tuổi.

LƯỢC SỬ VÕ TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH (VÕ TA)

Để tồn tại và phát triển lịch sử, dân tộc Việt Nam đã trải qua hàng ngàn năm chiến đấu chống ngoại xâm. Trong khoảng thời gian dài đó, chiến tranh là thể hiện sự so tài bằng sức lực, nghệ thuật và chiến lược vệ quốc qua những vũ khí thô sơ và hiện đại thời bấy giờ của cá nhân và tập thể. Đó là thời kỳ hình thành võ.

Võ bắt nguồn từ cuộc sống và chiến đấu, lưu truyền từ đời này sang đời khác, từ vùng này sang vùng khác và được sàng lọc tái tạo, phân chia nhiều chi nhánh, môn phái tỏa khắp năm châu. Bản sắc của một vùng, một chi, một môn phái, một dân tộc có đặc thù riêng của nó. Nếu đi tìm nguồn gốc của một dòng võ thì cũng chỉ đứt đoạn ở một khoảng thời gian nào đó, vì ở đâu cũng có người biết

võ. Từ thời nguyên thủy, tổ tiên ta vì nhu cầu cuộc sống, đã biết ném đá, phóng lao, đánh gậy, múa kiếm, để chống chọi với thú rừng và kẻ thù nhằm bảo vệ cuộc sống của bộ tộc mình, đó chính là võ. Qua nhiều đời, nhiều thời gian, võ được sáng tạo, canh tân theo tiến bộ của con người, theo yêu cầu mục đích sử dụng, theo địa lý khác nhau. Người miền núi khỏe đôi chân thì quen dùng cái thế đó. Người miền biển và đồng bằng mạnh đôi tay thì thích dùng những đòn thế, thủ pháp tinh xảo và khéo léo.

Xem lại trong hệ thống các bài võ Tây Sơn trong tập "Tây Sơn Bí Kiếp" của cụ Nguyễn Trung Như, chúng ta thấy không thể tách rời như những môn phái khác. Một bài gồm có 2 phần: Thiệu (lời) và động tác. Thiệu thường viết theo thơ, có nhịp phách, có độ ngắn dài khác nhau, tùy theo tốc độ nhanh chậm của thế võ đó. Động tác tới đâu thì đọc thiệu tới đó nên dễ nhớ, mau thuộc lại tạo hứng thú cho môn sinh. Tập một bộ, một thảo là sử dụng ngay không chờ lắp ghép toàn bộ. Trong số bài lưu truyền và sưu tầm được, thấy rõ sự chuyển động toàn bài và sáng tạo, khi lâm chiến là đánh liên tục, đánh đến cùng để dành chiến thắng. Điều này thể hiện rõ trong tư tưởng chỉ huy của Nguyễn Huệ là đánh tiêu diệt chớp nhoáng. Ở góc độ chuyên môn, chúng tôi mạnh dạn nhận xét trong thập bát ban võ nghệ thì nét độc đáo nhất của võ Tây Sơn ở trong 4 bộ môn: Roi trận - Quyền chiến - Kiếm chiến - Thương trận.

Những gì còn lại trên đất Bình Định về võ cũng khó xác định được đâu là võ Tàu xâm nhập, đâu là võ ta chính thống. Chúng tôi lấy những bài võ lưu hành trong toàn tỉnh, vùng lân cận và nước ngoài để nghiên cứu, đối chiếu những lời thiệu, những động tác để tìm ra bài võ Tây Sơn Bình Định vấn đề này rất khó khăn và phức tạp,

mặc dù đã được sự hợp tác của nhiều lão võ sư mọi miền. Tuy là một bài nhưng có những lời thiệu và động tác khác nhau vài chi tiết, đôi khi thiếu hẳn một đoạn, một chiêu; mặc dù đó là thuộc dòng võ Tây Sơn Bình Định.

Đã hơn 200 năm qua, miền đất võ của Nguyễn Huệ đã được nhắc nhở đến ngày nay và tự hào tìm thấy được người sư tổ sáng lập dòng phái võ Tây Sơn Bình Định. Qua bao biến động đổi thay, nhất là sau khi vua Quang Trung băng hà, Nguyễn Ánh lên ngôi với quốc sách là tiêu diệt và trả thù dòng dõi Tây Sơn. Triều Gia Long cấm võ Tây Sơn triệt để. Tiếp đến thực dân Pháp với ý đồ thâm độc cấm dạy võ ta và lập võ đài để tiêu diệt người tài giỏi và đưa võ nước ngoài du nhập vào để lung lạc tinh thần thượng võ của dân tộc ta.

Đến thập niên 60, võ Thái cực đạo đã tràn nhập vào truyền bá trên đất nước Việt Nam. Một môn võ thời trang và quyền tước thời bấy giờ đã loại bỏ đi dòng võ dân tộc.

Riêng người Bình Định vẫn một dạ, một lòng son sắc bảo tồn môn võ của quê hương, âm thầm truyền bá lại cho con cháu đời sau, thời nầy qua thời khác, cho dù thời gian dài có thất truyền đôi chút nhưng cái gốc vẫn còn.

PHẠM TƯỚC



Nỗi Lòng

- Hồ Diệu Bà Chòi

*Nói lối: Nằm nghĩ nhớ quê hương nước Việt
Lòng ưu tư da diết nhớ thương
Bao dân lành ngày nắng đêm sương
Mãi tha thiết với tình thương quê mẹ
Dù khó khăn nở nụ cười vui vẻ
Nơi chôn nhau cắt rún bao đời.*

*Hồ ... Nay tôi xin gửi đôi lời
Bà con dân Việt người người mến yêu
Nhớ khi nắng sớm mưa chiều
Gia đình đoàn tụ mái lều ấm êm
Xa nhau nhưng nhớ nỗi niềm
Cha chờ mẹ đợi sớm chiều không ai
Trời Âu đất Á đường dài
Khi đau lúc yếu lấy ai đỡ đàn
Bùi ngùi nhớ đến người thân
Bác chú cô cậu xa gần bà con
Xóm thôn lối cũ đường mòn
Biển xanh cát trắng vẫn còn in sâu
Lời ru của mẹ đêm thâu
Tảo tần năm tháng giãi dầu gió mưa
Từ ngày xa cách quê xưa
Bao năm xứ lạ sớm trưa nhớ nhà
Nghĩ rằng nước Việt Nam ta
Cũng thành cũng thị đâu mà khác chi
Tại sao phải bỏ ra đi
Hoàn cảnh đất nước phân ly đau lòng
Bạn bè lối xóm đợi trông*

*Bà con thân thuộc mỗi mong mình về
Đẹp sao nước Việt tình quê
Tình non tình nước lời thề còn ghi
Đất người mình được những gì
Quê hương bỏ lại nam nhi yếu hèn
Trót mang nòi giống Rồng Tiên
Giải phóng đất nước là niềm vinh quang
Lớn khôn bởi máu da vàng
Sẽ về dựng lại Việt Nam ... hoàng ... huy hoàng*

B.N.



TUẾ ĐÁN NGẪU THÀNH

*Toàn tuần ngũ thập lục niên hoa
Dĩ trấp niên xuân bất tại gia
Tiểu ngã phù sinh như mẫn bách
Dã ưng đề vịnh biến thiên nhai.*

ĐÀO TẤN

ĐẦU NĂM TÌNH CỜ VIẾT NÊN

*Thoát đã năm mươi sáu tuổi đời
Vắng nhà ba chục cái xuân ơi!
Cười ta, nếu sống tròn trăm tuổi
Muốn chỉ thơ ngâm khắp nẻo trời.*

VIỆT THAO phụng dịch

NGHIÊM XUÂN CHANG, D.D.S. BÙI QUỲNH MAI, D.D.S.

1911 Tully Rd., Suite A - San Jose, CA 95122
(Cạnh Grand Auto và McDonald)

Tel. (408) 254-2877

- *Tốt nghiệp Bác Sĩ Nha Khoa tại Hoa Kỳ: Case-Western-Reserve University - Ohio.*
- *Bằng hành nghề tại California và các tiểu bang vùng Đông Bắc Hoa Kỳ.*
- *Nguyên Trưởng Phòng Nha Khoa Bệnh viện Toàn Khoa Qui Nhơn và Khánh Hội Sài Gòn. Cựu học sinh Lasan Taberd.*

CHUYÊN MÔN:

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:00AM-6:00PM
Thứ Bảy: 9:00AM-3:00PM

- Khám răng tổng quát, định kỳ cho người lớn và trẻ em. Truy tầm ung thư hàm mặt.
- Ngăn ngừa răng mọc lệch lạc, không đều cho trẻ em. Phòng ngừa sâu răng bằng fluoride và Sealant.
- Vá răng thưa, sứ mẻ bằng bonding, porcelain-veneer, onlay, inlay, đẹp như răng thật.
- Tẩy trắng răng đen nám, đổi màu bằng phương pháp mới nhất.
- Chữa các bệnh về nướu: Sưng đỏ, chảy máu và hôi miệng.
- Nhổ răng, tiểu giải phẫu răng khôn, răng ngầm.
- Trám răng, lấy gân máu.
- Làm răng giả các loại: Đẹp, bền

NHẬN MEDICAL - BẢO HIỂM - TRẢ GÓP

Giá giúp đỡ cho quý vị gặp khó khăn. - Điện thoại bất cứ lúc nào để lấy hẹn



ADVANCED DENTAL CARE

**ĐÀO NGUYỄN NHÂN, D.D.S.
BRYAN BUI, D.M.D.**

Tốt nghiệp ưu hạng Doctor of Dental tại University of California, San Francisco, UCSF (là trường nha khoa danh tiếng nhất California)

NHA KHOA TỔNG QUÁT, NHI ĐỒNG VÀ THẨM MỸ

- Dùng kỹ thuật tân tiến để chống đau khi điều trị (No-drill technique. Computer controlled anesthesia, No-needle anesthesia).
- Tẩy trắng răng, kết quả trong vòng 1- tiếng.
- Trị các chứng đau, tê nhức chân răng.
- Bọc răng và trồng răng đủ loại, và bệnh nướu răng.
- Làm khít răng thưa và phục hồi răng sứ mẻ.
- Trị chứng đau quai hàm (temporomandibular disorder)
- Có máy X-ray chụp hình ngoài miệng (panorex).
- Nitrous oxide và Virtual-I glasses cho trẻ em và những trường hợp khó
- Trị bệnh hôi miệng và lộ miệng.

Văn phòng mới, phương pháp khử trùng tinh vi đúng tiêu chuẩn OSHA



Nhận Medi-cal và các hãng bảo hiểm PPO như Delta, Blue Cross, Blue Shield, Aetna, Cigna, Guardian, Prudential, etc...

2395 Montpelier Dr., Suite #1

San Jose, CA 95116

Thứ Hai - Thứ Bảy
9:30 AM - 6:30 PM
Nghỉ ngày:
Chủ Nhật

**(408) 937-8881
(408) 929-8889**

BÁC SĨ

GAU VAN DUNG M.D., F.A.C.O.G.



CHUYÊN MÔN SẢN VÀ PHỤ KHOA
CERTIFIED AND RECERTIFIED OBSTETRICIAN & GYNECOLOGIST



(408) 294-5115

- THĂM THAI, ĐỖ ĐẼ, MỔ ĐẼ
- CHỮA BỆNH ĐÀN BÀ VÀ BỆNH HIẾM MUỘN
- ĐẶC BIỆT DÙNG PHƯƠNG PHÁP LAPAROSCOPY ĐỂ CỘT ỐNG DẪN TRỨNG, LASER ĐỂ LẤY BƯỚU BUÔNG TRỨNG, CHỮA BỆNH CÓ THAI NGOÀI TỬ CUNG VÀ CẮT TỬ CUNG.

XIN HẸN TRƯỚC

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ Hai đến Thứ Sáu:

Sáng: 9:30am-12:30pm

Chiều: 2:30pm-5:00pm

9:30am-12:30pm

259 MERIDIAN AVENUE, SUITE 5 - SAN JOSE, CA 95126

順成

THUẬN THÀNH

T.T. SEAFOOD

- Chợ VN do người đồng hương làm chủ.
- Bán đủ các loại trái cây, thực phẩm khô, đồ hộp và các loại thực phẩm tươi như cá, thịt, rau quả.
- Bán sỉ và lẻ. Giá cả nhẹ nhàng. Có giá đặc biệt cho xe lunch và nhà hàng.
- Chợ sạch sẽ. Chỗ đậu xe thoải mái. Nằm trong khu King Plaza (góc đường King và Burdette).

Địa chỉ:

2517 S. King Rd.
San Jose, CA 95122

Chủ nhân:

THAT VO
(408) 274-8210



Bác Sĩ

PHẠM VĂN NGÀ, M.D.

Certified American Board of Internal Medicine

CHUYÊN KHOA NỘI THƯỜNG - Y KHOA TỔNG QUÁT

2470 Alvin Avenue, Suite #3, San Jose, CA 95121 (đối diện Alvin Center, gần đầu ng 22, 26, 7) và 77) **(408) 532-0105**

CHUYÊN TRỊ:

- BỆNH NỘI THƯỜNG, NGƯỜI LỚN, NGƯỜI GIÀ
- BỆNH PHỤ NỮ
- KHÁM TỔNG QUÁT TRẺ EM

- Tốt nghiệp chuyên khoa Nội Thường tại Kingsbrook Jewish Medical Center, NY
- Học Đại Học về Ung Thư Di Truyền Học tại Đại Học Stanford
- Tốt nghiệp Bác Sĩ Y Khoa Đan Mạch (Bắc Âu) và đã làm nghề tại các bệnh viện Đan Mạch
- Tốt nghiệp Bác Sĩ Y Khoa Sài Gòn 1973, nguyên Bác Sĩ Gia Đình và Nội Thường tại Sài Gòn và Chợ Lớn
- Nguyên Bác Sĩ giảng huấn Bệnh Học tại Đại Học Y và Nha Khoa Sài Gòn 1974-1985

- NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH
- SẢN SỨC BỆNH NHÂN KHI NHẬP VIỆN
- CHỈCH NGƯỜI NHẬP HỌC, DU LỊCH
- KHÁM VÀ THỬ MÁU KẾT HỢN

Giờ Khám bệnh:
Thứ 2 - Thứ 7: 9AM - 6:30PM

GIÁ ĐẶC BIỆT CHO NHỮNG NGƯỜI KHÔNG CÓ BẢO HIỂM NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM

Hop Sing Gifts 盛



- Đại lý các loại đồng hồ của hãng Citizen và Seiko.
- Bán các loại mỹ phẩm danh tiếng.
- Bán các loại quần áo thời trang trẻ em và phụ nữ.
- Bán các loại quà tặng đẹp, giá trị.

1816 Tully Rd., Suite 186
San Jose, CA 95122
Tel: (408) 223-8013

BÌNH ĐỊNH MONEY TRANSFER

Công Ty Chuyển Tiền Hỏa Tốc Về Việt Nam

Sài Gòn - Nha Trang - Qui Nhơn - Đà Nẵng

Express Delivery in One Hour

**CHUYỂN TIỀN
VỀ BÌNH ĐỊNH
LỆ PHÍ CHỈ**

2.5%

Tú Bùi

2976 Glen Crow Court. San Jose, CA 95148

Tel: (408)270-4507,532-7921,Pager 619-2131

GARAGE DOOR & OPENER

CA. State Lic #692107 Bond **FULL SERVICE**

- ♦ Professionally installed sectional doors and automatic openers.
- ♦ Sửa, bắt opener, thay lò xo gãy.
- ♦ Nhận đóng sheet rock, cabinet garage.
- ♦ Nhận đi các vùng lân cận Bay Area.
- ♦ **Kinh nghiệm 20 năm**



Xin L/L LƯƠNG: Home: (408) 281-9361, Cell.: (408) 858-0851, Pager: (408) 995-7400



MIÊN TRUNG Restaurant

VIETNAMESE * CHINESE * THAI CUISINE

Đặc biệt
PHỞ GÀ LONG TRUNG NON
và **PHỞ BÒ**

Phở đồ biển chua cay
và Phở riêu cua

Chả Cá Thăng Long - Mì Quảng - Bún Bò Huế - Bún Sườn Chả Cá Miên Trung - Bún Cua
Huyết An Cựu - Hủ Tiếu Bò Miên Trung - Bánh Xèo King Size - Ốc Hấp gừng - Gỏi Cá Nam Ô -
Cua Rang Muối - Tôm Rang Me - Cua Rang Me - Lẩu Mắm Châu Đốc - Lẩu Hải Sản Miên
Trung - Lẩu Bò Biển Thái Lan.

Miên Trung Kính Mời

*Ngoài ra nhà hàng chúng tôi có đầy đủ các loại
Cơm Phan Gia Đình và các Món Chay thật đặc sắc.*

GIỜ MỞ CỬA:

7 ngày trong tuần
Thứ Hai - Chủ Nhật
9:00AM - 10:00PM



(408) 532-1269 ĐÀU BÉP VIỆT HOA THÁI

1924 Aborn Rd., San Jose, CA 95121

(Khu Aborn Center, giữa đường Capitol Exp và King Road)

NỮ BÁC SĨ GIẢI PHẪU VÀ ĐIỀU TRỊ MẮT ĐẦU TIÊN VÀ DUY NHẤT TẠI VÙNG BAY AREA

NGUYỄN THỊ ÁNH NGỌC, M.D.



DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF
OPHTHALMOLOGY

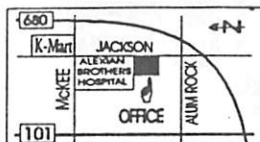
- * Tốt nghiệp giải phẫu và điều trị mắt tại California Pacific Medical Center, SF.
- * Tu nghiệp và nghiên cứu trị liệu về bệnh tăng áp suất mắt (Glaucoma) tại UCSF.
- * Giảng huấn về Khoa mắt tại California Pacific Medical Center (SF) và Highland Hospital (OK)
- * Viện Trưởng Viện Nghiên Cứu và Giảng Dạy bệnh Glaucoma tại San Francisco.

CHUYÊN ĐIỀU TRỊ VÀ GIẢI PHẪU MẮT

- 👁️ Giải phẫu và điều trị bằng tia sáng laser
- 👁️ Bệnh tăng áp suất trong mắt (Glaucoma).
- 👁️ Mổ hột cườm và ghép kính nhân tạo (Cataract & Lens Implant).
- 👁️ Giải phẫu mộng thịt hoặc mộng mỡ trên tròng trắng và tròng đen (Pterygium).
- 👁️ Giải phẫu mí mắt, mắt lè, mắt lẹo.

Chuyên trị:

- 👁️ Viêm mắt, dị ứng mắt, mắt loét, đỏ, khô, mắt bị nhiễm trùng, mắt bị trầy, đau rát, mắt ngứa, mắt bị ghèn, mắt bị lông quặm.
- 👁️ Mắt bị thương tích do tai nạn làm việc (hóa chất, khói độc, vật bén nhọn).
- 👁️ Các bệnh mắt do biến chứng của bệnh tiểu đường và bệnh áp huyết cao



Tel: (408) 272-3706

NHẬN MEDICAL, MEDICARE, BẢO HIỂM, CREDIT CARDS.

MỞ CỬA: THỨ HAI - THỨ BẢY (9:00AM-6:00PM)

XIN GỌI TRƯỚC ĐỂ LẤY HẸN

175 North Jackson Ave # 209 San Jose, CA 95116
(Kế nhà thương Alexian Brothers)

Furniture that fits your lifestyle

COMTEMPO

FURNITURE

COMTEMPO 1

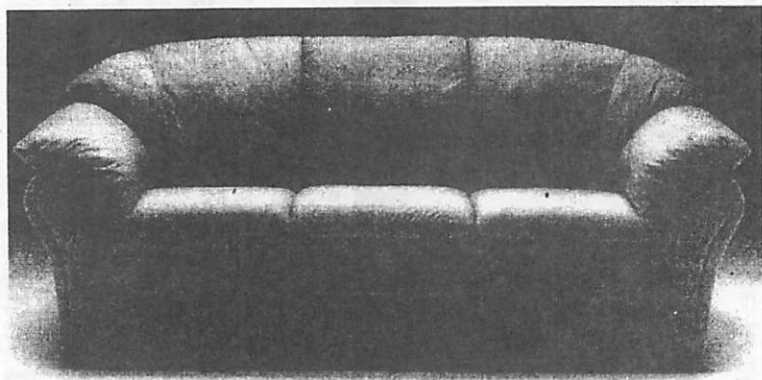
1696 Monterey Rd
San Jose, CA 95112
Tel: (408) 279-5633

COMTEMPO 2

305 A. Eastridge Mall
San Jose, CA 95122
Tel: (408) 531-8275

COMTEMPO 3

1040 N. Rengstorff Ave. #A
Mountain View, CA 94043
Tel: (650) 210-8811



- * Phẩm chất cao của những hãng danh tiếng trên thế giới: Omnia, Bassett, Stanley, Pulaski, Natuzzi, Bench Craft, Jonathan Louis...
- * Giá hạ nhất, giao hàng trong thời gian nhanh nhất.

UNIQUE DESIGN

Hân Hạnh Giới Thiệu

www.contempointeriors.com

SAVE MONEY AUTO REPAIR & AUTO GLASS

621 Blossom Hill Rd., San Jose, CA 95123

Tel: (408) 224-5991 * (408) 224-5992

Fax: (408) 224-5993 www.smag408.homestead.com



SPECIAL DISCOUNT LABOR: 10% OFF

SPECIAL:

4 Cyl. **\$145.95**

6 Cyl. **\$165.95**

8 Cyl. **\$185.95**

(Includes replacement of spark plugs, cap, rotor, air filter, fuel filter. Brake inspection, tire rotation, adjust timing if applicable. Platinum plugs extra.)

- Maintenance 15K, 30K, 60K, 90K
- Timing Belt, Tune-up
- Electrical, EFI, Computer ...
- Clutch Job
- Heating; A/C System.
- Transmission Service.
- Transmission Transfusion.

**SPECIAL
OIL CHANGE**

\$19.95

Most car
Light truck
up to 5 QTS

- Free delivery / Mobile service. (Glass only)
- Body shop & Dealer - Discount Rate.
- Insurance - Welcome.
- Deductible. (Certain limit apply).
- Lifetime warranty on labor.

**SPECIAL
Transmission Transfusion
\$45.95 + FLUID**

Open 6 Days A Week:

Monday - Sat: 8:00 AM - 5:00 PM

Sunday: 9:00 AM - 2:00 PM

Please call for an appointment

**DANH SÁCH ĐỒNG HƯƠNG BÌNH ĐỊNH
VÀ THÂN HỮU ỦNG HỘ ĐẶC SAN BÌNH ĐỊNH**
(mua tape tiệc tân niên Canh Thìn)

- Tony Định (Đình Văn Xuân)	\$500.00
- Trần Trọng Khiêm	\$40.00
- Lê Từ Như Lâm	\$20.00
- Lê Đức Hưng	\$20.00
- Anh Thọ Hân	\$20.00
- Trần Vĩnh Anh	\$20.00
- Nguyễn Chuẩn	\$20.00
- Nguyễn Thế Hiệp	\$40.00
- Trần Nghiêm	\$10.00
- Phan Hân	\$10.00
- BS Phạm Văn Ngà	\$20.00
- BS Cai Văn Dung	\$100.00
- Trần Văn Ngô	\$50.00
- Đặng Vĩnh Mai	\$20.00
- Nguyễn Thi	\$20.00
- Nguyễn Văn Thường	\$20.00
- Đặng Đức Bích	\$100.00
- Võ Bá Trác	\$50.00
- Trương Hồng Ân	\$100.00
- BS Trương Hồng Mai (D.D.S.)	\$100.00
- Nguyễn Hòe	\$20.00
- Phan Minh Châu	\$20.00
- Nguyễn Quảng	\$20.00
- Nguyễn Trai	\$20.00
- Đường Anh Đồng	\$20.00
- Nguyễn Diệu	\$20.00
- Nguyễn Bá Thư	\$20.00
- Nguyễn Mai	\$20.00
- Đỗ Hữu Tín	\$20.00
- Nguyễn Thị Triển	\$20.00

Tổng cộng: \$1,570.00

**DANH SÁCH ĐỒNG HƯƠNG BÌNH ĐỊNH
VÀ THÂN HỮU ỦNG HỘ ĐẶC SAN BÌNH ĐỊNH**

*

- Trần Minh Triết	\$100.00
- Phan Quang Nghiệp	\$50.00
- Trần Nhất Danh	\$50.00
- Dương Quang Vinh	\$100.00
- Đoàn Hữu Đức	\$6.00
- Nguyễn Phú	\$5.00
- Võ Đại	\$5.00
- Đào Đức Chương	\$50.00
- Nguyễn Chuẩn	\$20.00
- Bảo Tố	\$8.00
- Phan Hân	\$10.00
- Lê Ty	\$10.00
- Anh Ba Thân	\$20.00
- Nguyễn Văn Thường	\$10.00
- Nguyễn Ngọc Dũ (thân hữu)	\$20.00
- Phan Thanh Hùng	\$50.00
- Đặng Vĩnh Mai	\$20.00
- Tiệm Laurent Boutique	\$50.00
- Nguyễn Hòe	\$20.00
- Lê Trương	\$20.00
- Đặng Thị Phương	\$20.00
- Võ Bá Trác	\$100.00
- Ô. Bà Đông + Xuyên	\$50.00
- Ô. Bà Thái + Hoa	\$50.00
- Trần Trọng Khiêm	\$100.00
- Trần Văn Ngô	\$100.00
- Trương Hồng Ân	\$100.00
- Jeanette Trương, D.D.S.	\$100.00
- Bà Bùi Học Hải	\$30.00

Tổng cộng \$1,274.00

DANH SÁCH ĐỒNG HƯƠNG BÌNH ĐỊNH VÀ THÂN HỮU ỦNG HỘ ĐẶC SAN BÌNH ĐỊNH
(có đăng quảng cáo)

*

- Trần Thiện Hữu	\$100.00
- BS Nguyễn Phạm Tâm	\$200.00
- Nguyễn Quang Hùng	\$200.00
- Tiệm Hopsing Gifts	\$50.00
- Chợ T.T Seafood	\$100.00
- BS Phạm Văn Ngà	\$50.00
- BS Nguyễn Thị Ánh Ngọc	\$100.00
- Phan Mỹ (nhà hàng Miền Trung)	\$50.00
- BS Đào Nguyên Nhân	\$50.00
- BS Bùi Quỳnh Mai	\$50.00
- Tony Đình	\$500.00
- BS Cai Văn Dung	\$100.00
- Phan Minh Lượng	\$50.00
- Bùi Tú	\$100.00

Tổng cộng \$1,700.00

• Chân thành cảm tạ quý đồng hương và thân hữu đã nhiệt thành ủng hộ và yểm trợ tài chánh để chi trả ấn phí, hoàn thành được Đặc San này - Riêng cảm tạ anh Nguyễn Quang Hùng, chủ nhân SENTER AUTO PART đã bao chót phần chi phí sau cùng.

Nhóm thực hiện

**DANH SÁCH ĐỒNG HƯƠNG BÌNH ĐỊNH / BẮC CALI
THƯỜNG LIÊ LẠC VỚI HỘI (*)**

*

- Văn An 3770 McKee Rd. #17
San Jose, CA 95127 ĐT: (408) 254-1914
- Trần Vĩnh Anh 1723 Pine Hollow Cr.
San Jose, CA 95133 ĐT: (408) 258-3215
- Đinh Thành Bài 3938 Springfield Common
Fremont, CA 94555 ĐT: (510) 793-3392
- Nguyễn Đình Bá 2960 Sunwood Dr.
San Jose, CA 95111 ĐT: (408) 365-9534
- Trần Benson 2129 Doxy Dr.
San Jose, CA 95131 ĐT: (408)
- Đặng Đức Bích 4045 Chamberer Dr.
San Jose, CA 95135 ĐT: (408) 274-8699
- Nguyễn Bình 1518 Roberts Ave.
San Jose, CA 95122 ĐT: (408) 258-8364
- Nguyễn Bình 4777 Rue Le Mans
San Jose, CA 95136 ĐT: (408) 578-2843
- Trần Brian 515 First Street
San Jose, CA 95112 ĐT: (408)
- Nghiêm Chang 7320 Urshan Way
San Jose, CA 95138 ĐT: (408)
- Phan Minh Châu ĐT: (408) 223-9948
- Nguyễn Tường Chi 3670 Peaceck Ct.# 17
Santa Clara, CA 95051 ĐT: (408) 248-3243
- Nguyễn Chuẩn 2155 Lanai Ave., #46
San Jose, CA 95122 ĐT: (408) 251-9029
- Phạm Chương 1341 Vance Rd.
San Jose, CA 95132 ĐT: (408) 923-6734
- Đào Đức Chương 1046 S.10th Str.#
San Jose, CA 95111 ĐT: (408) 294-6722
- Lê Chức 215 Alexandre Ave., Apt#2
San Jose, CA 95116 ĐT: (408) 929-4948

- Nguyễn Cự 1468 Pomeroy Ave.
San Jose, CA 95051ĐT: (408)
- Nguyễn Diêu 1520 E. Capitol Expwy. #50
San Jose, CA 95121ĐT: (408) 223-9247
- Đường Anh Đồng 2744 Whispering Hills
San Jose, CA 95148ĐT: (408) 238-5435
- Nguyễn Thị Đảm 2342 William Dr., #4
Santa Clara, CA 95050ĐT: (408) 243-7679
- BS Cai Văn Dung 259 Meridian # 5
San Jose, CA 95126ĐT: (408) 294-5115
- Đoàn Hữu Đức P.O. Box 3404
Santa Clara, CA 95055 Pager: (408) 488-9105
- Nguyễn Đông 4054 McLaughlin Ave.
San Jose, CA 95121ĐT: (408)
- Trần Đình Giáp 172 Echo Ave.
Campbell, CA 95008ĐT: (408) 866-4143
- Phạm Ngọc Hải 4077 Lakemont Ct.
San Jose, CA 95148ĐT: (408) 270-3390
- Trương Hạnh 473 Cedro Dr.
San Jose, Ca 95111ĐT: (408) 281-4451
- Lý Hào 2810 Cramer Cir.
San Jose, CA 95127ĐT: (408) 287-7008
- Trương Thị Hậu (Phạm Minh) 475 S. 4th St.
San Jose, CA 95112ĐT: (408) 977-1686
- Võ Trung Hậu 1422 Ocean Ave.
San Francisco, CA 94112ĐT: (415) 584-2369
- Nguyễn Hiệp 1339 E. Rumble Rd.
Modesto, CA 95355ĐT: (209) 526-2316
- Nguyễn Hòa 2259 Royal Tree Cr.
San Jose, CA 95132ĐT: (408)
- Nguyễn Hoàng 3834 Brigadoon Wy.
San Jose, CA 95121ĐT: (408) 270-7806
- Nguyễn Hòe 242 Danze Dr.
San Jose, CA 95111ĐT: (408) 225-8754
- Hoàng Huân 2811 Glauser Dr.
San Jose, CA 95133ĐT: (408)

- Đinh Hùng 823 Farm Dr., #1
San Jose, CA 95136ĐT: (408)
- Phan Thanh Hùng 2077 Wendover Ln.
San Jose, CA 95121ĐT: (408) 223-6253
- Nguyễn Hùng 1302 Isengard Ct.
San Jose, CA 95121ĐT: (408) 229-9351
- Phạm Hùng 420 Live Oak Ct.
Milpitas, CA 95035ĐT: (408) 956-8412
- Võ Đức Hưng 7420 South Field Way
Stockton, CA 95207ĐT: (209) 473-3093
- Võ Hùng +
Nguyễn Julie 3461 Blue Mountain Dr.
San Jose, CA 95127ĐT: (408) 251-3741
- Đinh Thành Hưng 165 Blossom Hill Rd.
San Jose, CA 95123ĐT: (408) 629-1365
- Trần Trọng Khiêm P.O. Box 10188
San Jose, CA 95157ĐT: (408) 370-9378
- Trần Khôi 1863 St Andrews Pl.
San Jose, CA 95132ĐT: (408)
- Huỳnh Ngọc Lan 2155 Lanai Ave., #108
San Jose, CA 95122ĐT: (408) 937-7840
- Lê Từ Như Lâm 2150 Monterey Rd., #152
San Jose, CA 95122ĐT: (408) 975-0750
- Nguyễn Lâm 942 Valencia Dr.
Milpitas, CA 95035ĐT: (408) 946-2758
- Võ Lang 2855 Senter Rd., #102
San Jose, CA 95101ĐT: (408) 224-1539
- Lê Lợi 4265 Foothill Blvd.
Oakland, CA 94601ĐT: (510) 261-8644
- Nguyễn Long 1035 Camarillo Ct.
Milpitas, CA 95035ĐT: (408)
- Nguyễn Long 523 5th Ave., #6
San Francisco, CA 94118ĐT: (415) 831-7064
- Nguyễn Lưu 3095 Yerba Buena Rd.
San Jose, CA 95135ĐT: (408)

- Đặng Vĩnh Mai 3830 Underwood Dr.,# 4
San Jose, CA 95117ĐT: (408) 296-0833
- Bùi Mai 1618 Leeward Dr.
San Jose, CA 95125ĐT: (408) 254-4275
- Nguyễn Mai 1661 Waverly Ave.
San Jose, CA 95122ĐT: (408) 251-8470
- Đỗ Mạnh 12284 Via Roncole
Saratoga, CA 95070ĐT: (408)
- Nguyễn Mỹ 518 Hillbright Pl.
San Jose, CA 95123ĐT: (408) 365-1750
- Đặng Thu Nga 2863 Riedel
San Jose, CA 95135ĐT: (408) 238-6791
- Đặng Ngọc 23687 Jorgensen Ln.
Hayward, CA 94541ĐT: (510) 264-9369
- Trần Nghiêm 5973 Surf Ct.
San Jose, CA 95138ĐT: (408) 227-7840
- Trần Văn Ngô 1694 Tully Rd., #F
San Jose, CA 95112ĐT: (408) 223-1150
- Phan Quang Nghiệp 469 Ezie St.
San Jose, CA 95111ĐT: (408) 578-2938
- BS Trương Thế Phiệt 5967 Lifka Ln.
San Jose, CA 95119ĐT: (408) 226-3119
- Ngô Phong 1905 Bag Pipe Way
San Jose, CA 95121ĐT: (408)
- Nguyễn Thị Phong 340 Grey Ghost Ave.
San Jose, CA 95111ĐT: (408) 281-9361
- Nguyễn Phú 2342 William Dr., #4
Santa Clara, CA 95050ĐT: (408) 243-7679
- Lê Vĩnh Phúc 1555 Hill Top Ct.
Milpitas, CA 95035ĐT: (408) 942-9527
- Vĩnh Phúc 1194 Angmar St.
San Jose, CA 95111ĐT: (408) 269-7017
- Trần Thị Phúc 5919 Liklisk Ln., #104
San Jose, CA 95119ĐT: (408) 365-7729
- Dương Phụng 411 Lewis Rd., 372
San Jose, CA 95111ĐT: (408) 629-7428

- Nguyễn Quảng 1924 Edgeston Ct.
San Jose, CA 95122 DT: (408) 274-7992
- Lê Lam Sơn 540 Martil Way
Milpitas, CA 95035 DT: (408) 261-1757
- Nguyễn Tân 2382 Bowers Ave., #4
Santa Clara, CA 95051 DT: (408)
- Nguyễn Thạch 1053 Big Oak Ct.
San Jose, CA 95129 DT: (408)
- Nguyễn Thao 1875 S. Andrews Pl.
San Jose, CA 95132 DT: (408) 929-4381
- Đoàn Hữu Thạnh 2066 Sierra Rd.
San Jose, CA 95131 DT: (408) 272-1817
- Đỗ Chí Thoại 411 Lewis Rd., #262
San Jose, CA 95111 DT: (408) 972-9694
- Nguyễn Bá Thư 1048 S. 10th St., #
San Jose, CA 95111 DT: (408) 293-4091
- Ngô Thương 1112 Park Willow Ct.
Milpitas, CA 95035 DT: (408)
- Nguyễn Văn Thường 1832 Rock Spring Dr., #2
San Jose, CA 95111 DT: (408) 297-7514
- Trương Thụy 259 Meridian Ave., #18
San Jose, CA 95126 DT: (408)
- Trần Thị Tĩnh 1320 Foxdale Pl., #212
San Jose, CA 95122 DT: (408) 729-0233
- Đỗ Hữu Tín 4814 Plainfield Dr.
San Jose, CA 95111 DT: (408) 972-8080
- Bảo Tố 2579 Amaril Dr.
San Jose, CA 95132 DT: (408) 254-2710
- Nguyễn An Toàn 2231 Emerald Hill Dr.
San Jose, CA 95131 DT: (408) 259-6239
- Trương Toại DT: (408) 288-9894
- Võ Bá Trác 3626 Springbrook Ave.
San Jose, CA 95148 DT: (408) 223-8812
- Nguyễn Trai 1500 Virginia Pl. 3153
San Jose, CA 95116 DT: (408) 258-9151

- Lê Trân 753 Terra Bella Dr.
Milpitas, CA 95035 ĐT: (408) 946-2344
- Tạ Phương Trí 2051 Stanton Ave., #3
San Pablo, CA 94806 ĐT: (510) 215-9465
- Trần Trực 2866 Plumas Dr.
San Jose, CA 95121 ĐT: (408) 227-2818
- Bùi Trung 3171 Locke Dr.
San Jose, CA 95111 ĐT: (408)
- Bùi Tú 2976 Glen Crow Ct.
San Jose, Ca 95148 ĐT: (408) 270-4507
- Nguyễn Tùng ĐT: (408) 297-6190
- Phạm Ngọc Tuấn 478 Hassinger Rd.
San Jose, CA 95111 ĐT: (408) 629-8230
- Lý Ty 1986 Gardenbing Cir.
San Jose, CA 95131 ĐT: (408)
- Trần Vinh 3351 Rock Mountain Dr.
San Jose, Ca 95127 ĐT: (408)
- Dương Quang Vinh ĐT: (408) 929-3618
- Đinh Văn Xuân (Tony Đinh) 3111 McLaughlin Ave.
San Jose, CA 95121 ĐT: (408) 224-7100

(*) Nếu có sự thay đổi địa chỉ hay số điện thoại; hoặc quý đồng hương nào chưa có tên trong danh sách này, xin liên lạc với Hội Ái Hữu Bình Định Bắc Cali để được sửa đổi và bổ sung. Thành thật cảm tạ.



MỤC LỤC

Trang số	Tựa đề	Tác giả
5	Thư ngô	Nhóm Thực Hiện
7	Tình đồng hương (thơ)	Giác Lượng Tuệ Đàm Từ
8	Họa bài Tình đồng hương (thơ)	Thư Trang
9	Đất nước và con người Bình Định	Nguyễn Bá Thư
30	Ngày xuân và Lễ hội Cầu ngư	Đào Đức Chương
42	Nhơn lý quê tôi (thơ)	Thư Trang
44	Anh hùng Mai Xuân Thưởng	Mai Xuân Lực
49	Quê hương trong trí nhớ	Lê Chu
55	Tâm tư vào đời (thơ)	Việt Thao
56	Đêm giao thừa tha hương (thơ)	Nguyễn Hùng
65	Bình Định qua bao năm tháng	Nguyễn Công Lượng
82	Tại Điền Trang Lộc Xuân (thơ)	Lê Nguyên Phương
86	Ba anh hùng thời đại	Đặng Đức Bích
95	Qua đèo cảm tác (thơ)	Thư Trang
96	Xã thôn Bình Định có các nhà khoa bảng thời Hán học	Trương Toại
121	Mùa ly loạn (thơ)	Vũ Ngọc Uyển
123	Xin mời anh cầm bút lên đường (thơ)	Tứ Đức
125	Để lại cuộc tình	Biển Thước
141	Bông hồng cài áo (thơ)	Đặng Đức Bích
142	Văn tết (thơ)	Việt Thao
143	Bằng Châu	Huỳnh Thị Kim Oanh
154	Quê tôi	Ngô Đình Phùng
156	Tạ ơn năm đầu (thơ)	Việt Thao
159	Gò Lãng	Người Họ Bùi
163	Lễ hội Đống đa	Đào Đức Chương
170	Tam quan nhưng nhớ (thơ)	Trần Minh Triết
171	Nhớ về Tây Sơn	Quách Tứ
175	Việt Nam quê hương ta (thơ)	Lý Minh Đạo
178	Cõi viễn mơ	Cù Mộc Nguyễn Kim Ba
180	Tìm hiểu về luật biển	Đặng Vĩnh Mai
188	Suối tiên (thơ)	Nguyễn Bường
189	Bạn gà	Hoàng Thế Diệm
202	Sóng bãi Qui Nhơn (thơ)	Mang Đức Long
203	Bài dịch về vua Quang Trung đại phá Quân Thanh	Trác Như
224	Đặc triệu hồi kinh (Việt Thao phụng dịch)	Đào Tấn

- 231 Đâu xa trong cõi đời này (thơ) Nguyễn Mạnh An Dân
 233 Những đứa con vắng mặt Nguyễn Mạnh An Dân
 258 Những nẻo đường quê hương qua Nguyễn Thế Giác
 lăng kính của một quân nhân
 267 Nỗi nhớ (thơ) Hồng Ân
 268 Viễn khứ (thơ) Vũ Ngọc Uyển
 269 Truyền thống tập quán LS John P. Lê Phong
 thói quen và luật lệ
 282 Back to the Past Trương Gia Ban Ph. D
 285 Nhâm Dần Nguyên Đán thí bút Đào Tấn
 (Việt Thao phụng dịch)
 286 Fibromyalgia Syndrome Trương Gia Trinh, M.D.
 289 Nhớ về Bình Định (thơ) Hồng Ân
 290 Tức tửu BS Nguyễn Trác Hiếu
 297 Bình Định quê tôi (nhạc) Xuân Diễm
 299 Xóm chợ Qui Nhơn Phù Ly
 305 Một người khó quên (thơ) Thư Trang
 306 Qui Nhơn và Cường Để của tôi Lê Thị Bạch Liên
 317 Con hôn Ba Má Bích Ly
 318 Lễ hội đâm trâu Đào Đức Chương
 322 My Winter Poem - Sometimes Ariana Truong Uyehare
 323 Bản thông điệp mưa Tâm Triều
 334 Tâm sự đêm Thùy Dương (thơ) Thư Trang
 336 Hình ảnh sinh hoạt Nhóm Thực Hiện
 346 My Heritage Amada Truong Uyehara
 348 School days in Qui Nhon Bette Gau (Bell)
 351 Bánh xèo Bình Định Hồng Ân
 360 Hang rắn trong cây Phạm Tử Sơn
 366 Quảng đời (hò điệu Bài chòi) Bướm Trắng
 368 Nét buồn thời chiến Lê Hùng
 372 Tiếng vọng phương xa (thơ) Hồng Ân
 373 Hát bội Bình Định Võ Ngọc Uyển
 384 Việt Nam võ ta Phạm Tước
 387 Nổi lòng (Hò điệu Bài chòi) BN
 388 Tuổi đần ngẫu thành Đào Tấn
 (Việt Thao phụng dịch)



CÁO LỖI

Vì số trang có hạn, một số bài của quý Văn,
Thi Sĩ và Thân Hữu phải gác lại.
Chân thành cảm tạ và cáo lỗi cùng quý vị.

Nhóm thực hiện

ĐƯỜNG SÁNG

Printing & Publishing

712 N. 9th Street, San Jose, CA 95112 • Tel: (408) 279-3266 • Fax: (408) 279-3832

(Góc đường Taylor và đường số 9)

NHẬN CÁC DỊCH VỤ VỀ ẤN LOÁT:



- Các loại Thiệp: Thiệp Cuối, Thiệp Mời, Thiệp Cảm Tạ, Giấy Viết Thu, Bao Thu.
 - Các loại Biên Nhận, Hóa Đơn, Giấy Quảng Cáo, Thục Đơn, Danh Thiếp.
 - Đánh máy, trình bày: Kinh, Sách, Tạp Chí, Resume, ...
 - Gift Certificate, Post Card, Label, Rubber Stamp...
- ★ **Đặc biệt: Xếp Giấy Quảng Cáo và Đóng Xếp Kinh, Sách, Báo Chí, ...**

GIỜ MỞ CỬA:

Thứ Hai - Thứ Bảy: 8:00 AM - 6:00 PM

Chủ Nhật: 11:00 AM - 3:00 PM

Ngoài giờ làm việc xin vui lòng hẹn trước

Xin liên lạc:

408 - 279-3266

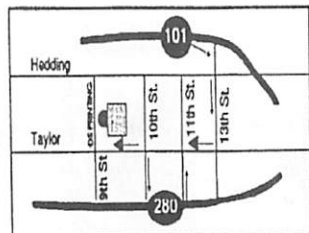
SPECIAL!!!

FLYERS

1,000 - 20.00

BUSINESS CARDS

1,000 - 17.00



CHỦ NHÂN KÍNH MỜI